NĂM THỨ MƯỜI CHÍN • # 217 • MAY 2007

THẾ KỶ 21

14775 MORAN STREET WESTMINSTER CA 92683 - USA
EMAIL: tapchitheky21@yahoo.com
Đ.T. TRỊ SỰ: (714) 892-9414 EXT. 141
TOÀ SOẠN: (714) 839-8746

HOANG NGOC BIEN - Trăng Lạnh

Vụ Thảm Sát Virginia Tech
NGUYỄN ANH TUẤN

Xóm Cầu Ngang
HÒA ĐA

Căn Nguyên Suy Thoái Của Nền Giáo Dục Việt Nam Hiện Tại
TRẦN GIA PHỤNG

THẾ GIỚI TRONG TẦM TAY

RADIOVNCR.COM with VIDEO

Quảng cáo trên RADIOVNCR.COM sẽ đưa những dịch vụ và sản phẩm của quý vị đi khắp thế giới nhanh chóng và hữu hiệu.

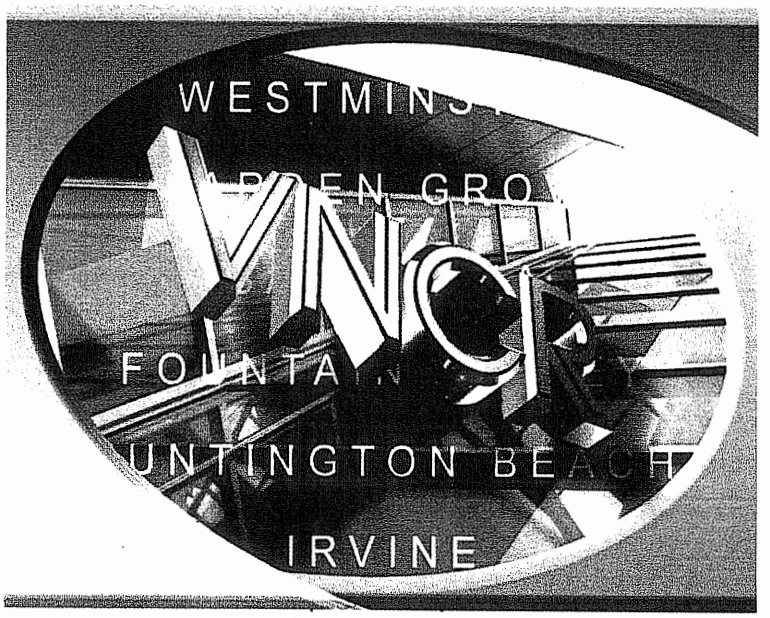

***RADIOVNCR.COM** đặc biệt thông tin qua VIDEO phóng sự và phỏng vấn hấp dẫn, linh động. Nội dung website phong phú, hình thức lôi cuốn, thu hút người xem trên khắp thế giới.*

ĐẸP MẮT! NHANH CHÓNG! HỮU HIỆU!

QUẢNG CÁO NGAY TRÊN

WWW.RADIOVNCR.COM

RADIOVNCR.COM chú trọng đến những dịch vụ về âm nhạc, giải trí, thương mại toàn cầu, thông báo cá nhân/gia đình liên quan đến quan, hôn, tang, tế.

Nhận làm và bảo trì websites cho các cơ sở thương mại.

Liên lạc VNCR (714) 891-8142 để biết thêm chi tiết.

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

THÁNG TƯ, 1975
ĐỖ TIẾN ĐỨC
Một cuốn truyện dài dựa theo hồi ký của một sĩ quan cấp tá của quân đội miền Nam kể về nhiều chuyện trong đời ông, trong đó có giai đoạn miền Nam sụp đổ và những hậu quả sau đó. Vì là tiểu thuyết, rất nhiều tình tiết dĩ nhiên là hư cấu, nhưng người đọc có thể nghĩ phần lớn đều dựa vào những sự thật trong những biến động lớn của đất nước. Do đó cũng phản ảnh một giai đoạn lịch sử, qua câu chuyện của một cá nhân. Giá 15 Mỹ kim.

GIAO THỪA
Tập truyện ngắn của **NGUYỄN NGỌC TƯ**
Nguyễn Ngọc Tư là một nhà văn nữ ở Cà Mau, mấy năm qua đã nổi tiếng vì truyện Cánh Đồng Bất Tận được dư luận rộng rãi đánh giá cao. Văn của chị mang dáng dấp "văn chương miệt vườn," mô tả con người và đời sống quê mùa của những vùng xa xôi thuộc đồng bằng sông Cửu Long, nhưng không hời hợt, trái lại có những nhận xét và mô tả rất sắc sảo. Giao Thừa là tên của một trong 17 truyện của cuốn sách này. Giá 8 Mỹ kim.

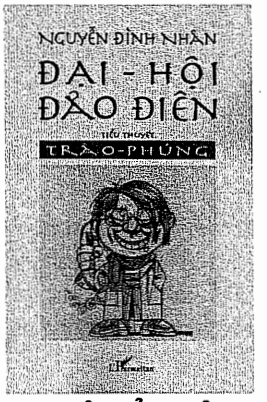

ĐẠI HỘI ĐẢO ĐIÊN
Tiểu thuyết trào phúng của
NGUYỄN ĐÌNH NHÂN
Tiểu thuyết trào phúng thường là kết quả của những chướng tai gai mắt trong xã hội một thời. Trong quyển sách này, các "hoạt động chính trị" của một số người Việt lưu vong tại Pháp được mô tả một cách hoạt kê, làm nổi lên những cái lố lăng của những kẻ hám danh, hám tiền đã tự phong nhau thành lập chính phủ, biến thành chính khách, thành nhà văn hóa... Dưới ngòi bút của tác giả họ đã biến thành những tên hề một thời. Giá 19 Mỹ kim.

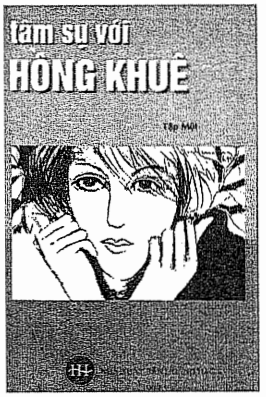

TÂM SỰ VỚI HỒNG KHUÊ
HỒNG KHUÊ
Hồng Khuê là một người chuyên "gỡ rối tơ lòng" trên một tờ báo, sau một thời gian đã gom góp các câu hỏi của độc giả và những câu trả lời của mình để in thành sách. Hồng Khuê có một lối "gỡ rối" rất trong sáng, gặp vấn đề nào cũng mổ xẻ cặn kẽ nhiều khía cạnh, văn phong lại trang nhã thân mật, nhờ đó có thể giúp người hỏi thấy được toàn bộ vấn đề của mình, hầu tìm một lối thoát trong tin cậy. Trọn bộ ba cuốn, mỗi cuốn giá 10 Mỹ kim.

CÒN CHỜ MỘT KIẾP SAU
Tập truyện của **PHƯƠNG LAN**
Sau truyện dài Tiếng Dương Cầm (2004) và Anh Mới Biết Yêu Lần Đầu (2005), đây là tác phẩm mới nhất của nhà văn nữ Phương Lan. Trong cuốn sách gồm 13 truyện ngắn này, tác giả đã hé mở một chân trời sáng tác riêng cho mình, đã thực sự thể hiện con đường văn nghiệp cả về mặt tư tưởng lẫn nghệ thuật. Truyện của bà làm người đọc say sưa bởi tình tiết cảm động, nhiều tình huống éo le với những hoạt cảnh hấp dẫn, bất ngờ. Giá 15 Mỹ kim.

PHI HỒ NGOẠI TRUYỆN
KIM DUNG
Nghe tên tác giả Kim Dung, phần lớn độc giả đã biết đây là loại sách gì, và mức độ hấp dẫn lôi cuốn của nó ra sao. Gần nửa thế kỷ trước, dân miền Nam Việt Nam đã say mê Kim Dung qua những tiểu thuyết võ hiệp được dịch đăng trên các nhật báo Sài Gòn. Quyển này có lẽ là một tác phẩm mới của một Kim Dung đã về già, vì cái tên sách Phi Hồ Ngoại Truyện không thấy trong các tác phẩm được xuất bản trước kia của ông. Trọn bộ hai cuốn giá 42 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí THẾ KỶ 21

14775 Moran Street, Westminster, CA 92683 - USA
Tel: (714) 892-9414 Ext. 141
Email: Theky21@tapchitheky21.com

PHIẾU ĐẶT MUA / GIA HẠN / TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận / Full name: _____

Địa chỉ / Address: _____

_____

Phone / Fax / E-mail: _____

Kèm theo chi, ngân phiếu số / Check, Money Order #: _____

Số tiền / Amount: _____

Thời hạn mua: Từ số _____ đến số _____

	1 năm / 1 year	2 năm / 2 years	Ghi chú / Notes
Hạng nhất / First Class	**US $76.00**	**US $145.00**	
Canada	**US $80.00**	**US $155.00**	
Châu Âu / Europe (Air Mail)	**US $109.00**	**US $210.00**	
Châu Á, Châu Úc / Asia, Australia (Air Mail)	**US $115.00**	**US $225.00**	

***Ghi chú:** Giá mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 4 năm 2006 (Effective April 1, 2006)*

THỀM ĐÁ XANH RÊU

Tiểu thuyết của THẢO TRƯỜNG

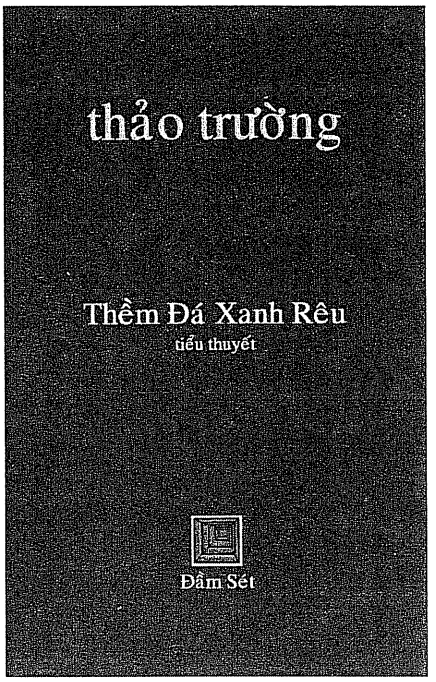

Thềm Đá Xanh Rêu được khởi viết từ 1972 tại Sài Gòn, Việt Nam, hoàn tất ngày 18 tháng 01 năm 2007, tại Huntington Beach, California, Hoa Kỳ.

Có người sẽ hỏi tại sao có sự gián đoạn 35 năm ấy?

Năm 1975 nhà văn Thảo Trường bị cộng sản giam giữ hơi lâu, nhưng ông đã sống sót và đã cố gắng làm cho bằng được những gì ông suy tư nghiền ngẫm trong chốn tù đày.

Bản thảo Thềm Đá Xanh Rêu cất giấu rồi chuyển ra nước ngoài nhưng đã bị thất lạc mất một vài chương nên đã phải viết lại. Tác phẩm này cũng có một số phận long đong, lận đận, nghiệt ngã và cũng sống sót cùng với lịch sử như tác giả của nó.

Phát hành:
- Đá Mềm
P.O. Box 12075 - Arlington, VA 22219
E-mail: hoabinhdang9@aol.com
- Quyên Book
E-mail: nqread@yahoo.com

NHÀ NHO LÀNG UY VIỄN NGUYỄN CÔNG TRỨ

VŨ KÝ

Nhà xuất bản Thằng Mõ
918 S. First Street
San Jose, CA 95110
Tel: (408) 297-0545
thangmo@sbcglobal.net

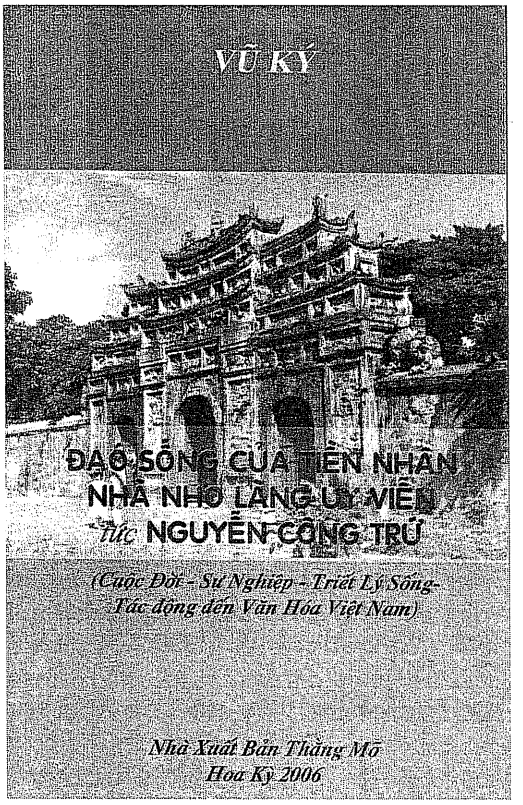

ĐẠI HỘI ĐẢO ĐIÊN

Tiểu thuyết trào phúng của
NGUYỄN ĐÌNH NHÂN

Liên lạc:
Nguyễn Đình Nhân
40 rue Henri Bourrelier
91370 Verrières le Buisson
France
Tel: (01) 69 81 75 81
E-mail: nhanparis@yahoo.fr

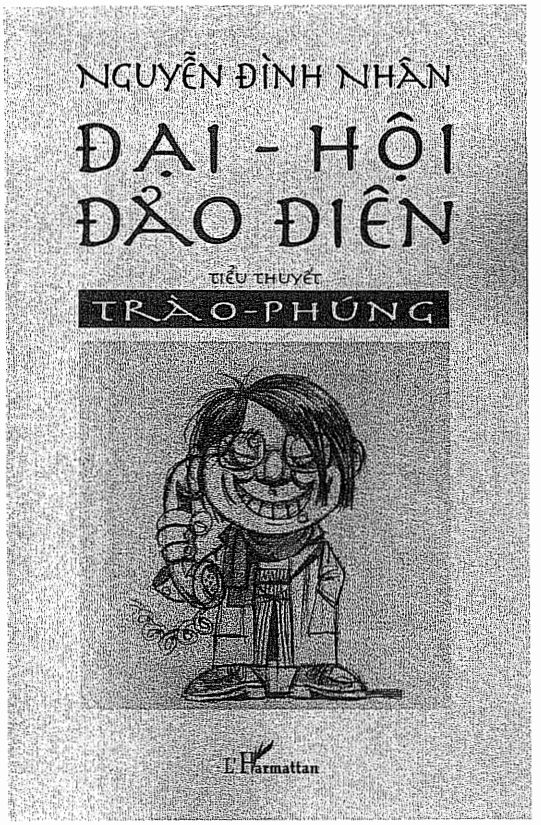

■ NGUYỄN ĐỨC TÙNG
VỚI DU TỬ LÊ,
ĐỜI SỐNG TRỞ NÊN THƠ MỘNG HƠN
tùy bút/phê bình 50 năm thơ du tử lê
15 mỹ kim

■ DU TỬ LÊ / HOÀNG SỸ
GIỜ ĐIỂM DANH CUỐI CÙNG,
CỦA NHỮNG CẬU HỌC TRÒ TRÊN 60 TUỔI
tùy bút/truyện ngắn
15 mỹ kim

■ DU TỬ LÊ
(NẾU CẦN,) HÃY CHO BÀI THƠ MỘT TÊN GỌI
tuyển tập thơ 2000-2007
12 mỹ kim

"Đây là cuốn sách của một người làm thơ viết về một nhà thơ. Người đọc có thể nhận ra trong giọng điệu tùy bút trang nhã tâm tình, chứa ngầm một dòng chảy phê bình, mới, hoàn toàn mới, sâu sắc mãnh liệt, ít khi tìm thấy trong nền văn học hiện nay".
(NXB Tự Lực Bookstore)

Ba tác phẩm nầy đều do nhà sách Tự Lực xuất bản và tổng phát hành.
Cần thêm chi tiết xin vào website:
www.tulucbookstore.com

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: Tòa Soạn: (714) 839-8746
Trị sự: (714) 892-9414 Ext. 141
E-mail: **tapchitheky21@yahoo.com**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ,
Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt
Phạm Phú Thiện Giao,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-2004)
Đỗ Việt Anh (2005-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Liên lạc với Ban Trị Sự
(714) 892-9414 Ext. 141
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 462-8235

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Bìa: *Trăng Lạnh*, tranh của họa sĩ **Hoàng Ngọc Biên**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Hí họa: **Babui**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Ảnh: **Bạch Yến**, tư liệu

MỤC LỤC

Số 217 – Tháng Năm 2007

CHÍNH TRỊ – THỜI SỰ
8. Người Nhật đi tìm hồn nước – **Ngô Nhân Dụng**
16. Phương thức tiếp cận, ngôn ngữ và sửa đổi văn hóa **- Tôn Thất Thiện**
22. Vụ thảm sát tại trường đại học Virginia Tech **- Nguyễn Anh Tuấn**
32. Quốc hội đối lập trả đũa chính trị - **Cổ Lũy**

VĂN HÓA – GIÁO DỤC
41. Căn nguyên suy thoái của nền giáo dục VN hiện tại **- Trần Gia Phụng**
48. Trở gió Nam, chào Fautus - **Nguyễn Hữu Liêm**
63. Từ cầu Mỹ Thuận (2000) tới cây cầu Cần Thơ (2008) **- Ngô Thế Vinh**
81. Thân phận và Tình yêu trong ca khúc Trịnh Công Sơn **- Vĩnh Để**
87. Truyện pháp luật: Đâu là sự thật? - **Nguyễn Văn Thành**

VĂN
76. Xóm Cầu Ngang – **Hòa Đa**
92. Tờ truyền đơn – **Nguyễn Tường Thiết**
99. Nốt chủ âm – **Yamada Eimi, Phạm Vũ Thịnh** chuyển ngữ
105. Ca đoàn vui vẻ – **Trần Mộng Tú**
108. Gặp lại Paris – *Sơn Diệm* **Vũ Ngọc Ánh**
114. Chân dung của thằng bạn học – **Đạm Thạch**

THƠ
78. Tháng Chín, bắt đầu – **Cổ Ngư**. 84. Trường xưa – **Lê Thị Kim**. 91. Chữ nghĩa và tôi – **Trần Vấn Lệ**. 96. Cổ phong – **Lý Thừa Nghiệp**. 102. Mỏi xanh – **Phùng Cung**. 106. Những bài thơ tháng Tư của **Trần Mộng Tú**.

MỤC THƯỜNG LỆ
6. Bạn đọc viết
7. Hộp thư trị sự
50. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
56. Trang Chuyện Phiếm – **Song Thao**

Virginia Tech

Ba mươi mấy mạng người trẻ tuổi đã chết lãng xẹt trong một khoảnh khắc buổi sáng. Vì những phát đạn của một kẻ điên rồ. Thời đại súng ống, bạo động, thần kinh căng thẳng... mỗi thứ một ít đã tạo các thảm kịch tương tự trong mấy năm nay tại học đường Hoa Kỳ. Tại những vùng đất khác trên thế giới thuộc đạo Hồi thì cứ liên tục nổ bom tự sát, và thây người cứ tiếp tục ngã. Người ta đã lấy chuyện giết chóc kẻ khác như một phương tiện để "phát biểu" một cái gì đó của riêng mình. Một nỗi thù hận cá nhân, một nỗi buồn chán riêng tư, một lập trường chính trị, một niềm tin mù quáng... đều có thể là nguyên nhân cho sự chết chóc của bao kẻ vô tội. Từ bao giờ nảy sinh ra lối "giải quyết" này?

Phim ảnh và truyền thông đã đóng vai trò tích cực trong các hành vi bạo động này, tại Hoa Kỳ và nhiều nơi khác. Thời buổi bây giờ tuổi thanh thiếu niên dễ nhiễm ảnh hưởng của truyền thông một cách kỳ lạ. Cách đây mấy tháng một đoạn phim quay cảnh treo cổ Sadam Houssein được truyền đi trên Internet, mấy hôm sau đã có ngay mấy cậu thiếu niên bắt chước... tự treo cổ mình, có cậu được cứu kịp, có cậu chết luôn. Bản năng sống là sức mạnh lớn nhất trong một con người, thế mà tỉnh bơ đem mạng mình ra để... bắt chước một cảnh xem được trên Website, thì thật không thể hiểu được. Mạng mình còn không tiếc, nói gì đến mạng người khác?

Trước tình trạng như thế, các cơ quan truyền thông có ý thức đều rất cẩn thận trong việc loan tin, đặc biệt là hình ảnh khêu gợi sự bắt chước của tuổi trẻ. Việc này rất quan trọng, vì những kẻ có lương tâm nghề nghiệp đều biết sự nguy hại của việc thông tin bất cẩn.

Trần Mai Loan, *Dallas*

Thông báo thay đổi địa chỉ E-mail

Bắt đầu từ số báo này, địa chỉ E-mail của tạp chí Thế Kỷ 21 sẽ được đổi lại như sau:

tapchitheky21@yahoo.com

Chúng tôi thành thật xin lỗi quý độc giả, văn hữu, thân hữu về việc trong thời gian vừa qua, vì trục trặc kỹ thuật, địa chỉ E-mail cũ của Thế Kỷ 21 đã có lúc không sử dụng được.

Lợi ích của một quyển Từ Điển

Từ điển là để tra để hiểu chữ nghĩa, ích lợi của nó thì ai cũng biết rồi, cần gì phải nói nữa? Thì tôi cũng biết như thế, nhưng tôi đang "khoái quá" vì một quyển tự điển đặc biệt mà chỉ người Việt Nam – tôi nhắc lại, chỉ người Việt Nam – mới thấy hết sự cần thiết của nó: đó là quyển TỪ ĐIỂN NHÂN DANH, ĐỊA DANH & TÁC PHẨM VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TRUNG QUỐC của Bác sĩ Hoàng Xuân Chỉnh. Quyển Từ điển này có khả năng biến một cái gì hoàn toàn xa lạ với mình thành một điều rất quen thuộc, rất gần gũi. Không phải là thần tình sao? Khi đọc câu tiếng Anh sau đây: *According to Lu Xun, to restore order to a period of a political upheaval, Cao Cao introduced very strict laws* thì tôi không có một ý niệm gì trong đầu câu đó nói về ai, ở đâu, trong thời đại nào, nhưng khi tôi biết được Lu Xun là Lỗ Tấn, Cao Cao là Tào Tháo thì mọi việc bỗng rõ như ban ngày, tôi hiểu hết ý nghĩa và bối cảnh lịch sử của câu ấy. Nhưng làm sao tôi biết được Lu Xun là Lỗ Tấn và Cao Cao là Tào Tháo? Chỉ cần tra quyển Từ điển nói trên. Chỉ cần hai chữ đó thôi là lập tức tôi hiểu hết vấn đề! Như thế có là kỳ diệu không?

Tôi vừa đi một *tour* bên Tàu về, và chính nhờ quyển Từ điển này mà chuyến du lịch của tôi thích thú gấp bội. Trước khi đi hãng du lịch phát cho tôi một số tài liệu về những nơi sẽ thăm, viết bằng tiếng Tàu và tiếng Anh. Chữ Tàu thì tôi không biết, phải đọc chữ Anh với những địa danh viết theo lối phiên âm: hôm nay đi thăm Zi Jin Cheng, rồi mai đi Chang Cheng; mấy ngày sau thì lại đến một nơi gọi là Wu Xi, rồi đến Qian Tang; mấy ngày sau nữa thì thăm Huang He Lou. Toàn những âm xa lạ. Bèn tra Từ điển, thì từ lạ thành quen ngay lập tức: theo thứ tự từ trên xuống thì tôi có những chữ Tử Cấm Thành, Trường Thành, rồi Võ Tích, Tiền Đường và Hoàng Hạc Lâu, và biết ngay mình sẽ được thăm hoàng thành ở Bắc Kinh, rồi lên Vạn Lý Trường Thành nổi tiếng, Võ Tích thì quá quen vì nàng Kiều từng trôi giạt qua đó, sông Tiền Đường thì chính là nơi đã chuyển đổi số phận của Kiều từ bi thảm qua thảnh thơi, còn Hoàng Hạc Lâu thì bao nhiêu năm được đọc bản dịch bài thơ của Thôi Hiệu, nay được đến thăm thì còn gì bằng... Nếu không nhờ quyển Từ điển này thì làm sao tôi đã có thể đi thăm nước Tàu với tất cả tâm tình và hiểu biết của một người Việt Nam đối với nền văn hóa xứ này – nền văn hóa đã ảnh hưởng sâu xa đến xứ ta hàng ngàn năm?

Trung Chính, *San Francisco*

Nhân có bức thư của bạn đọc Trung Chính, chúng tôi xin ghi ở đây số điện thoại và địa chỉ

của Bác sĩ Hoàng Xuân Chỉnh (như đã được in trong quyển Từ điển nói trên) để tiện cho bạn đọc nào muốn biết thêm về cuốn Từ điển:

Chinh X. Hoang
12307 West Bellfort Avenue
Stafford, TX 77477-1312
USA
E-mail:
hoangxchinh@yahoo.com
Điện thoại: (281) 879-1620

Một bức tranh

Hình bìa của Thế Kỷ 21 thường là một bức tranh, sáng tác của một họa sĩ nào đấy. Chắc vì lý do này mà khi nhận được báo tháng Tư 2007 thoạt đầu tôi hơi ngỡ ngàng khi thấy một bức ảnh chụp. Nhìn kỹ thì thấy bức ảnh này cũng giống như một bức tranh. Thứ nhất là tuy chụp trong nhà nhưng màu sắc rất nhiều và gay gắt. Hai người đàn ông ngồi mặc màu trắng nổi bật trên nền nhà màu xanh lục đậm và sau lưng họ các tàu lá chuối cũng xanh lục. Góc phải phía dưới lại có một mảng đỏ cũng rất gắt của chiếc chiếu. Nhìn chung thấy cũng hay, một hình ảnh Việt Nam không lẫn được: mấy tàu lá chuối ngoài cửa sổ, mảnh chiếu với hoa văn màu đỏ, cái điếu bát, và đặc biệt ở góc trên bên phải có treo tòn teng một cái túi đan bằng sợi cói, miền Nam thường gọi là cái bị lát. Có lẽ đây chỉ là một tấm ảnh kỷ niệm thông thường thôi, không có gì đặc sắc về mặt nghệ thuật, nhưng ghi lại một khoảnh khắc nay vĩnh viễn không còn nữa là sự hiện diện của Nguyễn Hữu Đang bên cạnh Phùng Quán, trong một khung cảnh nghèo nàn đơn giản nhưng nên thơ là cái Chòi Ngó Sóng.

Hoàng Hữu Luật, *Virginia*

Ba phe dụm lại...

Trong số báo 216 vừa rồi, nhờ bài viết của tác giả Đặng Nhật Minh mà chúng ta biết được một sự bí ẩn về những thước phim quay ngày lễ tuyên ngôn độc lập 2-9-1945. Câu chuyện thật là ly kỳ, không được đọc bài báo thì chẳng bao giờ mình biết được. Nhưng cho đến nay, sự bí ẩn vẫn bao trùm mấy cuộn phim ấy, và tôi lấy làm lạ là đã hơn 30 năm mà phía Việt Nam vẫn không làm gì để biết được tác giả quay phim đó là ai, và ai là người trao tài liệu. Câu chuyện tuy nhỏ nhưng ý nghĩa thật là lớn: nhờ đó mà phía Việt Nam có được một tài liệu lịch sử cực kỳ quý hiếm, và trong đó lại trộn lẫn nhiều yếu tố làm nên cái phức tạp của lịch sử Việt Nam cho đến bây giờ. Yếu tố cộng sản thì ông Hồ và chính phủ của ông lúc bấy giờ là đại diện, yếu tố phe quốc gia thì có ông Hương Ký, là người "theo Quốc Dân Đảng chống lại Việt Minh," và yếu tố thứ ba là người Mỹ trong phái bộ Patty, có mặt trong buổi lễ như một sự tiền định để còn dính líu tới Việt Nam dài dài cho đến ngày hôm nay. Càng ly kỳ hơn nữa là ngày nay cả ba yếu tố ấy vẫn còn hiện diện một cách sinh động: đảng cộng sản thì đã toàn thắng đang cai trị Việt Nam, phe quốc gia thì mặc nhiên là linh hồn của các cộng đồng ba triệu người Việt tị nạn nước ngoài, còn phe Mỹ thì cũng là phe toàn thắng sau mấy mươi năm "đánh nhau" với cộng sản trong cuộc chiến tranh lạnh. Tôi thấy câu chuyện của mấy thước phim này thật quá hay, nó có thể tượng trưng cho một giai đoạn cực kỳ phức tạp của lịch sử Việt Nam mà đến nay còn tiếp diễn.

Bá Nha – *Internet*

Một trăm năm sau

Về mặt hình ảnh tài liệu, số báo đặc biệt về Nguyễn Hữu Đang và Nhân Văn Giai Phẩm vừa rồi thật là xuất sắc. Có thể nói Thế Kỷ 21 là tờ báo duy nhất ở hải ngoại lo về mặt này rất chu đáo, 20, 50, 100 năm sau người ta sẽ thấy những số báo như thế này thật là vô giá. Dĩ nhiên thời đại ngày nay, với internet, hình ảnh tài liệu không thiếu, nhưng giữa cái rừng mênh mông ấy có người tìm ra những cái cần thiết cho vào một chủ đề đặc biệt thì đó là một cái công lớn. Xin cám ơn Thế Kỷ 21.

Quế Hương - *Paris*

Độc Giả Mới

Mme Lam Tan Minh Hoang Lien – France; Trần Kim Khôi – NC; Hoang Ngoc Thuy – Germany.

Độc Giả Gia Hạn

Nguyen Thanh Trang – CA; Nguyen Thi Thu / Le Tien Dat – CA; Nguyet Nguyen – FL; Tieu N Hoang – CA; Phạm Nguyên Hanh – CA; Tham T Le – CA; Ly Nguyen – CA; Le Dinh Khoi – CA; Nguyen Thi Loan – Germany; Dang Hieu Kinh – VA; Dan Dinh Can – CA; Võ Đình Tấn – CA; Trần Văn Phê – MN; Son Viet Nguyen – CA; Lê Hữu Phụng – TX; Tuan Anh Nguyen – NJ; Long Huynh – MA; Nguyen Ngoc Hoang – Greece; Truong Ngoc Tich, MD – TX; Phạm Văn Thông – LA; Glenroy Public Library – Australia; Nguyễn Kim Xuyến – IL; Mai Hong Huynh – FL; Phan Van Binh – Japan; Dung Xuan Nguyen, MD – WA; Huu Nam Nguyen, MD – Canada; Nguyễn Đình Khanh – KS; Hà Quốc Bảo – WA; Đông Mỹ Đặng – Canada; Hồ Tấn Một – WA; Lê Hường – CA; Phu H Lê – OH; Nguyễn Ngọc Kim – PA; Nguyen Quang Binh – CA; Nguyễn Đức Tường – Canada; Hai Duong – Canada; Lê Phúc Chương – FL; Hai Chu – VA; Phạm Trọng Nhân – France; Võ Việt Hùng – CA.

Độc giả thay đổi địa chỉ:

Nguyet Nguyen – FL; Trần Văn Phê – MN; Đỗ Văn Nhân – IL.

Người Nhật đi tìm hồn nước

NGÔ NHÂN DỤNG

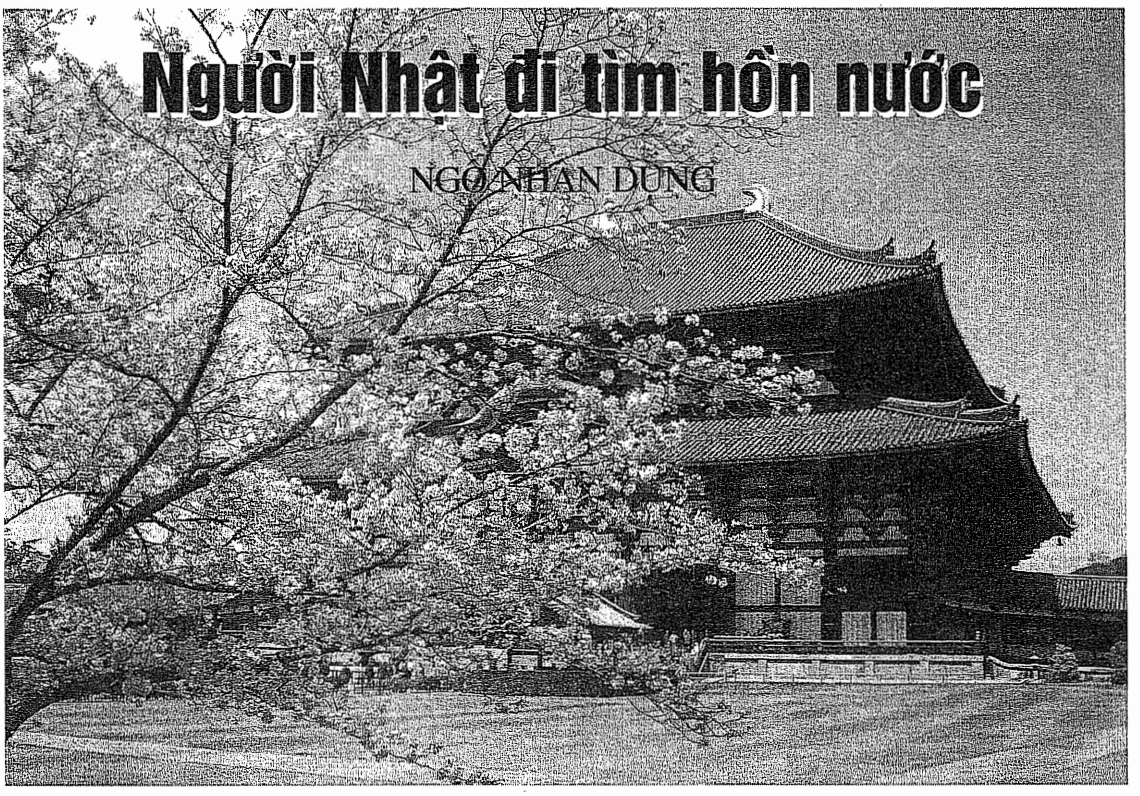

Lần đầu Phan Bội Châu đến Nhật Bản, năm 1905, cụ chỉ nói sơ đến trận chiến thắng của quân Nhật đối với quân Nga. Một ông tướng Nhật hỏi cụ: Ông có biết vì sao chúng tôi thắng quân Nga không? Vì nhờ củ dưa cải muối. Quân Nga mà thiếu tiếp tế thịt, bơ, là họ đánh không được. Quân Nhật chỉ ăn cơm với củ cải, đánh ngày này sang ngày khác. Chúng tôi thắng là nhờ củ cải.

Cụ Phan không ca ngợi chiến thắng của quân Nhật, nhưng bầy tỏ lòng khâm phục hết lời khi nói đến mấy người thường dân Nhật Bản gây cho cụ những ấn tượng lớn lao. Một là chuyện cụ xuống ga xe lửa, lúc đó chưa tới 40 tuổi nhưng không biết tiếng Nhật, không có ai đón, lúng túng không biết tìm hành lý ở đâu. Một viên cảnh sát Nhật Bản đã tới lễ phép báo tin ông ta được một người Hoa quen biết với cụ gửi gấm, để săn sóc cho người khách ngoại quốc. Viên cảnh sát đã tìm được hành lý của cụ, đã giữ chỗ trong hàng ăn và yêu cầu người ta đem hành lý của cụ tới tiệm ăn. Thật chu đáo không khác gì đi du lịch theo đoàn AV Travel! Phan Bội Châu rất cảm kích trước tính sốt sắng giúp đỡ người khác của cảnh sát Nhật Bản. Và không khỏi hổ thẹn cho người Việt Nam!

Một lần khác, Phan Bội Châu và Tăng Bạt Hổ đến Yokohama. Ở sân ga, cụ gọi được chiếc xe mà người phu xe biết chữ Hán để viết mà trò chuyện, nhờ anh ta kéo đi để tìm một du học sinh người Vân Nam đang học tại đó. Nhưng khi tới trường thì biết người du sinh kia đã tốt nghiệp từ lâu, đi ở chỗ khác rồi. Người phu xe đề nghị hai cụ đứng tại chỗ đó, anh ta đi tìm giúp. Vài giờ sau, anh trở lại, đã tìm thấy địa chỉ mới của người học sinh. Anh đưa hai cụ tới tận nơi. Cụ tưởng sẽ phải trả rất nhiều tiền nhưng anh phu xe nhất định chỉ nhận đúng số tiền bằng giá một chuyến xe đi từ nhà ga đến địa chỉ đã tìm thấy. Anh nói rằng các ông từ nước khác đến đây chắc có lòng quý mến nước tôi, chúng tôi đâu dám phụ lòng các ông. Một lần nữa, Phan Bội Châu lại thấy hổ thẹn vì dân trí nước mình không sao bằng được như thế.

Một thế kỷ sau, năm nay chúng tôi mới đi thăm Nhật Bản một lần nữa. Ai cũng khâm phục tinh thần kỷ luật, óc phục vụ, khả năng làm việc, và sức sống của nền văn hóa Nhật. Nhưng phong cách sống của họ có còn như 100 năm trước hay không? Lần trước đi thăm nước Nhật, trước đây 37 năm tôi may mắn được gặp nhà văn Yasunari Kawabata nhiều lần trong một hội nghị quốc tế về văn chương. Ông mới lãnh giải Nobel trước đó chưa đầy hai năm, ông là nhà văn Á châu thứ nhì được giải này (sau Tagore, năm 1913) cho nên ông đi tới đâu cũng được

các nhà văn trẻ tới chụp hình chung và xin chữ ký. (Tôi đã bỏ đâu mất những kỷ vật đó từ lâu). Thăm hội chợ Osaka, và gặp một nhà văn lớn có lối viết mang đậm truyền thống dân tộc của Nhật, du khách có cảm tưởng Nhật Bản đã dung hòa được những tiến bộ kinh tế hiện đại với nền văn hóa cổ truyền của họ, tạo nên một xã hội hài hòa, đáng ngưỡng mộ.

Nhưng năm nay trước khi trở lại Nhật Bản, tôi đã nhận được những tin tức cho thấy trong thực tế dân tộc này vẫn đang thao thức, đang băn khoăn về vận mạng văn hoá của chính họ. Họ không có vẻ gì thỏa mãn về những thành tựu đã đạt được, mà còn đặt những câu hỏi căn bản về sự thành công trong kinh tế.

Chống Thuần lý và Duy lợi?

Năm ngoái, cuốn sách bán chạy hàng thứ nhì ở nước Nhật (chỉ thua bản dịch cuốn truyện mới về Harry Potter) là một tiểu luận mang tựa đề Phẩm Cách của Quốc Gia (Kokka no Kinkaku) của Mashahiko Fujiwara, bản tiếng Anh dịch là The Dignity of a State. Trong vòng một năm người Nhật mua hai triệu cuốn sách này. Có thể nói tác giả đã "lên án" tình trạng dân Nhật chạy theo văn minh Tây phương, nhất là văn minh Mỹ, kể từ sau khi bại trận. Mashahiko Fujiwara (tên đọc ngược lại, theo lối Hán Việt là Đằng Nguyên Chính Ngạn) kêu gọi người Nhật hãy trở lại với truyền thống cũ để khỏi "mất linh hồn." Ông tìm thấy truyền thống luân lý đó trong Võ Sĩ Đạo. Lập tức, ông gây ra một cuộc tranh luận lớn, nhiều người ủng hộ, cũng nhiều người chống đối. Mashahiko Fujiwara là một giáo sư toán học (chuyên nghiên cứu những Phương trình do Diophantus, thế kỷ thứ ba đặt ra, là những hệ thống phương trình mà đáp số phải là số nguyên). Ông đã dậy ba năm ở Đại học Colorado ở Mỹ và một năm ở Đại học Cambridge. Nhưng ông nổi tiếng ở Nhật nhờ những tiểu luận bàn các vấn đề văn hóa, giáo dục và xã hội. Là một giáo sư toán, nhưng Mashahiko Fujiwara chống lại quan niệm sống dựa trên lý trí thuần túy của văn minh Tây phương, mà một hệ quả là tinh thần duy lợi. Ông cho là theo truyền thống của họ thì tổ tiên người Nhật Bản không sống như vậy. Họ sống bằng tình tự, không trọng lý trí. Họ trọng nghĩa, khinh lợi. Võ Sĩ Đạo là hệ thống đạo đức đề cao tinh thần vị nghĩa, giúp đỡ những người yếu kém, nuôi dưỡng đức thành tín, tính dũng cảm, tinh tấn, nhẫn nại, từ ái, đã phát triển từ thế kỷ thứ 12 ở Nhật Bản. Trong 260 năm Thời đại Edo, nước Nhật hòa bình, các samurai không được trọng dụng nữa, nhưng các quy tắc đạo lý của họ đã trở thành nền tảng luân lý của quốc gia. Minh Trị duy tân từ năm 1868 chấm dứt thời đại Edo nhưng cũng xóa bỏ luôn cả giai cấp võ sĩ. Nước Nhật đã xóa bỏ một hệ thống xã hội cổ truyền, vì quyết tâm Âu hóa. Theo Fujiwara, quyết định đó còn để lại một vết thương trong xã hội Nhật Bản, cho đến bây giờ.

Bây giờ, người Nhật sống ra sao? Trong một nửa thế kỷ qua, Fujiwara thấy đồng bào của ông chú trọng đến việc làm giầu nhiều quá, ảnh hưởng của kinh tế thị trường theo lối Mỹ. Họ cũng nhập cảng một hệ thống chính trị dân chủ, tự do theo lối Tây phương, mà ông cho là có nhiều khiếm khuyết. Nước Nhật đã thành công trong thị trường thế giới, nhưng dưới ảnh hưởng văn hóa Mỹ họ đã bị ám ảnh quá nhiều về sự thịnh vượng vật chất. Cuộc suy thoái kinh tế từ đầu thập niên 1990 và cảnh trì trệ kéo dài hơn một thập kỷ đã khiến người Nhật cũng mất tự tin, mặc dù họ vẫn là cường quốc kinh tế thứ nhì trên thế giới. Cho nên bây giờ là lúc họ đặt lại những câu hỏi căn bản, như tự hỏi dân tộc họ phải sống như thế nào mới đúng.

Đâu là phẩm cách của dân tộc?

Tinh thần Võ Sĩ Đạo có chịu trách nhiệm về chế độ quân phiệt Nhật, gây nên những cuộc xâm lăng các nước Á Đông hay không? Theo Fujiwara, năm nay 62 tuổi, thì chế độ quân phiệt trong thập niên 1930 đã nẩy mầm chính vì giới lãnh đạo Nhật Bản bỏ mất tinh thần Võ Sĩ Đạo, vì người samurai có bổn phận giúp những người yếu thế (chúng ta có thể nhớ tới cuốn phim Bẩy Hiệp Sĩ của Akira Kurozawa). Ông nghĩ về cuộc Thế chiến Thứ hai, "Chúng tôi đã trở thành những con người kiêu ngạo, muốn nước Nhật làm bá chủ Á châu. Chúng tôi đã đánh mất lương tri." Ông thú nhận rằng nhiều hành động của quân Nhật tại Hàn quốc và Trung Quốc làm cho nước Nhật bị nhục nhã, vì các hành động đó không theo đúng tinh thần Võ Sĩ Đạo.

Fujiwara không chấp nhận hệ thống kinh tế thị trường cạnh tranh ráo riết, hoàn toàn chỉ nghĩ tới lợi, không có chỗ đứng cho những giá trị dựa trên tình cảm con người. Cạnh tranh tự do tuyệt đối tức là tôn trọng công bằng, lý luận thì như thế là đúng. Nhưng nó cũng có nghĩa là bất kể đến những kẻ yếu thế, sẵn sàng đè nén những người kém khả năng. Cạnh tranh thắng

thấn thì vẫn đúng luật pháp, nhưng người có phẩm cách không làm như vậy.

Fujiwara tự hỏi: Tại sao người Nhật bây giờ nghĩ đến lợi nhiều quá như vậy? Trong truyền thống, dân Nhật Bản vốn trọng nghĩa, khinh tài, coi thường tiền bạc, một thái độ mà Fujiwara ví với thái độ của giới quý tộc Anh quốc (gentlemen), chứ họ không duy lợi như ngày nay. Nhiều người Nhật lấy làm hãnh diện là nước họ đã thắng nước Mỹ nhiều lần trong cuộc chơi cạnh tranh kinh tế, nhưng Fujiwara cho là chính người Nhật phải tự nhìn lại xem mình có còn là dân tộc Nhật Bản nữa hay không? Ông kết luận: Phải trở lại với tinh thần Võ Sĩ Đạo để phục hồi phẩm cách của nước Nhật. Truyền thống đó đã bị kinh tế tư bản hủy hoại trong nửa thế kỷ qua.

Trên đây chúng tôi đã tóm tắt mấy ý tưởng chính của Mashahiko Fujiwara, qua những bài bình luận về cuốn sách của ông và qua những người đã phỏng vấn ông. Ông đã đánh thức con cháu Thái Dương Thần Nữ, bắt họ phải tự soi gương nhìn lại diện mạo của mình. Nhưng tất nhiên có nhiều người cho là ông quá khích, nặng lòng hoài cổ nên thiếu thực tế.

Một người đã viết trên Nhật báo Asahi là nhà kinh tế học Hiroyoki Sasaki, ông coi cuốn Phẩm Cách Quốc Gia là sai lầm và nguy hiểm. Sasaki lấy làm ngạc nhiên tại sao nhiều người Nhật lại thích một cuốn sách chê bai chế độ chính trị và lối sống hiện nay. Ông tự hỏi "Có lý do gì để người Nhật thấy những giá trị như tự do, bình đẳng và dân chủ là sai lầm hay không?" Trong khi đó, ông Sasaki vạch ra là chính các người lãnh đạo quốc gia thời trước thế chiến đã dùng tinh thần Võ Sĩ Đạo để đề cao tổ quốc, chủng tộc, rồi đưa cả nước vào một cuộc chiến tranh vô ích! Sasaki lo ngại rằng phe bảo thủ ở Nhật, họ vẫn muốn khôi phục tinh thần quân phiệt đề cao chủng tộc, sẽ lợi dụng cuốn sách của Fujiwara. Đúng vào lúc này đang có phong trào đòi thay đổi hiến pháp hòa bình của nước Nhật, thay đổi hệ thống giáo dục để dậy thanh thiếu niên tinh thần ái quốc. Lực lượng Phòng Vệ của Nhật Bản nay đã chính thức đổi thành một Bộ Quốc phòng. Cho nên phải coi chừng khi vô tình phục hồi tinh thần quân phiệt.

Dù không đồng ý với Mashahiko Fujiwara, chúng ta vẫn phải cảm phục đức can đảm của những người như ông. Ông Fujiwara có thể thiên lệch, có thể sai lầm, nhưng những ý kiến của ông kích thích đồng bào ông đặt lại những vấn đề căn bản.

Khi một dân tộc dám tự nhận mình thất bại trong việc mất hồn tính, thì dân tộc đó cũng rất đáng kính trọng. Cũng như ở bên Mỹ mươi năm trước đây, Giáo sư Robert Putnam đã công khai hỏi rằng có phải nước Mỹ đã bỏ mất "tinh thần cộng đồng" từ thời lập quốc mà Alexis Tocqueville đã ca ngợi hay không. Những ý kiến của Putnam đã được cả nước Mỹ thảo luận, có ảnh hưởng tới hai nhiệm kỳ tổng thống.

Bất cứ dân tộc nào, lâu lâu cũng phải đặt những câu hỏi cơ bản như vậy. Nếu không thì không thể tiến được.

Người Nhật rất nhậy cảm khi thấy danh dự bị xúc phạm. Một quản đốc xí nghiệp làm sai cũng ra trước công chúng công khai nhận lỗi và xin các đồng sự tha thứ. Họ muốn làm những người trọng danh dự, có phẩm cách. Gần đây báo chí Nhật tiết lộ mấy vụ gian lận trong việc tái thiết và cứu trợ nạn nhân động đất khiến người ta lo ngại nền luân lý cổ truyền đã bị quên lãng. Có lẽ đó là một lý do có những người muốn phục hồi nền đạo lý võ sĩ đạo, để phục hồi hồn nước.

Giữ gìn hồn tính dân tộc

Ông Shinzo Abe, thủ tướng Nhật hiện nay, đang đưa ra khẩu hiệu "Xứ Nhật Bản tuyệt đẹp" để cổ võ tinh thần, khích lệ toàn dân. Nhưng một dân tộc không thể chỉ sống bằng những khẩu hiệu. Khẩu hiệu nào cứ nói mãi cũng sẽ trở thành trống rỗng. Ngày nay du khách đến nước Nhật vẫn phải khâm phục tinh thần kỷ luật, trật tự và sạch sẽ của hầu hết mọi người dân. Không phải vì chính quyền ra lệnh như ở Trung Quốc, không phải vì sợ bị phạt nặng như ở Singapore, người dân Nhật Bản coi tinh thần công dân, lòng tôn trọng công ích là lối sống tự nhiên. Họ không giúp đỡ người nước ngoài như thời Phan Bội Châu đến Nhật, vì trong thế giới bây giờ nước nào cũng đầy người ngoại quốc. Nhưng chúng ta vẫn có thể tin ở tính thành thật, trọng lời hứa, trọng danh dự của người Nhật Bản.

Tuy vậy, có những người rất âu lo, như ông Naohiro Kurihara, mấy đời bán đồ cổ ở giữa khu Omotesando trong thành phố Tokyo. Ông Kurihara lo người Nhật đang đánh mất văn hoá. Ông viết trên Herald Tribune, một tờ báo ở Âu châu, tựa đề là lời than rằng "Người Nhật không biết nước Nhật Bản." Ông viết bốn kỳ trong vòng ba tháng, từ cuối năm ngoái. Ông cho biết cửa hàng của ông ở khu Harajaku-Omotesando, Tokyo, là dấu vết duy nhất của những sản phẩm Nhật Bản trong một khu phố toàn những thời

trang nhập cảng, với những bảng hiệu viết bằng mẫu tự La tinh. Ông than rằng những thành phố du lịch như Kyoto, Nara thu hút du khách nhưng đó chỉ là những "màn dựng cảnh" cho có vẻ Nhật Bản cổ truyền mà thôi – ông ví các thắng cảnh ở cố đô này với những khu dành riêng cho người da đỏ ở Mỹ! Nói vậy thì cũng quá đáng thật! Ông than ngày nay chưa tới 30% dân Nhật đi coi tuồng Noh cổ truyền (Ở Việt Nam có bao nhiêu người đi xem hát chèo hay cải lương?)

Kurihara nhắc đến nước Nhật xuất cảng bao nhiêu thứ hàng hóa ra thế giới, nhưng ông nghĩ người Nhật Bản cần phải cống hiến cho các nước khác những thứ gì là tốt đẹp nhất của họ, tốt hơn hàng hoá. Đó là "Tinh thần Nhật Bản," mà ông nêu một thí dụ: Đức chính trực. Ông nói chính ở trong nước Nhật Bản, người ta cũng phải truyền lẫn cho nhau để bảo vệ đức tính đó. Naohiro Kurihara tự hỏi khi ông thủ tướng đề cao "Xứ Nhật Bản tuyệt đẹp" thì ông quan niệm thế nào là một Xứ sở? Đó không phải là một lãnh thổ, một tổ chức, ông nói. Một xứ sở tạo thành là do tình tự của mỗi con người đối với lịch sử, đối với nền văn hóa chung trong nguồn gốc của họ. Thế nào là "Tinh thần Nhật Bản," mà người Nhật cần phải bảo vệ? Ông cũng lo ngại, như Mashahiko Fujiwara, là trong cục diện kinh tế toàn cầu hóa, thứ Tinh thần đó sẽ bị mất. Vì người ta sẽ bỏ mất đức Từ Ái mà dân Nhật đã nuôi dưỡng trong bao nhiêu thế hệ, đức tính đó có thể bị mất đi, cả nền tảng Tinh thần Dân tộc cũng mất theo.

Kurihara còn trách đồng bào ông là trong mấy thập kỷ qua hầu như họ đã đánh mất cả khái niệm về Tâm Hồ Thẹn, thay vào đó họ chỉ chú trọng đến "Thể diện bên ngoài." Khi có người nước ngoài hỏi gì về nước Nhật cổ truyền, nhiều người Nhật bây giờ không biết nhưng không dám thú nhận. Kurihara khuyên, "Thú nhận mình không biết là bước đầu tiên để được công nhận xứng đáng làm người – vì lòng khiêm cung nói mình không biết sẽ giúp mình học hỏi để sau này sẽ biết."

Trong khi Kurihara chú trọng đến văn hoá, nghệ thuật thì Fujiwara chú trọng tới nền tảng tinh thần. Cuốn Phẩm Cách Quốc Gia của Mashahiko Fujiwara (Đằng Nguyên Chính Ngạn) kêu gọi người Nhật phải trở về với tinh thần Võ Sĩ Đạo. Phải phục hồi những đức tính nghĩa hiệp, chính trực, thành tín, từ bi, nhẫn nại, dũng cảm.

Trước Fujiwara, nhiều người Nhật Bản đã nêu lên vấn đề đặc tính dân tộc. Ông thị trưởng Tokyo nổi tiếng với cuốn sách "Người Nhật Bản biết nói Không" thách thức tự ái dân tộc. Cựu thứ trưởng tài chánh Eiseku Sakakibara đã viết một cuốn sách "Vượt Tư Bản" để trình bầy mô hình kinh tế Nhật Bản từ sau Thế Chiến Thứ Hai khác với hệ thống kinh tế ở Mỹ như thế nào. Tiếc là ngay sau khi ông viết xong cuốn "Beyond Capitalism" (bản tiếng Anh in năm 1993) thì kinh tế Nhật rơi vào cảnh trì trệ trong một thập kỷ, sau đó họ phải cải cách cho dần dần giống mô hình kinh tế Anh Mỹ hơn.

Hiện giờ cuộc cải cách cơ cấu nay vẫn tiếp tục, nhưng những vấn đề ông Sakakibara đặt ra vẫn còn đó, không những người Nhật mà tất cả mọi người phải tự hỏi. Đó là những câu hỏi cơ bản của hệ thống kinh tế. Thí dụ: Một xí nghiệp là gì? Đó là một tập họp tạm thời giữa nhiều người làm việc với nhau để cùng hưởng lợi? Hay đó là một tập thể hữu cơ tìm cách sinh tồn? Con người làm việc chỉ là "dụng cụ" cho xí nghiệp, một thực thể trừu tượng? Hay đó chỉ là những người ký hợp đồng theo đúng pháp luật? Hay phải coi mỗi con người giống như một tế bào trong cơ thể là xí nghiệp?

Người Việt tự hỏi

Những câu hỏi cơ bản đó, cũng như những câu hỏi về nền tảng văn hóa của dân tộc Nhật, người Việt chúng ta cũng đã nhiều lần đặt ra. Vào đầu thế kỷ 20, ở nước ta có cuộc tranh luận nên theo nền văn minh Tây phương, tiêu biểu là nước Pháp, hay nên phục hồi truyền thống cũ. Ngày nay đọc lại những bài thảo luận của tiền nhân, chúng ta có thể thấy các cụ có nhiều ý kiến nông nổi hoặc kiến thức hạn hẹp hơn con cháu bây giờ. Nhưng chúng ta phải cảm phục bầu nhiệt huyết và tấm lòng yêu nước thương nòi của tiền nhân. Điều quan trọng là từ một trăm năm trước đây sĩ phu Việt Nam đã đặt vấn đề, và đã tranh luận tìm con đường đi cho dân tộc. Và các cuộc thảo luận rất nghiêm chỉnh, hăng hái nhưng giữ được thái độ tương kính. Sang thế kỷ 21 này, đây là lúc chúng ta nên đặt những vấn đề tương tự. Ngay cả khi chính quyền trong nước cứ khăng khăng ôm lấy một chủ nghĩa lạc hậu, lỗi thời, giới sĩ phu mới vẫn cứ bàn bạc với nhau, như Phan Khôi, Huỳnh Thúc Kháng thời xưa.

Phan Khôi (1887- 1959) là một người tiêu biểu. Trong những bài viết trên Đông Pháp Thời Báo, xuất bản ở Sài Gòn năm 1928, Phan Khôi

đã đặt ra các vấn đề xây dựng nền móng mới cho nước Việt Nam (Các bài báo này đã được in lại trong một tập sách, do Lại Nguyên Ân sưu tầm và chú thích). Một bài về "Tư tưởng của Tây phương và Đông phương," cụ Phan đã trình bầy rất giản lược sự khác biệt, đối chọi giữa hai truyền thống. Quan trọng nhất là câu kết luận: "Nay nếu ta muốn theo cách sinh hoạt mới của Tây phương mà ta lại còn giữ cả tư tưởng cũ của Đông phương thì quyết không thể có được!" Viết thế chưa đủ mạnh, Phan Khôi còn viết tiếp một bài "Bác cái thuyết tân cựu điều hòa" vì nó "không thể thực hiện được mà về mặt lý luận thì nó cũng không vững!" Nhà văn đất Quảng rất quyết liệt, "Người Tây nói điều hòa thì còn có lẽ; chớ người mình nếu đã quyết đi theo con đường văn minh ấy mà còn toan dùng trước điều hòa thì thật là thất sách!"

Để cho lý luận, chủ trương của mình vững chắc hơn, Phan Khôi còn viết về "Học thuyết cũ và Vận mạng nước Tàu," rồi tiếp theo, một bài nữa bài bác chủ trương của Khang Hữu Vi, Cô Hồng Minh, hai học giả Trung Quốc thời đó muốn phục hưng Khổng Giáo.

Sau thế hệ Phan Khôi, đến thời Tự Lực Văn Đoàn tinh thần thay đổi triệt để cũng vẫn còn. Cuốn Mười Điều Tâm Niệm của Hoàng Đạo, viết trên báo sau những bài trên của Phan Khôi khoảng hơn 10 năm, vẫn viết điều tâm niệm thứ nhất cho thanh niên là Theo Mới, hoàn toàn theo mới không chút do dự! Ông trẻ hơn Phan Khôi 20 tuổi, còn nói rõ phải bác bỏ chủ trương Trung Dung của Khổng giáo. Sau đó, là những điều tâm niệm Tin ở sự tiến bộ; Luyện lấy bộ óc khoa học; Cần sự nghiệp, Không cần công danh. Ông khuyên thanh niên Luyện Tính khí, Làm việc xã hội, Thân thể cường tráng, Có trí xếp đặt (óc tổ chức), vân vân. Nói chung, hai thế hệ Phan Khôi và Hoàng Đạo đều chủ trương người Việt Nam phải dứt bỏ quá khứ, thay đổi hoàn toàn. Tuy nhiên, cả hai nhà trí thức đó vẫn mặc nhiên công nhận những quy tắc nền tảng của luân lý cũ, như đức thành tín, vị nghĩa, trọng danh dự, sống có lý tưởng, và đề cao tinh thần dân tộc.

Nhưng không có chủ trương thay đổi nào triệt để như chủ nghĩa Cộng Sản. Không những chủ nghĩa này bác bỏ nền tảng tinh thần Nho giáo, Phật giáo, những người cộng sản còn muốn thay thế cả hệ thống luân lý cũ bằng các quy tắc mới của chủ nghĩa Lê Nin, tư tưởng Mao Trạch Đông. Cho đến bây giờ, đảng Cộng Sản vẫn nhất định bảo vệ chủ nghĩa Mác Lênin, trong lúc đang chạy theo kinh tế tư bản. Ngay cả thanh niên trong nước, họ cũng lo chạy theo đồng tiền, mong làm sao giầu có như Bill Gates. Nhưng họ không biết người Mỹ phải tranh đấu cho một xã hội dân chủ tự do, sống trong pháp luật, sau bao nhiêu thế hệ xã hội mới tạo cơ hội nẩy sinh được những Bill Gates.

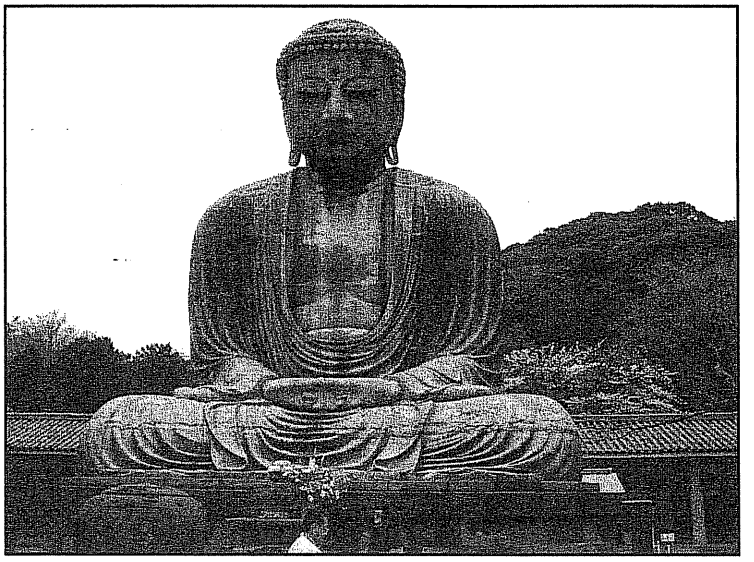

Kamakura Buddha

Những cuộc thảo luận của người Nhật chung quanh cuốn sách Phẩm Cách Quốc Gia ở khiến chúng ta phải cùng ngẫm nghĩ. Người Nhật Bản có can đảm đặt những câu hỏi căn bản, tự hỏi hồn tính dân tộc họ có còn không. Trong thế kỷ 21 này, người Việt Nam sẽ đặt những câu hỏi nào?

Biết hổ thẹn

Trong tháng Tư ở nước Nhật dư luận bàn tán sôi nổi về quyết định sửa đổi sách giáo khoa môn lịch sử bậc trung học. Nhiều nhà trí thức và nhà báo Nhật đã công khai phản đối việc thay đổi một chi tiết trong bài dậy học trò về cuộc Thế Chiến Thứ Hai. Quyết định do bộ Giáo dục Nhật Bản đưa ra, sẽ áp dụng trong niên khóa

tới. Nhiều người phản đối nhưng không ai bị chính phủ Nhật gán cho tội "nói xấu nhà nước" hoặc "âm mưu lật đổ chính quyền của nhân dân" (hay "của Thiên hoàng"). Và chắc chắn không ai bị bịt miệng trong toà án cả!

Tiêu biểu cho dư luận phản đối chính phủ Nhật Bản là một bài Ý kiến trong nhật báo Asahi Shimbun (Tân Văn Buổi Sáng). Tựa đề bài ý kiến tòa soạn (Editorial) này viết: "Hãy đối diện với sự hổ thẹn," với tựa nhỏ, "Đức tính Nhật Bản nhất nay biến đâu mất rồi?" Bên dưới bài Ý kiến đó là một bài khác nói thẳng trên tựa đề: "Những vụ cưỡng bức tự sát ở Okinawa."

Trận đánh ở Okinawa (tên Hán Việt là Xung Thằng) năm 1945 là trận đẫm máu nhất trong chiến tranh ở Thái Bình Dương. Đó là lần đầu tiên quân Mỹ đổ bộ lên một hòn đảo của Nhật Bản, trong quần đảo Ryukyu. Quân Nhật đã tử chiến đến người lính cuối cùng, và hàng ngàn thường dân, lên đến một phần tư dân số đã tự sát không để cho quân Mỹ bắt sống. Chính con số thương vong trong trận đánh đó đã khiến chính phủ Mỹ sau này quyết định không thể tấn công lên đất nước Nhật Bản, vì lo ngại số người chết, kể cả thường dân sẵn sàng tự sát, nhiều triệu mạng người sẽ chết uổng.

Nhưng có phải thường dân ở Okinawa đã tự sát tập thể vì lòng trung thành với Thiên hoàng hay không? Các cuộc điều tra sau chiến tranh, những hồi ức của các sĩ quan Nhật và người dân Okinawa cho thấy trước khi bại trận quân đội Nhật đã ra lệnh cho thường dân phải tự sát, không để cho quân Mỹ bắt.

Trong các sách giáo khoa lịch sử ở Nhật Bản trước đây, người ta ghi nhận sự kiện cưỡng ép thường dân Okinawa tự sát như vậy. Năm nay, chính phủ Nhật sửa lại sách giáo khoa; gây nên sóng gió.

Okinawa xưa kia là một vương quốc không thuộc Nhật Bản, chỉ bị ghép vào nước Nhật từ cuối thế kỷ thứ 19. Dân Okinawa nói thứ tiếng khác, có phong tục tập quán khác người Nhật, ngày nay họ vẫn giữ được nhiều nét văn hóa riêng. Trong thời Thế Chiến, quân đội Nhật đối xử với thổ dân ở Okinawa một cách tàn bạo, không khác gì cách họ cai trị người Hàn quốc hay dân Trung Quốc khi chiếm đóng các xứ này.

Trong các sách giáo khoa của Bộ Giáo dục Nhật Bản trước đây họ ghi: "Nhiều thường dân Okinawa đã bị quân đội Nhật ép phải tự sát." Bản văn mới viết: "Nhiều người đã bị lôi kéo đến việc tự sát." Không nói ai "lôi kéo" họ, và tránh dùng chữ "ép buộc." Chính phủ Nhật Bản giải thích rằng "Các chứng cớ không cho thấy rõ ràng là quân đội Nhật đã cưỡng ép thường dân tự sát."

Một tờ báo lớn ở Okinawa, Lưu Cầu Tân Văn (Ryukyu Shimpo) lên tiếng phản đối trong một bài Ý kiến chính thức. Tờ báo nhấn mạnh, "Rất nhiều người dân Okinawa đã làm chứng rằng quân đội Nhật ra lệnh họ phải tự sát." Bài báo nhắc lại là đã có rất nhiều nhân chứng cho biết quân đội Nhật đưa lựu đạn cho thường dân để tự giết cả gia đình họ. Tờ báo tố cáo chính phủ Nhật thay đổi sách sử theo nhu cầu chính trị của ông thủ tướng, Shinzo Abe.

Tiếng nói của nhật báo Asahi, một trong vài tờ báo lớn nhất nước Nhật, ra đời từ năm 1879, còn mạnh mẽ hơn nữa. Họ nhắc lại một định kiến của người Tây phương về dân Nhật Bản. Định kiến này do một nhà nghiên cứu người Mỹ đưa ra, trong cuốn sách xuất bản năm 1946 nhưng đã được soạn ra cho bộ quốc phòng nghiên cứu trước khi quân Nhật tấn công Mỹ năm 1941. Bà Ruth Benedict nhận xét trong cuốn "Hoa Cúc và Thanh kiếm" rằng người Nhật Bản rất quan tâm đến danh dự. Văn hóa, tác phong của người Tây phương bị thôi thúc bởi mối ám ảnh mình phạm tội, còn động cơ tâm lý của người Nhật là mối lo phải hổ thẹn. Cha mẹ Nhật thường dậy con đừng bao giờ làm điều gì để phải hổ thẹn, như người Việt Nam vẫn nói, đừng làm gì để điếm nhục đến tổ tiên.

Báo Asahi viết: "Người Nhật Bản chúng ta luôn luôn lo bảo vệ danh dự, bảo vệ uy tín và những lợi ích không phải cho riêng mình mà của cả gia đình, cả tập thể. Nếu danh dự bị xúc phạm, người Nhật sẽ tìm cách lấy lại thanh danh. Trong xã hội, ai cũng công nhận một đức tính là tấm lòng biết hổ thẹn và kính trọng đức hòa nhã."

Báo Asahi kể hai câu chuyện đời xưa và đời nay để làm thí dụ. Ngày xưa, có ông Naokichi Kaneko, quản lý của nhà buôn Suzuki Shoten rất thành công vào đầu thế kỷ trước, đứng ngang hàng với Mitsui và Mitsubishi. Nhưng có tin đồn là công ty Suzuki đang đầu cơ lúa gạo, gây nên cuộc khủng hoảng năm 1927. Họ bị công chúng đả đảo, tấn công trụ sở ở Kobe, cuối cùng bị ngân hàng ép phải khai phá sản. Nhưng các nhân viên của công ty, do ông Kaneko hướng dẫn, tiếp tục làm ăn và trở nên thịnh vượng, còn ông Kaneko thì về hưu. Nhiều sử gia sau này tìm ra không phải công ty Suzuki mà chính một công ty đối thủ của họ đã đầu cơ lúa gạo vào lúc đó, gây nên cảnh khan hiếm. Thủ tướng

Konoe đương thời vẫn biết tài quản trị của Kaneko, đã mời ông vào làm cố vấn cho chính phủ. Nhưng ông Kaneko từ chối, nói rằng ông là người đã phạm lỗi, vì là một người gây ra cuộc khủng hoảng năm 1927. Ông nhận lãnh trách nhiệm đối với dân Nhật, và tự thi hành kỷ luật đối với mình.

Nhật báo Asahi kể đến chuyện đời nay, có ông bộ trưởng Nông, Lâm, Ngư nghiệp Toshikatsu Matsuoka. Ông bị tố cáo đã để cho nhân viên chi tiêu quá nhiều tiền điện nước, vào những việc "xa xỉ" như thứ "máy lọc nước đặc biệt" trong văn phòng bộ trưởng. Thế mà ông Matsuoka vẫn tự bào chữa, không chịu từ chức. Hơn thế nữa, thủ tướng Abe còn lên tiếng bênh vực ông! Đối với người Việt Nam thì chẳng ai thấy ông bộ trưởng Nhật phạm lỗi gì nặng nề cả, nhưng dân Nhật Bản quen sống tự do, quen phê bình chính phủ, cho nên nhà báo Asahi mới than phiền!

Báo Asahi nêu lên những câu hỏi: "Chúng ta còn dám đối diện với sự hổ thẹn hay không? Hay là chúng ta quay mặt đi rồi bỏ chạy? Đối với những người có trách nhiệm, trách nhiệm càng cao thì càng phải được công chúng xét đoán một cách nghiêm khắc hơn!" Họ nhắc nhở Thủ tướng Abe hãy nhớ lời dậy của nhà hiền triết Nhật Yoshida Shoin (1830-1859) mà ông Abe vẫn coi là thần tượng. Yoshida dậy rằng con người phải giữ đức thành tín tuyệt đối. Nhà báo hỏi: "Các ông Abe và Matsuoka, nếu quý vị thành tâm yêu nước Nhật Bản, quý vị hãy tự hỏi mình có hiểu thế nào là hổ thẹn hay không!"

Cùng số báo đó, trong mục Ý kiến Tòa soạn tờ Asahi nêu ra những bằng chứng cho thấy quân đội Nhật Bản đã cưỡng ép thường dân ở Okinawa tự sát. Một bằng chứng là lời thú tội của một quân nhân phụ trách coi một làng ở Okinawa; năm 1988 ông này trả lời báo Asahi phỏng vấn đã tả cảnh quân đội Nhật ra lệnh cho dân chúng tự sát. Lính dưới quyền quân nhân này đã tụ họp khoảng 20 thanh niên trong làng, phát cho mỗi người hai trái lựu đạn. Họ được căn dặn dùng một trái lựu đạn để chống cự quân Mỹ, trái còn lại là để tự sát. Một nhân chứng khác, ông Shigeaki Kinjo, cựu chủ tịch một trường cao đẳng ở Okinawa, năm nay 78 tuổi. Ông Kinjo chứng kiến cảnh phát lựu đạn cho thường dân, năm 1945 ông mới 16 tuổi. "Khi quân đội phát lựu đạn cho thường dân, rõ ràng là họ ra lệnh phải tự sát." Ông Kinjo không được phát, vì hết lựu đạn, cho nên ông phải tự tay giết mẹ, giết em gái và em trai mình. Bài báo không nói tại sao ông còn sống!

Bài báo trên tờ Asahi kết luận: "Một quốc gia phải tự nhìn thẳng vào các sự kiện lịch sử của mình, dù là những trang sử đau đớn. Các nhà giáo dục phải dậy cho thanh thiếu niên biết điều đó, chính các em này sẽ quyết định tương lai của đất nước!"

Ngày xưa Phan Bội Châu sang Nhật Bản, trông thấy những người lao động Nhật nghèo nhất cũng biết giữ thể diện, biết trọng danh dự, thì cụ Phan cảm thấy hổ thẹn cho đồng bào mình nhiều người không còn giữ được đức tính đó. Ngày nay du khách Việt tới đất Nhật cũng cảm thấy hổ thẹn khi thấy dân người ta có tinh thần trọng công ích, trọng kỷ luật và sạch sẽ; những đức tính tổ tiên người Việt vẫn đề cao nhưng con cháu đã bỏ mất. Một điều khiến người Việt hổ thẹn nhất là 80 triệu đồng bào mình vẫn sống trong cảnh thiếu tự do, để cho một nhóm người gian tham, nhũng lạm, độc đoán cầm quyền.

Đối diện với quá khứ

Thủ tướng Nhật Shinzo Abe đến Mỹ sau khi quốc hội Mỹ mới kết án một tội ác của quân đội Nhật trong thời Thế Chiến Thứ Hai. Trước đây hơn 60 năm khi họ xâm lăng Trung Quốc và Hàn quốc, quân đội Nhật đã bắt ép khoảng 200 ngàn phụ nữ các nước láng giềng Á châu làm nô lệ tình dục. Năm 1993 chính phủ Nhật Bản đã chính thức lên tiếng xin lỗi về những hành động này. Nhưng sau nghị quyết của quốc hội Mỹ, phe bảo thủ trong đảng Tự Dân đã phản ứng, tính đưa ra một dự luật phủ nhận lời xin lỗi cũ. Vì muốn lấy lòng giới bảo thủ trong đảng nên ông Abe đã lên tiếng tỏ ý nghi ngờ không chắc quân Nhật đã phạm những tội ác đó. Lời tuyên bố của ông Abe gây một cơn bão ngoại giao. Sau đó, chính phủ Abe phải rút lui, xác nhận lời xin lỗi năm 1993 vẫn còn giá trị. Đó không phải là dấu hiệu của một ông thủ tướng mạnh. Trong tháng vừa qua ông Ôn Gia Bảo, thủ tướng Trung Quốc sang thăm Nhật, khôn khéo gỡ bỏ những rắc rối ngoại giao đó bằng các cử chỉ hoà hoãn. Không những thế, ông Ôn Gia Bảo còn biểu diễn những hành động thân thiện có vẻ "đột xuất" khi ghé thăm, gặp gỡ những người dân Nhật Bản bình thường, và cầm cây chầy thử đánh bóng baseball khi tham dự một cuộc tập dượt với các cầu thủ Nhật. Baseball là một trò chơi thịnh hành ở Nhật nhưng

hoàn toàn xa lạ đối với người Trung Hoa ở lục địa. Tự dưng, chính phủ cộng sản Trung Quốc lại được tiếng là hoà hiếu với lân bang, mặc dù lâu lâu họ vẫn thả lỏng cho sinh viên đi biểu tình chống Nhật vì bộ Giáo dục Nhật Bản thay đổi sách giáo khoa xoá bớt những đoạn nói đến tội ác của đạo quân Thiên hoàng, hay khi một vị thủ tướng Nhật đi thăm đền tử sĩ Yasukuni.

Hơn 60 năm sau khi bại trận, nước Nhật đang trải qua cơn thử thách đối diện với quá khứ. Dân Nhật Bản có thể đã sẵn sàng công nhận những lỗi lầm khi gây ra cuộc đại chiến Thái Bình Dương, nhưng giới bảo thủ thì vẫn chống lại việc nhận lỗi. Họ cho là từ sau khi bại trận nước Nhật đã sống trong mặc cảm tội lỗi quá nhiều và nay thấy đã đủ rồi, không nên tự hành thêm nữa. Những người bảo thủ muốn kích động tinh thần ái quốc trở lại, nhưng nhiều người Nhật lo họ sẽ làm sống lại tinh thần quân phiệt. Trong lúc Nhật Bản đang tái võ trang, lập lại bộ quốc phòng, gửi quân ra ngoại quốc và mới thao diễn hải quân cùng với Ấn Độ và Mỹ, đây là lúc chính phủ Nhật cần bầy tỏ thiện chí hoà bình, không nên quay về một quá khứ đề cao chủng tộc và biểu dương sức mạnh. Nhất là không nên tự bào chữa, xoá bỏ những tội ác trong thời chiến.

Khị ông Abe tỏ ý nghi ngờ không tin là hàng trăm ngàn phụ nữ Á châu bị quân Nhật dùng làm nô lệ tình dục, ông đã xúc phạm rất nhiều người từng đứng ra tự nhận họ chính là các nạn nhân. Ông Abe có vẻ như muốn nói các phụ nữ còn sống đó vừa nói dối vừa tự làm nhục mình. Họ chỉ đòi chính phủ Nhật công nhận nước Nhật đã phạm lỗi và xin tha lỗi. Các phụ nữ này từ chối những món tiền "đền bù" mà các tổ chức tư nhân ở Nhật muốn trao cho họ.

Dư luận dân Nhật đa số không muốn nước họ từ chối trách nhiệm đối với những tội ác thời Thế Chiến. Một tiếng nói rất mạnh chống lại khuynh hướng phủ nhận quá khứ là ông Tsumeo Watanabe, chủ bút nhật báo Yomiuri, tờ báo phát hành mỗi ngày 10 triệu số, cao nhất thế giới.

Ông Watanabe, 80 tuổi, xuất thân từ vai trò một phóng viên, leo dần lên tới chức chủ tịch công ty Yomuri. Ông vốn là một người bảo thủ rất có ảnh hưởng trong chính giới; ông từng cổ động cho việc tái lập và võ trang đầy đủ cho quân đội Nhật. Năm 2005, sau khi cựu thủ tướng Koizumi đến lễ Đền Yasukuni, trong đó có bài vị 14 nhà lãnh đạo quân Phiệt Nhật từng bị kết án là phạm nhân chiến tranh, ông Watanabe đã phản đối hành động này. Ông coi đó là một cử chỉ nhằm gây hấn vô ích đối với lân bang. Thực ra Yasukuni là nơi để bài vị hai triệu rưỡi người Nhật, bắt đầu là những võ sĩ đã hy sinh tái lập quyền hành của Vua Minh Trị, sau đó mỗi thời lại thêm vào. Trong đền thờ có cả bài vị thường dân lẫn các quân nhân. Ngoài sân đền người ta bầy cả tượng các quả phụ và cô nhi tử sĩ, để bầy tỏ tinh thần hiếu hoà. Có cả tượng của những "quân khuyển" và chim bồ câu chuyển thư trong thời chiến tranh. Việc đặt bài vị của 14 người cầm đầu chính phủ và quân đội Nhật trong thời chiến, rồi bị toà xét xử sau chiến tranh, đối với dân Nhật không có ý nghĩa lớn như người nước ngoài phê phán.

Mặc dù ông Watanabe coi là phiên toà xử

phạm nhân chiến tranh do quân Mỹ lập ra là không công bằng, nhưng ông vẫn cho là các vị thủ tướng Nhật không nên đến đây hành lễ.

Lý do ông Watanabe nêu lên để phản đối việc các thủ tướng đến viếng đền Yakusuni là vì hành động đó khiến người Trung Hoa và người Hàn quốc nghi ngờ thiện chí đối diện với quá khứ của cả nước Nhật. Ông viết cho thủ tướng Koizumi đọc: "Chúng ta phải thành thật nhìn lại các biến cố lịch sử, để cho người Trung Hoa hiểu. Nếu chúng ta không thành thật nhìn lại quá khứ, các nhà lãnh đạo Trung Quốc sẽ không thể nào giao hảo với chúng ta. Nhiều nhà lãnh đạo Nhật đã không hiểu như vậy. Và nếu các người lãnh đạo chính trị không chịu đối diện với quá khứ thì chúng tôi trong giới truyền thông phải làm thay họ."

Sau đó, Nhật báo Yomuri đã lập một uỷ ban nghiên cứu lại lịch sử thời chiến tranh. Năm ngoái, họ đã ấn hành một cuốn sách tổng kết những điều tìm ra, dưới nhan đề: "Ai chịu trách nhiệm?" Cuốn sách này đã được dịch ra tiếng Anh (Who was Responsible?). Cuốn sách này lên án các nhà lãnh đạo Nhật trước cuộc chiến; họ đã nhầm lẫn không hiểu tình hình thế giới nên đưa cả dân tộc vào một cuộc chiến tranh man rợ và vô ích. Ông Watanabe nói, "Nhật Bản đã xâm lăng lục địa Á châu và chúng ta phải nghiên cứu lại các chi tiết của cuộc chiến đó, cho hậu thế biết rõ."

Lý do chính là ông Watanabe chú ý tới chính sách ngoại giao của Nhật Bản. Ông nhấn mạnh hai nước Nhật Bản và Trung Quốc không thể không giao hảo, đặc biệt trong hoàn cảnh Bắc Hàn đang gây rắc rối vì tham vọng cá nhân của ông Kim Chính Nhật. "Nhìn vào thực tế thì Nhật Bản cần thân thiện với Trung Quốc hơn cả với Mỹ. Một ông thủ tướng ngu dốt cũng phải biết điều đó." Ông Watanabe cũng đề cao mối thân hữu Nhật Mỹ nhưng ông coi mối giao hảo với các nước láng giềng vẫn quan trọng hơn.

Ông Watanabe trước đây vẫn ủng hộ thủ tướng Shinzo Abe, người đã làm ông thất vọng vì khi cầm quyền đã chịu chiều theo khuynh hướng bảo thủ. Nhưng ông vẫn gặp gỡ và nói chuyện với Thủ tướng Abe, "Tôi đã bảo ông ta nếu ông đi lễ đền Yasukuni, cùng lắm ông ta chỉ thấy những tờ giấy ghi tên của những người chết. Còn nếu ông ta đi lễ ở Nghĩa trang Quốc gia Chidorigafuchi thì ở đó là hài cốt của 350,000 liệt sĩ, mà trong đó không có ai là phạm nhân chiến tranh. Tôi bảo ông ta, đó là nơi ông ta phải tới."

Khi Nhật Bản và Trung Quốc, Hàn quốc giao hảo, nước Mỹ sẽ được cả ba nước giúp giải quyết cuộc khủng hoảng Bắc Hàn. Hiện nay mối bang giao giữa Mỹ và mỗi nước Trung Quốc, Nam Hàn và Nhật Bản đều có vẻ thân hữu, nhưng giữa ba nước đó với nhau thì luôn luôn căng thẳng vì những ám ảnh quá khứ thời chiến tranh. Muốn giải toả những ám ảnh đó, cả nước Nhật phải theo lời khuyên của nhà báo Watanabe. Phải đối diện với quá khứ, một quốc gia phải can đảm thú nhận mình đã phạm những lỗi lầm.

Trông người, nghĩ đến ta

Trên đây là một số vấn đề văn hoá, chính trị ở nước Nhật, chúng tôi ghi lại trước và sau một chuyến đi. Vì đó là những bài học đồng bào ta cũng nên suy ngẫm.

Một thế kỷ trước, Phan Bội Châu đông du lúc đầu là để cầu viện và đưa sinh viên sang du học về quân sự và kỹ thuật. Cụ đã thất vọng rất nhanh, khi các chính khách Nhật Bản thì tỏ lòng ưu ái với dân ta nhưng chính phủ Nhật Bản thì bao giờ cũng chỉ lo lợi ích riêng của quốc gia họ. Phan Bội Châu sau đó có lần còn cầu viện Đức (được cấp mấy trăm khẩu súng, bị mất cả) và cả Liên Xô. Cụ lại thất vọng vì người đại diện của Cộng Sản Nga yêu cầu các du học sinh phải tuyên thệ trung thành với chủ nghĩa Cộng Sản và khi về nước thì phải đi tuyên truyền và thành lập đảng Cộng Sản. Cuối cùng, Phan Bội Châu đã trở về với chủ trương của Phan Châu Trinh, coi việc nâng cao dân trí là hành động hữu hiệu nhất.

Người Việt chúng ta thường vẫn ngưỡng mộ sự tiến bộ về kỹ thuật, khoa học và kinh tế của nước Nhật Bản ngày nay. Nhưng điều đáng học hỏi nhất nơi người Nhật Bản chính là dân trí của họ. Làm sao để người Việt Nam cũng trở lại học tập những đức tính của nhà Nho ngày xưa: Trung tín, Cương trực, Vị Nghĩa, Khinh lợi lộc? Ở nước ta có ai đóng vai như Mashahiko Fujiwara hay không? Có thể gây một cuộc thảo luận tự do sôi nổi như ông đã gây ra ở Nhật Bản hay không? Những Phan Khôi, Hoàng Đạo ngày nay đang ở đâu? Nếu quyền ngôn luận được tôn trọng, báo chí được tự do, không còn cảnh bịt miệng giữa phiên toà, chắc đồng bào ta cũng sẵn sàng tham gia những cuộc thảo luận như vậy. Đó là một nhu cầu khẩn thiết. Mọi quốc gia đều phải có những lúc tự xét về phẩm cách của dân tộc mình.

Phương Thức Tiếp Cận, Ngôn Ngữ Và Sửa Đổi Văn Hoá

TÔN THẤT THIỆN

Thay đổi và sửa đổi

Trên mặt báo này tôi đã có dịp bàn về vấn đề thay đổi văn hoá. Từ ngữ "thay đổi" đã gây ra một số hiểu lầm. Tôi đã dài dòng giải thích rằng "thay đổi" văn hoá không phải là "thay thế" văn hoá, mà là "thay đổi **về**" văn hoá. Nó không có nghĩa vất bỏ toàn bộ văn hóa Việt Nam, tạo ra một khoảng trống, và lấy văn hoá Tây phương, và đặc biệt đặt biệt văn hoá Mỹ, thay vào khoảng trống đó. Tuy nhiên, một số độc giả, có lẽ vì quá bị ám ảnh bởi mối lo Việt Nam bị "Tây phương hoá," vẫn không thấy như vậy, và đã hăng say chống đối quan niệm "thay đổi" văn hoá.

Điều trên đây làm sáng tỏ một điểm: thay đổi/sửa đổi văn hoá là một vấn đề tế nhị, dễ gây bất đồng và tranh cãi, nhất là khi đề cập đến văn hoá "cổ truyền" Việt Nam. Không ít người dị ứng khi nghe đề cập đến "thay đổi văn hoá," và, đối với những người rất hăng say trong việc "bảo tồn văn hoá Việt Nam," "duy trì các giá trị truyền thống," "sợ mất gốc," đề cập đến "thay đổi văn hoá" hầu như là một sự khiêu khích. Để tránh hiểu lầm tôi sẽ dùng từ ngữ "***sửa*** đổi" thay vì "***thay*** đổi," hay, nếu có dùng từ ngữ "thay đổi," thì kèm thêm từ ngữ "**về**," khi bàn về nhu cầu xét lại những giá trị văn hóa Việt Nam.

Cả hai từ ngữ "***thay*** đổi" và "***sửa*** đổi" đều hàm ý nhu cầu xét lại để xem sự lựa chọn và sắp xếp ưu tiên về các giá trị đạo lý, giáo dục, chính trị, xã hội, v.v... trong quá khứ đã ảnh hưởng thế nào về văn hoá và tình trạng hiện tại của Việt Nam, mà đặc điểm là chậm tiến, để biết cần giữ lại những gì, bỏ đi những gì, thâu nhận thêm những gì, thay thế những gì, sửa đổi những gì, trong viễn ảnh cải tổ xã hội Việt Nam để cải thiện đời sống của dân và đưa Việt Nam vào quỹ đạo của thời đại hiện tại.

Một điều thứ hai, cũng rất quan trọng, và cũng liên hệ đến vấn đề sử dụng ngôn ngữ, là cách tiếp cận của người biên khảo. Như sẽ được trình bày ở đoạn dưới, cách tiếp cận được phản ảnh trong sự lựa chọn từ ngữ. Phần khác, sự lựa chọn từ ngữ lại ảnh hưởng đến sự tiếp nhận hay khước từ những giải pháp được đề nghị.

Ai biết ít nhiều về xã hội học, nhân chủng học, đều biết rằng sửa đổi xã hội là một việc rất khó, rất phức tạp, và sửa đổi toàn bộ văn hoá — cách suy nghĩ, hành động, cư xử, hệ thống giá trị, tâm lý — của một cọng đồng, nghĩa là đòi hỏi cọng đồng đó phải theo một văn hoá hoàn toàn mới, với những lối suy nghĩ, hành động, cư xử mới, những giá trị mới — ngược, hay chỉ khác với những giá trị mà họ đã quen qua hàng trăm năm — là một điều không những khó, mà có thể nói là không thể làm được. Sửa đổi cấp tốc và toàn diện — bỏ ngay hết văn hoá cũ và đem thay thế vào đó một văn hoá mới — là một điều không thế nào làm được — một tuyệt đối — , nhất là trong một thời gian ngắn và nếu cọng đồng đông đảo. Không làm được vì luật trì hãm xã hội không cho phép. Văn hoá thuộc về lãnh vực tâm lý, và vì nó thuộc về lãnh vực tâm lý, nó rất khó sửa đổi. Sức ù lỳ của nó hết sức lớn.

Ý nghĩ sửa đổi văn hoá xuất phát từ nhận định Việt Nam đã bị mất chủ quyền và bị ngoại bang đô hộ vì yếu. Một nhận định rất tầm thường! Ai cũng đồng ý. Không cần phải tranh cãi. Nhưng giải thích tại sao có tình trạng này là một vấn đề gây nhiều bất đồng và tranh cãi. Và làm sao ra khỏi tình trạng này lại là một vấn không những đã gây nhiều bất đồng và tranh cãi hơn nữa, mà còn đưa đến chém giết nhau trong hơn nửa thế kỷ.

Hai phe chém. giết nhau thường được gọi là "phe quốc gia" và "phe cọng sản." Quốc gia chủ trương "tự do"; Cọng sản chủ trương "xã hội chủ nghĩa" mô hình "mác-lê". Thật ra thì cuộc chiến chỉ là để quyết định ai thắng ai bại để dành dành quyền sửa đổi xã hội Việt Nam theo quan niệm của mình một khi độc lập đã dành lại được.

Nay, nội chiến đã chấm dứt, Việt Nam đã độc lập thống nhất, phe cọng sản đã thắng và đoạt được toàn quyền áp dụng giải pháp mình chủ trương — giải pháp xã hội chủ nghĩa mác-lê. Nhưng cho đến nay, hơn 30 năm sau, không những vấn đề vẫn chưa được giải quyết, mà tình trạng lại tồi tệ hơn. Tình trạng này thế nào, mọi người Việt Nam, ngoài cũng như trong chính quyền, đều biết. Tại sao có tình trạng này?

Đương nhiên, là vì Đảng nắm toàn quyền, Đảng Cọng Sản, hay đúng hơn, tập đoàn lãnh đạo đảng này, đã làm sai, và đã làm sai vì nhận định vấn đề sai và áp dụng những giải pháp sai.

Giải pháp cọng sản, mô hình "xã hội chủ nghĩa" mác-lê đã thất bại.

Chúng ta rơi vào tình trạng "Back to square one..."

Một văn hoá độc hại... Thà không có...

Vấn đề vẫn còn nguyên. Nó là một vấn đề căn bản cần được giải quyết. Nó được đặt ra cho tất cả mọi người Việt Nam, đặc biệt là giới tự nhận là "trí thức," "tư tưởng gia," "người đáng lãnh đạo" dân tộc... cần giải đáp rõ ràng, dứt khoát, và nhất là đưa ra những giải pháp khả thi và đem lại kết quả tốt đẹp.

Ngày nay, sau giai đoạn dồn hết tâm trí vào cuộc tranh đấu dành độc lập, càng ngày càng rõ rằng vấn đề thực sự là một vấn đề văn hoá, và căn nguyên của sự chậm tiến của Việt Nam là chúng ta bị mang một di sản văn hoá Khổng Giáo quá nặng.

Mọi việc hư hỏng vì, như Nguyễn Gia Kiểng đã tóm tắt rất đúng trong *Tổ Quốc Ăn Năn*, sưu khảo sâu rộng nhất đến nay về vấn đề này, chế độ ngự trị Việt Nam ngày nay, chủ nghĩa cọng sản, "chỉ là một cải tiến của Khổng Giáo," và về bản chất "cọng sản và Khổng Giáo chỉ là một" (TQAN, tr.236).

Theo anh Kiểng, Khổng Giáo không phải là một đạo lý mà là một luân lý. Nó sai ngay từ đầu và trở thành "độc hại" vì không biết đổi mới, đã khai thác triệt để hai tính xấu của Khổng Tử là "tinh thần thủ cựu, bài bác điều mới lạ và tinh thần bất dung" (tr. 331). Nó là "một văn hoá độc hại" vì nó đã tạo ra trong dân gian những tập tính xấu: óc thủ cựu, óc bất dung, sùng bái người xưa, logic bạo lực, tâm lý tôi đòi, nhẫn nhục trước độc tài chuyên chế, triết lý ở ẩn, tránh nguy hiểm, chờ thời. Nó là một hệ thống ý thức tôn trọng chế độ quân chủ cực quyền, bảo thủ, và bất dung (tr. 275).

Về phần chế độ cộng sản thì nó đã làm phá sản hoàn toàn đạo đức truyền thống: dưới chế độ cộng sản "con người đã trở thành vị kỷ, lưu manh, thô lỗ" (tr.234). Cọng sản đã kéo dài "bởi vì chúng ta chịu ảnh hưởng của Khổng Giáo một cách quá nặng nề." Do đó, anh chủ trương nên dẹp bỏ Khổng Giáo đi. Anh nói rằng: nếu có người hỏi: xã hội ta đặt trên nền tảng giá trị Khổng Giáo, bỏ Khổng Giáo đi thì còn lại gì, anh nói phải trả lời dứt khoát rằng: "chẳng thà không có gì còn hơn là có thuốc độc." (tr.454)

Ta có thể khó chịu về tính cách gắt gao, cực đoan, và có thể nói là khiêu khích, của những phán xét trên, nhưng ta phải công nhận rằng, trên căn bản, và phân tách vấn đề một cách khách quan, quan điểm đó đúng. Nhưng ở đây ta phải nhấn mạnh và nói lên rằng: nó đúng **từ điểm nhìn hiện đại, trong sự tìm giải pháp cho những vấn đề hiện đại của Việt Nam trong bối cảnh chính trị, kinh tế, khoa học kỹ thuật... của thế giới hiện đại**. Nếu ta lên án văn hóa Khổng Giáo thì ta chỉ nên phê phán nó từ lúc mà phương Đông tiếp xúc với phương Tây trở đi, lúc mà rõ ràng rằng nó không có khả năng giải quyết những vấn đề mới, nghĩa là trong khoảng thời gian từ triều Tự Đức đến nay. Về thời gian trước đó thì ta không đặt vấn đề như vậy được. Ta phải dùng một lối tiếp cận khác. Ta không thể dùng những tiêu chuẩn của hiện đại để phê phán các thế hệ trước ta một cách chính xác và công bằng được. Mà nó lại có thể gây chống đối.

Ta không thể đánh giá văn hoá Khổng Giáo, văn hoá cổ truyền, của bao nhiêu thế hệ trước ta, là một văn hoá "độc hại" và "chẳng thà không có nó còn hơn là có" vì nó là "thuốc độc" được. Vì như vậy là nói rằng lịch sử của 2-4 ngàn năm qua của Việt Nam hoàn toàn là một chuỗi thất bại, về tất cả mọi mặt. Rõ ràng không phải như vậy. Thất bại chắc chắn là có. Nhưng thành công cũng có. Mà thành công phải nhiều hơn thất bại thì Việt Nam mới thành một quốc gia tổ chức, có cơ cấu, quy củ, sức mạnh để chống lại sự thôn tính của Trung Quốc và bành trướng về phương Nam, trở thành quốc gia mạnh nhất vùng Đông Nam Á, tồn tại đến thời Tự Đức, và sau đó, vẫn còn một phần nào còn nhựa khí để tranh đấu không ngừng trong gần một thế kỷ để dành lại độc lập và thoát được khỏi đô hộ Pháp.

Nói cho đúng, thì văn hoá Khổng Giáo đã thích hợp cho các thế hệ Việt Nam trước khi

phương Đông va chạm với phương Tây, nghĩa là đến đầu thế kỷ XVIII. Nó là văn hoá cao nhất, "đỉnh cao của trí tuệ" thời đó. Trong hệ thống văn hóa này, Trung Hoa chiếm hàng đầu, và địa vị độc nhất. Việt Nam, tuy chiếm địa vị thứ hai, nhưng thực ra chỉ được coi như một phần của Trung Hoa. Văn hoá của Việt Nam là văn hoá vay mượn, văn hoá Trung Hoa chép lại. Trung Hoa là quốc gia văn minh nhất và độc nhất Thiên Hạ thời đó. Vì vậy, họ kiêu ngạo, tự đắc. Và Việt Nam cũng kiêu ngạo, tự đắc theo. Trong một Thiên Hạ chỉ có một quốc gia đó, chỉ có một văn hoá được chấp nhận, là Khổng Giáo! Khổng Giáo cũng là Number one of... one!!! Nhứt lớp, nhưng lớp chỉ có một học sinh! Tuy nhiên, trong tình trạng "First of one" này, người Trung Hoa và Việt Nam, dùng văn hoá Khổng Giáo, đã giải quyết được các vấn đề của họ một cách hữu hiệu và êm thấm. Văn hoá Khổng Giáo là một văn hoá thích hợp cho họ. Cho đến khi phương Tây xuất hiện. Lúc này có hai văn hoá đồng lưu, và văn hoá phương Tây lại tỏ ra là mạnh hơn. Văn hoá Khổng Giáo không còn thích hợp nữa trong việc gây sức mạnh cho Trung Quốc và Việt Nam để đối đầu với phương Tây.

Nhưng ngược lại, ta cũng không thể lấy Khổng Giáo làm tiêu chuẩn để phê phán, suy luận và quyết định về hiện tại được. Đó là thái độ, lối tiếp cận, của những người khư khư đòi "bảo tồn văn hoá cổ truyền," nhất quyết duy trì "những giá trị truyền thống," không muốn nghe nói đến "thay đổi văn hóa," chống lại hiện đại hoá, vì sợ "mất gốc."

Mỗi thế hệ giải quyết các vấn đề của họ trong bối cảnh lịch sử của thời họ, tùy hoàn cảnh của họ thời đó, với những ưu tiên về nhu cầu của họ, với những phương tiện — kiến thức, kỹ thuật, dụng cụ — mà họ có trong tay ở thời họ.

Cho nên, vấn đề phải tiếp cận **từ góc độ hữu hiệu hay không hữu hiệu, thích hợp hay không thích hợp**, chớ không phải tốt-xấu, đúng-sai, hay-dở, tà-chính. Câu hỏi căn bản thành: văn hoá cổ truyền/Khổng Giáo có thích ứng được hay không với những nhu cầu mới, trong bối cảnh thế giới mới — mà điều kiện tồn tại phát triển hệ trọng nhất là có thái độ khoa học, sẵn sàng thay đổi không ngừng —, nghĩa là nó có hữu hiệu hay không trong sự giải quyết các vấn đề của xã hội, đặc biệt là nhu cầu phát triển của xã hội đó? Như anh Kiểng đã nhấn mạnh, và nói đi nói lại mãi, điều kiện căn bản của phát triển là đổi mới. Mà điều kiện căn bản của đổi mới là tự do. Nhưng, với Khổng Giáo, không thể có tự do được, vì KhổngGiáo không chủ trương tự do. Cho nên, ngày nay, văn hoá Khổng Giáo không thích hợp cho sự bảo đảm tồn tại và phát triển của Việt Nam nữa. Ta chỉ cần biết vậy. Xấu, tốt, là những phán xét có tính cách cá nhân. Nên khó làm tiêu chuẩn cho một sự đồng thuận rộng rãi.

Dẹp tuốt: Không được

Nhưng thay đổi toàn bộ — vất bỏ tất cả, dẹp tuốt — là một vấn đề khác, và không làm được. Chính anh Kiểng cũng công nhận như vậy. Phát triển đòi hỏi một văn hóa và một tâm lý mới, nhưng "thay đổi văn hoá là điều khó nhất" (tr.394). Chúng ta khó có thể từ bỏ một văn hoá vì "nó là một phần của chính chúng ta" (tr.394). Anh ấy thành thực thú nhận rằng chính anh cũng là một sản phẩm của văn hóa Khổng Giáo. Cũng như mọi người Việt Nam khác anh đã chấp nhận nó "một cách vô tình" (tr.369). Những ai sợ mất mát văn hoá truyền thống không nên lo âu vì "quí vị có muốn cũng không bỏ được đâu..."(tr.370) Nó có sức sống dài dẳng, và "nếu quả quyết và dứt khoát thì cũng chưa chắc gì sau 50 năm nữa chúng ta thay đổi được." (tr.370) Nó là một di sản 2000 năm vẫn khống chế chúng ta, và tất cả người Việt đều bị "nhiễm độc rất nặng nề vì nền văn hoá Khổng Giáo." (tr.370)

Ngày nay, sau khi lấy lại được độc lập, quyền tự do lựa chọn con đường thoát ra khỏi tình trạng chậm tiến, lạc hậu và nô lệ thì, thay vì đi vào một lối mới để thực hiện những nguyện vọng trên đây, cọng sản lại tái lập văn hoá Khổng Giáo dưới một hình thức cải tiến. Việt Nam lại bị dẫn vào bế tắc. Chúng ta trở lại thời Tự Đức... Vấn đề đâu vẫn còn đó.

Nhưng, như đã nói ở trên, ngày nay vấn đề đã sáng tỏ. Có một sự đồng thuận rộng rãi về lý luận. Phát triển là nhu cầu ưu tiến số 1 của Việt Nam. Muốn phát triển phải đổi mới. Muốn đổi mới phải có tự do. Với văn hoá Khổng Giáo không thể có tự do được. Như vậy cần dẹp bỏ văn hóa Khổng Giáo đi. Nhưng thay đổi văn hoá toàn bộ và tức khắc là một điều không làm được. Chỉ có thể sửa đổi từng phần. Vấn đề cần xét là: sửa đổi gì, và thế nào? Ở đây cần có một sự đồng thuận thật rõ ràng và rộng rãi, vì nó là điều kiện căn bản để thi hành những sự thay đổi. Thiếu điều kiện này thì thay vì phát triển ta sẽ mục kích những cuộc tranh cãi, dằng co vô tận.

Vấn đề trên đây cần được bàn cãi tường tận, và hy vọng rằng sẽ nhiều người chú ý đến và

tham gia vào cuộc bàn cãi này, nhất là đóng góp vào sự nhận chân những điều cần sửa đổi, và phương thức cải thiện tình trạng. Gần đây trên mặt báo Thông Luận, thấy có thêm anh em tham gia vào sự bàn luận về vấn đề này. Đó là một dấu hiệu đáng mừng.

Trong công việc sưu khảo, tham luận về vấn đề, cần nhất là bình tĩnh, khách quan, vô tư, thực tiễn, kìm chế tinh thần dân tộc tự ái cực đoan, và xu hướng bảo thủ tiềm tàng trong tất cả mọi người. Việc này đòi hỏi áp dụng phương pháp khoa học vào sự phân tích xã hội Việt Nam. Nhưng nếu tất cả chúng ta đều bị ảnh hưởng di sản Khổng Giáo, không phải ai cũng ý thức được, hay chấp nhận, điều này. Cho nên muốn nắm vững vấn đề cần quyết tâm làm một cuộc tự vấn thẳng thắn và thành thực thì mới đi đến kết quả thực tế.

Vấn đề rộng lớn, không thể bàn trong một bài được. Dưới đây chỉ đưa ra một vài ý kiến để góp phần vào việc suy ngẫm để tìm kiếm giải đáp cho vấn đề.

Tháp cây và sửa đổi văn hoá

Ta có thể áp dụng phương pháp tháp cây vào việc sửa đổi văn hoá Việt Nam, đem những điều hay nhất về khoa học kỹ thuật của văn hoá phương Tây, nặng về vật lý — phần nhánh —, ghép vào văn hoá nặng về đạo lý của phương Đông phương/Khổng Giáo — phần gốc — thì ta sẽ có được một văn hoá cân bằng, thích hợp với hiện đại, có thể thực hiện được sự sửa đổi cần thiết cho phát triển Việt Nam, mà không phải liệng bỏ hết văn hoá cổ truyền của ta đi.

Tất nhiên trong sự giữ lại một phần văn hoá cổ truyền Việt Nam, ta phải lựa chọn giữ lại những gì vẫn còn thích hợp, nghĩa là có giá trị trường cữu và phổ cập trong nhân loại. Mà ở đây, rất may là, xét kỹ, Khổng Giáo là một loại văn hóa có nhiều giống, và cả văn hoá Khổng Giáo lẫn văn hoá phương Tây đều chứa những giá trị phổ cập trong nhân loại.

Các giống Khổng Giáo đều nhấn mạnh đạo đức là căn bản của xã hội. Ta có thể nói rằng giống đạo đức, với luân lý đi theo nó, mà Nho sỹ Việt Nam chủ trương không còn thích hợp cho ngày nay. Nhưng ta không thể phủ nhận rằng một xã hội không thể được coi là văn minh, có thể tồn tại và tiến được nếu không có đạo đức. Cho nên, nếu ta loại bỏ hay suy diễn lại một số giáo quy luân lý của Khổng Giáo, hay phần lớn của những giáo quy đó, ta vẫn phải giữ lại một số giáo quy khác. Vấn đề này là vấn đề chính trong sự sửa đổi văn hoá. Nó rất rộng, cần được rất nhiều người bàn để đi đến một sự đồng thuận lớn. Trong sự bàn cãi này cần có sự tham gia của rất nhiều giới, đặc biệt là các lãnh đạo tinh thần thuộc tất cả các tôn giáo, các nhà lãnh đạo tư tưởng, lãnh đạo trong lãnh vực giáo dục, chính trị, xã hội...

Tốt hơn hết là nên lập ra một Ban/Nhóm Nghiên Cứu về vấn đề này, với ba nhiệm vụ chính: 1/ thảo ra một bộ quy luật đạo đức luân lý làm căn bản cho một xã hội/quốc gia Việt Nam thích ứng với nhu cầu và điều kiện hiện đại để hướng dẫn sự phát triển của Việt Nam trong 30-50 năm tới; 2/ dự thảo một đề án dài hạn cho sự thực hiện sửa đổi văn hoá Việt Nam; đề án này phải nói rõ làm thế nào để thực hiện những mục tiêu cần đạt 3/ dự thảo quy chế một Cơ Quan Quốc Gia Về Sửa Đổi Văn Hoá, gồm đại diện của tất cả các giới nêu trên, biệt lập với chính quyền, để theo dõi sự thi hành của đề án trên đây. Việc này cần làm gấp, trước khi chế độ cọng sản chấm dứt. Nếu đợi đến lúc đó mới bắt đâu, thì quá trễ, và Việt Nam sẽ rơi vào một tình trạng hỗn loạn lớn.

Sửa đổi văn hoá, tự nó, là một vấn đề rất rộng, chỉ có thể bàn cãi tường tận trong Ban/Nhóm nói trên. Ở đây, chỉ có thể đưa ra vài ví dụ.

Trong luân lý Khổng Giáo, "Tam cương," "Ngũ thường," "Tam tòng," Tứ đức" là những khái niệm và đức tính then chốt, thường được nhắc đi nhắc lại. Nhưng nó cũng bị thời gian làm cho biến đổi. Qua thời gian, đặc biệt là từ 1883 đến nay, khái niệm "Tam cương" — theo vua, theo chồng, theo cha — đã "loãng" đi, thay đổi hầu như gần hết. Nay ít ai nhắc nhở đến nó, hay chấp nhận tính cách tuyệt đối của sự phục tùng mà nó đòi hỏi. "Tam tòng" — theo cha, theo chồng, theo con — cũng vậy. "Tứ đức" — công, dung, ngôn, hạnh — thì nay có thể nói rằng nếu nó còn được để ý trong giới phụ nữ ngày nay, nó chỉ còn là một điều nhiệm ý. Trong giới trẻ, nhất là trong giới tỵ nạn ở các quốc gia phương Tây, thì nó lại là một điều coi như không hề được nghe, hay không cần nghe, nói đến.

Riêng về "Ngũ thường" — nhân, lễ, nghĩa, trí, tín — thì thực ra nó không phải là những đức tính, đạo lý, riêng gì cho Việt Nam. Nó là cơ sở đạo lý cho mọi xã hội văn minh, cần thiết cho trật tự, ổn định, bảo đảm điều kiện phát triển cho xã hội đó. Anh Kiểng cũng công nhận rằng Khổng Giáo mà anh lên án là Khổng Giáo "dựa

vào kinh sách," chớ trong đời sống hằng ngày nó "không đến nỗi như vậy (tr. 299). Như đã nói ở trên, nó đã được "nhân bản hoá." Cho nên "Ngũ thường" là "những giá trị của mọi nền văn minh chứ không riêng gì của Khổng Giáo" (tr. 299-300). Nó là những giá trị "đã được cải thiện dần dần với thời gian và đi vào quần chúng." Và, hơn nữa, "đó là những giá trị của mọi xã hội và mọi nền văn minh chứ không riêng gì của Khổng Giáo (tr.293).

Một số giá trị cổ truyền khác không những cần được giữ lại hay định nghĩa lại, mà còn cần phát huy vì nó cần thiết cho mọi xã hội, và nhất là một xã hội đã băng hoại về đạo lý như xã hội Việt Nam sau mấy thập niên cai trị của cọng sản. Trong loại đầu có hai đức tính đã được quý trọng trong quá khứ. Đó là Liêm và Sỉ. Trong loại thứ hai cần ghi Ái Quốc, nhưng không hiểu theo nghĩa của các Nho sĩ nữa — "ái quốc" = "trung quân" —, mà hiểu theo quan niệm mới, là yêu đồng hương, và quý trọng sinh mạng và tài sản của họ, và quý trọng tài nguyên của đất nước. Đó là những ý niệm mà ta nên nhớ khi xét vấn đề sửa đổi văn hóa Việt Nam.

Nói chung, ngày nay, nhất là đối với giới trẻ, Khổng Giáo không còn là mẫu mực cho hành vi và một vấn đề làm cho họ bận tâm suy nghĩ. Nhưng nó vẫn sống dai, và còn mạnh, trong tiềm thức của mọi người Việt. Điều này, chỉ có ai chú tâm về vấn đề mới thấy rõ.

Một ý niệm khác, cũng rất quan trọng, và được anh Kiểng nêu ra, là: các nền văn hoá khác nhau không phải vì chúng chứa đựng những giá trị khác nhau mà vì nó dành cho các giá trị những trọng lượng khác nhau. Cho nên, khi chúng ta nói cần thay đổi về văn hoá là "chúng ta muốn nói cần thay đổi trọng lượng tương đối" của các giá trị dựa trên kinh nghiệm của phương Tây vì "văn hoá phương Tây tôn trọng cá nhân và do đó phát triển được tối đa ý kiến và sáng kiến, trong khi các văn hoá phương Đông đều coi thường con người và làm thui chột trí tuệ." Điều mà phương Đông phải học hỏi trước hết của phương Tây lại là điều họ muốn phủ nhận: chủ nghĩa cá nhân tự do." (tr.385)

Về những giá trị phương Tây, ngoài Tự do, ta cần thâu nạp một số giá trị để bồi bổ cho thiếu sót rõ ràng nhất của văn hoá Việt Nam, đặc biệt là Tổ chức và phương thức sinh hoạt dân chủ trong đời sống kinh tế và chính trị. Một loại giá trị nữa rất cần đưa vào văn hóa Việt Nam vì trong Khổng giáo hoàn toàn không có giá trị này là những khái niệm Bình đẳng và Công bằng xã hội, hai giá trị ngày nay được coi như giá trị phổ cập của nhân loại. Đây là những giá trị mà anh Kiểng đã nói đến rất nhiều.

Thực ra, những giá trị thường được coi là những giá trị của phương Tây đã tạo ra sức mạnh của phương Tây — hoà bình, tự do, dân chủ, bình đẳng, nhân quyền, nhà nước pháp trị, đối thoại, hợp tác, lợi nhuận, liên đới, môi trường — không phải là những giá trị gì riêng của phương Tây, mà "là những giá trị phổ cập của loài người, có sẵn trong mọi dân tộc và mọi nền văn minh," (tr.371) và những dân tộc nào phát huy chúng đã trở thành giàu mạnh.

Như vậy, khi ta nói ghép văn hoá phương Đông và văn hoá phương Tây, ta muốn nói lấy những giá trị đạo đức hay và có tính cách phổ cập của phương Đông ghép vào những giá trị tự do khoa kỹ hay và có tính cách phổ cập của phương Tây thành một văn hoá tổng hợp cân bằng, hữu hiệu, và thích hợp với điều kiện hiện đại.

Kết luận

Xã hội nào cũng cần hai điều kiện: đạo đức và kiến thức — đạo lý và vật lý — để tồn tại và phát triển. Ngày nay, sự thực này rất rõ rệt, không còn là một đề tài tranh cãi nữa, nhất là đối với các nước nghèo đói. Nguyên do của nghèo đói là chậm tiến. Muốn hết nghèo đói, phải ra khỏi tình trạng chậm tiến. Làm sao? Đây là vấn đề gây tranh cãi vô tận. Nhưng càng ngày người ta càng thấy rõ rằng về căn bản đây là một vấn đề văn hoá. Các quốc gia nghèo đói bị tình trạng đó vì văn hoá của họ không thích hợp với phát triển, nhất là ở giai đoạn hiện đại.

Riêng về Việt Nam, thì có một sự đồng thuận ở điểm: sự phát triển của Việt Nam đã bị cản trở vì văn hoá Việt Nam thiếu khoa học kỹ thuật, điều kiện của phát triển, mà điều kiện của tiến bộ khoa học kỹ thuật là tự do. Với văn hoá Khổng Giáo Việt Nam không có tự do được. Thêm nữa, chế độ ngự trị Việt Nam trong hơn 30 năm nay, chế độ cọng sản, lại "chỉ là một chế độ Khổng Giáo cải tiến." Làm sao ra khỏi tình trạng này, và trong trình bày giải pháp, lựa chọn ngôn ngữ thế nào cho đạt được một sự đồng thuận rộng rãi, là một sự thách thức cho tất cả những người Việt Nam ưu tư về xứ sở, ngoài cũng như trong nước.

Ottawa,

Tháng 3, 2007

Chung quanh vụ thảm sát tại trường Đại học Virginia Tech

NGUYỄN ANH TUẤN

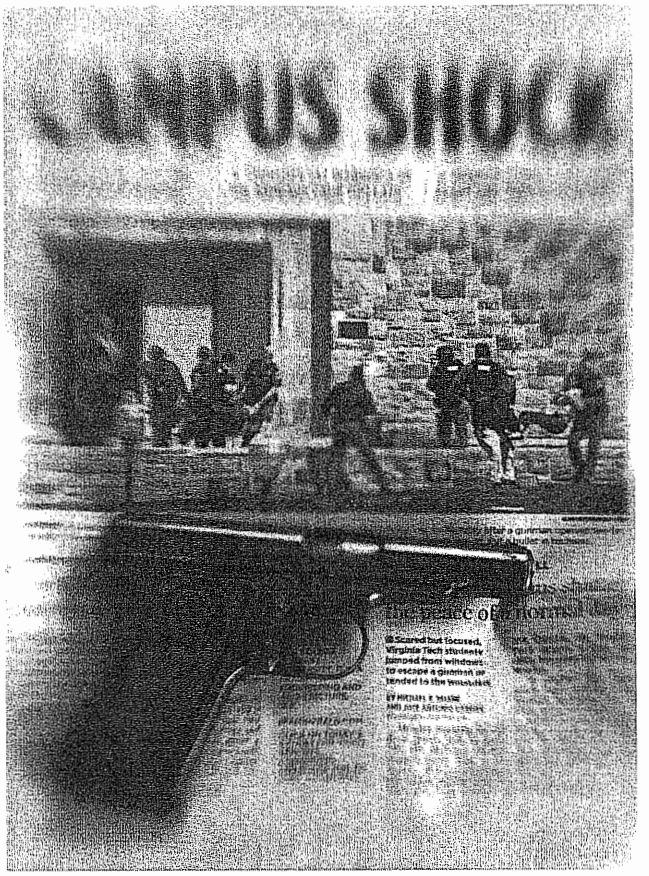

Ngay sau khi vụ thảm sát xảy ra tại trường Đại học Kỹ thuật (Virginia Tech) tại thành phố Blacksburg, tiểu bang Virginia, TT Bush và tất cả các ứng viên đang ngấm nghé cái ghế của ông vào năm tới đều đồng loạt lên tiếng chia buồn cùng gia đình của các nạn nhân xấu số. Tất cả đều nói lên những lời phân ưu hết sức cảm động, diễn tả tâm trạng bàng hoàng và đau buồn của họ trước cái thảm cảnh kinh hoàng và tang thương. Bà Nancy Pelosi, Chủ tịch Hạ Viện cũng kêu gọi mọi người giành một phút mặc niệm để tưởng nhớ đến những người vừa nằm xuống. Trong số này, chỉ có hai người dám đả động đến đề tài súng ống, vốn là một trong những yếu tố chính tạo nên sự kinh hồn của vụ bắn giết này. Và cả hai người đều muốn nhấn mạnh đến lập trường của họ là vẫn ủng hộ quyền tự do mua súng của người dân. Riêng TT Bush thì vẫn xác định lại quyền lợi cơ bản này của người dân, như đã được ghi trong Hiến pháp Hoa Kỳ.

Dĩ nhiên không phải đa số người dân Mỹ đều có cùng lập trường ủng hộ quan điểm này một cách mạnh mẽ như vậy. Gần như tất cả các bài xã luận của các tờ báo lớn trên nước Mỹ đều đồng thanh chỉ trích thái độ rụt rè của các chính trị gia đã không dám lên tiếng nói thật quan điểm của mình, nhất là từ phía đảng Dân Chủ, chỉ vì họ sợ cái thế lực của khối thiểu số, nhưng đầy uy lực và tiền bạc, của những người ủng hộ việc mua súng tự do, mà đại diện tiêu biểu là hội NRA. Tuy chỉ mang tên là một hội ái hữu của những người có súng trường (*National Rifle Association*), đây là bộ máy vận động hành lang có thế lực nhất của phe bảo thủ, được tiếp tay và ủng hộ mạnh mẽ bởi kỹ nghệ súng ống tại Hoa Kỳ, để cương quyết tranh đấu đến cùng nhằm loại bỏ tất cả những điều luật ràng buộc hay giới hạn quyền mua súng.

Có thể tóm gọn một cách không sai lầm rằng chủ trương của đảng Dân Chủ ủng hộ việc chính quyền giới hạn hay ngăn cấm việc mua súng trong khi đảng Cộng Hoà thì ngược lại. Đạo luật Brady Bill (mang tên vị tuỳ viên báo chí Bạch Cung bị bắn lạc đạn trong vụ ám sát TT Reagan vào năm 1981) được ban hành vào cuối năm 1993 dưới thời TT Clinton có công dụng kiểm soát chặt chẽ lý lịch của người muốn mua súng. Và qua năm sau, 1994, một đạo luật khác nhằm cấm việc phổ biến hay mua bán 19 kiểu

súng liên thanh loại tấn công (*assault weapons*) cũng được ban hành. Thế nhưng áp lực của hội NRA cũng đủ mạnh để giới hạn cho đạo luật này chỉ có hiệu lực trong 10 năm, và sau đó phải được đem ra biểu quyết lại. Thế nhưng đến năm 2004 thì cả Quốc Hội lẫn Toà Bạch Ốc đều nằm về phe Cộng Hoà, và vì thế mà đạo luật này đã cố tình bị bỏ lơ để âm thầm bị xoá sổ.

Tuy vậy, gần đây một số các chính trị gia phe Dân Chủ cũng không còn dám mạnh miệng ủng hộ các chính sách giới hạn quyền mua hay mang súng tự do, chỉ vì sợ thế lực và ảnh hưởng của hội NRA có thể làm cho họ mất phiếu hay thất cử. Người ta nhắc nhiều đến việc ứng cử viên Al Gore, thua khít khao trước ông Bush trong cuộc bầu cử tổng thống năm 2000 chỉ vì ông Gore dám chống lại hội này. Giá như ông Gore chỉ cần thắng được ở một trong những tiểu bang nhỏ và ít phiếu như Arkansas, West Virginia hay Tennessee (vốn là tiểu bang ruột, nguyên quán của ông) thì có lẽ lịch sử nước Mỹ đã thay đổi hoàn toàn. Bởi vì tuy các tiểu bang này có ít phiếu vì không đông dân, nhưng đa số cử tri lại sống ở nhiều vùng nông thôn rộng lớn nên đều có truyền thống ủng hộ mạnh mẽ quyền tự do mua súng. Trong cuộc bầu cử năm 2004, ứng viên của phe Dân Chủ là nghị sĩ John Kerry cũng sợ bị tấn công bởi hội NRA nên ông phải giàn xếp để xuất hiện trong đêm được đề cử với khẩu súng trường đeo vai trong bộ đồ đi săn. Thế nhưng nó cũng không đủ sức thuyết phục hội NRA (đã chi ra khoảng 400,000 Mỹ-kim mỗi ngày cho chiến dịch quảng cáo tấn công ông Kerry) và những người ủng hộ quyền tự do súng ống tại nhiều tiểu bang, trong đó có Ohio, nên cũng khiến ông thua sát nút tại tiểu bang này, dẫn đến sự thất bại trong cuộc bầu cử năm đó.

Trong kỳ bầu cử Quốc hội vào năm 2006, sự thành công to lớn của phe Dân Chủ để giành lại quyền hành ở cả hai viện trong ngành lập pháp, là nhờ ở công lao của nhiều vị dân cử thuộc những vùng phía miền Nam và các tiểu bang miền núi phía Tây, vốn là những nơi mà đa số cử tri đều coi cái Phụ Hiến số II (*Second Amendment*) cho phép "người dân cái quyền đeo súng" (*the right to bear arms*) như là một thứ dân quyền cơ bản và thiêng liêng. Thế nhưng, cái đa số của phe Dân Chủ cũng rất mong manh, chỉ vào khoảng 20 ghế trong tổng số 435 ghế ở Hạ Viện và một ghế trong tổng số 100 ghế ở Thượng Viện, và do đó họ đang tìm cách củng cố cái đa số này cho lớn mạnh hơn, cũng như có nhiều hy vọng để giành lại Toà Bạch Ốc vì sự bất mãn gia tăng của dân chúng trước chính sách thất bại của TT Bush tại Iraq. Trong bối cảnh đó, người ta mới hiểu vì sao các chiến lược gia chính trị của đảng Dân Chủ không muốn đánh mất cơ hội khả quan này bằng cách tránh né các đề tài nhức nhối có thể gây nhiều bất lợi. Mà đề tài giới hạn quyền tự do súng ống chắc chắn sẽ tạo sự chống đối mạnh mẽ của hội NRA có thể khích động nhiều thành phần cử tri bảo thủ hoặc sống ở vùng nông thôn sẽ siêng đi bầu để chống lại các ứng viên phe Dân Chủ. Chẳng thế mà Terry McAuliffe, cựu chủ tịch trung ương Đảng Dân Chủ và hiện nay là một trong những thành viên trụ cột trong uỷ ban vận động tranh cử của ứng viên Hillary Clinton, đã đưa ra lời cảnh cáo rằng các ứng viên Dân Chủ nên tránh tối đa bàn đến đề tài này vì sẽ bị mất phiếu. William Bratton, cựu cảnh sát trưởng của hai thành phố lớn nhất nước Mỹ là New York và Los Angeles, đã phê bình một cách thẳng thừng rằng các chính trị gia của cả hai bên đều đã bị "bắt giữ" bởi cái hội NRA rất mạnh miệng này.

Vụ thảm sát ở Virginia Tech đã gây chấn động và được bàn tán rất nhiều trên các diễn đàn truyền thông khắp thế giới vì tính chất kinh hoàng, bất ngờ (xảy ra ở một nơi được coi như là khuôn viên đại học yên lành) và ly kỳ của nó (khi các nhân viên công lực đã mất hai tiếng đồng hồ đầu tiên để truy lùng một thủ phạm ở một nơi khác vì tưởng lầm cho một kẻ tình nghi khác). Nó tạo nên một bầu không khí lo ngại khắp nơi trong những giờ phút đầu tiên khi danh tính của hung thủ chưa được kiểm chứng rõ ràng (tin thoạt đầu nói rằng hung thủ là một người gốc Á, để rồi vài tiếng sau được nói rõ là một người gốc Hoa, nhưng rồi qua đến hôm sau thì mới được xác nhận là người gốc Nam Hàn). Điều này không những khiến cho bộ Ngoại giao của các quốc gia Á Châu này cũng phải đặc biệt theo dõi trong những giờ phút đầu để đưa ra những lời chia buồn hay xin lỗi hầu xoa dịu một phần nào sự căm tức của người dân Mỹ, mà ngay cả cộng đồng di dân gốc Á định cư tại Hoa Kỳ (trong đó dĩ nhiên có tập thể người Việt tị nạn) cũng thấp thỏm hay lo âu cho những phản ứng trả thù vô cớ có thể xảy đến bất cứ lúc nào. Lý do đơn giản là việc phân biệt người nào là người Hoa, hay người Nhật, người Đại

Hàn hay người Việt v.v... không phải là chuyện dễ đối với những người Mỹ. Tình trạng "vơ đũa cả nắm" vẫn thường xảy ra và trong những giờ phút đầu tiên cũng thường có những nạn nhân bị trả thù, theo kiểu "giận cá chém thớt" một cách oan uổng chỉ vì bị hiểu lầm là đồng chủng với hung thủ.

Đến hai ngày sau, nó tiếp tục gây chấn động thêm khi nhiều tình tiết ly kỳ khác về hành tung của hung thủ được bất ngờ tiết lộ trên màn ảnh truyền hình. Khán giả còn chưa hết bàng hoàng thì bỗng được nhìn thấy một lô 43 tấm hình giật gân (trong đó có hình chụp anh ta đầu đội mũ ngược, khoác áo nhà binh, hai tay hai súng chĩa lên trời), một xấp thư từ 23 trang, và một cuộn băng video do chính thủ phạm tự tay mình gửi cho đài truyền hình NBC qua đường bưu điện. Điều ly kỳ là con dấu bưu điện, vào lúc 9 giờ 01 phút sáng, cho thấy là hung thủ đã gửi đi đúng vào hôm xảy ra án mạng, tức là ngay sau khi y vừa giết hai nạn nhân trong cư xá sinh viên vào lúc sáng sớm, và trước khi y tiến đến mục tiêu thứ hai, vào khoảng hai tiếng sau, tại một toà nhà trường đại học để tiến hành vụ thảm sát rùng rợn hơn, giết thêm 30 nạn nhân khác.

CHÂN DUNG KẺ SÁT NHÂN

Từ lúc nhỏ, Cho Seung-Hui (viết theo đúng thứ tự mong muốn của gia đình, giống như đa số người Á Châu: họ trước, tên sau) đã là một đứa bé ít nói, kể cả với trẻ em đồng trang lứa, hay với bất cứ ai trong gia đình. Bà mẹ cứ sợ đứa bé bị câm hay bị bệnh tâm thần, và chỉ mong nó nói được, thay vì cứ ngoan ngoãn và im lìm. Trong cuộc sống nghèo khó ở thủ đô Seoul bên Nam Hàn, vào năm 1984 ông bà Cho Seung-Tao quyết định nộp đơn xin định cư sang Hoa Kỳ khi có thân nhân đã đi trước muốn bảo lãnh sang. Mãi đến tám năm sau, năm 1992, cả gia đình mới đặt chân được đến thành phố Detroit, cũng là lúc mà đứa trẻ Seung-Hui mới lên tám. Sau đó không lâu, cả gia đình dọn về thành phố Centreville, tiểu bang Virginia, nơi có một cộng đồng người Đại Hàn đang lớn mạnh sống êm đềm trong một ngoại ô sát cạnh thủ đô Hoa Thịnh Đốn.

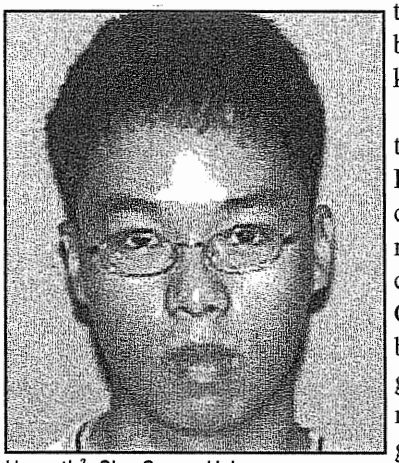
Hung thủ Cho Seung-Hui

Cả hai vợ chồng liền lao đầu vào công việc trong một tiệm giặt ủi, vốn là cái nghề thông dụng nhất tại đây của khối di dân này. Theo lời ông Jeff Ahn, chủ tịch của Cộng đồng người Đại Hàn tại địa phương, cho biết thì trong số 2000 tiệm giặt ủi trong vùng thì đã có khoảng 1800 tiệm là do người Đại Hàn làm chủ. Tuy vậy, hai ông bà Cho lại không thành công bằng những người đồng hương khác, không vươn lên được để trở thành chủ tiệm mà vẫn lận đận mãi với thân phận nhân công. Tuy vậy, họ vẫn cố gắng lo cho con cái ăn học đầy đủ, nhất là tại thành phố Centreville, cộng đồng Đại Hàn vẫn còn tinh thần nể trọng bằng cấp khoa bảng. Các tờ báo tiếng Hàn quốc trong vùng thường đăng tên các học sinh được thâu nhận vào các trường đại học danh tiếng thuộc Ivy League. Như trường hợp của chị ruột của Seung-Hui là Cho Sun-Kyung, được thu nhận và sau đó tốt nghiệp trường Đại học Princeton.

Cuộc sống ở trung học của Seung-Hui cũng không có gì thay đổi quan trọng. Vẫn im lặng, âm thầm và thích cô độc, thường giết thời giờ bằng những trò chơi điện tử hoặc chơi bóng rổ một mình trước sân nhà thay vì với bạn bè. Khi đưa con mình lên đại học Virginia Tech, ông bà Cho hy vọng rằng khung cảnh mới ở đây, rặng núi Blue Ridge thuộc vùng tây nam tiểu bang Virginia, sẽ giúp thay đổi tâm tính con mình, giúp nó có thể bớt im lặng hay lột bỏ đi cái khuôn mặt lầm lì u uất.

Không ai biết rõ trong những tha thiết thầm kín của Seung-Hui, chuyện yêu đương trai gái có mức độ nặng nhẹ ra sao, nhưng nếu có thì dường như cũng hơi mơ hồ hay xa cách. Có lúc anh nói với mấy người bạn học cùng phòng rằng bạn gái anh tên là Jelly, một người mẫu siêu sao sống ngoài không gian và thường du hành bằng phi thuyền. Anh còn khoe rằng bạn gái gọi anh là Spanky. Từ đó, Seng-Hui dùng tên SpankyJelly làm ký hiệu liên lạc trên hệ thống thông tin *Instant-Message*. Nhưng anh cũng để ý đến một số nữ sinh viên một cách khá soi mói khiến họ nhiều lúc cảm thấy khó chịu. Có hai cô đã gọi cho cảnh sát để khiếu nại rằng anh đã liên tiếp gọi họ

không ngừng nghỉ, rồi đột ngột xuất hiện trước cửa phòng họ, tuy không có vẻ nguy hiểm nhưng cũng gây bực mình. Đến khi có lời khiếu nại lần thứ hai vào tháng 12 năm 2005, cảnh sát liền đến nơi để điều tra, và sau đó khuyên anh cần phải chấm dứt những hành động này.

Sau khi cảnh sát bỏ về, Seung-Hui kể chuyện lại cho bạn và báo tin là có lẽ anh sẽ tự tử. Nhân viên cảnh sát liền được gọi trở lại, và lần này đưa anh đi khám bệnh tâm thần. Tại đây, một chuyên viên đề nghị đưa anh vào nhà thương điên để chữa trị. Một vị thẩm phán ký án lệnh tuyên bố anh có thể là một mối nguy hiểm và do đó gửi sang bệnh viện tâm thần Carilion St. Albans ở Radford để chẩn đoán bệnh tình cho chính xác. Lần này, sau khi khám xét, một vị bác sĩ ghi trong hồ sơ bệnh lý rằng anh có bệnh tâm thần, nhưng chưa đến mức trầm trọng hay có thể gây ra nguy hiểm. Vì thế, thay vì ra lệnh giữ lại trong nhà thương, quan toà cho phép Seung-Hui được tự do đi chữa trị ở ngoài.

Với bản tính lầm lì im lặng đó, hầu hết các bạn bè đồng học đều tránh né Seung-Hui. Mỗi lần anh phát biểu điều gì, thường toàn là những câu kỳ quặc hay quái gỡ. Có lúc anh khoe với bạn bè rằng trong một kỳ nghỉ học dịp lễ Thanksgiving, anh sẽ đi chơi với tổng thống Vladimir Putin của Nga vì ngày xưa hai người đã từng sinh hoạt chung những ngày ở thủ đô Moscow.

Trong lớp, một số người còn tưởng rằng anh bị điếc hay câm. Có lúc một tên bạn tinh nghịch còn chọc phá bằng cách dụ anh nói tiếng chào "hello" và sẽ thưởng cho 10 đô-la. Ấy vậy mà anh vẫn không mở miệng, lúc nào cũng ngồi rụt vai xuống, mắt đeo kính mát, đầu đội mũ baseball siết chặt lại. Thỉnh thoảng anh còn tự xưng mình là "Dấu Hỏi" và trên giấy ghi tên trong lớp học, anh thường viết dấu hỏi thay vì tên mình.

Tuy không nói nhưng anh lại viết, và viết rất nhiều, đủ thể loại, từ truyện, thơ, sang kịch. Và những điều anh viết cũng khiến cho người đọc phải chú ý và ái ngại, nhất là khi đọc những bài với nội dung đầy giận dữ và kỳ quái. Giáo sư Lucinda Roy, trưởng khoa Anh Văn, bắt đầu chú ý và tìm cách giúp đỡ bằng cách dạy kèm (*tutoring*) cho anh. Nhưng bà cũng tỏ ý lo ngại, nên đã báo cáo hồ sơ cho văn phòng cố vấn sinh viên cũng như cảnh sát đại học để lưu ý vì bà lo sợ cho cậu sinh viên đau khổ này có thể phẫn uất hay nản chí và làm điều sằng bậy hay tự tử. Bà dặn riêng với thư ký phụ tá của mình là trong những lúc ngồi dạy kèm cho Seung-Hui, nếu lúc nào mà nghe bà nói đến tên của một vị giáo sư nào đó đã chết rồi, thì đó là dấu hiệu có điều nguy hiểm và phải nên gọi báo ngay cho cảnh sát đến can thiệp.

Trong mùa học cuối hồi năm ngoái, Seung-Hui ghi tên học lớp viết kịch. Trong các bài nộp để phê bình và chấm điểm, anh nộp hai vở kịch ngắn có tên là "Richard McBeef" và "Mr Browstone," đầy những lời huyênh hoang và thô lỗ và nhuốm màu bạo lực, tang tóc. Một anh bạn cùng lớp tên là Steven Davis kể lại rằng sau khi đọc xong vở kịch ngắn này, anh quay sang một người bạn khác và thốt lên rằng: "*Tên nào mà như vầy thì đúng là cái thằng có thể làm những chuyện điên rồ như bước vào phòng học rồi bắn mọi người.*"

KẾ HOẠCH RA TAY

Hiện nay các điều tra viên đang tìm hiểu xem có động cơ nào đã thúc đẩy việc Seung-Hui đi tìm mua súng. Nhưng rõ ràng là anh ta có lên kế hoạch đàng hoàng cho cú ra tay này. Khẩu súng đầu tiên anh tậu là chiếc súng ngắn tự động Walther P22, đặt hàng trên Internet và tới nhận hàng tại một tiệm cầm đồ bình dân gần khu trường đại học vào ngày 9 tháng Hai.

Đến hơn một tháng sau, vào ngày 13 tháng Ba, Seung-Hui mua thêm khẩu Glock đạn 9-ly, một trong những loại súng bán chạy nhất, tại tiệm Roanoke Firearms sau khi xuất trình đầy đủ ba loại giấy tờ theo qui định: bằng lái xe, thẻ xanh (thường trú nhân vĩnh viễn) và một tấm chi phiếu cá nhân. Ngoài ra anh cũng mua thêm 50 viên đạn.

Trong ngày 22 tháng Ba, Seung-Hui đến thực tập bắn súng tại trung tâm tác xạ PSS Range, và mua thêm bốn băng đạn cho khẩu Glock. Trong những tuần lễ kế tiếp, anh lần lượt đi mua các món hàng cần thiết khác như quần lính, kính mát, và đạn tại tiệm Wal-Mart ở Christianburg. Anh cũng ghé sang tiệm Home Depot để mua một sợi giây xích sắt, một chi tiết nhỏ nhưng nguy hiểm chết người sau này khiến cho nhiều nạn nhân không thể nào mở cửa để thoát ra ngoài.

Vào tối ngày 8 tháng Tư, anh thuê phòng ở khách sạn Hampton Inn ở Christianburg. Các điều tra viên án mạng tin rằng có lẽ cuộn băng video của anh được thu hình tại đây vì có hình

dây điện đèn trong cuộn băng trông giống với dây đèn trong phòng khách sạn.

Tuy ở chung cùng một phòng lớn với năm sinh viên khác trong khu đại học xá Harper Hall, nhưng đa số đều không biết rõ về con người của Cho Seung-Hui, mặc dù anh cũng có những thói quen khác thường, như là thường đi ngủ trước chín giờ tối và dậy sớm trước bảy giờ sáng. Lúc gần đây, dường như càng ngày anh càng dậy sớm hơn.

Vào sáng ngày thứ Hai 16 tháng Tư, Joe Aust, bạn cùng phòng, thức giấc vào khoảng năm giờ sáng vì nghe tiếng lục đục của Seung-Hui. Karan Grewal, một bạn khác, thức dậy để đi tiểu; và chạm mặt với Seung-Hui, nhưng cả hai không một người nào cất tiếng. Joe Aust còn mệt nên quay ra ngủ tiếp. Đến lúc anh thức dậy vào khoảng bảy giờ sáng để sửa soạn đến trường thì không thấy Seung-Hui trong phòng.

Trong lúc đó tại đại học xá Ambler Johnston kế bên, Emily Hilscher là sinh viên năm thứ nhất ngụ tại phòng 4040, sát cầu thang máy trên lầu tư. Vào khoảng độ bảy giờ sáng, cô Hilscher bị Cho Seung-Hui bắn chết, không ai biết nguyên nhân hay diễn tiến. Ryan Clark, một sinh viên khoá đàn anh cư ngụ kế bên, nghe tiếng nổ nên vội chạy sang, có lẽ để tìm hiểu hay điều tra, và cũng chịu chung số phận như Hilscher.

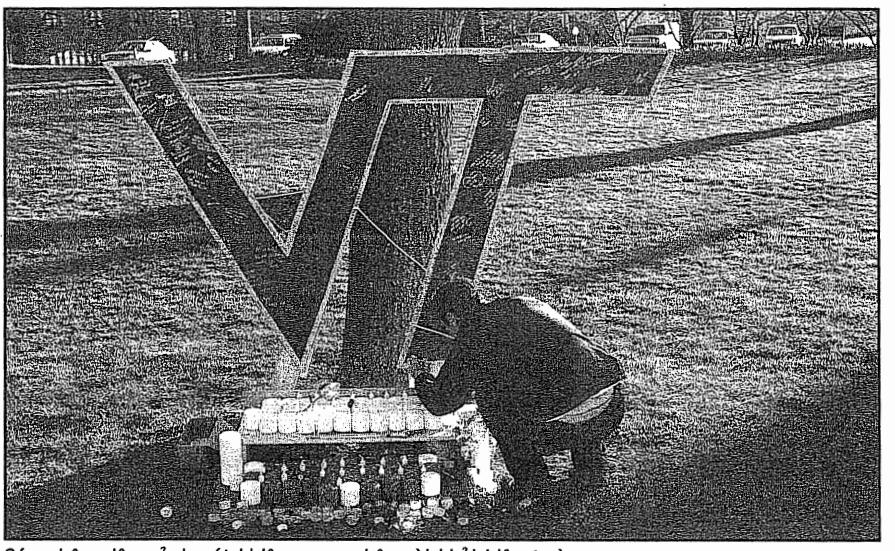

Các nhân viên cảnh sát khiêng nạn nhân rời khỏi hiện trường.

Cảnh sát đại học nhận được cú điện thoại cấp cứu 911 vào lúc 7 giờ 15 phút, trong lúc trời còn tờ mờ sáng trong khu đại học và hàng ngàn sinh viên đang sửa soạn đến trường. Chưa có lớp học nào bắt đầu vào giờ này, và dường như không ai biết gì về vụ án mạng đã xảy ra trong khu đại học xá. Những tin tức mà cảnh sát thu lượm được trong những giây phút đầu tiên đã khiến họ lấy quyết định theo đuổi một kẻ tình nghi khác. Đó là khi bạn của Emily Hilscher, cô Heather Haughn, đến đại học xá để cùng bạn mình đi đến lớp thì đã thấy cảnh sát đứng đầy chung quanh. Trong lúc đặt câu hỏi, cảnh sát được biết rằng cô Hilscher có một người bạn trai là anh Karl Thornhill, sinh viên năm thứ tư đang theo học tại trường Đại học Radford nằm gần đó. Hai người đã ngủ chung với nhau vào dịp cuối tuần rồi tại nhà riêng của anh Thornhill. Cô Haughn cũng kể rằng anh này có súng và cũng mới đi tập bắn súng vào hai tuần trước đó.

Dựa vào những lời kể nóng hổi đó, cảnh sát liền đi đến một kết luận hợp lý nhất: chắc lại là một vụ án mạng vì ghen tuông hay giận dữ. Thế là họ tức tốc đổ xô ra để truy lùng cho bằng được Thornhill. Vài tiếng đồng hồ sau, họ chặn bắt được anh đang lái xe trên xa lộ, sau khi rời lớp học để về nhà. Thế nhưng sau khi điều tra thêm, cảnh sát mới biết rằng mình đã bắt lầm người, và họ đang ở lầm nơi để có thể tìm ra hung thủ.

Cái khoảng thời gian cảnh sát mất công để đi tìm lầm hung thủ đó đã giúp cho Seung-Hui thực hiện đủ những gì mình mong muốn. Anh trở về phòng mình, sửa soạn cho bước kế tiếp. Những thông điệp đầy hận thù mà anh đã sửa soạn từ trước, giờ đây sẽ được tung ra cho thế giới biết. Trong đó có cuộn băng video, 43 tấm hình chụp hai tay cầm súng chĩa khắp nơi, và một lá thư dài với những lời lẽ đầy cay nghiệt và thù hận, lên án những kẻ giầu sang, dư dả, oán trách cho số phận mình bị coi thường, khinh rẻ. Lá thư cũng ngợi khen Dylan Klebold và Eric Harris, hai hung thủ trong vụ thảm sát tại

trường trung học Columbine vào năm 1999, như là những kẻ tử vì đạo.

Seung-Hui xếp tất cả những thứ ấy vào một gói và ra bưu điện gần đó, trả lệ phí hơn 14 Mỹ-kim để gửi hoả tốc đến đài truyền hình NBC (vì ghi nhầm địa chỉ nên gói hàng đến trễ hơn một ngày). Sau đó, anh trở về phòng để tiếp tục trang bị thêm vũ khí và bắt đầu thực hiện những hành động kinh hoàng hơn.

Vào khoảng 9 giờ 26 phút sáng, văn phòng của trường bắt đầu gửi một bức thư email đến mọi người trong khu đại học. Nội dung có nhiều chi tiết nhằm báo động để đề phòng: "*Một vụ nổ súng đã xảy ra ở khu đại học xá West Ambler Johnson sáng nay. Cảnh sát đã đến hiện trường và đang điều tra. Mọi người nên cẩn thận đề phòng, và nếu thấy có điều gì khả nghi thì nên lập tức báo tin cho cảnh sát.*" Thế nhưng, đến lúc này thì có lẽ cái định mạng oan nghiệt của 30 con người xấu số đã được an bài, và mọi sự trong kế hoạch của Cho Seung-Hui đang được xúc tiến nên không có điều gì có thể thay đổi được.

Trong khu đại học Virginia Tech, Norris Hall là một toà nhà rộng lớn có hình chữ L gồm nhiều phòng học, nằm cách xa một sân thể dục lớn đối diện với khu đại học xá Harper Hall. Vào khoảng 9 giờ 30 phút sáng, Seung-Hui bước vào toà nhà Norris, khoác chiếc áo đeo băng đạn, tay cầm giây xích sắt và lưng đeo một túi xách. Sau khi dùng giây xích để khoá chặt cửa ở phía trong (để cho không một ai có thể tung cửa thoát thân được), Seung-Hui bắt đầu bước lên lầu hai, đổ ra bảy phòng học, trong đó có hai phòng trống và năm phòng đang có lớp, lúc này là đang vào giờ học thứ hai trong ngày. Với súng sẵn trong tay, anh tung cửa vào bốn phòng này, lạnh lùng nhả khoảng 175 viên đạn vào các nạn nhân xấu số, gây tử thương cho 25 sinh viên và năm giáo sư, cùng với mấy chục người khác bị thương, một số may mắn giả chết và một số khác phải đập cửa sổ để nhảy xuống đất.

Những viên cảnh sát đầu tiên đến hiện trường liền nổ súng ngay vào cổng bị giây xích khoá chặt để nhảy vào. Tiếng súng nổ chát chúa này có lẽ đã cảnh báo cho hung thủ biết rằng hắn chỉ còn đủ thời giờ cho một phát súng cuối cùng. Sau đó, cảnh sát thấy thân hình hắn nằm sóng xoài trên thang lầu, viên đạn bắn vào đầu, làm vỡ mặt nên khó nhận diện. Chụp lấy ống liên hợp, người cảnh sát báo cáo: "*Hung thủ bị bắn ngã! Hung thủ bị bắn ngã! Thẻ đen!*" Trong ngôn ngữ của cảnh sát, "thẻ đen" là ám hiệu cho biết kẻ ấy đã chết.

Và như thế kết thúc một vụ thảm sát kinh hoàng nhất tại trường đại học trong lịch sử của Hoa Kỳ.

Lúc sống, Cho Seung-Hui lầm lì, ít nói, khiến có lúc nhiều người tưởng y bị câm. Thế nhưng sau khi chết thì y đã nói, và nói thật to qua cuộn băng video cho mọi người đều nghe những lời nói đầy hận thù và khó hiểu. Trong khi đó trong cộng đồng người Nam Hàn tại Centreville, mọi người cũng xôn xao theo dõi diễn tiến trên màn ảnh truyền hình. Một vị mục sư đến chia sẻ sự mất mát cùng với gia đình của anh. Sau khi xem xong đoạn phim video, vị mục sư này nói với phóng viên của tờ báo JongAng Ilbo ở thủ đô Seoul: "*Cả gia đình chúng tôi chỉ đều muốn nói rằng con người đó không phải là Cho Seung-Hui mà chúng tôi đã biết. Đây là lần đầu tiên mà chúng tôi thấy anh ta phát ngôn những câu văn đầy đủ như vậy.*"

VĂN HOÁ BẠO LỰC VÀ VĂN HOÁ SÚNG ỐNG?

Những từ ngữ thường được nghe nói đến trong những ngày đầu tiên liên quan đến vụ thảm sát này là "kinh hoàng" và "sửng sốt." Thế nhưng nếu khách quan nhìn lại, nhiều người có thể nói rằng sự sửng sốt này không thực sự là một điều kinh ngạc, và có lẽ cũng đã được tiên đoán là trước hay sau gì cũng sẽ xảy ra ở xã hội Hoa Kỳ này. Hay nói đúng hơn những người sống lâu năm ở Hoa Kỳ có thể lấy làm giật mình bối rối hay khó chịu trước cái tin xấu này chứ không thực sự sửng sốt theo đúng nghĩa của nó. Và có lẽ chính cái sự không lấy làm sửng sốt này mới là điều khiến cho mọi người phải sửng sốt để tìm hiểu căn nguyên. Gọi là không sửng sốt là vì người dân Mỹ đã nghe và đã trải qua nhiều tình huống thảm khốc và tang thương như vậy, và dường như họ có linh tính là sẽ có thể nghe tiếp trong tương lai. Những địa danh và những nhân vật có thể thay đổi, Dylan Klebold và Eric Harris ở trường trung học Columbine và Cho Seung-Hui ở trường đại học Virginia Tech, nhưng tựu trung vẫn là những vụ thảm sát gần như "lệ thường" (*routine*) vẫn hay xảy ra khắp nơi trên nước Mỹ, mà thỉnh thoảng chỉ được nhiều người chú ý tới hơn chỉ vì con số nạn nhân to lớn hay những tình huống hơi khác thường.

Dĩ nhiên ở một quốc gia thanh bình như Hoa Kỳ mà mỗi năm có hàng chục ngàn vụ nổ súng khiến cho gần 30,000 người bị thiệt mạng thì người ta không lấy làm sửng sốt trước những tin xấu ấy cũng là điều dễ hiểu, cho dù đó là những vụ thảm sát tập thể (*mass murders*), được định nghĩa là những án mạng gây ra nhiều người chết trong một ngày. Nó có thể xảy ra ở trường học, hay ở những tiệm ăn như Luby hoặc McDonald, trong một khu thương xá hoặc ở sở làm như Bưu điện khiến cho người ta không còn lấy làm ngạc nhiên nữa. Thật vậy, sau vụ thảm sát kinh hoàng ở Columbine, Colorado vào năm 1999, có mấy ai còn nhớ đến những vụ thảm sát kinh hoàng khác cũng ở trường học, cho dù nó chỉ mới xảy ra cách đây không lâu? Đó là vụ thảm sát tại một trường học dân Amish tại tiểu bang Pennsylvania, xảy ra cách đây không lâu, ngày 2 tháng 10, 2006 khi anh tài xế Charles Robert IV bắt cóc một số học sinh và tự bao vây trong một phòng học, để rồi sau đó bắn vào đầu năm em nữ sinh trước khi nổ súng tự tử. Hoặc một vụ khác xảy ra vào năm trước, ngày 21-3-2005, tại trường trung học Red Lake ở tiểu bang Minnesota, khi em học sinh Jeff Weise nổ súng giết năm bạn học khác, một thầy giáo và một nhân viên an ninh. Ấy là chưa kể trước khi ra tay tại trường, em này cũng đã bắn chết ông nội của mình và người bạn gái của ông ta.

Những người Mỹ bị chạm tự ái vì phải nghe những thí dụ chỉ trích như thế này thì sẽ bảo rằng những vụ thảm sát kinh hoàng do những tay điên rồ chủ động có thể xảy ra bất cứ ở đâu chứ không phải chỉ riêng ở Hoa Kỳ này. Và họ cũng có lý. Chẳng hạn như tại Âu Châu, nơi mà luật lệ kiểm soát việc mua súng hay mang súng rất gắt gao, những vụ thảm sát tập thể kinh hoàng vẫn xảy ra như thường. Như trường hợp ở Đức vào ngày 26-2-2002, tại trường Gutenberg ở Erfurt, khi anh Robert Steinhauser đã nổ súng gây thiệt mạng cho 16 người gồm có 12 thầy cô, một thư ký, hai học sinh và một nhân viên cảnh sát. Chỉ vì tức giận hay xấu hổ khi bị đuổi khỏi trường hồi năm trước, Steinhauser đã trở lại trường để trả thù một cách vô cớ và tàn nhẫn như vậy. Còn tại Anh Quốc, nơi mà cảnh sát nhiều khi còn không mang súng mà chỉ có trang bị với cây ma-trắc (trước thời 9/11), cũng đã xảy ra một vụ thảm sát kinh hoàng tại trường học. Trong vụ này, ông Thomas Hamilton xách súng tới trường tiểu học ở Dunblane, Tô Cách Lan, nổ súng giết chết 16 em học sinh bé nhỏ và một cô giáo. Hoặc vụ thảm sát tại trường Đại học Bách Khoa ở Montreal, vào ngày 6-12-1989, khi Marc Lepine nổ súng giết chết 14 phụ nữ và gây thương vong cho 13 người khác chỉ vì giận dữ và thù hận những người phụ nữ cấp tiến, một vụ án mạng kinh hoàng nhất tại trường học ở Gia Nã Đại.

Và những thảm trạng đó cũng xảy ra tại những lục địa khác như tại Úc hay Á Châu. Tại

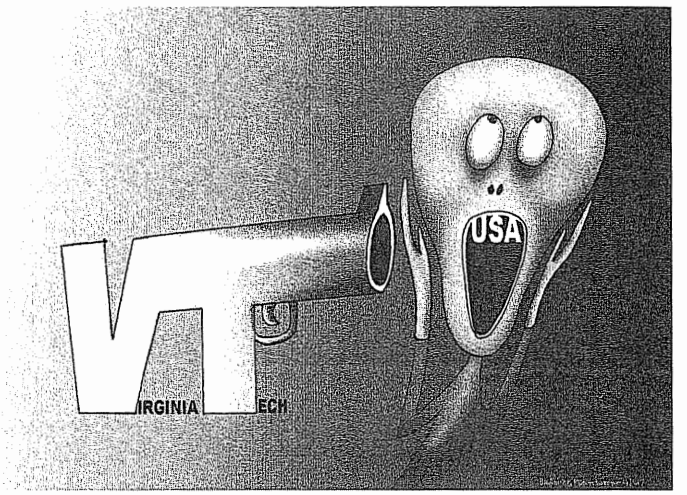

Úc Đại Lợi, nhiều người vẫn còn nhớ đến vụ thảm sát xảy ra vào ngày 28-4-1996 khi anh Martin Bryant nổ súng tại một quán cà phê ở làng du lịch Port Arthur trên đảo Tasmanian, gây thiệt mạng cho 35 người và 37 người khác bị thương vong. Sau vụ này, chính phủ của Thủ tướng John Howard đã ra lệnh siết chặt gắt gao hơn nữa luật lệ mang súng tại Úc, và may mắn thay tình trạng bạo động đã sút giảm rất nhiều.

Và dù không có súng ống thì những vụ thảm sát tập thể cũng có thể xảy ra như thường. Như trường hợp đã xảy ra tại Nhật Bản, vào ngày 8-6-2001, khi anh lao công Mamoru Takuma xông vào trường tiểu học ở thành phố Osaka, dùng dao giết chết tám em học sinh và làm bị thương nhiều người khác.

Và dĩ nhiên, còn nhiều, nhiều vụ thảm sát tập thể kinh hoàng khác, không thể nào kể hết.

Thế nhưng, tại sao hầu như mọi người đều đồng thanh lên tiếng chỉ trích tình trạng bạo loạn tại Hoa Kỳ, xuyên qua các vụ thảm sát tập thể vẫn thường xảy ra nhan nhản khắp nơi.

Và họ đổ lỗi cho xã hội và các chính trị gia Hoa Kỳ, dường như không dám có quyết định dứt khoát và sáng suốt để thay đổi luật lệ và tư duy của một số cử tri vẫn còn trung thành với quan niệm cổ hủ về cái gọi là quyền tự do, nhất là quyền tự do mang súng theo như Phụ Hiến số II của Hiến Pháp Hoa Kỳ đã cho phép.

Lý do chính khiến nhiều người chỉ trích về tình trạng bạo lực (xuyên qua các vụ thảm sát tập thể kinh hoàng này) xảy ra nhan nhản ở Hoa Kỳ là sự xuất hiện của súng ống tại xã hội này. Và rất nhiều súng, theo như nhận định của tờ tuần báo *Economist*, lên đến con số khoảng 240 triệu khẩu súng lưu hành, còn cao hơn cả số người trưởng thành sống tại Mỹ. Dĩ nhiên, đó chỉ là con số súng ống nói đến trong xã hội dân sự, không kể đến các vũ khí của quân lực Hoa Kỳ, dĩ nhiên là với con số to lớn và hoả lực mạnh mẽ nhất trên thế giới. Trong tổng số 240 triệu khẩu súng đó, thì đến 1/3 là các khẩu súng lục, dễ đeo giấu trong người cũng như dễ dàng khai hoả. Cả hai khẩu súng mà Cho Seung-hui đã mua đều là loại bán tự động, bắn nhanh như khẩu Glock, mà thông thường chỉ có những nhân viên công lực mới có quyền rớ tới, như luật lệ của hầu hết các quốc gia khác trên thế giới. Thế nhưng nó đã được mua bán một cách dễ dàng, và hợp pháp tại Hoa Kỳ này. Khi mua nó, Seung-Hui đã xuất trình đầy đủ giấy tờ hợp lệ: bằng lái xe, thẻ xanh (thường trú nhân vĩnh viễn) và tấm chi phiếu có cùng địa chỉ. Và cuộc kiểm tra về lý lịch cho thấy là anh không có tiền án, thế là theo luật lệ của tiểu bang Virginia, anh có quyền mua súng, và mỗi tháng có quyền mua một khẩu, nếu như anh muốn và có đủ tiền.

Những người chống đối chính sách tự do súng ống thì cho rằng giá như nghiêm cấm việc mua bán súng ống thuộc loại tự động, bắn nhanh, thì có lẽ anh ta sẽ khó tìm được những loại vũ khí giết người thần tốc như vậy, và như thế có thể con số nạn nhân sẽ giảm hơn. Nói theo quan điểm của tờ *Economist*, thì cái thảm trạng kinh hoàng có thể vẫn sẽ xảy ra. Thế nhưng nếu có chính sách giới hạn việc mua súng ống, thì cái thảm trạng cũng khó được tiến hành, chứ không dễ dàng như trường hợp của Cho Seung-Hui, và có thể cho hàng trăm tay điên rồ mắc bệnh tâm thần khác đang tìm cách bắt chước trong tương lai. Ngoài những hình ảnh kinh hoàng của những vụ thảm sát tập thể dễ gây ấn tượng mạnh, tình trạng bạo loạn tại Hoa Kỳ vì súng ống thật ra đáng ngại hơn nhiều mà ít người chú ý đến. Thống kê cho thấy hàng năm có khoảng 14,000 vụ án mạng vì súng, cộng thêm khoảng 16,000 vụ tự sát và khoảng 650 tai nạn chết người cũng vì súng. Dĩ nhiên, trong nhiều vụ gây ra chết người, cho dù có súng hay không, thì nó cũng vẫn xảy ra, như trường hợp các vụ tự sát, có thể bằng thuốc độc hay các phương tiện khác. Thế nhưng rõ ràng là súng ống góp phần biến những tai nạn hay xung đột dễ chết người hơn.

Một số người cũng cố biện minh cho trường hợp của Hoa Kỳ, khi nói rằng việc mua súng dễ dàng không phải là yếu tố chính góp phần vào sự gia tăng các vụ thảm sát tập thể. Ông Grant Duwe, một chuyên gia nghiên cứu về tội phạm làm việc tại một bộ đặc trách về nhà tù của tiểu bang Minnesota, tìm cách chứng minh điều này dựa trên các thống kê sưu tầm trong thời gian dài. Theo ông Duwe, thì mức độ gia tăng của các vụ thảm sát tập thể cũng đi kèm với tỉ lệ tổng quát của các vụ án mạng trên toàn quốc. Ông đưa ra các con số thống kê để chứng minh rằng các vụ thảm sát tập thể cũng đã từng xảy ra rất nhiều trong quá khứ, vào các thập niên 1920 và 1930, tương tự như ngày nay. Chỉ có điều khác là nguyên nhân gây ra các vụ thảm sát này. Thời đó, thường có các vụ thảm sát tập thể khi một số nông gia hay doanh gia phải bắn chết cả gia đình rồi sau đó nổ súng tự sát chỉ vì họ tuyệt vọng và thua lỗ nặng vì thất mùa hay tán gia bại sản trên thương trường (thời kỳ Đại Khủng Hoảng Kinh Tế vào năm 1929). Đó là trường hợp của nông gia J. H. Haggard tại Vernon, Texas, đã nổ súng giết chết cả năm người con của mình vào ngày 29-12-1929, rồi sau đó tự sát, sau khi để lại lá thư tuyệt mạng ngắn gọn: "*Tất cả đều chết hết. Và tôi cũng chết luôn cho tốt.*"

Dĩ nhiên, thời đại nào cũng có những con người tuyệt vọng, và sẵn sàng giết chết thân nhân của mình khi quẫn trí. Thế nhưng những kẻ sát nhân này khác với Cho Seung-Hui hay các anh học trò Klebold và Harris ở Columbine. Những tay hung thủ này rõ ràng là nóng giận và hung dữ hơn, và họ thường đổ lỗi cho xã hội về những yếu kém thiệt thòi của họ, và có thể dồn mọi tức giận này lên đầu một vài thành phần nào đó trong xã hội. Trong trường hợp của Seung-Hui, anh oán hận những bạn học nhà giầu, dư dả phương tiện vật chất và coi thường anh.

Tuy nhiên, cũng có nhiều vụ thảm sát tạo nên những âm vang đặc thù phản ảnh tình trạng xã hội và tư duy của dân chúng vào từng thời điểm. Như trường hợp một số nhân viên bị sa thải hay bị chèn ép có thể tức giận nổ súng giết chết một số đồng nghiệp hay cấp trên để trả thù cho những sự oan ức bị dồn nén bấy lâu. Trong hai thập niên 1980 và 1990, đã xảy ra nhiều vụ thảm sát tập thể mà hung thủ và nạn nhân đều là nhân viên Bưu điện. Sự kiện này được nhiều người chú ý và bàn cãi, tranh luận sâu rộng đến mức mà từ ngữ "*go postal*" đã đi vào kho ngữ vựng chính thức trong cuốn tự điển Webster New World College Dictionary. Nó diễn tả hành động hay thái độ của một kẻ nào đó có thể có những phản ứng giận dữ khó kiểm soát được nếu như bị xử ép quá đáng trong một thời gian dài. Những vụ thảm sát tập thể liên tiếp xảy ra tại các trung tâm bưu điện khiến cho cả nền kinh tế nước Mỹ bắt đầu xét lại các lề lối làm việc và từ đó có nhiều thay đổi, từ việc đề ra các chính sách giao tiếp thân thiện hơn với cấp dưới; giảm bớt không khí căng thẳng trong chỗ làm việc; nhưng đồng thời cũng gia tăng nhiều biện pháp an ninh tại nhiều công sở.

Theo giáo sư James Alan Fox, chuyên gia nghiên cứu về tội phạm tại trường Đại học Northeastern, thì con số gia tăng của các vụ thảm sát tập thể tại Hoa Kỳ có thể phản ảnh tình trạng bất an về kinh tế, cộng với sự cách biệt về giầu nghèo càng ngày càng gia tăng. Tại nước Mỹ, có truyền thống kích thích sự tranh đua là giành nhiều phần thưởng lớn lao cho người thắng cuộc, được hưởng gần như tất cả vinh quang. Trong khi những kẻ thất thế hơn thì bị chê bai, bỏ mặc không được dòm ngó đến. Trong hãng xưởng, đa số các nhân viên phải chịu đựng làm việc suốt ngày và cam chịu với đồng lương thấp cố định, trong khi các viên chức giám đốc cấp cao được hưởng nhiều quyền lợi và bổng lộc (*bonus*) quá ư hậu hĩ đến chóng mặt, ngay cả khi bị đuổi đi. Tình trạng này càng khiến cho tâm lý bực tức vì uất nghẹn hay bất công lúc nào cũng âm ỉ trong lòng, và do đó chỉ chờ cơ hội thuận tiện là có thể nổ tung lớn. Trong bối cảnh đó, việc dễ dàng mua súng ống để thực hiện giấc mộng của mình lại càng kích thích sự tò mò của những người kẻ bị dồn nén này mà không có môi trường nào khác để giải toả hay xả xú-bắp.

Còn theo chuyên gia Jeffrey S. Adler, giáo sư giảng dạy về môn lịch sử và tội phạm tại trường Đại học Florida, thì một yếu tố khác cũng cần được chú ý. Đó là tinh thần gần gũi và hoà đồng trong cộng đồng dần dần bị phai nhạt tại xã hội Hoa Kỳ ngày nay. Trong quá khứ, người dân thường sống quây quần trong những vùng quen thuộc và lâu đời, trở nên gắn bó hơn với những sinh hoạt xảy ra chung quanh cộng đồng của họ, như tham gia các sinh hoạt thể thao, lễ hội cho từng khu xóm hoặc các dịp gặp gỡ hàng tuần trong các sinh hoạt tôn giáo. Nhu cầu kinh tế ngày nay tạo áp lực khiến cho nhiều người phải rời bỏ chốn yên ấm này để đến những nơi xa lạ, không có chỗ dựa tinh thần, và dễ sinh ra tình trạng cô đơn vì buồn chán, và tuyệt vọng.

NHỮNG PHẢN ỨNG VÀ SUY NGHĨ NÔNG NỔI

Sau cùng, cũng phải nói đến những phản ứng của nhiều thành phần bảo thủ ở Mỹ, cương quyết bảo vệ chủ trương của mình đến cùng. Đó là những luận điệu của khối người chống lại các chính sách kiểm soát hay siết chặt việc mua súng ống tự do. Chỉ cần đọc các bài bình luận hay các trang blog trên các diễn đàn của phe bảo thủ thì sẽ thấy nhan nhản các quan điểm kiểu này, vừa nông nổi, thiếu chín chắn, vừa phản ảnh cái tầm nhìn rất giới hạn, không biết suy nghĩ đến cái lẽ "*lợi bất cập hại.*"

Chẳng hạn như trường hợp của Michelle Malkin, một di dân gốc Phi Luật Tân nhưng lại là một trong những cây bút bảo thủ cực hữu. Trong một bài viết đăng trên diễn đàn RealClearPolitics.com đề ngày 18-04, với tựa đề "*Wanted: A Culture of Self-Defense*" (Đang Cần Một Nền Văn Hoá Tự Vệ), cô Malkin cho rằng nhiều người mất thời giờ để chỉ trích cái văn hoá bạo lực và văn hoá thích súng ống của người dân Mỹ. Cũng như đã có nhiều bài báo khai thác khía cạnh về nguyên do tâm lý của hung thủ, rồi đề nghị những biện pháp chữa trị và phòng ngừa. Thế nhưng không ai chịu nói đến cái cần nói đến, là phải đề cao cái văn hoá tự vệ. Tức là nếu như luật lệ ở trường Đại học Virginia Tech không ngăn cấm việc mang súng thì có lẽ trong số 32 nạn nhân xấu số đó, thể nào cũng có một hay vài người cũng có mang súng theo, và như thế thì họ sẽ không cảm thấy bất lực để cho một tên điên rồ tiếp tục nhả hết băng đạn này đến băng đạn khác.

Một tay bình luận cực hữu khác là John Derbyshire cũng viết tương tự trên tờ National Review: "*Tại sao không ai có tinh thần tự vệ?*

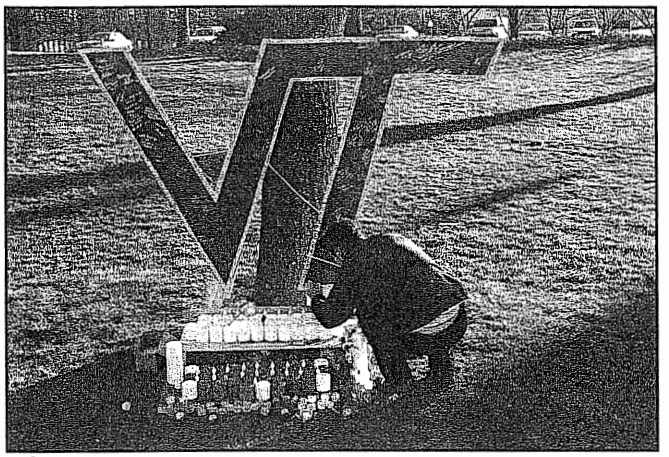

Tưởng niệm

Tại sao không có ai nhảy lên đè hắn xuống? Đâu phải hắn là Rambo, tay mang súng tiểu liên tự động. Chỉ cần đếm cho hết tiếng súng trong băng đạn, rồi thì hắn phải ngừng để thay băng đạn mới, và lúc đó thì nhảy chụp lên hắn. Như vậy thì có thể đã giúp cho một số người không phải tiếp tục bị bắn chết."

Ngoài cái luận điệu đầy kẻ cả nhưng thiếu thực tế của một người đứng ngoài cuộc thích làm cố vấn, những lời nói của ông Derbyshire hay cô Malkin này rõ ràng chỉ phản ảnh tình cảm bực tức của họ trước một hành động bất nhân và điên cuồng của hung thủ, và cho rằng cách đối phó của mình là hữu hiệu nhất. Thế nhưng điều này chỉ là những nhận định đầy chủ quan và hời hợt của họ. Không phải ai cũng bình tĩnh hay sáng suốt trước những tình huống bất ngờ cực kỳ nguy hiểm, và theo bản năng sinh tồn hay yếu đuối của con người, việc run sợ hay tê liệt không phản ứng, nhất là khi bị ai dí súng vào đầu, là phản ứng tất nhiên và dễ hiểu, cũng như phải dễ dàng thông cảm thay vì chỉ trích theo kiểu "lên lớp dạy dỗ."

Và tệ hơn nữa, ngay cả như luận điệu của họ có đúng đi nữa thì điều đó cũng chỉ giúp giải quyết vấn đề trong ngắn hạn, nhưng lại đem đến một hậu quả nguy hại và trầm trọng hơn nữa trong lâu dài. Giả sử như có một vài sinh viên hay giáo sư tại Norris Hall lúc đó có súng và bắn trả lại thì có thể Cho Seung-Hui sẽ không giết hết 32 người. Thế nhưng nếu hài lòng với lý luận này và đem nó ra áp dụng trên bình diện lớn hơn, người ta sẽ thấy ngay cái hậu quả nguy hại to lớn hơn nhiều: Cứ tưởng tượng xem giả sử như tất cả các sinh viên, giáo sư hay nhân viên trong sân trường đại học đều có súng sẵn sàng kế bên (để có thể tự vệ khi cần), liệu con số các vụ án mạng tại Virginia Tech nói riêng và các trường đại học trên nước Mỹ có không gia tăng đến mức kinh hồn hay không? Cứ tưởng tượng biết bao nhiêu sự bực tức dồn nén hay trải qua hàng ngày, từ việc bực mình lái xe tìm chỗ đậu, hay giận dữ các giáo sư khi bị phê bình nặng hay cho điểm xấu, hoặc cãi vã vô cớ tại phòng ăn v.v..., nhiều người sẽ dễ dàng móc súng ra để giải quyết cho nhanh gọn lúc mà sự nóng giận đang dâng cao. Để rồi những người khác sẽ lại rút súng ra để có thể tự vệ. Và như thế thì cái xã hội ở thiên niên kỷ này chẳng lẽ lại giống như cái thời kỳ hoang dã năm xưa khi những vị tổ phụ của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ đang trên đường khai khẩn đất hoang và phải đối phó hàng ngày với biết bao nguy hiểm chết người nên lúc nào cũng cần có một thứ vũ khí để tự vệ?

Nói tóm lại, đề tài về bạo lực và súng ống tại Hoa Kỳ đã trở thành một vấn đề nan giải, với những người có lập trường bảo vệ quyền tự do mang súng lúc nào cũng coi là mình có lý và khó có thể chấp nhận chịu ngồi nhìn lại để có thể từ đó rút ra nhiều bài học thực tế và tìm những phương thức thoả hiệp để giải quyết vấn đề. Nhất là lúc nào cũng còn sự hiện hữu của hội NRA, với sức mạnh và tiền bạc dồi dào, cộng với sự hỗ trợ đắc lực của kỹ nghệ súng ống tại Hoa Kỳ, luôn luôn coi bất cứ hình thức giới hạn việc mua súng hay mang súng, đều là những bước đi trong một chiến lược giải giới toàn bộ kho vũ khí tại nước Mỹ. Và như thế nên họ càng cương quyết kiên định lập trường.

Những diễn biến thời sự trong vài năm qua đã cho thấy tác hại nguy hiểm của một thái độ cương quyết như chính sách "*stay the course*" (kiên định lập trường) trong cuộc chiến Iraq của chính quyền Bush. Những người ủng hộ thì đề cao đó là đức tính cứng rắn, không nao núng trước kẻ thù. Những người chỉ trích thì gọi đó là một thái độ cứng đầu, ngoan cố.

Liệu chừng nào thì Hoa Kỳ mới thoát ra khỏi cái mặc cảm tự tôn lẫn tự ti vô lý đó, thật ra chỉ là để che giấu một sự thiếu tự tin và không dám nhìn nhận sai lầm?

Mong lắm thay, cho dù rất khó hy vọng.

Houston, Texas

nguyenanhtuan@sbcglobal.net

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU

QUỐC-HỘI ĐỐI-LẬP TRẢ ĐŨA CHÍNH-TRỊ

CỔ-LŨY

Đầu tháng Ba nhật-báo uy-tín trong nước và trên thế-giới, tờ Los Angeles Times, mở một điều-tra rộng-lớn về những ảnh-hưởng chính-trị có thể là bất-hợp-pháp trước bầu-cử đầu tháng Mười-một 2006, trong đó đảng Dân-chủ lấy lại thế đa-số sau mười-hai năm dài chịu lép vế thiểu-số. Theo báo này, ba tuần-lễ trước bầu-cử giữa nhiệm-kỳ hai của tổng-thống George W. Bush dân-biểu Cộng-hòa Heather Wilson (New Mexico) xem ra có vẻ rất chật-vật với ứng-viên đối lập Dân-chủ Patricia Madrid, bộ-trưởng tư-pháp tiểu-bang. Dù có ủng-hộ mạnh-mẽ của nghị-sĩ đỡ-đầu cùng đảng và cùng tiểu-bang Pete Domenici, giới Cộng-hòa lo-sợ bà Wilson sẽ mất ghế và đảng sẽ mất vị-trí đa-số trong quốc-hội.

Một người nắm vị-trí quan-trọng có thể giúp được bà Wilson trong thế khó là công-tố-viên liên-bang (U.S Attorney) David Iglesias, người đang điều-tra về những hối-mại quyền-thế của một số nhân-vật Dân-chủ trong tiểu-bang. Nếu ông Iglesias kết tội được viên-chức Dân-chủ ngay trước bầu-cử bà Wilson có cơ tách mình xa khỏi những xì-căng-đan rộng-lớn về hối-mại quyền-thế và tình-dục đang gắn liền với phe Cộng-hòa ở thủ-đô cũng như trong nước. Trong cuộc tranh-cử một mất một còn này bà Wilson đã điện-thoại ông Iglesias về tiến-triển việc kết tội viên-chức Dân-chủ. Nghị-sĩ Domenici cũng điện-thoại "nhắc-nhở" ông Iglesias. Ông này tỏ thái-độ "độc-lập" với hai vị dân-cử này và sau đó bị bộ Tư-pháp và tòa Nhà Trắng đưa vào danh-sách công-tố-viên bị giải-nhiệm khá bất-thường cuối năm qua.

Nghị-sĩ Domenici và dân-biểu Wilson (bà tái đắc-cử với chỉ 875 phiếu đa-số) đều phủ-nhận mình đã điện-thoại ông Iglesias vì lý-do chính-trị hay làm áp-lực chính-trị. Nhưng nguyên hành-động gọi điện-thoại về một vụ án đang tiến-hành đã là không đúng cách; nhiều câu hỏi về hành-động của hai vị dân-cử đã biến cuộc điều-tra nhỏ về chuyện bộ Tư-pháp giải nhiệm tám công-tố-viên thành một tranh-luận về ảnh-hưởng chính-trị của giới dân-cử (lập-pháp) và tòa Nhà Trắng (hành-pháp) với công-tố-viên (tư-pháp). Từ đây đi lần tới việc khối lãnh-đạo đa-số Dân-chủ điều-tra rộng-lớn vai-trò giới lãnh-đạo cao-cấp thuộc bộ Tư-pháp và tòa Nhà Trắng, và đe-dọa trực-tiếp sự-nghiệp những cố-vấn quyền-thế và trung-thành nhất với tổng-thống Bush. Bà bộ-trưởng Patricia Madrid buộc tội bà Wilson và ông Domenici đã vượt làn ranh đạo-đức với chiến-thuật sát-phạt mà cố-vấn Carl Rove của tổng-thống hằng sử-dụng và khuyến-khích. Ông Rove có tham-dự một tiệc gây quĩ cho bà Wilson và theo-rõi chặt-chẽ cuộc tranh-cử.

Phòng Điều-tra Liên-bang (FBI, thuộc bộ Tư-pháp) sẽ mở màn điều-tra, nhưng các dân-biểu cũng có thể đệ đơn khiếu-nại lên Ủy-ban Đạo-đức Hạ-viện ngay; Ủy-ban Đạo-đức Thượng-viện đã bắt đầu điều tra sơ-khởi và tổ-chức giám-sát tư-nhân Citizens for Responsibility and Ethics đã nộp đơn khiếu-nại lên hai ủy-ban quốc-hội. Văn-phòng tổng-thanh-tra (Inspector General, các bộ trong chính-phủ đều có "IG" này). Hai Ủy-ban Tư-pháp thượng và hạ-viện dưới quyền chủ-tọa của phe đa-số Dân-chủ đã ráo-riết và kịch-liệt làm "khó dễ" bộ Tư-pháp và tòa Nhà Trắng đặt tổng-thống và chính-quyền vào vị-thế tê liệt (cripp-ling) theo đúng vai trò đối-lập giữa hai đảng và giám-sát ("checks and balances") giữa lập-pháp và hành-pháp trong hiến-pháp một nước dân-chủ pháp-trị thực-sự. Ngoài ra, Ủy-ban Cải-tổ Chính-quyền (Government Reform Committee) hạ-viện từ đầu năm đã về ở dưới quyền chủ-tọa của phe đa-số Dân-chủ, và đã xác-định vai-trò rõ-rệt của mình với danh-xưng mới là "Ủy-ban Giám-sát và Cải-tổ Chính-quyền" (Oversight and Government Reform Committee). Đồng thời các tiểu-ban nằm trong các ủy-ban hai viện cũng được phục-hồi và gia-tăng nhân-số điều-tra-viên và ngân-sách hoạt-động.

Những thay-đổi và hành-động nhanh-chóng cũng như gay-gắt của giới lập-pháp đối-lập có thể bị xem như "trả đũa" chính-trị (một vị dân-cử Cộng-hòa đã than rằng phe Dân-chủ đối-lập muốn "cầm quyền với những trát đòi [subpeona, đòi các

nhân-viên bộ, sở và tòa Nhà Trắng ra điều-trần trước quốc-hội]") sau những năm tháng bị hành-pháp và lập-pháp cùng đảng Cộng-hóa gạt qua một bên. Phe Dân-chủ khẳng-định những gì mình đang làm và sẽ làm là hoàn-toàn hợp-hiến và hợp-pháp.

CỔ-LŨY

Theo điều tra của tờ *Times,* trong cuộc tranh cử sát sạt ở New Mexico bà Patricia Madrid và trung ương đảng Dân-chủ nối liền bà Heather Wilson với hai đề tài cử-tri trong đơn vị bầu cử rất không bằng lòng: thành-tích của tổng-thống Bush và cuộc chiến Iraq. Họ cũng nối bà Wilson với những hối mại quyền thế trâng tráo giữa giới lãnh đạo trong nội các ông Bush và dân-cử Cộng-hòa (như Bob Ney đã đi tù và Tom DeLay đã phải từ bỏ sự nghiệp dân cử lừng lẫy; xin xem "Hối-Mại Quyền-Thế Kiểu Mỹ I và II," Thế-Kỷ 21, tháng Mười-một 2005 và tháng Năm 2006, cùng người viết) với tay trùm "lốp-bi" Jack Abramoff (đã đi tù): bà đã nhận tiền giúp tranh cử từ quĩ khá lem nhem của ông DeLay. Phe Cộng-hòa cũng đem những vấn đề về hối mại quyền thế để chống lại bà Madrid. Họ tố cáo bà cố kéo dài, chậm chân trong việc điều tra những lem nhem của viên chức Dân-chủ tiểu bang, và trung ương đảng Cộng-hòa cũng đưa ra hai tập tài liệu đầy những câu hỏi về đạo đức của bà Madrid. Cuối tháng Chín đầu phiếu dư luận dân chúng cho thấy hai ứng viên ngang ngửa ở mức 44 phần trăm cho mỗi bên.

ÁP-LỰC CHÍNH-TRỊ BẤT-HỢP-PHÁP?

Nhưng tình hình nói chung khá bi quan cho phe Cộng-hòa tiểu bang New Mexico. Phe Dân-chủ tiểu bang có vẻ thắng lớn với hai ứng-viên nghị-sĩ Jeff Bingaman và thống-đốc Bill Richardson đang dẫn đầu xa hẳn các đối thủ Cộng-hòa, đồng thời xì-căng-đan dân-biểu Cộng-hòa Mark Foley ở Florida gửi điện-thư tình-dục tới các em trai vị thành niên làm việc trong quốc hội cũng nổ tung. Tất cả đều vô cùng bất lợi cho ứng viên Cộng-hòa Wilson. Bà Wilson thuộc ủy ban giám sát chương trình các thanh thiếu nữ làm việc tập sự trong quốc hội và phải giải thích tại sao bà không rõ về những hành động của dân biểu Foley. Tỉ số người tiểu bang ủng hộ ông Bush ngang với mức thấp nhất và chiến tranh Iraq đi tới mức tệ hại hơn trước. Giữa tháng Mười, khoảng ba tuần lễ trước bầu cử đầu phiếu dư luận dân chúng cho thấy bà Wilson đã tụt lại sau bà Madrid.

A. Từ New Mexico

Phe Cộng-hòa tìm thấy cơ hội chiếm lại vị trí ưu thế với những xì-căng-đan địa phương liên quan đến phe Dân-chủ, đáng chú ý là trường hợp công tố viên David Iglesias đang truy tố hai bộ trưởng tài chính tiểu bang (một tại chức và một đã nghỉ việc) vài tuần lễ trước bầu cử. Tuần lễ đầu tháng Ba, ông Iglesias khai trong điều trần trước Ủy-ban Tư-pháp thượng viện rằng ông sợ bà Wilson và nghị sĩ Pete Domenici lôi ông vào chính trị bầu cử với kế hoạch dùng ông và vị trí của ông trong những quảng cáo tranh cử tấn công bà Madrid. Ông Domenici đã đề nghị ông Iglesias được tổng thống chọn làm công tố viên liên bang và bà Wilson được xem như một "người bạn, một đồng minh" của ông Iglesias.

Nhưng sau khi truy tố hai nhân vật Dân-chủ, ông Iglesias tin rằng bà Wilson và ông Domenici muốn ông lên án thêm nữa vụ tham nhũng xây cất một tòa án mới. Một số nhân vật Dân-chủ bị xem là có liên hệ đến việc này và những cáo trạng có thể giúp bà Wilson rất nhiều. Bà Wilson gọi điện thoại cho ông Iglesias ngày 16 tháng Mười ở một khách sạn tại thủ đô Hoa-Thịnh-Đốn. Ông cho biết bà hỏi ông xem có những cáo trạng chưa công bố trong vụ tham nhũng xây cất tòa án không. Bà Wilson—lúc đầu tránh câu hỏi bà có điện thoại cho ông Iglesia không—sau này giải thích bà chỉ gọi cho ông Iglesias để chuyển một khiếu nại từ một cử tri rằng ông Iglesia "cố ý chậm chân trong những lên án tham nhũng," và "đây là điều khiến bà khó chịu." Bà cũng cho biết thêm, "Tôi điện thoại không vì một vụ án hay cá nhân nào, cũng không vì chính trị hay đảng phái. Tôi không hỏi về thời điểm lên án, và tôi không bảo ông Iglesias phải làm những gì hoặc đặt áp lực lên ông Iglesias qua bất cứ hình thức nào."

Đối với nghị sĩ Pete Domenici cuộc bầu cử bà Wilson mang nhiều ý nghĩa cá nhân và chính trị. Ông từng là người đỡ đầu chính trị quan trọng nhất của bà, và nhiều người tin rằng ông, ở tuổi 74, đang sửa soạn dọn đường cho bà lên thay thế ông ở thượng viện khi ông về hưu. Ông giữ vai trò quan trọng, xuất hiện vận động tranh cử cho bà, ủng hộ bà trên truyền thanh và truyền hình. Ông Domenici lúc đầu chối đã kêu điện thoại cho ông Iglesias, nhưng trước khi ông Iglesias được trát đòi ra điều trần tại hai viện trong quốc hội ông Domenici lại phủ nhận ông đã kêu ông Iglesias để tìm kiếm lợi thế cho bà Wilson những ngày trước bầu cử. Ông Iglesias cho biết ông Domenici kêu cho ông tại nhà và tỏ ra rất bực bội vì không

có cáo trạng trước bầu cử và rồi cúp điện thoại ngay. Dù ông Iglesia nói ông cảm thấy như bị "làm áp lực" ông Domenici nói ông chỉ hỏi về vụ tham nhũng xây tòa án vì giới truyền thông báo cáo "FBI đã hoàn tất điều tra nhiều tháng trước" và nay vẫn chưa có cáo trạng nào từ phía công tố viên. Ông cho biết, "Nhìn lại chuyện đã xẩy ra tôi hối tiếc chuyện gọi điện thoại, tôi xin chịu lỗi chuyện này."

Ngày 4 tháng Ba ông Domenici nhận ông có gọi điện thoại cho ông Iglesias để hỏi về một vụ điều tra hình sự, nhưng nhấn mạnh là ông không bao giờ làm áp lực hay đe dọa công tố viên liên bang trong tiểu bang của ông. Chuyên viên về pháp lý và đạo đức chính trị xác nhận hành động của ông Domenici có thể đã vi phạm luật lệ thượng viện ngăn cấm mọi liên lạc giữa các nghị sĩ với công tố viên liên bang về những điều tra hình sự đang tiến hành. Một số giới Cộng-hòa xem lời khai của ông Iglesias là một phản bội lớn; ông Iglesias là người thuộc đảng Cộng-hòa và nghị sĩ Domenici cũng như dân biểu Wilson "từng bảo trợ và tìm cách giúp ông rất nhiều..."

Ông Iglesias bị bộ tư pháp dưới quyền tổng trưởng Roberto Gonzales (nguyên luật sư tòa Nhà Trắng và là bạn trung thành của tổng thống Bush từ thời ông Bush còn là thống đốc Texas thập niên 1990) cho nghỉ việc tháng Mười-hai vừa qua cùng với bẩy công tố viên khác. Những hồ sơ và nhân vật liên hệ đến xì-căng-đan này cho thấy có hợp tác chặt chẽ giữa bộ tư pháp và tòa Nhà Trắng, trong đó phải kể nguyên luật sư tòa Nhà Trắng Harriet Miers, cố vấn Karl Rove và tổng thống Bush. Tổng trưởng Gonzales đang bị quốc hội đối lập đặc biệt lưu ý đến vì những điều trần thiếu sót trước quốc hội và những phát ngôn bất nhất về việc giải nhiệm tám công tố viên; một số giới lãnh đạo Cộng-hòa trong quốc hội cũng không mấy tín nhiệm ông. Ông có thể sẽ phải từ chức, nhưng giới lãnh đạo lập pháp Dân-chủ nói cuộc điều tra về xì-căng-đan sẽ không ngừng ở mức bộ tư pháp.

B. Tới California

Từ đầu năm nghị sĩ Dân-chủ lão thành từ California và cũng là một thành viên trong Ủy-ban Tư-pháp thượng viện, bà Dianne Feinstein đã đưa ra vấn đề công tố viên liên bang cho vùng nam California bị mất chức cuối năm 2006 một cách khả nghi. Ngày 19 tháng Ba vừa qua giới lãnh đạo Dân-chủ ở thượng viện cho thấy việc cách chức công tố viên Carol Lâm ở vùng San Diego đáng chú ý hơn bẩy trường hợp khác: nhiều người nghĩ rằng bà bị cho nghỉ việc vì những điều tra rộng lớn về các hoạt động bất chính của giới chính khách Cộng-hòa ở miền nam California.

Theo lý luận này ông David Iglesias đã mất việc vì bị tòa Nhà Trắng và giới lãnh đạo bộ tư pháp trung thành với tổng thống xem là không ráo riết buộc tội người thuộc phe Dân-chủ. Một trường hợp có thể xem là tương tự: năm ngoái công tố viên ở tiểu bang Wisconsin truy tố một nhân vật Dân-chủ do thống đốc Dân-chủ bổ nhiệm về một tội rất mù mờ đến nỗi tòa kháng án liên bang phải đồng nhất bãi nại vì lý do kết tội "quá loãng xệch." Nhưng việc truy tố và những tai tiếng đi cùng với việc này gây tiếng vang lớn ảnh hưởng đến cuộc bầu cử thống đốc. Công tố viên ở Wisconsin làm việc này trước đó đã bị lên danh sách giải nhiệm; sau đó tên ông được bỏ ra khỏi danh sách. Trường hợp bà Carol Lâm thì ngược lại: bà bị nghỉ việc vì bị xem là quá ráo riết buộc tội người thuộc phe Cộng-hòa. Theo tài liệu của bộ tư pháp, trong sáu năm tổng thống Bush nắm quyền vừa qua các công tố viên đã điều tra và truy tố 298 nhân vật Dân-chủ đồng thời chỉ điều tra và truy tố 67 nhân vật Cộng-hòa mà thôi, dù một trong hai lý do chính phe Cộng-hòa bị mất đa số trong kỳ bầu cử cuối năm là mức độ hối mại quyền thế lớn lao và trâng tráo (lý do thứ nhì là cuộc chiến Iraq). Phe Dân-chủ nghĩ rằng tòa Nhà Trắng cùng bộ tư pháp đã làm áp lực chính trị bất hợp pháp vi phạm quyền độc lập của giới tư pháp; về mặt pháp lý tuy tổng trưởng Roberto Gonzales là người trong nội các chính quyền Bush ông cũng là người phải bảo vệ và thượng tôn tiêu chuẩn pháp trị và không thể thi hành lệnh của tòa Nhà Trắng vi phạm tiêu chuẩn này. Theo điều tra của tờ *Times* trường hợp bà Lâm bị giải nhiệm thật sự là nghiêm trọng trong chiều hướng này.

Bà Carol Lâm là người dẫn đầu vụ án Randy "Duke" Cunningham, nguyên dân biểu Cộng-hòa đơn vị Rancho Santa Fe; ông này đã khóc lóc nhận hình tội hối lộ hơn hai triệu đô-la từ giới thầu khoán quốc phòng và trốn thuế. Tháng Ba 2006 ông bị tuyên án tù hơn tám năm (xin xem hai bài về "Hối-Mại Quyền-Thế" nói trên). Từ cuộc điều tra về ông Cunningham bà Lâm phanh phui thêm ra hai người từng làm ăn với ông: ông Brent Wilkes, một nhà thầu quốc phòng và ông Kyle "Dusty" Foggo một nhân viên CIA cao cấp đã thình lình từ chức tháng Năm 2006—hai người từng là bạn "nối khố" với nhau từ thuở theo học đại học San Diego. Bà Feinstein cho biết ngày 10 tháng Năm bà Lâm "gửi một báo cáo về bộ tư pháp thông báo sẽ có

hai trát khám xét [nhà hoặc văn phòng] của ông Dusty Foggo và một nhà thầu quốc phòng." Ngay ngày hôm sau một điện thư được gửi đến luật sư phó tòa Nhà Trắng William Kelley bởi ông D. Kyle Sampson, chánh văn phòng của tổng trưởng tư pháp Roberto Gonzales; nội dung bức điện thư gồm chi tiết, "Vấn đề chúng ta phải đối phó hiện nay với Carol Lâm ... khiến tôi đi đến kết luận là chúng ta phải có sẵn người để lên danh sách [giải nhiệm] ngày 18 tháng Mười-một, đúng ngày Lâm làm việc được bốn năm."

Bà Lâm được thông báo nghỉ việc ngày 7 tháng Mười-hai trong khi các điều tra hối mại quyền thế đang tiến hành; bà chính thức rời việc tháng Hai năm nay và hiện là cố vấn pháp luật và một phó tổng giám đốc đại công ty Qualcomm. Hai ngày trước khi rời việc bà tuyên bố kết án của đại bồi thẩm đoàn (grand jury) truy tố hai ông Wilkes và Foggo. Ông Wilkes bị truy tố về tội hối lộ dân biểu Cunningham; ông giám đốc điều hành CIA Foggo tội lấy giao kèo cho ba công ty thuộc quyền ông Wilkes. Trong lời khai tội ông Cunningham nhận đã dùng vị trí quan trọng của mình trong Ủy-ban Chuẩn-chi hạ viện để chuyển giao kèo hàng triệu đô-la tới công ty của ông Wilkes. Ông Foggo, nguyên là phó giám đốc về đạo đức nghề nghiệp, bị buộc tội âm mưu, "giặt tiền" vì không tiết lộ những quà cáp đắt giá và chi phí giải trí lớn lao ông Wilkes bỏ ra. Chi tiết hơn là ông đã dùng địa vị cao cấp trong CIA để làm áp lực cấp dưới ký giao kèo với công ty thuộc ông Wilkes; bù lại ông Wilkes hứa sẽ đưa ông Foggo vào công ty khi ông về hưu. Những chi tiết khác về các giao kèo đều thuộc loại chưa được giải mật, trừ giao kèo cung cấp nước uống đóng chai cho binh sĩ và nhân sự Mỹ hoạt động trong vùng chiến tranh Tây-Nam châu Á (hay "Trung Đông," theo lối gọi của người Tây phương). Tin mới nhất cuối tuần lễ thứ ba trong tháng Tư: lại thêm một dân biểu Cộng-hòa, ông James Doolittle thuộc vùng bắc California bắt đầu bị điều tra bởi FBI vì những nghi ngờ liên hệ với "trùm lốp-bi" Jack Abramoff. Ông Doolittle đã chính thức xin tạm rời Ủy-ban Chuẩn-chi hạ viện một thời gian.

Trong điện thư ngày 11 tháng Năm nói trên, chánh văn phòng bộ tư pháp D. Kyle Sampson, đã từ chức ngay ngày 12 tháng Ba vừa qua và đang hợp tác với hai ủy ban tư pháp quốc hội, cũng có thể đã nhắc tới chi tiết liên quan đến những điều tra đồng thời của công tố viên liên bang ở vùng Los Angeles về dân biểu Cộng-hòa Jerry Lewis, lúc đó còn là chủ tịch Ủy-ban Chuẩn-chi hạ viện đầy uy quyền và "béo bở," và cựu dân biểu Cộng-hòa Bill Lowery vùng San Diego. Ông Lowery sau khi nghỉ việc đã mở một công ty "lốp-bi" rất thành công—và một khách hàng không ai khác hơn là nhà thầu quốc phòng Wilkes nói trên. Điều tra của tờ *Times* sau vụ Cunningham đặt trọng tâm vào liên hệ mật thiết giữa hai ông Lewis và Lowery từng làm việc chung với nhau trong Ủy-ban Chuẩn-chi. Những khách của công ty "lốp-bi" Lowery từng nhận được hàng triệu đô-la từ Ủy-ban dưới quyền chủ tọa của ông Lewis. Điều tra cũng cho thấy nhân viên của ông Lewis từng được ông Lowery nhận vào làm việc như những tay "lốp-bi" chuyên nghiệp vài năm, rồi sau trở về làm việc lại cho ông Lewis.

ĐIỀU-TRẦN TRƯỚC THƯỢNG-VIỆN: Công-tố-viên liên-bang Carol Lâm, David Iglesias, John McKay và H.E. "Bud" Cummins.

Tòa Nhà Trắng và bộ tư pháp không cho biết rõ tại sao bà Lâm bị mất việc, nhưng một điện thư khác của ông Sampson trách bà Lâm đã không truy tố nhiều tội liên quan đến di dân vùng biên giới với Mexico và đề nghị cho bà "về vườn" vì việc này. Điều mâu thuẫn là bà được cấp trên lượng định và triệt để khen ngợi những thành quả nghề nghiệp và không một ai trong bộ tư pháp từng đề nghị hay nhắn nhủ bà phải chú tâm hơn

đến tội phạm vùng biên giới. Giáo sư luật khoa Carl Tobias thuộc viện đại học Richmond (Virginia), một người theo sát xì-căng-đan hiện nay, nói càng ngày càng có nhiều bằng chứng rằng việc bà Lâm bị cho nghỉ việc là trường hợp rõ rệt nhất cho thấy công tố viên liên bang bị trả đũa vì điều tra và truy tố những tham nhũng trong giới Cộng-hòa.

Giới lãnh đạo đảng Dân-chủ và nhất là hai ủy ban tư pháp quốc hội tuy chưa nhấn mạnh việc sẽ tiếp tục điều tra lên tới tòa Nhà Trắng sau khi giải quyết trường hợp tổng trưởng Roberto Gonzales, nhưng giới truyền thông đã lưu tâm đến những khó khăn tòa Nhà Trắng sẽ phải đương đầu như vai trò của nguyên cố vấn pháp luật Harriet Miers và nhất là ông Karl Rove, cố vấn uy quyền và thân tín nhất của tổng thống Bush. Ông Rove đã trực tiếp liên hệ đến việc giải nhiệm một trong tám công tố viên liên bang khác, ông H. E. "Bud" Cummins ở Arkansas để thay thế bằng một phụ tá của mình là Timothy Griffin. Nặng hơn nữa, nhưng vẫn còn chưa chính thức công khai hóa, là việc ông có thể đã trực tiếp liên hệ với tay trùm "lốp-bi" Jack Abramoff trong việc giải nhiệm một công tố viên đang điều tra tham nhũng ở đảo Guam trong đó thống đốc Cộng-hòa là cái đích chính, đồng thời cũng là một khách hàng của Abramoff (trước đây nghe nói người bị giải nhiệm là một chánh án liên bang, nhưng nay rõ là một công tố viên liên bang; xin xem hai bài về Hối-Mại Quyền-Thế nói trên).

C. Điều-tra Tới-tấp

Trên toàn lãnh thổ Hoa-Kỳ có 93 công tố viên liên bang thuộc bộ tư pháp với nhiệm vụ điều tra và truy tố những tội hình sự liên bang trong khu vực trách nhiệm của mình. Đây là chức vụ cao cấp quan trọng dành cho các luật sư kinh nghiệm với những liên hệ chính trị, và thường mở đường đi đến các chức vụ dân cử hoặc chánh án. Thủ tục chọn lựa công tố viên cũng tương tự như chọn lựa các nhân vật nội các cao cấp: tổng thống đề cử công tố viên dựa theo đề nghị của các nghị sĩ cùng đảng với tổng thống trong khu vực công tố (theo tiểu bang và dân số). Sau đó thượng viện chấp nhận đề cử và công tố viên làm việc bốn năm hoặc lâu hơn cho tới khi người thay thế được chấp thuận. Theo luật liên bang công tố viên có thể cho bãi nhiệm bởi tổng thống vì bất cứ lý do nào, nhưng thực tế phải có lý do chính đáng. Trong một phần tư thế kỷ vừa qua chỉ có năm công tố viên bị giải nhiệm hoặc từ chức vì hành vi phạm pháp hoặc mờ ám. Tổng thống mới nhậm chức cũng có thể thay cả loạt công tố viên nhằm thực hiện những ưu tiên hay chính sách mới; dĩ nhiên, những thay đổi phải hoàn toàn hợp pháp.

Cuối năm ngoái bộ tư pháp yêu cầu tám công tố viên từ chức, phần lớn ở vùng tây-nam và nam Hoa-Kỳ, trong đó có ba công tố viên gây ra những vấn đề sôi nổi nói trên. Sau đó hai công tố viên bị giải nhiệm một ngày và sáu người khác bị giải nhiệm trong một ngày khác. Khi bị chất vấn về lý do giải nhiệm bộ tư pháp đưa ra lý do chính đáng tổng quát là việc giải nhiệm dựa trên thành tích làm việc hay thành quả nghề nghiệp (job performance); khi lý do này bị chứng minh là không đúng vì các công tố viên bị giải nhiệm đều có thành tích lừng lẫy, những khó khăn, vấp váp và bất nhất bắt đầu trong giới lãnh đạo cao cấp. Từ đầu năm, quốc hội mới với đa số Dân-chủ đã không bỏ qua chuyện này và cương quyết điều tra cho tới ngọn ngành, nhắm vào tổng trưởng Gonzales cùng các cố vấn cao cấp tòa Nhà Trắng và cả tổng thống Bush.

Phản ứng đầu tiên, như thường lệ, của tổng trưởng Gonzales là đẩy trách nhiệm việc cho các công tố viên nghỉ việc vào cấp dưới của mình, chánh văn phòng D. Kyle Sampson đã từ chức; ông Gonzales tuyên bố không hề biết gì và không đóng vai trò nào trong những sửa soạn giải nhiệm và chỉ ký giấy tờ do cấp dưới trình lên. Sau ông lại nhận có biết tiến trình giải nhiệm và có được báo cáo bởi ông Sampson. Trong cuộc họp báo giữa tháng Ba ông nói, "Chánh văn phòng [Sampson] của tôi liên can đến việc quyết định ai là người thiếu thành tích làm việc, những khu vực địa dư trách nhiệm nào cần phải cải thiện... Đó là những gì tôi biết... Như một tổng giám đốc trong công ty tư nhân, tôi là người chịu trách nhiệm tối hậu cho những gì xẩy ra trong bộ [tư pháp]. Nhưng tôi không liên hệ đến việc đọc những văn thư, dính dáng đến chuyện bàn cãi về những gì xẩy ra." Hơn mười ngày sau ông giải thích thêm trên truyền hình một cách rất mơ hồ về vai trò của ông, "... tôi không dính dáng liên hệ gì hết đến chuyện các công tố viên có phải từ chức hay không... Cuối cùng những khuyến cáo được chuyển đến tôi phản ánh những khuyến cáo của ông Kyle Sampson và những người khác trong bộ. Do đó đã có những bàn cãi về những khuyến cáo. Và, dĩ nhiên sau khi quyết định là sẽ có những thay đổi, có một bàn cãi về chúng tôi sẽ làm thế nào để thi hành những thay đổi này? Và căn bản đây là bối cảnh về những liên hệ của tôi [vào

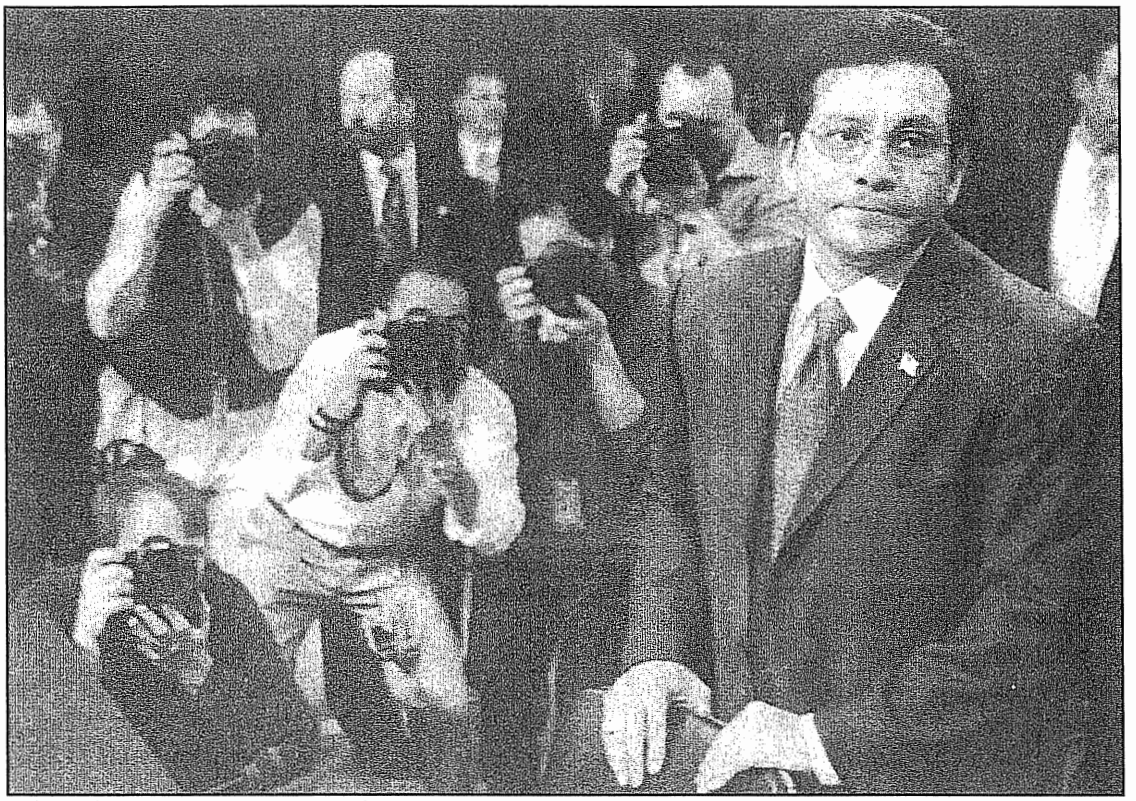

ĐIỀU-TRẦN TRƯỚC THƯỢNG-VIỆN LẦN NỮA: Tổng-trưởng Tư-pháp Roberto Gonzales sửa-soạn điều-trần trước Thượng-viện. Ngay sau đó nhiều người nghĩ ông sẽ phải từ-chức vì xì-căng-dan giải-nhiệm tám công-tố-viên.

việc giải nhiệm các công tố viên]." Trong điều trần trước Ủy-ban Pháp-lý thượng viện cuối tháng Ba, ông Sampson xác nhận tuyên bố của ông Gonzales "không chính xác." Ông đưa ra những chi tiết như bàn cãi với ông Gonzales về tiến trình yêu cầu một số công tố viên từ chức, "Chúng tôi bàn cãi chuyện này ngay từ khi ông Gonzales vừa mới được[tổng thống] đề cử làm bộ trưởng tư pháp tháng Giêng 2005; và nhiều lần sau đó trong giai đoạn bàn định tính toán qua hai năm 2005 và 2006. Và tôi nhớ bàn cãi với ông trong giai đoạn kết thúc mù thu năm 2006... Người nắm quyết định trong vấn đề này là tổng trưởng tư pháp và [bà Harriet Miers] luật sư của tổng thống. Tôi và những người khác trong bộ đưa ra các khuyến cáo, nhưng những nhân vật quan trọng chính quyết định chấp thuận hay không."

Ủy-ban Pháp-lý hai viện đã gửi trát đòi những tài liệu về việc đi lại giữa giới lãnh đạo bộ tư pháp và tòa Nhà Trắng liên quan đến chuyện giải nhiệm tám công tố viên. Ông Sampson đã chịu ra điều trần ngay trước khi khoảng ba ngàn hồ sơ, tài liệu được chuyển đến hai ủy ban. Điều trần của ông Sapmson cho thấy ông Gonzales đã liên hệ sâu xa và lâu dài vào việc giải nhiệm mà ông từng nói là không hề biết đến mấy. Giữa tháng Tư ông Sampson lại khai với các điều tra viên quốc hội rằng ông không bao giờ lập danh sách công tố viên cần giải nhiệm; ông cũng cho biết ông Gonzales đã nói với ông hồi đầu tháng Ba là tổng thống Bush và ông Gonzales đã bàn cãi về thành tích nghề nghiệp của công tố viên David Iglesias trước kỳ bầu cử tháng Mười-một năm ngoái. Trong phỏng vấn trên truyền hình ông Gonazales cho biết ông không nhớ đã gập gỡ, bàn cãi với tổng thống về ông Iglesias. Tòa Nhà Trắng nhận tại văn phòng tổng thống tháng Mười năm ngoái ông Bush và Gonzales có bàn cãi, bận tâm về việc các công tố viên trong ba tiểu bang, kể cả New Mexico (vùng hoạt động của ông Iglesias), không nỗ lực điều tra về gian lận bầu cử. Nhưng vẫn chưa có thêm chi tiết về ông Iglesias bị chú ý đến mức nào và việc nghị sĩ đầy uy quyền Pete Domenici than phiền về ông có được bàn cãi hay không.

Những bất nhất này như làm mạnh thêm nghi ngờ của phe Dân-chủ rằng tòa Nhà Trắng và bộ tư pháp đã âm mưu với nhau để ảnh hưởng chính trị vào việc làm và vai trò vô tư độc lập hiến pháp đã định ra cho nhân viên ngành tư pháp. Những nghi ngờ chính quyền sẵn có từ những dối trá trong cuộc chiến Iraq và hối mại quyền thế cao cấp

khiến dân chúng càng bi quan về các tuyên bố, bào chữa từ những nhân vật chính quyền. Một thăm dò dư luận của hệ thống truyền hình CNN cho thấy đa số dân chúng tin có hợp tác chặt chẽ giữa tòa Nhà Trắng và bộ tư pháp trong xì-căng-đan mới nhất; gần tám-mươi phần trăm dân chúng nghĩ rằng ông Gonzales phải từ chức. Ông Bush cùng phát ngôn viên tòa Nhà Trắng tuyên bố tiếp tục ủng hộ ông Gonzales, nhưng giữa tháng Tư cho biết ông Gonzales sẽ phải tự bảo vệ mình khi ra điều trần trước Ủy-ban Pháp-lý thượng viện tuần lễ thứ ba trong tháng. Ngoài tổng thống ông Gonzales đã mất nhiều tín nhiệm từ giới Cộng-hòa cùng đảng nói chung.

Nghị sĩ Dân-chủ Charles Schumer (New York), nhân vật chính dẫn đầu điều tra của Ủy-ban Tư-pháp, yêu cầu ông Gonzales chính thức tuyên bố làm sáng tỏ sự việc công tố viên David Iglesias bị giải nhiệm; nghị sĩ đưa lý do chi tiết điều trần từ ông Sampson cho biết ông đề tên ông Iglesias vào danh sách người bị cho nghỉ việc vào phút chót sau khi tòa Nhà Trắng và một số nhân vật dân cử Cộng-hòa than phiền về cung cách ông Iglesias điều tra các tham nhũng của giới Dân-chủ địa phương. Đồng thời các điều tra viên thuộc quốc hội cũng hỏi han viên chức bộ tư pháp trong một loạt những phỏng vấn cá nhân, đáng kể là ông Michael Elston, chánh văn phòng của thứ trưởng tư pháp Paul McNulty. Ông Elston là người sửa soạn giúp ông McNulty ra điều trần trước Ủy-ban Tư-pháp tháng Hai trước đây; sau điều trần ông McNulty đã gọi điện thoại cho nghị sĩ Schumer xin lỗi về những lời khai sai lạc trong buổi điều trần hữu thệ. Ông Elston cũng bị buộc là đã dọa một công tố viên bị bãi nhiệm phải giữ im lặng, nhưng ông đã phủ nhận điều này. Ông Elston được hai luật sư bộ tư pháp và một luật sư riêng của ông tháp tùng tại buổi điều trần.

Bộ tư pháp nhận đưa sáu viên chức liên hệ đến việc giải nhiệm ra điều trần trước Ủy-ban Tư-pháp hạ viện dưới quyền chủ tọa của dân biểu Dân-chủ John Conyers (Michigan). Ủy-ban cho biết không thể tiết lộ chi tiết điều trần vì có thỏa thuận tạm thời giữ kín chi tiết. Ba ngày trước khi ông Gonzales ra điều trần ông Conyers cho biết bộ tư pháp chưa hoàn toàn tuân theo trát đòi các hồ sơ tài liệu liên quan đến việc giải nhiệm công tố viên. Ông Conyers nói, "Chúng tôi sẽ xem xét những biện pháp buộc [bộ tư pháp] phải hợp tác với trát đòi." Đồng thời, ủy ban cũng muốn nói chuyện với công tố viên Mary Beth Buchanan, thuộc vùng Pittsburg, Pennsylvania. Theo ông Sampson bà Buchanan là một nhân viên cao cấp bộ tư pháp ông có hỏi ý kiến về công tố viên nào cần phải từ chức; ở thời điểm đó bà Buchanan cũng giữ chức vụ giám đốc trực tiếp trông coi các công tố viên. Thêm một nhân vật quan trọng thuộc bộ tư pháp—và rất quan trọng cho cuộc điều tra—cho đến nay vẫn không chịu ra điều trần trước hai ủy ban pháp lý quốc hội: bà Monica Goodling. Bà là tùy viên liên lạc của ông Gonzales với tòa Nhà Trắng ở tuổi giữa ba-mươi—với chưa tới bẩy năm kinh nghiệm như một luật sư—bà đã trực tiếp đi lại giữa hai nơi và có thể là nhân chứng quan trọng hàng đầu. Bà đã từ chức ngay sau khi ông Sampson từ chức và cương quyết không chịu ra điều trần với lý do hợp hiến pháp: trong cương vị tùy viên liên lạc của mình bà có biết những chi tiết có thể làm sáng tỏ những đi lại kín đáo giữa tòa Nhà Trắng với giới lãnh đạo bộ tư pháp, nhất là ông Gonzales, trong việc giải nhiệm các công tố viên. Theo Tu-chính-án số Năm thuộc hiến pháp Mỹ người bị nghi ngờ phạm tội có quyền hợp hiến được giữ im lặng hoàn toàn với lý do những gì mình nói ra có thể gây cho mình vướng tội. Ông Conyers nói bà có rất nhiều điều để đóng góp vào cuộc điều tra xì-căng-đan hiện nay; do đó Ủy-ban muốn điều đình miễn tội cho bà để đổi lấy lời khai. Ông nói, "Tôi hi vọng Ủy-ban có thể ban miễn tội cho bà để bà có thể điều trần càng sớm càng tốt và làm sáng tỏ những bất nhất cũng như thiếu sót qua các lời khai hiện nay." Ủy-ban cần đa số phiếu hai- phần-ba để ban miễn tội cho bà (hiện có 22 thành viên Dân-chủ và 17 thành viên Cộng-hòa trong Ủy-ban); ông Conyers có nhiều hi vọng lấy được bốn phiếu từ phía Cộng-hòa vì nói chung ông Gonzales đã thành một "mối họa" và mất khá nhiều tín nhiệm của người cùng đảng.

Tổng thống Bush cũng gặp nhiều khó khăn với những điều tra ráo riết. Ngoài ông Gonzales hai cố vấn thân cận nhất của ông, ông Karl Rove, bà Harriet Miers và William Kelley, đã và sẽ là những cái đích của hai ủy ban tư pháp cùng các ủy ban và điều tra viên khác trong và ngoài quốc hội. Hai cố vấn này đã được mời ra điều trần nhưng tổng thống đang cố kéo dài thì giờ; ông chỉ chấp nhận cho được "phỏng vấn" kín đáo không có tuyên thệ và ghi âm hoặc thu hình—đây lại càng gieo thêm nghi ngờ và bất mãn ở quốc hội và ngoài dân chúng. Ông nại "đặc quyền hành pháp" ("executive privilege") như đã nhiều lần nại cớ này trước đây để tránh cho họ phải điều trần hữu thệ công khai như ông Gonzales và giới lãnh đạo

bộ tư pháp. Tạm thời, với ưu tiên là điều trần của ông Gonzales phe Dân-chủ tránh "đụng độ" với tòa Nhà Trắng về việc này. Nhưng về mặt khác họ không bỏ qua những mâu thuẫn trong việc tòa Nhà Trắng giữ hồ sơ, tài liệu và trốn tránh không tiết lộ chi tiết cho quốc hội biết.

Khoảng giữa tháng Tư, chưa đầy một tuần trước khi ông Gonzales ra điều trần trước Ủy-ban Tư-pháp thượng viện, giới dân cử Dân-chủ được thông báo cố vấn Karl Rove đã xóa bỏ và làm mất một số lượng điện thư lớn lao gửi theo hệ thống điện toán "tư" do Ủy-ban Cộng-hòa Toàn-quốc (RNC, Republican National Committee) thiết lập và sử dụng để tránh cho nhân viên cao cấp chính khỏi vi phạm việc sử dụng phương tiện công vào hoạt động chính trị đảng phái. Sau gặp gỡ giữa các điều tra viên với những luật sư của RNC dân biểu Harry Waxman được biết ông Rove có thể đã cố ý xóa bỏ những điện thư về giải nhiệm công tố viên. Đồng thời với việc gia tăng đòi hỏi hồ sơ tài liệu, những nhân vật Dân-chủ khác gợi ý rằng tòa Nhà Trắng đã che dấu chi tiết bất lợi cho mình. Nghị sĩ Patrick Leahy, Chủ tịch Ủy-ban Tư-pháp thượng viện, nói, "Tôi bắt đầu nghi ngờ tòa Nhà Trắng lo sợ dân chúng biết sự thật về những vấn đề này... Họ nói không giữ các điện thư. Tôi không tin chuyện này. Không ai có thể xóa các điện thư—nhất là hiện nay. Các điện thư đã nằm trong rất nhiều máy điện toán." Các tiểu ban trong hai Ủy-ban Tư-pháp quốc hội khám phá việc dùng điện thư "tư" bởi các nhân viên tòa Nhà Trắng khi điều tra việc giải nhiệm các công tố viên; tổng thống không có quyền nại "đặc quyền hành pháp" để tránh tiết lộ những liên lạc "tư" này.

Ngay sau cuộc gặp gỡ với luật sự RNC ông Waxman gửi một văn thư đến từng tổng trưởng trong nội các yêu cầu họ phải giữ tất cả những liên lạc điện tử "tư" với RNC. Nghị sĩ Leahy và nghị sĩ Cộng-hòa phó chủ tịch Ủy-ban Alan Specter (Pennsylvania) viết văn thư yêu cầu luật sư Fred Fielding cố vấn tổng thống "thiết lập phương pháp khách quan để điều tra việc này, kể cả việc sử dụng các chuyên viên điện tử vô tư được lưỡng đảng tín nhiệm." Mạnh hơn nữa, Ủy-ban Tư-pháp đã đệ đơn kiện RNC để đòi phải tiết lộ tất cả hồ sơ tài liệu điện thư.

ĐẶT CHÍNH-QUYỀN VÀO VỊ-THẾ THỤ-ĐỘNG?

Trong khi càng ngày càng có nhiều nhân vật cao cấp Cộng-hòa kêu gọi hay đòi hỏi tổng trưởng Gonzales phải từ chức, các phụ tá tổng thống bắt đầu tính toán trước những gì có thể xẩy ra trong tương lai với chú tâm ngăn chặn xì-căng-đan giải nhiệm công tố viên lan đến những "nạn nhân" khác—như ông Karl Rove và bà Harriet Miers, hai cố vấn chính trị cao cấp và pháp lý thân tín từng làm việc cho ông cả thập niên trước. Những va chạm từ xì-căng-đan phản ánh vấn đề nghiêm trọng hơn cho ông Bush: vị thế chính trị nguyên thủ quốc gia đã bị sứt mẻ nhiều vì cuộc chiến Iraq và sơ hở trong việc đối phó với tai họa Katrina có vẻ bấp bênh hơn khi đảng của tổng thống mất thế đa số trong quốc hội kỳ bầu cử năm ngoái. Theo tiêu chuẩn tỉ số bầu cử và mức độ ủng hộ từ dân chúng chính quyền Bush tụt xuống mức thấp nhất chưa từng thấy trong lịch sử khi chính quyền bắt đầu nhiệm kỳ hai năm 2004. Mức bấp bênh của chính quyền nẩy sinh phần lớn vì lối hành sử của tổng thống: một đường lối hành sử dựa trên hành động đơn phương thay vì kiên nhẫn điều đình thỏa nhượng với giới lập pháp.

Nay lại đến xì-căng-đan mới với quốc hội mới từ đầu năm. Khởi đầu trung tâm điểm cơn bão xoáy vào bộ tư pháp, ông Gonzales cùng các phụ tá cao cấp; lần hồi hồ sơ, tài liệu cho thấy nguyên cố vấn luật pháp Harriet Miers và ông Rove đã dự phần vào việc giải nhiệm tám công tố viên ngay sau tổng tuyển cử năm 2004. Đây đưa xì-căng-đan đến tận cửa ngõ tòa Nhà Trắng. Phát ngôn viên tòa Nhà Trắng Tony Snow tuyên bố rất chính xác với giới phóng viên tại thủ đô: "Tôi muốn xác nhận rõ rệt: Xin đừng đặt xì-căng-đan vào phòng Bầu Dục [Oval Office, trong Nhà Trắng nơi tổng thống chính thức làm việc hàng ngày]." Hai ông Rove và Gonzales cũng hành sử không khác mấy ông Bush trong liên hệ với giới lập pháp. Họ đã tỏ ra khá cứng rắn với quốc hội; họ khăng khăng từ chối, phủ nhận hơn là hợp tác, ngay cả khi phe Cộng-hòa còn nắm đa số. Họ không cố phát triển hay duy trì những ơn huệ, thiện chí hợp tác có đi có lại với quốc hội. Ông Norman Ornstein, một học giả về lập pháp thuộc viện nghiên cứu bảo thủ thân chính quyền American Enterprise Institute, nói kết quả như ta thấy hiện nay "giống như hiện tượng phụ nữ bị ngược đãi hành hạ giai dẳng bởi chồng mình một ngày nào đó sẽ vùng lên: Sau khi bị ngược đãi bởi tòa Nhà Trắng ở thời điểm nào đó quốc hội sẽ phản ứng."

A. Dồn chính-quyền vào thế kẹt

Một ngày đầu tháng Ba toàn bộ Ủy-hội Truyền-thông Liên-bang lần đầu tiên trong ba năm được mời ra điều trần trước Ủy-ban Truyền-thông hạ

viện liên tục năm tiếng đồng hồ; sau đó họ nhận được khuyến cáo phải sẵn sàng ra điều trần thường lệ. Ngày khác quốc hội gửi trát đòi giới lãnh đạo tư pháp trình diện trong cuộc điều tra lý do không rõ rệt trong việc giải nhiệm tám công tố viên. Và một ngày khác nữa nguyên nhân viên CIA chìm Valerie Plame là ngôi sao nhân chứng buộc tội viên chức tòa Nhà Trắng 'bất cẩn" tiết lộ danh tính và chấm dứt sự nghiệp gián điệp của bà.

Chưa đầy ba tháng sau khi nắm lại quyền đa số trong quốc hội giới Dân-chủ chuyển vận guồng máy giám sát tới mức hoạt động không ngừng nghỉ. Ngoài những điều tra nóng bỏng dễ lên trang nhất giới Dân-chủ còn tung điều tra đến những lãnh vực như bảo vệ thực phẩm tốt lành cho người tiêu thụ, phương cách chính quyền kiểm tra thị trường nhiên liệu hay tòa Nhà trắng có kiểm duyệt cấm các nhà khoa học công khai hóa những khám phá nguy hiểm về môi sinh.

Khi phe Dân-chủ chiếm đa số trong hai viện quốc hội họ hứa hẹn những giám sát chính quyền chặt chẽ cùng với nỗ lực thông qua luật lệ mới. Với một đa số tương đối nhỏ họ khó thông qua nhiều luật lệ mới nhưng lại khá thành công trong việc giám sát, và phe Cộng-hòa không phản ứng nổi làn sóng điều tra chính quyền tới tấp. Giáo sư John Pitney thuộc viện đại học Claremont McKenna nói, "Vũ khí công hiệu nhất của phe Dân-chủ không phải là làm luật nhưng là trát đòi và điều trần." Trong lá thư mới đây gửi đến ngoại trưởng Condoleezza Rice chủ tịch Henry Waxman hỏi tại sao trong diễn văn tình hình liên bang năm 2003 tổng thống Bush đã đưa ra tin tức sai lầm về Iraq tìm mua uranium ở Niger để lấy cớ đi vào Iraq. Ông nhấn mạnh bà Rice đã tảng lờ hầu như tất cả thư ông chất vấn khi phe Dân-chủ ở thế thiểu số. Rồi ông nhấn mạnh, "Tôi đang xét lại tất cả những yêu cầu trong vai trò chủ tịch ủy ban giám sát chính ở hạ viện."

Dân biểu Cộng-hòa Thomas Davis III (Virginia) nói xì-cang-đan mới nhất là một ví dụ chính quyền phải khó khăn chật vì thiếu chuẩn bị với nhánh lập pháp nay đã rất độc lập, "chính quyền đã hoảng hốt ... và nay họ lúng túng vì vấn đề trước mắt." Những điều trần về cách đối xử và mức độ dịch vụ y tế dành cho thương phế binh trong xì-căng-đan tại bệnh viện Walter Reed ở Hoa-Thịnh-Đốn cũng gây tổn thương nặng nề cho tòa Nhà Trắng, gia tăng tin tưởng trong dân chúng rằng tổng thống đã sai lầm trong cuộc chiến ở Iraq và A-Phú-Hãn. Viên chức chính quyền nay dễ bị vời ra điều trần để giải thích chính sách nhà nước và hành động của mình, điều mà họ không phải làm trước đây khi phe Cộng-hòa thân thiện còn nắm đa số. Khi lên nắm quyền năm 1994 phe Cộng-hòa đã cắt hơn một phần ba ngân sách của cơ quan Government Accounting Office (GAO, cánh tay điều tra của quốc hội). Phe Cộng-hòa không mở điều tra và điều trần về những thiếu sót và bê bối chết người trong vụ Katrina, và xì-cang-đan hối mại quyền thế vĩ đại giữa tay "trùm lốp-bi" Jack Abramoff với giới dân cử và viên chức chính quyền cao cấp phe Cộng-hòa, kể cả dân biểu Tom DeLay, Bob Ney và ông Karl Rove.

Trong hai tháng đầu năm phe Dân-chủ đã gọi nhân viên GAO ra điều trần 47 lần, gấp ba lần năm ngoái; họ cũng đã tổ chức hơn một trăm buổi điều trần. Trong vòng ba tuần lễ gay gắt nhiều người đã bị mất chức hơn cả sáu năm vừa qua dưới chính quyền Bush. Mức độ giám sát gia tăng chắc chắn cũng gia tăng mức căng thẳng giữa quốc hội và tòa Nhà Trắng, nhất là khi phe Dân-chủ tiếp tục chú mục điều tra vào xì-căng-đan giải nhiệm công tố viên. Dân biểu Dân-chủ Brad Miller (Bắc Carolina) nói,"Chúng tôi nhìn ngó vào vô số những vấn đề. Có thể nói là phản ứng của chính quyền Bush không mấy đằm thắm lắm."

Ngày 19 tháng Tư tổng trưởng Roberto Gonzales lại ra điều trần trước Ủy-ban Tư-pháp thượng viện về việc giải nhiệm công tố viên sau cả tháng dồn hết thì giờ tâm trí vào cách giải thích để làm vừa lòng Ủy-ban. Cuộc điều trần hầu như thất bại hoàn toàn; từ giới truyền thông cho tới giới lãnh đạo quốc hội, cả Dân-chủ lẫn Cộng-hòa, xem như một "tai họa" cho ông. Có thể ông sẽ phải từ chức nội trong tháng Tư; phe Dân-chủ xem đây như một dọn đường nhắm sát tới các nhân vật cận kề với tổng thống Bush.

Xin đón đọc từ ngòi bút độc-lập, tin-cậy đã quen thuộc với người đọc qua Thế-Kỷ 21 và nhật-báo Người-Việt từ thập-niên 1970:

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU:
NHỮNG VẤN-ĐỀ HÔM NAY VÀ SẮP TỚI

TUYỂN-TẬP I *

CỔ-LŨY

* Sẽ xuất-bản—như một lời hứa không nói ra với anh ĐNY.

CĂN NGUYÊN SUY THOÁI CỦA NỀN GIÁO DỤC VIỆT NAM HIỆN TẠI

TRẦN GIA PHỤNG

Nền giáo dục Việt Nam hiện tại đang suy thoái trầm trọng. Sự suy thoái nầy không phải chỉ một sớm một chiều, mà đã bắt đầu khá lâu, có thể mấy chục năm nay, từ khi chế độ cộng sản xuất hiện ở Việt Nam. Nền giáo dục cứ đi xuống từ từ, khó nhận biết. Người ta nói đi xuống theo hình trôn ốc. Nghĩa là càng xuống thì sự yếu kém của nền giáo dục càng rộng ra, từ thế hệ nầy qua thế hệ sau. Kém đến nổi vào đầu năm 2007, hai giảng viên trường Đại học Sư phạm Thái Bình đã phát biểu rằng Tự Lực Văn Đoàn là một đoàn Cải lương và Nhất Linh là một tài tử cải lương.(1) Giảng viên ĐHSP mà như thế thì những người học trò của họ, những giáo sinh ĐHSP, tức những người thầy tương lai của Việt Nam sẽ như thế nào?

1.- CHÍNH SÁCH VĂN HÓA GIÁO DỤC QUA CÁC HIẾN PHÁP

Để tìm căn nguyên suy thoái của nền giáo dục Việt Nam hiện nay, có lẽ cần phải bắt đầu từ đầu, tức đi thẳng vào chính sách giáo dục của chế độ cộng sản Việt Nam.

Hiến pháp năm 1946 nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, được Quốc hội đầu tiên thông qua ngày 9-11-1946, gồm 7 chương với 70 điều, trong đó điều 15, mục B, chương II, ghi rằng: "*Nền sơ học cưỡng bách và không học phí ở các trường sơ học địa phương, quốc dân thiểu số có quyền học bằng tiếng của mình. Học trò nghèo được chính phủ giúp. Trường tư được mở tự do và phải dạy theo chương trình Nhà nước.*"

Đó là điều duy nhất trong hiến pháp năm 1946 quy định về nền giáo dục. Cần chú ý là lúc đó, tình hình khá căng thẳng, sắp xảy ra chiến tranh, nên tất cả mọi người đều chú trọng vào việc kháng Pháp, việc ngoại giao, quốc phòng... Việc giáo dục chẳng được chú ý là chuyện bình thường, ai cũng lo "*xếp bút nghiên theo việc đao cung.*"

Sau năm 1954, đất nước bị chia hai. Đảng Lao Động và Hồ Chí Minh cầm quyền ở phía bắc vĩ tuyến 17, tiếp tục chế độ VNDCCH. Hiến Pháp thứ hai của nước VNDCCH gồm 10 chương với 112 điều, được Quốc hội Bắc Việt thông qua ngày 31-12-1959, trong đó các điều 33, 34, 35 thuộc chương III nói về chủ trương văn hóa giáo dục, cũng chỉ trình bày chủ trương tổng quát gần như hiến pháp năm 1946. Có thể vì lúc đó, nhà cầm quyền Hà Nội đang chuẩn bị tấn công miền Nam, nên tránh việc quá lộ liễu "tính đảng" trong văn hóa giáo dục.

Sau khi đánh chiếm toàn bộ miền Nam năm 1975, nhà nước Hà Nội tổ chức bầu cử Quốc hội trên toàn quốc ngày 25-4-1976. Quốc hội họp phiên đầu ngày 24-6-1976 tại Hà Nội. Trong phiên họp hơn một tuần sau đó, ngày 2-7-1976, Quốc hội tuyên bố đổi tên nước thành Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (CHXHCNVN), thủ đô là Hà Nội. Về phía đảng Lao Động, nay không còn phải tránh né dư luận trong và ngoài nước, đảng Lao Động tự đổi thành đảng Cộng Sản Việt Nam trong Đại hội IV, từ 14 đến 20-12-1976. Lê Duẩn tiếp tục giữ chức tổng bí thư.

Ngày 27-6-1978, tại Bucarest (thủ đô Roumania), CHXHCNVN gia nhập khối COMECON (Council for Mutual Economic Assistance tức Hội Đồng Tương Trợ Kinh Tế) tức khối kinh tế do Liên Xô đứng đầu. Sau đó, ngày 3-11-1978, Lê Duẩn sang Liên Xô ký với Leonid Brezhnev, tổng bí thư đảng CSLX, "*Hiệp ước hai mươi lăm năm hỗ tương và phòng thủ*" giữa hai nước.

Nói một cách khác, từ nay, CSVN không cần ẩn danh dưới một hình thức chính trị nào và để lộ hẳn bản chất của một chế độ cộng sản toàn trị. Việc nầy thấy rõ trong chính sách văn hóa giáo dục của nhà nước Hà Nội trong hiến pháp

năm 1980. Bản hiến pháp nầy gồm 7 chương với 147 điều, được Quốc hội Hà Nội thông qua ngày 18-12-1980, trong đó chương III nói về văn hóa, giáo dục, khoa học, kỹ thuật.

Về văn hóa, điều 37 ghi rằng: "*Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hóa, xây dựng nền văn hóa mới có nội dung xã hội chủ nghĩa...*" Điều 38 nguyên văn như sau: "*Chủ nghĩa Mác-Lênin là hệ tư tưởng chỉ đạo sự phát triển của xã hội Việt Nam. Nhà nước tuyên truyền, giáo dục sâu rộng chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối chính sách của đảng Cộng Sản Việt Nam, Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam; bảo vệ và phát triển những giá trị văn hóa và tinh thần của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới; chống các tư tưởng phong kiến, tư sản và ảnh hưởng của văn hóa đế quốc, thực dân; phê phán tư tưởng tiểu tư sản; xây dựng nếp sống xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ nếp sống lạc hậu, bài trừ mê tín, dị đoan.*"

Về giáo dục, điều 40 ghi rằng: "*Nền giáo dục Việt Nam không ngừng được phát triển và cải tiến theo nguyên lý học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất...*" Điều 41 thêm vào: "*Sự nghiệp giáo dục do Nhà nước thống nhất quản lý&Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, gia đình và xã hội cùng với nhà trường có trách nhiệm giáo dục thanh niên, thiếu niên và nhi đồng.*"

Về văn học, điều 44 viết: "*Văn học nghệ thuật Việt Nam được xây dựng trên lập trường, quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin và theo đường lối văn nghệ của Đảng Cộng Sản Việt Nam...*"

Sau đó, từ năm 1989 đến năm 1991, các chế độ cộng sản ở Đông Âu và Liên Xô lần lượt sụp đổ, chủ nghĩa Mác-Lênin hoàn toàn bị phế thải ở Âu Châu, nên CHXHCNVN chẳng đặng đừng phải thay đổi hiến pháp. Hiến pháp mới được Quốc hội thông qua ngày 15-4-1992, gồm 12 chương và 147 điều, trong đó, chương III nói về văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, bỏ bớt những từ ngữ liên hệ đến chủ nghĩa Mác-Lênin, nhưng cũng mang tính toàn trị, đại khái như "*nhà nước thống nhất quản lý sự nghiệp văn hóa...*"(điều 30), "*nhà nước thống nhất quản lý hệ thống giáo dục quốc dân về mục tiêu, chương trình, nội dung...*"(điều 36).

Như thế, chỉ có bản hiến pháp năm 1946 chấp nhận hệ thống tư thục, còn từ hiến pháp năm 1959 đến hiến pháp năm 1992, là "*nhà nước thống nhất quản lý hệ thống giáo dục...*" Tuy rất tổng quát, nhẹ nhàng, nhưng "thống nhất quản lý" là ngôn ngữ hành chánh, ngôn ngữ chính trị, có nghĩa là độc quyền quản lý, hay nói cách khác **việc giáo dục thuộc độc quyền của nhà nước**, không có hệ thống tư nhân, không có các trường của các tôn giáo hay các hội đoàn. Giống như nhà nước độc quyền chính trị, độc quyền kinh tế, độc quyền tài chánh, độc quyền ngoại thương, độc quyền báo chí...

2.- CHỦ TRƯƠNG GIÁO DỤC PHỤC VỤ CHÍNH TRỊ

Trong bài nói chuyện tại lớp học tập chính trị khoảng 3,000 giáo viên cấp 2 và cấp 3 miền Bắc (dạy từ lớp 6 đến lớp 12), do bộ Giáo Dục tổ chức tại Hà Nội ngày 13-9-1958, Hồ Chí Minh nói: "*Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người.*"(Báo *Nhân Dân* ngày 14-9-1958.) Câu nầy, Hồ Chí Minh dịch của Quản Trọng thời Xuân thu (722-479 TCN) bên Trung Hoa (thập niên chi kế tại ư thụ mộc, bách niên chi kế tại ư thụ nhân). Như thế, Hồ Chí Minh và đảng CSVN thấy rõ tầm quan trọng chiến lược của việc giáo dục.

Do đó, ngay từ đầu, khi một mình đảm trách nền giáo dục toàn quốc từ sau năm 1946 cho đến nay, bộ Giáo dục nhà nước cộng sản không những chỉ quản lý chặt chẽ nền giáo dục, mà còn thi hành chủ trương giáo dục phục vụ chính trị, phục vụ đảng.

Theo những nhà giáo lớn tuổi, lúc mới chiếm được chính quyền vào tháng 9-1945, nhà nước VNDCCH vẫn còn theo chương trình giáo dục lập ra từ thời chính phủ Trần Trọng Kim. Vị bộ trưởng giáo dục trong chính phủ Việt Minh đầu tiên ngày 2-9-1945 là ông Vũ Đình Hòe. Ngày 3-11-1946, Hồ Chí Minh cải tổ nội các, một tuần trước khi hiến pháp đầu tiên được thông qua. Ông Nguyễn Văn Huyên được đưa lên thay ông Vũ Đình Hòe, giữ chức bộ trưởng giáo dục. Ông Nguyễn Khánh Toàn làm thứ trưởng.

Tuy là thứ trưởng, nhưng mọi quyền hành nằm trong tay ông Nguyễn Khánh Toàn, vì ông là đảng viên cộng sản lâu năm. Nguyễn Khánh Toàn dạy tiếng Việt ở Moscow từ năm 1927, có tên Nga là Minin, có vợ Nga, vào học ở Học viện Thợ thuyền Đông phương (Université des travailleurs d'Orient) từ năm 1928 đến năm 1931. Sau đó, Toàn ở lại Liên Xô. Năm 1939, Nguyễn Khánh Toàn cùng Nguyễn Ái Quốc qua

Trung Hoa, cùng đến Diên An, căn cứ của CSTH, năm 1941. Toàn ở lại Diên An, đến năm 1946 mới trở về Việt Nam.(2)

Tất cả những thay đổi trong nền giáo dục bắt đầu khi Nguyễn Khánh Toàn trở về Việt Nam, ứng dụng triết lý giáo dục của Liên Xô, do bộ trưởng giáo dục Liên Xô là Kalenikov (?) đưa ra. Đó là "*Giáo dục phục vụ chính trị*," tức giáo dục phải phục vụ chế độ do đảng Cộng Sản điều hành, hay nói cách khác, giáo dục phải có tính đảng và những nhà giáo, giáo viên, phải có lập trường đảng thật vững vàng.

Trong lúc chiến tranh tiếp diễn, Nguyễn Khánh Toàn ra lệnh tổ chức những trại huấn luyện cho giáo viên trong khu vực do Việt Minh cộng sản chiếm đóng, phổ biến nền giáo dục mới tại các liên khu. Trại huấn luyện liên khu 3 tổ chức tại Yên Mô (Ninh Bình) và liên khu 4 tại Cổ Định (Nông Cống, Thanh Hóa).(3) Sau khi được huấn luyện, các cán bộ nòng cốt trở về tỉnh của mình, tổ chức truyền đạt lại cho giáo viên cấp tỉnh, rồi từ tỉnh xuống huyện.

Chính sách giáo dục phục vụ chính trị là chủ trương cốt lõi của chế độ cộng sản, được đảng Cộng Sản (đổi thành đảng Lao Động từ năm 1951, rồi đảng Cộng sản Việt Nam năm 1976) và nhà nước do đảng nầy lập ra, thực hiện hết sức nghiêm chỉnh trong các vùng do Việt Minh kiểm sóat từ năm 1948 đến năm 1954, ở miền Bắc Việt Nam (bắc vĩ tuyến 17) từ năm 1954 đến năm 1975, và trên tòan cõi Việt Nam từ năm 1975 cho đến nay.

Chính sách giáo dục nầy gần đây được củng cố thêm bằng luật số 11/1998/QH10 của Quốc hội Hà Nội, áp dụng từ ngày 2-9-1998, theo đó: "*... Nền giáo dục Việt Nam là nền giáo dục xã hội chủ nghĩa có tính nhân dân... lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng.*"

3.- ỨNG DỤNG CHỦ TRƯƠNG "GIÁO DỤC PHỤC VỤ CHÍNH TRỊ"

Từ chủ trương chính trị hóa giáo dục, tất cả chương trình học các cấp đều phải theo nhu cầu chính trị của đảng Cộng Sản và của nhà cầm quyền cộng sản. Tiêu chuẩn chọn lựa giáo viên là "**hồng hơn chuyên**," có lập trường theo đảng vững vàng hơn là giỏi chuyên môn. Sách giáo khoa do Ban Tu thư Trung ương gồm đảng viên biên soạn, ban Văn hóa tư tưởng đảng duyệt xét, in ấn, trở thành pháp lệnh, bắt buộc giáo viên phải tuân theo.

Nhiều khi sách giáo khoa được viết sai. Ví dụ không ai có thể tưởng tượng nổi sách giáo khoa môn Văn lớp 10, khi bình luận bài "Bình Ngô đại cáo" đã viết rằng Nguyễn Trãi là nhà bảo vệ môi trường. (*Người Việt Online, 7-8-2006,* "Sách giáo khoa lớp 10 ở Việt Nam.")

Dầu vậy, dầu sách giáo khoa viết sai thế nào, giáo viên cũng phải tuân theo, không được dạy khác sách giáo khoa, ngoài sách giáo khoa. Giáo viên và cả học sinh không được suy nghĩ hay phát biểu bất cứ ý kiến gì mới lạ, ngoài những gì cộng sản chủ trương, ngoài những điều đã học ở trường lớp và sách giáo khoa. Nhà nước và nhà trường không chấp nhận cái gì mới ngoài những sách giáo khoa của nhà nước, chủ trương của đảng CSVN. Ai có ý kiến gì khác liền bị quy chụp là xét lại, phản động, chắc chắn sẽ được đưa đi cải tạo, nghĩa là vào tù.

Sách giáo khoa phải luôn luôn đề cao tính ưu việt của chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, ca tụng đảng Cộng Sản Việt Nam, ca tụng các lãnh tụ đảng. Không phải chỉ ca tụng đảng Cộng Sản Việt Nam, mà cả các đảng Cộng Sản trên thế giới, từ Liên Xô, Đông Âu, Trung Hoa... Và ca tụng toàn thể các lãnh tụ các đảng CS nằm trong hệ thống Đệ tam Quốc tế.

Trong lãnh vực khoa học, sách giáo khoa cộng sản luôn luôn cho rằng chỉ có những nhà khoa học cộng sản, các nước cộng sản là ưu việt, dầu những lý thuyết của các tác giả Liên Xô hay Đông Âu cộng sản đã quá cũ, đồng thời chê bai, đả kích những nhà khoa học của các nước tư bản, đế quốc.

Có một câu thơ điển hình về việc nầy:

"Người ta dạy tôi
Đồng hồ Liên Xô tốt hơn đồng hồ Thụy Sỹ
Trăng Trung Quốc tròn hơn trăng nước Mỹ,
Tôi đã sống một phần hai thế kỷ
Để hôm nay làm đĩ với tâm hồn."

(Trích: *Cửa mở* của Việt Phương)

[Việt Phương từng là thư ký riêng của Phạm Văn Đồng]

Trong lãnh vực địa lý, theo sách giáo khoa của CSVN, chỉ có những nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là thực sự phát triển dưới sự lãnh đạo tài tình của đảng CS, trong khi các nền kinh tế tư bản, tự do là bóc lột, phồn vinh giả tạo.

Trong lãnh vực văn chương, người cộng sản chỉ ca tụng những tác giả xuất hiện từ thời cộng sản, ở Liên Xô, ở Trung Cộng. Riêng ở Việt Nam, thì những tác giả cổ điển bị sách giáo

khoa cộng sản cho là mang đầy tư tưởng phong kiến, hưởng lạc trong khi nhân dân đau khổ. Thậm chí, Nguyễn Du vẫn còn tư tưởng lạc hậu, phản động, và thân phận nàng Kiều là một bản cáo trạng đanh thép đối với chế độ phong kiến.(4) Văn học sử Việt Nam dưới chế độ cộng sản luôn luôn đề cao Hồ Chí Minh, Sóng Hồng (Trường Chinh), Tố Hữu... Đề thi trung học quanh quẩn giữa các tác giả cộng sản.

Về lịch sử, thì lịch sử đất nước hay lịch sử thế giới đều được sách của chế độ Hà Nội giải thích theo quy trình của chủ nghĩa cộng sản, từ xã hội nguyên thủy cho đến ngày nay. Lịch sử được vo tròn bóp méo theo nhu cầu của đảng CS. Người ta còn sáng tác những chuyện hoang tưởng rồi đưa vào lịch sử, và bắt học sinh phải học. Như chuyện Kim Đồng, chuyện Lê Văn Tám, chuyện Tôn Đức Thắng ở Hắc Hải, chuyện Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước.

Trần Huy Liệu là người đã sáng tác chuyện Lê Văn Tám trong sách giáo khoa Việt sử của cộng sản. Trước khi chết, ông Liệu hối hận vì mình đã bịa chuyện Lê Văn Tám, nên ông Liệu nhờ ông Phan Huy Lê cải chính. Phan Huy Lê đã công khai cải chính trong một cuộc họp của hãng phim truyền hình Việt Nam tại Hà Nội vào cuối tháng 2-2005, bảo rằng chuyện Lê Văn Tám hoàn toàn không có thật (*Người Việt Online*, Chủ Nhật 20-3-2005). Tuy nhiên, hiện nay học sinh trong nước vẫn phải học "anh hùng Lê Văn Tám" (?). Tại Sài Gòn vẫn còn công viên Lê Văn Tám trên đường Hai Bà Trưng.

Ở bậc trung tiểu học, các em học sinh Việt Nam phải học "Năm điều bác Hồ dạy". Đó là: "*Yêu tổ quốc, yêu đồng bào. Học tập tốt. Lao động động tốt. Giữ gìn vệ sinh thật tốt. Khiêm tốn, thật thà, dũng cảm.*" Trong năm điều nầy, không có điều nào dạy cho trẻ em có hiếu với cha mẹ, thuận thảo với anh chị em, biết kính nể người lớn tuổi. Người ta còn buộc học sinh học tập theo gương "đạo đức Hồ Chí Minh"(?). Điều nầy làm cho các bậc phụ huynh rất lo ngại, vì các phụ huynh và cả học sinh hiện nay ở trong nước, qua báo chí sách vở hải ngoại, qua internet, đều đã biết Hồ Chí Minh là người như thế nào!

Như thế, ngay từ căn bản, giáo dục dưới chế độ cộng sản đồng nghĩa với giáo dục nhồi sọ, giáo dục giáo điều. Học sinh chỉ biết vâng lời chứ **không tập suy nghĩ, không được phê phán, không học suy luận**. Từ đó, **óc sáng tạo của học sinh bị xơ cứng, dần dần đi đến chỗ thui chột**. Sau đây là lời phát biểu của tiến sĩ sử học Phạm Ngọc Tùng, giảng viên Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc Gia Hà Nội: "*Quan niệm giáo dục và thực hành sư phạm phổ biến hiện nay vẫn là truyền thụ, 'nhồi' một chiều chứ không phải trao đổi kiến thức. HS hiếm khi phải tư duy, khi đến lớp chủ yếu là... chép bài. Đến lúc gặp phải đề thi có chút tổng hợp, liên kết là lúng túng, không biết lắp ráp thế nào.*"(báo *Tuổi Trẻ*, ngày 28-7-2006)

4.- NHỮNG CĂN BỆNH CỦA NỀN GIÁO DỤC PHỤC VỤ CHÍNH TRỊ

Chế độ cộng sản độc tài toàn trị cũng như nền giáo dục giáo điều, chỉ có thể tồn tại bằng khủng bố, bạo lực, áp đặt và bưng bít. Tuy nhiên, ngày nay có hai trở ngại chính cho các chế độ độc tài toàn trị là cuộc cách mạng thông tin toàn cầu và xu hướng dân chủ hóa trên thế giới. Các nước trên thế giới đều kêu gọi thực hiện dân chủ, nên bất cứ một hành động độc tài nào đều bị lên án. Hơn nữa, những hành động độc tài không thể che giấu, bưng bít nhờ việc thông tin tân tiến, dễ dàng, thuận lợi và nhanh chóng.

Ngày nay, do mạng lưới thông tin toàn cầu phát triển, những sự thật lịch sử dần dần được đưa ra ánh sáng, nên không còn ai tin những chuyện bịa đặt trong các sách giáo khoa cộng sản Việt Nam. Ngoài ra, trong khi thực hiện chủ trương giáo dục phục vụ chính trị, nền giáo dục Việt Nam lại nẩy sinh ra những tệ nạn đi kèm, những căn bệnh khó có thuốc trị.

Căn bệnh đầu tiên là bệnh lý lịch. Vì giáo dục phục vụ chính trị nên đầu tiên giáo dục phải phục vụ đảng, đảng viên và gia đình đảng viên, tức con em đảng viên, có lý lịch tốt đối với cộng sản. Tất cả các kỳ tuyển sinh đều dựa trên căn bản lý lịch. Lý lịch học sinh được chia thành 14 bậc. Lý lịch càng hồng, càng đỏ thì điểm tuyển càng thấp, nên càng dễ đậu. Con "ngụy quân," ngụy quyền" ở bậc thứ 13 hay 14, nên có khi điểm rất cao, nhưng vẫn không được tuyển chọn.

Năm 1975, khi mới đánh chiếm miền Nam, những ngành nghề như Sư phạm, Y khoa, chỉ chọn con đảng viên, cán bộ, vì giáo viên là kỹ sư của tâm hồn, bác sĩ là người nắm mạng sống của thiên hạ, nên chỉ những người lý lịch thật tốt mới được học. Trong trường hợp có học bổng, nhất là học bổng ra nước ngoài, lại càng rất khó. Bệnh lý lịch đi kèm theo bệnh thân thế.

Con mấy ông càng lớn, thì càng hồng, càng đỏ, càng dễ thi đậu, có thể học dốt cũng đậu.

Bệnh thứ hai là bệnh thành tích, chỉ tiêu. Trường nào, lớp nào cũng phải đạt "chỉ tiêu trên giao," nghĩa là học sinh phải lên lớp thật đông, phải đậu thật nhiều. Có trường hợp biết con mình học yếu quá, phụ huynh đến xin nhà trường cho con mình ở lại lớp, để học lại cho chắc chắn, liền bị nhà trường quy tội là phá hỏng chỉ tiêu của lớp.

Theo báo điện tử VNExpress, trong cuộc họp lãnh đạo các Sở Giáo Dục-Đào Tạo trên toàn quốc ngày 22-8-2006, ông Lê Xuân Đồng, giám đốc Sở Giáo Dục-Đào Tạo Thanh Hóa, cho biết: "*Chúng tôi mắc bệnh thành tích là có phần của bộ. Chỉ tiêu phấn đấu, thi đua do bộ đưa ra, và để đạt được những chỉ tiêu đó, chúng tôi phải mắc bệnh thành tích.*"(*Người Việt Online* ngày 22-8-2006).

Bệnh thứ ba là bệnh nói không đúng sự thật và bất cần thực tế cuộc sống: Căn bệnh thứ ba bắt nguồn từ công tác phục vụ đảng là bất chấp sự thật, bất cần thực tế, chỉ cần theo đúng đường lối chủ trương của đảng. Nói không đúng sự thật hay nói láo để tô hồng chế độ, để hạ thấp giá trị của tất cả những gì không phải cộng sản, để nhồi sọ thanh thiếu niên, để lập thành tích cho nền giáo dục phục vụ chính trị.

Bệnh nầy thấy rõ trong các môn nhân văn, như văn chương, địa lý và sử học. Ông Hà Văn Thịnh, giảng viên Trường Đại học Khoa học Huế, đã viết: "*Còn mình thì chỉ một chiều, lúc nào cũng chỉ địch thua ta thắng, địch bao giờ cũng hèn nhát, ta bao giờ cũng cao thượng, dũng cảm. Một chiều như vậy mãi thì HS cũng không thích, thậm chí tạo mặc cảm lừa dối.*"*(Tuổi Trẻ,* 28-7-2006.) "Tất cả những trận đánh mà Cộng sản thực hiện đều "thắng lợi vẻ vang," tiêu diệt rất nhiều tên địch, phá hủy nhiều phương tiện vũ khí trong khi đó số thương vong của Cộng sản không bao giờ được liệt kê. *Phần nguyên nhân của tất cả các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ bao giờ cũng được dùng để ca ngợi sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và ông Hồ Chí Minh. Trong khi đó không có một bài nào mô tả cuộc sống và tình hình thực chất ở miền Nam Việt Nam.*"(Hoàng Duy, "Vì sao học sinh Việt Nam dốt sử?", *Đàn Chim Việt,* ngày 4-8-2006.)

Khi được ký giả Trà Mi hỏi: "*Những cái đang được giảng dạy trong nhà trường có phù hợp với những gì đang diễn ra thực tế bên ngoài hay không?*" Một sinh viên tên Toàn, cao học chuyên ngành Quản trị kinh doanh thuộc trường đại học kinh tế TPHCM, trả lời rằng: "*Nếu sinh viên học theo chương trình của Bộ thì ra ngoài khi đi xin việc làm, các công ty hoặc là phải đào tạo lại từ đầu hoặc cho ra nước ngoài học tập, theo yêu cầu công việc của doanh nghiệp.*" (Phỏng vấn của phóng viên Trà Mi, đài RFA ngày 22-11-2006)

Hiện nay, chủ nghĩa Mác-Lênin trở thành đồ phế thải trên thế giới, nhưng ở trong nước, học sinh các khối thi tốt nghiệp trung học phải chọn một trong hai bộ môn sau đây: Thứ nhất: Triết học Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Lịch sử đảng CSVN, Tư tưởng Hồ Chí Minh. Thứ hai: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học.

"*Bộ giáo dục và đào tạo Việt Nam vẫn bắt buộc sinh viên phải học chủ nghĩa Mác-Lê nin, ngay cả các trường đại học liên kết giảng dạy tại Việt Nam đều phải có chương trình giảng dạy về các môn này. Thực tế, 99% sinh viên học theo kiểu đối phó vì không hiểu nổi và học xong không biết để làm gì. Các môn này mang tính chính trị nhằm định hướng tư tưởng người dân. Chính quyền muốn duy trì thể chế nên phải đưa những môn này vào bắt buộc người dân học.*"(Sinh viên Toàn trả lời phỏng vấn của phóng viên Trà Mi, đài RFA ngày 22-11-2006.)

Ngoài các căn bệnh căn bản trên đây, nền giáo dục Việt Nam hiện tại còn có những căn bệnh phụ, vừa do chủ trương giáo dục phục vụ chính trị, vừa do hoàn cảnh xã hội đói kém, như các bệnh lạm phát bằng cấp, bệnh tham nhũng trong giáo dục...

Do nhu cầu chính trị, các chức sắc từ cấp giám đốc trở lên cần có bằng cấp, học vị, nên theo học chuyên tu hay tại chức. Ở trong nước hiện nay có câu tục ngữ thời danh: "*Dốt chuyên tu, ngu tại chức.*" Thế mà các ông vẫn có bằng thạc sĩ (tương đương với cao học trước năm 1975) và tiến sĩ. Theo thống kê của nhà nước CSVN, từ sau năm 1975, Việt Nam đào tạo được 8,400 tiến sĩ và 39,000 thạc sĩ, gấp ba lần Thái Lan. Tuy nhiên, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương khóa 9 năm 2002 đã cho rằng: "*Ngày nay, giáo dục đại học của ta đang tụt thấp hơn 50 bậc so với đại học Thái Lan.*" Trong cuộc họp báo ngày 5-1-2006 ở Hà Nội ông bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo thú nhận rằng: "*Trong số 8,400 tiến sĩ đào tạo từ năm 1976 cho đến nay,*

*thì đã có 2,500 có trình độ yếu. Bằng cấp đối với nhiều người chỉ làm đẹp hồ sơ, tạo cơ hội cho sự thăng tiến."(*Mai Thanh Truyết, "Giáo dục Việt Nam", báo *Sống*, Houston, tháng 3-2006.)

Bệnh tham nhũng không phải chỉ riêng ngành giáo dục, mà đó là bệnh của chung toàn thể bộ máy cầm quyền cộng sản, có thể xem là bệnh xã hội, như bệnh hoa liễu, bệnh Sida (Aids). Bệnh hoa liễu, bệnh Sida chỉ giết một số cá nhân, trong khi bệnh tham nhũng làm hại cho toàn bộ xã hội và bệnh tham nhũng trong giáo dục tác động đến trí óc của trẻ em, gây ảnh hưởng lâu dài trong đời sống văn hóa của đất nước.

Tham nhũng giáo dục xảy ra ở mọi cấp bậc, từ tiểu học lên trung học và đại học. Tham nhũng tiểu học có tính cách 'cò con," như phụ huynh hối lộ để xin con em chọn trường mẫu giáo hay lớp 1, như giáo viên buộc học sinh phải học thêm với mình tại nhà, nếu không thì không được lên lớp... Tham nhũng trung học để học sinh chạy điểm lên lớp, thi lấy bằng. Chuyện nầy báo chí trong nước nhiều lần đề cập đến. Thê thảm hơn nữa, vào đầu năm 2007, lại xảy ra việc sách nhiễu tình dục ở bậc trung học, tại trường trung học Phan Châu Trinh Đà Nẵng. Tham nhũng đại học cũng có nhiều hình thức, từ thi tuyển sinh, đến thi lên lớp hoặc thi tốt nghiệp.

5.- KẾT QUẢ NỀN GIÁO DỤC PHỤC VỤ CHÍNH TRỊ

Trong một nền giáo dục như thế, ngoài việc đào tạo những người biết vâng lời hơn là biết suy nghĩ, thì làm thế nào có thể xây dựng nhân tài được, làm thế nào đất nước có thể tiến bộ được? Kết quả của nền giáo nầy được các báo trong nước sơ kết như sau: "*Báo Thanh Niên viết tựa: "Học sinh lớp 6 ở Bạc Liêu chưa biết đọc!" Báo Tiền Phong kể chuyện từ Kiên Giang tới Cà Mau: "Nhiều học sinh Trung Học Phổ Thông không đọc thông, viết thạo," trong đó có: "Học sinh lớp 7 nhưng đọc chưa thạo," có đăng cả hình em học sinh đó đang tập đánh vần. Báo Tuổi Trẻ: "Kontum: Học sinh lớp 6 chưa đọc thông viết thạo," có 18 em như vậy. Báo này đăng hình một học sinh lớp 6 ở Phù Cát, Bình Định, đứng ngơ ngẩn trước tấm bảng đen vì không biết làm con tính chia đơn giản. Báo Sài Gòn Giải phóng cũng loan tin 26 học sinh lớp 6 ở một trường tỉnh Phú Yên chưa đọc chưa viết được chữ quốc ngữ và chưa biết làm bốn phép tính cơ bản. Có học sinh lớp 6 chưa biết đọc 24 chữ cái, vào lớp "cứ ngồi im thin thít." Có em khác, cô giáo viết chữ cái lên bảng, bảo em chép lại, cũng không viết được! Một học sinh lớp 6 ở Sóc Trăng không viết được tên mình, làm bài toán cộng 7 + 3 cũng sai. Báo Sài Gòn Giải phóng còn kể chuyện có học sinh lớp 9 ở Việt Trì, Phú Thọ, cũng chưa biết đọc trôi chảy một đoạn trong truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh. Báo Người Lao Động kể có những "học sinh tiên tiến" ở một trường tại tỉnh Lâm Đồng, học lớp 6, nhưng trong số 25 em trắc nghiệm có tới 23 em không làm được những con tính đơn giản, như 1005 chia cho 5! Khi thi viết chính tả, một bài có 39 chữ thì tất cả đều viết sai. Có em viết sai 19 chữ, có em nhìn bạn viết để "cóp pi" thì sau đó chính chữ mà mình mới chép cũng không đọc lại được là gì! Kể những chuyện đó thì kể mãi không hết..."* (*Người Việt Online* ngày 12-12-2006.) Xin lưu ý là không phải chỉ kém ở học sinh hạ tầng, mà dốt cả ở thượng tầng nữa, như trường hợp bà Nguyễn Thị Tâm và bạn của bà, đều là giảng viên trường Đại Học Sư Phạm Thái Bình, đã kể ở trên.

Việc học sinh trong nước yếu kém, hay không chịu học, phần lớn là hậu quả của chủ trương giáo dục phục vụ chính trị. Chúng ta hãy nghe một người trong nước viết ra: "*Một em học sinh khi lên mạng và dùng một chương trình tìm kiếm thông dụng như Google để tìm hiểu về lịch sử Việt Nam sẽ có kết quả đầu tiên là bài Lịch sử Việt Nam trên Wiki. Sau khi đọc xong bài sử được viết một cách khách quan và trung lập như thế chắc chắn em học sinh sẽ đặt ra trong đầu rất nhiều câu hỏi về môn học lịch sử: sách giáo khoa viết có đúng không, thầy cô dạy có đúng không? Và càng tìm hiểu thì em học sinh đó sẽ nhận ra rằng sách giáo khoa lịch sử Việt Nam đã viết sai sự thật về cuộc chiến tranh Việt Nam. Phản ứng tất yếu của em học sinh đó sẽ là chán nản và không thèm học lịch sử Việt Nam bởi vì biết rằng mình đang bị "nhồi sọ."* (Hòang Duy, "Vì sao học sinh 'dốt' sử", *Đàn Chim Việt* ngày 4-8-2006.)

Ở cấp bậc cao hơn, theo World Investment Report của Liên Hiệp Quốc, trong báo cáo "2005 Transnational Corporation & The Internationalization of R&D", công bố vào tháng 9-2005, nhằm mục đích đánh giá năng lực sáng tạo của một quốc gia qua chỉ số năng lực sáng tạo II (Innovation Index), thì trong 117 quốc gia

được thăm dò, Việt Nam đứng hạng thứ 82 và bị xếp vào nhóm các quốc gia còn kém về khoa học phát triển, sau hai nhóm quốc gia có trình độ cao và trung bình trên thế giới gồm 78 nước.(Mai Thanh Truyết, bài đã dẫn.)

Ngoài ra, chúng ta cần chú ý thêm một điểm, người Việt Nam nói chung tương đối đều như nhau về trình độ thông minh, dù ở trong hay ở ngoài nước. Trong nước hiện có trên 80 triệu dân. Nhiều em học sinh lúc nhỏ thật xuất sắc. Ngay từ nhỏ, các em đã đạt được nhiều giải thưởng lớn, hoặc các cuộc thi về toán học quốc tế, các cuộc thi về cờ vua quốc tế, mà ở nước ngoài rất ít em học sinh Việt Nam có thể đạt được. Ở nước ngoài, người Việt hiện lên đến khoảng 3 triệu người, (chưa được một phần hai mươi lăm so với dân số trong nước), sống rải rác khắp thế giới. Lúc nhỏ, các em học sinh hải ngoại học hành bình thường như bao trẻ em khác, nhưng khi lớn lên, học sinh Việt Nam hải ngoại khá xuất sắc, đỗ đạt đủ các ngành nghề và đỗ đạt hạng cao cấp nữa. Một trong những lý do chính có thể vì các em không bị nhồi sọ, không bị ép buộc vào các giáo điều, các em được tự do nghiên cứu, tự do học hành, không bị bất cứ một thứ ràng buộc nào cả.

TẠM KẾT

Kể mãi cũng không hết, nên nếu muốn chấm dứt sự suy thoái của nền giáo dục Việt Nam hiện tại, để đào tạo nhân tài giúp đất nước theo kịp đà tiến hóa trên toàn cầu, thì chỉ còn có các cách:

Thứ nhất, **đảng CSVN và nhà nước CSVN phải bãi bỏ chủ trương giáo dục phục vụ chính trị**, phục vụ chế độ cộng sản, bãi bỏ việc dạy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh, chấm dứt việc nhồi sọ, việc học hành theo giáo điều. Đồng thời bãi bỏ luôn chủ trương lý lịch trong tuyển sinh. Các điều nầy xem ra rất khó thực hiện đối với đảng CSVN hiện nay, nhưng nếu không mạnh tay và can đảm cắt cục ung bướu nầy, thì nền giáo dục Việt nam sẽ tiếp tục trì trệ và suy thoái.

Thứ hai, nếu đảng CSVN và nhà nước CSVN không chịu sửa đổi, thì **dân chúng và nhất là thanh niên sinh viên sẽ phải tự tìm lối thoát, đòi hỏi cải cách**, vì tiền đồ dân tộc, vì tương lai đất nước. Như sinh viên Pháp vào tháng 5-1968 và sinh viên Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa vào tháng 5-1989. Sinh viên Pháp đã thành công, trong khi sinh viên Trung Cộng bị đàn áp tàn bạo và đẫm máu tại Thiên An Môn. Hình ảnh người thanh niên đứng trước chiếc xe tăng ở Thiên An Môn có lẽ là hình ảnh hào hùng và bi thảm nhất của thanh niên Trung Hoa dưới chế độ tàn bạo của Cộng sản. Ngày nay, CSVN có dám và có đủ sức đàn áp sinh viên Việt Nam như CSTH đàn áp sinh viên Trung Cộng hay không?

Thứ ba, nếu cuối cùng CSVN vẫn cương quyết duy trì chủ trương giáo dục phục vụ chính trị, làm hỏng biết bao nhiêu thế hệ thanh niên đã qua, và làm hỏng những thế hệ sắp đến, thì dân chúng Việt Nam muốn tìm ra sinh lộ tương lai cho chính dân tộc mình, chỉ còn con đường duy nhất là phải tranh đấu chấm dứt chế độ cộng sản. Đây là việc làm khó khăn, nhưng dưới bầu trời nầy, dầu độc tài tàn bạo như Quốc Xã Đức, hay Cộng Sản Liên Xô, rồi cũng có lúc bị quật ngã. **Khi chế độ cộng sản không còn, thì chủ trương giáo dục phục vụ chính trị, chủ trương cốt lõi của đảng CSVN, cũng tự nhiên mất luôn.**

Những sai lầm về chính trị và kinh tế có thể sửa đổi trong một thời gian ngắn, nhưng những sai lầm về văn hóa phải tốn nhiều thế hệ mới khắc phục được. Lão Tử đã từng bảo: "Làm văn hóa sai thì hại muôn đời." Đảng CSVN phải chịu trách nhiệm trước lịch sử về tình trạng suy thoái của nền giáo dục Việt Nam hiện nay. Những nhà lãnh đạo CSVN ở trong nước có nghĩ như thế không?

(Toronto, 11-3-2007)

CHÚ THÍCH:

1. Trong chương trình "Ai sẽ là triệu phú?", đài VT3 của Hà Nội ngày 9-1-2007, khi được hỏi về liên hệ giữa các nhân vật trong Tự Lực Văn Đoàn, ứng viên Nguyễn Thị Tâm, giảng viên trường ĐHSP Thái Bình trả lời rằng TLVĐ là một đoàn cải lương, Nhất Linh là một tài tử cải lương. Người bạn của ứng viên nầy, cũng là một giảng viên ĐHSP Thái Bình, được giới thiệu là rất giỏi về văn học, cũng trả lời không đúng.(Chương trình nầy được đưa lên Internet.)
2. Hoàng Văn Chí, Từ thực dân đến cộng sản [nguyên bản Anh văn], Mặc Định dịch, Paris: 1962, tt. 79-81.
3. Theo lời kể của giáo sư N.Đ.N. ở San Diego, một người có tham dự trại huấn luyện ở Thanh Hóa.
4. Hà Huy Giáp, "Giới thiệu về Nguyễn Du và Truyện Kiều," trong Truyện Kiều, Hà Nội: Nxb. Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp, 1973, tt. XXXV và XLI.

Trở gió Nam, chào Faustus

NGUYỄN HỮU LIÊM

"Mong được Nồm mang cơn gió thổi.
Đàn ai ta gảy khúc Nam nghe."

Ở Quảng Trị, hằng năm vào khoảng cuối tháng Tư, trời bắt đầu nóng như đổ lửa, là lúc mà ngọn gió Nam Lào thổi từ vịnh Thái Lan, đi ngang qua cao nguyên Cam Bốt và nam Lào để vượt đèo Lao Bảo, bay vào thành phố Đông Hà, đồi Ái Tử, ở Quảng Trị. Ngọn "gió Nam," như ngoài ấy thường gọi, thổi từ giữa buổi sáng đến 5 giờ chiều. Khi gió thổi lên, cả làng xóm chỉ còn là tiếng gió. Gió tràn ngập khắp nơi, từ ngọn cỏ, từ bụi đất đến ngọn lá cau trên cao.

Âm thanh gió Lào mà tôi nhớ nhiều nhất là tiếng các thân cây tre quằn quại cọ sát lẫn nhau tạo ra một màn âm hưởng lạ lùng. Nó như là của cõi thực vật đang bị linh hồn của cõi gió xô đẩy và hành hạ thân xác. Gió Lào rất là khô và nóng - vì bao nhiêu chất ẩm đã bị cao nguyên Trường Sơn lấy hết cả rồi. Đất và cây lẫn người Quảng Trị chỉ còn lại cái xác phàm của không khí muốn vượt nhanh qua núi đồi Lao Bảo để tìm về lại Thái Bình Dương, nơi gió được phát đi. Gió Nam Lào vội vã, tất bật và xơ xác - như những chiếc "nón cời" mà các o thôn nữ nghèo phải đưa tay giữ lại trên đầu để khỏi bị gió bay đi.

Tôi nhớ đến gió Lào sáng nay, Chủ Nhật, 15/4, khi bản tin trên Thanhnienonline cho biết rằng, hôm 13 tháng 4, "Quảng Trị: Khánh thành bệnh viện đa chức năng 1,2 triệu USD." Bản tin rất ngắn, chỉ cho biết rằng đây là công trình từ thiện của hai tổ chức thiện nguyện ở Mỹ là Atlantic và Đông Tây Hội Ngộ (East meets West) hỗ trợ. Bệnh viện này được xây từ năm 2005 trên một khu đất 4000 mét vuông và sẽ phục vụ không những cho Quảng Trị mà các tỉnh lân cận.

Tôi thở phào nhẹ nhõm. Tôi nhớ là năm 2004 về Đông Hà, vào bệnh viện đa khoa của tỉnh để thăm một người bạn đang nhập viện ở đó, tôi đã thấy nhu cầu y tế địa phương quá cao mà cơ sở và phương tiện lại không có. Trên mỗi giường bệnh có đến hai, đôi khi đến ba, bệnh nhân nằm ngược nhau. Thật là bi đát. Lúc đó, tôi đang làm việc với tổ chức VNHelp, đang có kế hoạch xây trường học cho Quảng Trị, và trong lòng cũng nổi lên ý định vận động ngân quỹ để xây bệnh viện cho tỉnh nhà. Khi về đến Mỹ, sau đó, đi dự hội nghị do tổ chức VA-NGO điều hợp, gặp được John Anner, giám đốc của East meets West, và được ông thông tin rằng tổ chức này đang tiến hành việc xây bệnh viện cho Quảng Trị. Tôi mừng hú lên. Vì tôi đã chứng kiến toà nhà thư viện to lớn ở Huế được xây dựng bởi tổ chức East meets West. Tôi yên tâm. Chuyện làm mình băn khoăn, dằn vặt đã có người khác lo.

Và hôm nay đọc được bản tin khánh thành bệnh viện đa chức năng Quảng Trị, tôi thấy như là khí trời đã chuyển hướng. Đây là lúc mà ngọn gió Lào khô nóng tàn bạo đã dịu lại để cơn gió Nồm từ hướng đông biển Nam Hải thổi vào thật là mát, ẩm nước và dịu mát. Từ gió Nam qua gió Nồm, từ chiến tranh sang hòa bình, từ tàn phá sang kiến thiết, từ hận thù sang yêu thương, tha thứ. Tất cả đều có cái lúc, cái thời khắc của nó. Như người Quảng Trị đã biết từ lâu, gió Nam thổi mãi rồi đến lúc nó cũng sẽ phải tàn để cho gió Nồm được thổi.

Faustus rao bán lương tâm

Cuối tuần qua, tôi lái xe chở vợ con xuống Nam California đi chơi một vòng. Cũng chỉ vì đứa con nhỏ nó đang nghỉ "spring break" - mà nếu không đem nó đi đâu thì nó sẽ nhăn nhó, phàn nàn, "boring." Thành ra, phải bỏ ra cả ngày để lái xe đi. Quý vị chắc cũng có nhiều người từng lái xe đi nam California. Từ San Jose, đi theo xa lộ 101 xuống Gilroy. Bạn có thể chọn chạy thẳng xa lộ 101, xem cảnh non nước hữu tình dọc theo biển, hay là vượt đèo theo đường 152 để chạy cao tốc trên xa lộ số 5. Kỳ này tôi chọn xa lộ 5. Vừa mới vào đường 152 là ngửi ngay được mùi tỏi nồng nàn của xứ Garlic Capital. Có người thì thích nó, có người không. Con tôi thì yêu cầu mở cửa sổ xe để nó được ngửi thêm mùi tỏi sống.

Đi một đoạn đường là vào con lộ nguy hiểm,

chết người. Cái tiểu bang này thật là kỳ cục. Bao nhiêu dự án xa lộ to lớn ở đâu không biết, chứ đây là con lộ huyết mạch giữa vùng San Jose và vùng Central Valley California thì lại không chịu xây dựng. Hằng năm không biết bao nhiêu là tai nạn giết người. Đôi khi cả gia đình bị tử vong. Tại vì con lộ quá hẹp, quanh co, xe cộ lại đông. Chiều thứ Sáu nào cũng kẹt xe cả hàng tiếng đồng hồ. Đúng là khùng. Đây là lỗi lầm cộng thêm nạn bất lực của giới lập pháp đại diện cho dân cư vùng South Bay từ địa phương đến trung ương.

Nếu như ở Việt Nam thì xa lộ 152 đã được xây dựng hoàn toàn mới từ lâu rồi. Ở đó, cái năng lực "chủ quan duy ý chí" của lãnh đạo quyết định tất cả. Chính quyền Việt Nam muốn xây dựng cái gì - dù vô lý hay hợp lý, dù hoang phí hay tiết kiệm - là xúc tiến xây ngay. Năm 1990, chính phủ nói đến đường giây điện cao thế Bắc Nam, thế là họ khởi công và hoàn tất trong vòng năm năm. Năm 1995, đường xa lộ Bắc Nam Hồ Chí Minh chạy theo sườn núi Trường Sơn, dù là tốn kém, không cần thiết, huỷ hoại môi trường, nhưng họ cũng xúc tiến và hoàn tất. (Có người nói với tôi rằng hãy nên chạy xe trên đường đó đi, trước khi đặt vấn đề, vì cảnh vật dọc đường rất là đẹp và hùng vĩ. Đến giờ này, tôi chỉ đi được một đoạn ở Quảng Bình). Tuần này thì dự án xe lửa cao tốc Bắc Nam, phí tổn 33 tỷ Mỹ Kim (!), cũng đã được chấp thuận. Tháng trước, xa lộ tốc hành từ Dầu Dây qua Long Thành về Sài Gòn cũng đã được đi vào giai đoạn khởi công. Xa lộ này sẽ vượt bỏ Biên Hòa và ngã tư Vũng Tàu, sẽ làm cho lưu thông về và ra khỏi Sài Gòn đi Bà Rịa, Vũng Tàu cũng như các tỉnh miền Trung nhanh hơn nhiều. Ở vùng Long Thành thì phi trường quốc tế theo tiêu chuẩn mới cũng đang chuẩn bị tiến hành.

Tôi hoan nghênh rất nhiều dự án xây dựng hạ tầng của Việt Nam. Ngoại trừ có một điều là đôi khi Việt Nam làm nhanh quá, bất chấp tất cả. Điều quan tâm nhất là ảnh hưởng tai hại đến môi trường gần như không hề đề cập đến, nếu có thì cũng như là "cho có lệ" mà thôi. Phát triển là con dao hai lưỡi. Thế hệ con em chúng ta ở Việt Nam sẽ phải trả giá đắt về môi sinh cho tham vọng kinh tế hôm nay. Điều này không những chỉ xẩy ra ở Việt Nam, mà ở Ấn Độ, ở Trung Hoa, ở Phi Luật Tân, Thái Lan. Nhìn những giòng sông như Đồng Nai, Sài Gòn, Thị Vãi... dần dần bị chết bởi ô nhiễm hóa chất công nghệ - thử hỏi lòng ai không đau?

Hơn 200 năm trước, 1790, nhà thơ Goethe của Đức cho ra đời tập thơ mang tên "Faust." Đây là một thiên thi ca nói về cám dỗ quyền lực, trong đó, con người luôn có tham vọng giải quyết chuyện thế gian bằng quyền lực cho dù phải bán mất linh hồn của chính mình. Từ đó, "Faustism" là từ được dùng để chỉ cho sự tráo đổi đời sống tinh thần cho quyền lợi vật chất.

Từ chuyện xây dựng cơ sở hạ tầng hoành tráng khắp nơi trong khẩu hiệu "công nghiệp hóa, hiện đại hóa" - vốn là điều đúng và cần thiết - tôi nhìn thấy cái hệ luỵ của văn minh Tây phương ở khắp nơi trên thế giới bây giờ, nhất là nơi các quốc gia đang phát triển, từ con người đến chính quyền, từ tôn giáo đến giáo dục, đâu đó cũng phảng phất tinh thần của Faustism. Tại sao "hiện đại hóa" lại đồng nghĩa với "Tây phương hóa"? Chúng ta, cả nhân loại, không có con lộ nào khác sao? Nhìn đâu cũng thấy xa lộ, lâu đài, nhà máy huy hoàng - nhưng đối với cá nhân và thiên nhiên thì nhiều thứ đang chết cạn từ gốc rễ. Một thời đại mà tâm linh, mà giá trị làm người trong nhân phẩm, nay đang dần khô cạn - thì làm sao mà các giòng sông có thể còn trong sạch?

Thế giới này đang bị con quỷ Faustus há mồm sâu to để ngấu nghiến nuốt chửng hết cả nhân loại. Hãy nhìn tới thành phố Bắc Kinh đang bị sa mạc Mông Cổ nhận chìm hằng năm bằng bão cát. Hãy nhìn tới những nhà máy công nghệ ở Biên Hòa và Long Thành đang giết chết suối sông. Tôi hoài tưởng đến thuở mà con người chưa đi vào công nghiệp hiện đại. Cái thuở mà giòng sông Thạch Hãn quê tôi không bị đập Trấm ngăn giòng, nay chỉ còn nước mặn của biển. Hãy đọc *Mekong: Giòng sông nghẽn mạch của Ngô Thế Vinh* (*) để thấy chín con rồng của miền Nam đang dần bị khô cạn như thế nào. Thà mà nghèo nhưng còn có giòng sông tươi mát, trong sạch để bơi lội, còn hơn "giàu có" mà giang sơn khô cằn, chỉ còn là hóa chất ô nhiễm. Nghĩ đến chuyện này khi lái xe qua dốc đèo giữa núi đồi Gilroy, trong một buổi sáng mùa xuân nắng đang lên, tôi nghĩ đến câu thơ từ Faust:

"Ôi lồng ngực ta đang khuấy động trong nỗi đau tươi trẻ vô cùng."

* Ngô Thế Vinh, "Mekong: Dòng sông nghẽn mạch," California: Văn Nghệ Mới, 2007.

NGÔ NHÂN DỤNG

Quốc hận

Ngày 30 tháng Tư vừa rồi có nhiều sinh hoạt tưởng niệm hơn hẳn mấy năm gần đây, đặc biệt là ở khu Tiểu Sài Gòn, California nước Mỹ. Tại sao? Chắc vì đồng bào ta ở nước ngoài đang phấn khởi trước các tin tức và hình ảnh những cuộc đấu tranh đòi dân chủ tự do ở trong nước. Hầu như mọi người đều đã được khích động vì những vụ bắt bớ, giam cầm các Luật sư Nguyễn Văn Đài, Lê Thị Công Nhân, Nhà văn Trần Khải Thanh Thuỷ, linh mục Nguyễn Văn Lý, vân vân. Người Việt nào không cảm thấy phẫn nộ trước hình ảnh công an bịt miệng một ông linh mục giữa phiên toà? Ai không thấy xấu hổ lây trước cảnh công an cấm cản, ngăn đường, lôi kéo các bà Nguyễn Vũ Bình, Phạm Hồng Sơn, trước ống kính thu hình của báo chí quốc tế? Mọi người đều nghĩ: Chúng ta phải tiếp tay những người tranh đấu cho tự do dân chủ ở trong nước. Kỷ niệm ngày 30 tháng Tư là một cơ hội biểu lộ tấm lòng của đồng bào hải ngoại. Đặc biệt năm nay ở California có nhiều đoàn thể trẻ đứng ra tổ chức. Họ thuộc một thế hệ mới, không tham dự cuộc chiến chấm dứt ngày 30 tháng Tư. Những người lính Việt Nam Cộng Hoà trẻ nhất năm 1975 thì nay cũng trên 50 tuổi cả rồi. Vậy mà lớp người trẻ trong tuổi 20 cho tới 40 bây giờ vẫn không quên hướng về đất nước. Họ muốn thắp nến suy ngẫm về ngày miền Nam sụp đổ để xác định phương hướng đấu tranh sắp tới đòi cho đồng bào cả nước sống trong tự do. Đó là một điều đáng mừng. Đáng mừng vì các bạn trẻ đang dấn thân tham dự một cuộc đấu tranh mới, để tiếp tay, hỗ trợ những nhà dân chủ trong nước xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn cho dân tộc.Thế hệ trẻ người Việt, dù bây giờ dưới tuổi 40 cũng biết chắc một điều là sau ngày ngày 30 Tháng Tư năm 1975, đời sống của người dân miền Nam đã suy sụp về mọi mặt. Họ bắt đầu được nếm mùi ăn bo bo, sống trong chế độ công an, hộ khẩu, họp hành triền miên, nghe radio ra rả đêm ngày, không khác gì cảnh đồng bào miền Bắc đã chịu đựng từ năm 1954. Sau ngày đó, con cái nhiều gia đình thất học, nhà cửa bị chiếm đoạt, người bị đẩy lên rừng làm "kinh tế mới," vân vân. Mất tự do, bị chèn ép, nhiều người đã vượt biển và đã chết. Vì thế người dân miền Nam gọi 30 Tháng Tư là "Ngày quốc hận," ngày cả nước cùng đau đớn. Tên gọi đó đã thành quen và đi vào lịch sử.Còn một ngày quốc hận đáng nhớ khác là ngày 20 Tháng Bảy năm 1954, ký hiệp định Genève chia đôi đất nước. Đó là một ngày đau thương hơn nữa. Vì chính việc phân chia đất nước này là nguyên nhân gây cảnh người Việt Nam giết nhau suốt 15 năm trời.Cuộc chiến tranh chấm dứt ngày 30 Tháng Tư đáng lẽ ra có thể mở đầu một cơ hội mới cho dân tộc, vì cảnh máu đổ đã chấm dứt. Nhưng 30 tháng Tư đã biến thành một ngày tang thương; vì những người tin tưởng ở tự do, dân chủ, và lựa chọn kinh tế thị trường là phe thua trận. Những người phía bên kia, họ chọn chế độ chuyên chính độc tài và kinh tế tập trung chỉ huy, đã thắng trận. Nhiều bạn trẻ muốn biết tại sao người Việt Nam lại chia làm phe như vậy?**Phân chia Quốc Cộng**Nguồn gốc việc phân chia "quốc, cộng" đã được gieo từ thập niên 1920-1930. Lúc đó nhiều thanh niên Việt Nam yêu nước đi tìm đường giải phóng dân tộc. Trong số đó một số người tin theo chủ nghĩa Cộng Sản, nhiều người khác thì không. Khi Hồ Chí Minh thành lập đảng Cộng Sản Việt Nam, các nhà cách mạng Việt Nam khác, không theo chủ nghĩa đảng Cộng Sản, đều hình dung nước nhà sau khi độc lập sẽ theo một chế độ dân chủ, tự do giống như ở Trung Hoa đang xây dựng lúc đó. Nhưng ông Hồ Chí Minh và các cán bộ cộng sản có sẵn một chủ trương khác, họ hấp thụ từ các trường của Stalin. Họ muốn là sau khi đuổi người Pháp đi thì sẽ thiết lập ở nước ta một chế độ chuyên chính theo phong trào Đệ Tam Quốc Tế. Và nước Việt Nam sẽ là một phần của mặt trận vô sản toàn thế giới, để tiêu diệt chủ nghĩa tư bản trên thế giới. Họ theo một chủ nghĩa quốc tế. Khái niệm về quốc gia, về tổ quốc đối với họ là các tư tưởng lạc hậu, hẹp hòi.Chúng ta có thể thấy rõ ý định của ông Hồ Chí Minh, như ông viết rất rõ rệt trong báo Thanh Niên mà ông xuất bản ở Quảng Châu năm 1925. Ngày 18 Tháng Mười năm 1925 báo này in trên tiêu đề khẩu

hiệu: "Vô sản toàn thế giới, hãy đoàn kết lại!" Câu này trích từ Tuyên Ngôn Cộng Sản. Ngày 20 Tháng Mười Hai năm 1926 ông Hồ viết trên báo Thanh Niên: "Cái danh từ tổ quốc là do các chính trị gia đặt ra để đè đầu nhân dân... để buộc những người vô sản phải cầm vũ khí bảo vệ tài sản của địa chủ và quyền lợi của giai cấp tư sản. Thực ra, chẳng có tổ quốc, cũng chẳng có biên giới." Ta thấy ý định rõ rệt của Hồ Chí Minh: Cuộc vận động giành độc lập của dân tộc Việt Nam phải hướng và một mục tiêu khác: Đấu tranh giai cấp. Đó là một khẩu hiệu hoàn toàn xa lạ đối với đa số người Việt Nam yêu nước thời đó. Đảng Cộng Sản Việt Nam bây giờ thường cố mô tả Hồ Chí Minh như một người yêu nước nhiều hơn là người cộng sản thật. Có thể điều đó đúng, nhưng không ai biết sự thật ra sao. Nhưng biện hộ cho ông Hồ như vậy không khác gì tố cáo những bài báo ông viết trên tờ Thanh Niên kể trên là những lời lường gạt! Và chúng ta sẽ thấy, cho đến trước khi chết, ông Hồ vẫn hãnh diện làm một người cộng sản. Năm 1960 Hồ Chí Minh viết, "Đảng ta luôn luôn đứng vững trên lập trường của giai cấp vô sản, tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp và của nhân dân... đập tan được mọi âm mưu của giai cấp tư sản hòng tranh quyền lãnh đạo cách mạng với đảng ta..." (cuốn *Vì Độc Lập Tự Do, Vì Chủ Nghĩa Xã Hội*, in năm 1970, trang 219). Đảng Cộng Sản cũng hay nhắc đến chủ trương "đoàn kết" và "dân chủ" do ông Hồ nêu lên khi viết chương trình vắn tắt đầu tiên của đảng Cộng Sản. Nhưng đó chỉ là một trong nhiều lần ông Hồ Chí Minh thay đổi phương pháp tranh đấu. Có lúc ông nêu ra chủ trương phải đoàn kết các giai cấp, các thành phần dân tộc, để chống đế quốc. Những thay đổi đó đều theo đúng chỉ thị của Stalin xuyên qua văn phòng Quốc Tế Thứ Ba. Ông Hồ luôn luôn chấp hành các chỉ thị như vậy. Lý do không những vì ông là một cán bộ cộng sản gương mẫu luôn luôn theo lệnh cấp trên, mà còn vì các hoạt động và đời sống của ông hoàn toàn tùy thuộc tiền trợ cấp của Đệ Tam Quốc Tế.Trước khi đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời, Hồ Chí Minh sống ở Thái Lan có lúc mất liên lạc với Đệ Tam Quốc Tế, cho nên năm 1930 ông chưa nhận được các chỉ thị mới. Thời gian năm 1929 chính sách của Stalin là đấu tranh giai cấp một cách cực đoan, mà Hồ Chí Minh không hay. Cho nên lúc đó ông còn giữ chủ trương đi qua thể chế dân chủ kiểu tư sản trước khi làm cách mạng cộng sản. Nhưng các cán bộ cộng sản khác ở Việt Nam thì họ biết. Phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh nêu khẩu hiệu "Trí phú địa hào, đào tận gốc, trốc tận rễ" chính là thi hành chỉ thị đấu tranh giai cấp cực đoan của Stalin, mặc dù sau đó phong trào này bị chỉ trích vì hành động nông nổi. Khi ông Hồ trở lại Mát Cơ Va đầu thập niên 1930 ông đã bị đưa ra xét xử vì tội không theo đúng chính sách của Stalin lúc thành lập đảng Cộng Sản. Ông có thể bị tử hình, nhưng ông được người đỡ đầu cứu nên thoát chết, và ở Mát Cơ Va ẩn nhẫn đợi thời. Đảng Cộng Sản Việt Nam bị bắt đổi tên thành Đảng Cộng Sản Đông Dương, và phải trao quyền lãnh đạo cho Trần Phú, một người đã viết thư gửi Đệ Tam Quốc Tế chỉ trích những sai lầm của Hồ Chí Minh. Bài học này, và thời gian sống ở Nga trong lúc Stalin thủ tiêu các lãnh tụ khác trong trung ương đảng Cộng Sản Liên Xô, khiến Hồ Chí Minh vừa tập được tính trung thành tuyệt đối với Stalin, lại học được kinh nghiệm phải biết thanh toán những "đồng chí" có khả năng đối lập với mình trước khi đối đầu với bên địch.Đến khi Stalin đổi ngược chính sách lần nữa, ông Hồ lại có đất dụng võ. Năm 1935, Đệ Tam Quốc Tế đưa ra chính sách mới, chủ trương lập những mặt trận đoàn kết với các đảng chính trị và các giai cấp khác để chống các đảng phát xít. Lý do vì Stalin đang lo nước Nga có thể bị phe phát xít tấn công. Hồ Chí Minh cũng tuân theo chủ trương đó và bớt hô hào đấu tranh giai cấp. Trong thời gian trước Đại Chiến Thứ Hai, Stalin đã báo động các đế quốc đang chuẩn bị tấn công Liên Xô. Ông ra lệnh tất cả các đảng cộng sản trên thế giới có nhiệm vụ phải bảo vệ Liên Xô. Sau đó là thời gian Hồ Chí Minh tìm cách cộng tác với quân Mỹ ở Trung Quốc. Những lập trường lúc tả, lúc hữu của Hồ Chí Minh đều theo chiều gió thổi từ Đệ Tam Quốc Tế.Sự ra đời của một đảng Cộng Sản đã đặt cho phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam một vấn đề mới: Lựa chọn giữa chủ nghĩa quốc gia và chủ nghĩa quốc tế. Và ông Hồ Chí Minh đã chọn đường lối quốc tế. Và đó mầm mống chia rẽ dân tộc, đưa tới những tranh chấp "quốc cộng: sau này, và những "ngày quốc hận" đã bắt đầu được gieo hạt từ đó.**Đấu tranh giai cấp?**Nhưng lý thuyết đấu tranh giai cấp, cách mạng vô sản toàn thế giới, xóa bỏ tổ quốc, vượt lên trên dân tộc, có thích hợp với người Việt Nam trong thời gian đó hay không? Cho tới bây giờ Cộng Sản Việt Nam vẫn tiếp

tục tuyên truyền rằng việc ra đời của đảng Cộng Sản năm 1930 là do nhu cầu đấu tranh của giai cấp lao động Việt Nam; và Hồ Chí Minh đã khôn ngoan ghép cuộc chiến đấu giành độc lập dân tộc với cuộc cách mạng quốc tế vô sản. Nhưng sự thật thì ý tưởng cách mạng vô sản hoàn toàn xa lạ đối với người Việt lúc đó. Sự thành công của đảng Cộng Sản ở nước ta hoàn toàn là do họ có nhiều thủ đoạn học được của Cộng Sản quốc tế, nắm kỹ thuật cướp lấy việc lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp. Điều quan trọng nhất giúp họ thắng phe quốc gia là họ rất nhẫn tâm, bất chấp tình cảm cùng các quy tắc đạo lý bình thường. Họ khéo lợi dụng lòng yêu nước của người Việt Nam để củng cố quyền hành của đảng.Tiêu biểu cho những người yêu nước trong những thập niên 1920-1930 là Phan Bội Châu. Cụ Phan nghĩ gì về chủ trương giai cấp đấu tranh của đảng Cộng Sản?Nhiều người viết lịch sử nhấm đề cao Cộng Sản thường nói Phan Bội Châu cũng có khuynh hướng xã hội chủ nghĩa. Sự thực là cụ Phan có tỏ lòng kính trọng Lê nin, vì coi ông là một nhà cách mạng giỏi; nhưng cụ không hề tin vào chủ nghĩa Mác Lê nin. Kinh nghiệm của cụ khi tiếp xúc với đại diện của chính phủ Liên Xô ở Trung Quốc khiến cụ tránh xa họ. Khi Phan Bội Châu thất bại ở Nhật, về ở Trung Quốc và ngỏ ý muốn gửi các thanh niên Việt Nam sang du học ở Nga như cụ đã từng làm ở Nhật Bản gần 20 năm trước, đại diện của Nga đã nói họ sẵn sàng giúp cụ. Họ hứa các du học sinh sẽ được trợ cấp để sống và được học miễn phí. Nhưng họ đặt ra những điều kiện là người đi học phải tuyên thệ trung thành với chủ nghĩa Cộng Sản, rồi khi học xong về nước thì phải truyền bá chủ nghĩa cs. Sau đó phải báo cáo các tin tức về cho Đệ Tam Quốc Tế, và phải lập ra đảng Cộng Sản để thi hành đường lối Đệ Tam Quốc Tế. Thực chất, Stalin chỉ muốn có những đạo quân gián điệp và khuynh đảo theo lệnh của ông ta. Vì thế Phan Bội Châu đã chấm dứt không liên lạc với đại diện của chính phủ Nga nữa. Cụ thấy chủ nghĩa Cộng Sản hoàn toàn trái ngược với chủ trương dân tộc của Việt Nam Quốc Dân Đảng mà cụ đã thành lập.Năm 1938, phóng viên Maurice Detour báo L' Effort phỏng vấn Phan Bội Châu ở Huế, bài này được dịch đăng trên báo Tràng An, ngày 7 Tháng Mười, 1938. Detour tỏ ý phê bình ý kiến của cụ Phan là trái với phong trào Giai Cấp Đấu Tranh trên thế giới. Theo báo Tràng An, cụ Phan tỏ vẻ giận lắm, cụ nói: "Hô hào giai cấp tranh đấu ở xứ này là một việc cực ngu! Những người thức thời không bao giờ làm như thế."Những ý kiến của cụ Phan đã được suy nghĩ kỹ từ trước. Cụ hỏi: "Thế nào là tư bản? Một người có 5, 10 mẫu ruộng, một anh chủ tiệm may mà gọi là tư bản ư?... Đã có người An Nam nào đáng gọi là một nhà tư bản hay chưa? Tôi đã nói ở nước này chưa có sự phân biệt rõ ràng hai giai cấp tư bản và lao động..."Vào năm 1938, cụ Phan Bội Châu đã nhìn trước thấy một cuộc chiến tranh thế giới sẽ bùng nổ. Cụ biết đó là một cơ hội để dân tộc Việt Nam giành độc lập, với điều kiện người Việt Nam phải đoàn kết với nhau. Đó là một lý do khiến Phan Bội Châu nổi giận khi người ta nói đến Giai Cấp Đấu Tranh. Cụ nói trong cuộc phỏng vấn trên: "Đã không chung sức... lần hồi thu phục lại những quyền đã mất, để gầy dựng lại nền tảng quốc gia mà còn đi kiếm cách tương tàn tương phấn, làm giảm mất lực lượng tranh đấu, thật là một điều thất sách!" Không những coi đó là điều thất sách, Phan Bội Châu còn thấy đó là một chính sách phá hoại: "Tóm lại, người ta lợi dụng phong trào xã hội để chia rẽ lực lượng trong nước, để phá hủy sự đoàn kết, và để làm tiêu diệt tinh thần quốc gia của dân ta." (Bài báo này được in lại trong Phan Bội Châu toàn tập).

Súng lại nổ trong trường học ở Mỹ

Trong tháng Tư nước Mỹ lại chìm trong một cơn sợ hãi vì súng. Sau vụ 33 người chết vì súng ở Đại Học Virginia Tech trong thị xã Blackbursg, cả thế giới lại tỏ ý kinh ngạc tại sao người Mỹ không rút ra những bài học từ những cuộc thảm sát trước đây mà ngăn chặn, cứ để cho một tai họa như thế xảy ra thêm một lần nữa.

Nhưng phản ứng của các nhà chính trị ở Mỹ lại rất dè dặt. Sau khi chia buồn với gia đình các nạn nhân, hầu như không có gì chứng tỏ các chính trị gia sắp đưa ra những biện pháp mới, hữu hiệu hơn để ngăn chặn cảnh dùng súng giết người một cách phi lý như mới xảy ra. Các ứng cử viên tổng thống đảng Dân Chủ không nhân dịp này tấn công đảng Cộng Hòa, một đảng thường vẫn đứng về phía những người dùng súng. Nghị Sĩ Reid, trưởng khối đa số Dân Chủ ở Thượng Viện, còn nói là "không nên vì vụ này mà vội vã làm thêm luật kiểm soát súng." Tại sao người ta lại dè dặt như vậy? Vì vấn đề súng ở nước Mỹ quá phức tạp về mặt chính trị cũng như xã hội.

Hiển nhiên việc mua súng dễ dàng là một nguyên do khiến người ta chết vì súng nhiều hơn. Hiện nước Mỹ có khoảng 240 triệu khẩu súng nằm trong tay tư nhân, ngoài số vũ khí do các nhân viên công lực sử dụng. Một thanh niên như cậu Cho Seung Hui (Chu Thủy Huy, đọc theo tên Hán Việt) ở Đại học Virginia Tech có thể mua súng một cách hợp pháp, sau khi người bán súng không thấy anh ta trong hồ sơ những người có tiền án hoặc bệnh thần kinh. Trong số 2 khẩu súng lục của Chu, khẩu Glock 9mm là loại bán tự động bắn được nhiều phát liên tiếp, ở nước khác chỉ cảnh sát mới được phép dùng, Chu mới mua ở một cửa hàng gần đại học. Cửa hàng này năm ngoái bán 5 ngàn khẩu súng. Một phần ba những người dùng súng ở Mỹ có súng lục.

Nói giản dị thì ở nước Mỹ có hai phe, phe "bênh súng" và phe "chống súng." Những người đề cao việc tự do mua, bán và dùng súng thường dựa trên Tu Chính Án số 2 trong hiến pháp Mỹ, có câu viết rằng "không được xâm phạm quyền tự do giữ súng và mang súng của người dân." Đây là một trong 10 tu chính án đầu tiên, được Quốc Hội Mỹ đưa ra 3 năm sau khi bản hiến pháp được phê chuẩn, thường gọi chung là "Luật về quyền công dân" (The Bill of Rights). Sau tu chính án số một nhấn mạnh Quốc Hội không được làm luật nào xâm phạm các quyền tự do tôn giáo và tự do ngôn luận, là điều này nói đến quyền tự do sử dụng súng. Vì vậy những người "bênh súng" thường khoác cho ý kiến của họ một lập trường "bảo vệ hiến pháp." Ngược lại, những người "chống súng" giải thích rằng Tu Chính Án số 2 muốn nói đến quyền dùng súng của những đội "dân quân do luật quy định" (well regulated militia) chứ không phải là cho bất cứ người dân nào. Nhưng nếu giải thích đúng từng chữ thì quả thật Tu Chính Án thứ hai bảo đảm quyền mang súng của dân Mỹ. Trong Tháng Ba vừa qua, một tòa án ở Washington D.C. đã bác bỏ một quy luật cấm súng lục tại vùng thủ đô nước Mỹ, vì trái với Tu Chính Án số 2. Vụ này sẽ lên Tòa Án Tối Cao, mà với 2 vị thẩm phán bảo thủ mới được Tổng Thống Bush đề cử Tòa Án Tối Cao có thể sẽ giữ nguyên phán quyết đó.

Có phải vì có nhiều súng quá và mua súng dễ dàng quá mà người Mỹ chết vì súng cao như vậy hay không? Những người bênh súng sẽ nói rằng không thể kết luận vội vàng vì có những nước mua súng dễ dàng nhưng không nhiều chết chóc như vậy, mà ở những nước mua súng khó khăn như bên Đức, bên Canada cũng có những vụ tàn sát dùng súng giết nhiều người. Năm 1996, 17 người đã chết trong một cuộc thảm sát ở Dunblane, Tô Cách Lan, mà đây là một xứ kiểm soát súng rất mạnh. Lý luận theo lối đó là một cách lảng tránh vấn đề. Vì cuộc thảo luận ở đây nói chuyện nước Mỹ chứ không phải chuyện các nước khác.

Dưới thời Tổng Thống Clinton đã làm luật buộc những người bán súng phải kiểm tra lý lịch người mua súng. Năm 1994 Quốc Hội Mỹ thông qua cho ông Clinton đã ký một đạo luật cấm bán vũ khí loại tấn công, trong đó có súng liên thanh và nhiều loại súng lục bắn nhiều phát liên tục. Phe bênh súng không ngăn cản được luật đó nhưng đã vận động đặt ra một thời hạn hiệu lực 10 năm, sau sẽ xét lại. Nhiều nhà phân tích chính trị cho là những đạo luật đó kích thích những người bênh súng, họ huy động lực lượng chống lại đảng Dân Chủ, ảnh hưởng rõ rệt trên các cuộc bầu cử sau đó. Năm 1994 sau khi đạo luật trên ra đời, đảng Cộng Hòa chiếm quyền kiểm soát cả hai viện Quốc Hội Mỹ, và việc ông Al Gore thua vào năm 2000 cũng được coi là do ảnh hưởng của phe bênh súng trong nhiều tiểu bang như Arkansas, West Virginia và cả tiểu bang của ông là Tennessee là những nơi phe bênh súng rất đông. Nếu chỉ thắng một trong ba tiểu bang này thì năm 2001 ông Gore đã đắc cử tổng thống, dù mất Florida.

Trong thập niên 1990 sang đầu thập niên 2000 số tội phạm vì súng đã giảm rất nhiều. Nhưng trong năm 2005 số tội phạm vì súng đã tăng rất nhanh, năm 2006 còn tăng nữa. Số người Mỹ làm chủ súng nay đã giảm; năm 1977 có 54% các gia đình có súng trong nhà, nay chỉ còn một phần ba. Năm 2004, Tổng Thống Bush không xin gia hạn đạo luật trên và Quốc Hội trong tay đảng Cộng Hòa cũng không yêu cầu, đạo luật 1994 đã hết hiệu lực. Hiện nay quý vị ở ngoài California và một số tiểu bang cấm đoán khác có thể mua một khẩu AK-47 với giá 379.99 đô la, trên mạng lưới Internet.

Những người bênh súng thường nói đến quyền tự do để biện minh cho họ. Nước Mỹ vẫn có những đạo luật nghiêm cấm đủ thứ nếu thấy có thể gây nguy hiểm, như thuốc lá, ma túy. Người ngồi trên xe hơi bị bắt buộc phải cài dây lưng an toàn, dù không lái xe. Phe bênh súng không muốn cho ai kiểm tra lý lịch người mua súng, nhất định chống việc đánh số các

khẩu súng như số xe để dễ theo dõi, kiểm soát, và muốn việc mở cửa hàng bán súng dễ dàng hơn. Người đi xe hơi nếu không cài dây lưng mà gặp tai nạn thì chỉ thiệt hại cho chính người đó, nhưng luật pháp ở các tiểu bang nước Mỹ vẫn cấm. Quyền tự do ngồi xe, không lái và không cài dây lưng, quan trọng hơn; hay quyền mang súng giấu trong mình quan trọng hơn?

Nhiều tiểu bang, như Virginia, cho phép dân được giấu súng mang trong mình. Sinh viên Chu Thủy Huy đã mua súng một cách hợp pháp. Sau vụ Virginia Tech, phe chống súng không lên tiếng mạnh mẽ một phần vì trong đại học này đã áp dụng quy luật cấm mọi người mang vũ khí vào khu vực nhà trường. Năm ngoái, quốc hội tiểu bang đã bác bỏ một dự luật không cho phép các trường học cấm người ta mang súng. Những người bênh súng đã dùng vụ thảm sát này để biện minh rằng nếu Đại Học Virginia Tech không cấm mang vũ khí thì cậu Chu đã không giết được nhiều người như vậy! Lý luận của họ rất giản dị: Kẻ sát nhân biết chắc sẽ không bị ai bắn mình trước khi mình ra tay, cho nên mới đi giết người! Do đó, họ kết luận, nên cho phép và còn nên khuyến khích người ta mang súng tốt hơn là cấm súng!

Phe bênh súng đã nêu lên một thí dụ khác. Khu thương xá Trolley Square ở Salt Lake City, Utah, là nơi cấm mang súng. Tháng Hai vừa qua một thanh niên đã vào thương xá bắn chết 5 người trước khi bị một người khác rút súng bắn khiến anh ta phải tránh đạn, không bắn các người khác. Người "anh hùng" kia là một cảnh sát viên ngoài giờ làm việc, đã bỏ qua lệnh cấm súng của thương xá, cho nên kết quả là đã ngăn chặn được, không cho vụ thảm sát lớn hơn! Người ta còn nêu những thí dụ ở nhiều đại học khác, khi các giáo sư mang súng cất trong xe đã ngăn cản được những vụ giết người.

Nơi nào cho mang súng dễ dàng, nơi đó sẽ ít những cuộc thảm sát như ở Virginia Tech, đó là lý luận của phe bênh súng. Hung thủ sẽ không tính mang súng đi tàn sát nếu biết có người sẵn sàng bắn lại! Nhưng phe này không nói đến một mặt khác, là không phải người ta chỉ chết vì súng khi có những cuộc thảm sát. Khi có những thanh niên bệnh hoạn muốn giết người thì ở bất cứ nước nào, trong nền văn hóa nào, những người điên dại cũng có thể gây tội lỗi. Nhưng việc dùng súng giết nhau trong những vụ cãi cọ trong gia đình, trong hàng xóm, còn giết nhiều người hơn những vụ tàn sát làm dư luận chú ý. Nhiều súng, mua súng dễ dàng có thể khiến nhiều người chết vì súng! Năm 2005 có 14,000 vụ giết người bằng súng ở Mỹ, trong đó có 400 trẻ em. Đó là một hiện tượng "tàn sát thầm lặng" không được báo chí thế giới nhắc tới! Phải kể thêm năm trước đó 16,000 vụ tự sát bằng súng và 650 tai nạn chết người vì súng. Từ năm 1963 là năm Tổng Thống Kennedy bị ám sát tới nay, tổng số người chết vì súng ở Mỹ lên cao hơn tất cả số tử sĩ cả thế kỷ 20, trong các cuộc chiến tranh ở hải ngoại.

Nhưng vụ giết người ở Đại Học Virginia Tech sẽ không thay đổi cán cân lực lượng giữa hai phe bênh súng và chống súng ở nước Mỹ. Đó là một lý do các chính trị gia không lớn tiếng chống súng sau cái chết của 33 người. Có 49 phần trăm người Mỹ đồng ý nên kiểm soát việc mua bán dúng và dùng súng chặt chẽ hơn những luật lệ hiện nay. Chỉ có 14% cho là luật lệ bây giờ đã quá chặt chẽ, có thể nới lỏng hơn. Nhưng các số thống kê về dư luận đó không ảnh hưởng trên hành động của các đại biểu Quốc Hội khiến họ chống súng mạnh bạo hơn.

Vấn đề kiểm soát súng sẽ không sôi nổi trong kỳ bàu cử năm tới. Chỉ có thể ngăn ngừa việc dùng súng, bán súng bừa bãi bằng những biện pháp nhỏ, giống như bịt từng lỗ hổng trong luật pháp. Cậu sinh viên Virginia Tech mua được súng mặc dù cậu đã bị gửi đi khám bệnh với các bác sĩ tâm thần. Vì cậu không bị đưa vàochữa trị trong bệnh viện cho nên tên cậu không có trong hồ sơ (database) những người bị cấm mua súng. Ông thống đốc tiểu bang Virginia mới sửa luật, bắt ghi tên những bệnh nhân nhẹ như cậu vào hồ sơ. Hy vọng sẽ bớt được một số vụ tàn sát. Nhưng còn những lỗ hổng khác thì không biết bao giờ mới lấp hết. Như ông Clinton nói sau vụ bắn ở trường Columbine: Phải bao nhiêu người bị giết chết nữa người Mỹ mới hành động?

Sách Khổng Tử bán chạy

Những du khách đi chơi Trung Quốc một hai tuần chắc không biết cô Vu Đan (Yu Dan), một giáo sư trường Đại Học Sư Phạm Bắc Kinh. Cô đang gây sôi nổi trong giới sinh viên và giáo sư cả nước, vì lên ti vi nói chuyện về Khổng Tử! Phải nhìn bức hình xinh xắn của cô (có trên mạng lưới Baidu.com) mới hiểu được tại sao cô được nhiều người hâm mộ như vậy. Tuổi mới 41, trông rất "ăn ảnh" và y phục rất hợp thời

trang. Trông trẻ như vậy nhưng sách cô viết trích dẫn những lời giáo huấn trong Luận Ngữ đang bán rất chạy, hai triệu cuốn. Độc giả của cô gồm đủ loại người, từ các giáo sư, các bà nội trợ cho tới các công nhân.

Cái gì làm cho cô Vu Đan nổi tiếng như vậy? Vì trong một nước Trung Hoa đang từ giã chủ nghĩa Mác Xít, nhiều người đang tìm học lại văn hóa cổ truyền. Trong các tư tưởng cũ, Khổng Giáo được coi là thích hợp hơn cả cho một chế độ tập trung quyền hành của đảng Cộng Sản.

Hiện tượng Vu Đan sôi nổi vì cô dùng ti vi để nói chuyện về Khổng Giáo, với ngôn ngữ thực tế và giản dị. Cuốn sách đầu tiên của cô chỉ trích lại những lời nói của Khổng Tử trong Luận Ngữ. Thí dụ, "Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân." Ai mà chẳng đồng ý và muốn truyền dạy cho con cháu mình những quy tắc cư sử như vậy? Nhiều câu nói của Khổng Tử mà cô trích ra có thể mang ý nghĩa chính trị. Thí dụ ngài nói: "Chính trị nghĩa là làm cho ngay ngắn (Chính giả chính dã); nếu ông vua mà chính trực thì còn bầy tôi nào dám làm bậy?" Một câu khác: "Tôi may mắn, vì mỗi lần tôi phạm một lỗi lầm thế nào cũng có người chỉ cho tôi biết lỗi." Những câu đó có thể hiểu theo nghĩa luân lý, từ tu thân đến việc trị quốc. Nhưng cũng có thể hiểu theo nghĩa chính trị! Nếu đảng và nhà nước Cộng Sản ngay ngắn thì làm gì đến nỗi tham nhũng tràn lan trong xã hội? Tại sao đảng và nhà nước kiểm soát báo chí, không chịu nghe những lời chỉ trích khi mình phạm lỗi lầm?

Có nhiều người chống lại ảnh hưởng của Vu Đan. Mười sinh viên tiến sĩ đã viết thư công khai yêu cầu đài vô tuyến truyền hình hãy chấm dứt chương trình của cô. Một lý do nêu lên là cô đã làm cho người ta hiểu lầm Khổng Tử khi cô làm cho các tư tưởng của ngài bình dị, thích hợp với thời nay. Nhiều người đả kích cuốn sách về Luận Ngữ của Đan Vu là một thứ "fast food," họ ví sách cô với các cửa timệ KFC hay McDonald bán Khổng Tử! Nhưng trong khi chưa có cao lâu mỹ vị, các độc giả đói bụng đã ngấu nghiến thứ thức ăn nhanh này!

Hiện tượng Vu Đan cho thấy một quốc gia không thể nào tiệt diệt di sản văn hóa của mình. Cuộc cách mạng cộng sản của Mao Trạch Đông tưởng đã xóa sổ được cả nền văn hóa cổ truyền, nhưng trong tâm hồn người Trung Hoa vẫn vọng về những thánh hiền thời xưa. Hiện nay bên Trung Quốc đang có một phong trào phục Khổng, để chuộc lại lỗi lầm đó. Họ đã thấy các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan vẫn bảo vệ nền luân lý Khổng Mạnh và tiến bộ vượt bực về kinh tế. Một người nổi tiếng trong phong trào phục Khổng ở Trung Quốc là ông Khang Hiểu Quang, trước là cố vấn của Thủ Tướng Chu Dung Cơ. Ông đã thuyết phục được chính phủ cho phục hồi trong học đường các giá trị đạo lý Khổng Mạnh, coi đó là một nền tảng để xây dựng lại xã hội. Một khóa trình mới về văn hóa truyền thống đã được ban hành với 30 giờ học, và có tới 5 triệu trẻ em đang đi học ở các trường dùng luân lý Khổng Mạnh làm căn bản. Những đức tính như thành tín, trung nghĩa, lại được đem ra dạy trẻ em ngay từ bé, trong khi dạy môn Công Dân Giáo Dục trong các trường. Chính phủ Trung Quốc dự toán một ngân sách bằng 10 tỷ Mỹ kim cho việc phát triển những viện Khổng Tử, đặt ở các nước khác, theo mô hình Goethe Institute của nước Đức, với mục đích là phổ biến văn minh Trung Hoa. Ngày xưa, họ chỉ nghĩ tới việc truyền bá tư tưởng Mao để khuynh đảo các quốc gia khác, ngày nay Khổng Tử đã thay thế Mao.

Hiện tượng Đan Vu không biết kéo dài được bao lâu ở Trung Quốc. Vì sau Luận Ngữ, cô đang tính sẽ viết tóm lược những cuốn sách khác của Lão Tử, Trang Tử, Mạnh Tử cho học sinh đời nay có thể tiếp xúc với truyền thống. Nhưng khi viết tới Mạnh Tử, liệu cô Đan Vu có dám viết hay không những ý kiến "cách mạng" của Thầy Mạnh, nói rằng nếu vua chúa vô đạo thì người dân có quyền giết, như giết một tên thất phu? Nếu Vu Đan dám viết lại những điều đó, thì liệu cô có được yên thân hay không? Một nhà trí thức Trung Quốc đang bị khốn đốn về vấn đề này, là ông Du Khả Bình (Yu Keping), tác giả cuốn sách "Dân chủ là điều tốt ở Đông cũng như Tây," (Dân Chủ Cá Hảo Đông Tây). Ông đề cao tính chất quang minh (chữ transparency đangđược dịch sang chữ Trung Hoa là Thấu Minh Độ). Đó là một điều khó được một chế độ cực quyền toàn trị chấp nhận. Ông Du Khả Bình từng là phó chủ tịch ủy ban dịch thuật nhà nước, ý kiến của ông còn rất bảo thủ. Ông chỉ đề nghị chuyển hóa chế độ một cách tiệm tiến chứ chưa dám đòi thay đổi chính thể. Tuy nhiên, sau khi cuốn sách của ông bị giới lãnh đạo chỉ trích, ông đã phải ngưng không tiếp xúc với báo chí ngoại quốc nữa. Không có vẻ gì là quang minh!

Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

LÁI

Trên một chiếc xe đang chạy đố mọi người biết có bao nhiêu người lái xe? Thường thì là hai người. *Giỡn hoài cha nội!* Một ông chỉ tin vào mắt mình cãi lại. Vô lăng rõ ràng chỉ có một cái nhưng miệng thì người nào cũng có riêng một cái. *Sao anh lại đi đường này? Đi đường mọi khi có phải nhanh hơn không?/ Anh làm ơn đi vào lane giữa đi. / Quẹo! Sao anh không quẹo?/ Sao tự nhiên anh lái chậm rì vậy? Mải nhìn con nhỏ bên chiếc xe đỏ kia phải không? Đàn ông trăm ông như một, thấy gái thì mắt cứ tít lại!/ Sao anh nhường cho xe đó vậy? À, thì ra một người đẹp lái!/ Sao anh phóng nhanh quá vậy? Đuổi theo con nhỏ tóc vàng trước mặt phải không?/ Anh làm ơn đi chậm lại dùm một chút được không? Nhà ở đường này đẹp quá! / Chạy nhanh dùm một chút, cứ ạch đụi như vậy thì đến nơi để dọn bàn cho người ta à?*

Trên xe có hai người lái. Một người lái xe và một người lái tài xế! Đó là chuyện bình thường. Ta cũng vậy mà Mỹ cũng vậy. Nếu không tại sao Mỹ nó cũng có chữ backseat driver! Tài xế ghế sau! Trên máy bay thì lại khác, tùy theo kích cỡ lớn nhỏ mà có ít hay nhiều... tài xế. Tài xế máy bay là cách gọi lục tục của mấy ông bạn Không Quân của tôi. Chính thức thì phải gọi là phi công. Nghe... câng câng hơn. Chuyện! Một đằng phải cần có đường mới lái được, một đằng thì cứ phom phom đằng vân giá vũ, đằng nào hơn?

Phụ là để giúp chính, con nít cũng biết như vậy. Nhưng khi phụ đòi lấn lướt chính thì cái gì cũng có thể xảy ra. Ô tô cũng vậy mà máy bay cũng vậy. Một ông vốn là tài xế máy bay nhà binh hồi còn ở bên nhà, nay không còn máy bay, chỉ có mỗi cái xe hơi cà tàng để lái ở bên Cali, đã thổ lộ tấm lòng. *Lái máy bay dễ hơn lái xe hơi toa ạ! Bây giờ moa lái cái xe... khốn lịn này cũng không yên. Bả ngồi bên cạnh cứ phán hết lệnh này đến lệnh khác. Một bữa moa bực mình, giữa xa lộ, moa ngừng lại, kèn xe tụi nó la inh ỏi, moa mời bả qua ngồi trước vô lăng, muốn làm vương làm tướng gì thì làm. Từ đó, moa giao quách cái vòng tròn tròn này cho bả là xong. Moa ngủ!*

Chuyện trên máy bay thì lại khác. Không có cái vụ một người lái bằng tay, một người lái bằng miệng. Cả hai phải lái bằng cái đầu. Không vậy thì máu đổ thịt rơi. Như chuyến bay của một chiếc Boeing 737-400 của hãng Hàng Không Garuda Airline của Indonesia ngày 7 tháng ba vừa qua. Anh phi công chính có kinh nghiệm với 15 ngàn giờ bay trong khi anh phi công phụ mới chỉ có 2 ngàn giờ bay. Hai anh cãi nhau cật lực khi cho phi cơ đáp xuống tại phi trường Yogyakarta. Họ cãi nhau về góc độ của bộ phận cánh lái, về tốc độ của máy bay. Anh phụ bảo anh chính phải ngưng hạ cánh để điều chỉnh lại độ xuống của máy bay với đường phi đạo. Anh chính thì cho là mình tính đúng nên cứ hạ cánh. Anh phụ dùng dằng chưa mở kịp một số phần cánh để hạ tốc độ máy bay trên đường băng nên phi cơ lao tuốt qua ruộng lúa bên cạnh phi đạo và bốc cháy dữ dội. Kết quả có 21 hành khách tử nạn.

Chiếc máy bay Cessna do anh chàng Eric Johnson, 47 tuổi, lái không có phi công phụ, chỉ có cô con gái 8 tuổi của anh tên Emily ngồi chơi. Thế mà cũng tai nạn. Vì anh Eric lái với cái đầu sân si! Phi cơ vừa cất cánh là có vẻ như muốn hạ cánh liền. Đột nhiên, thân máy bay quay một góc 90 độ và nhào xuống ngôi nhà một tầng của bà Vivian Pace. Bà này là mẹ vợ cũ của anh phi công Eric. Vậy là anh Eric lái rất giỏi: phi cơ đã nhào xuống đúng mục tiêu là bà mẹ vợ cũ! Giới chức điều tra sơ khởi tai nạn đã kết luận anh Eric "hành động có chủ đích." Không biết anh có lấy hứng từ vụ 911 không?

Phi công có nhiều cấp bậc. Mỗi lần đi máy bay, tôi thường nhìn phi hành đoàn. Thấy phi công mang nhiều vạch vàng trên tay áo là yên tâm. Càng nhiều vạch chứng tỏ càng nhiều kinh nghiệm. Không Quân Việt Nam chúng ta ngày trước thì cứ lon lá làm chuẩn. Mũ mãng thì trong khi các binh chủng khác chỉ có sĩ quan mới đội mũ cát két, binh chủng Không Quân thì cát két tuốt, dù chỉ là hạ sĩ quan. Dĩ nhiên mũ của các

sĩ quan (tài xế máy bay bắt buộc phải là sĩ quan) có khác một điểm: vành dây phía trước mũ màu kim nhũ trong khi hạ sĩ quan là dây da đen. Trong một quán cà phê, một anh hạ sĩ Không Quân bốc phét với cô bồ về tài lái máy bay tưởng tượng của mình. Anh để chiếc mũ trên bàn. Cô bồ ngây thơ hỏi: "Sao em thấy mũ của các anh bàn bên kia có dây màu vàng, còn mũ của anh dây màu đen vậy?" Anh chàng nói phét nhanh trí chống chế ngay: "Tại vì các anh ấy bay ban ngày, còn anh bay ban đêm!"

Bay là bay, ngày hay đêm cũng rứa. Có lẽ các vị đội mũ cát két lái máy bay hào hoa phong nhã được các em mê như điếu đổ là những phi công đầu tiên người Việt. Ngành bay dân sự lúc đó người Việt chắc chưa được sờ tới tay lái. Phi công đầu tiên người Việt là ai, tôi cũng không biết chắc. Chỉ nhớ hình như là ông Đỗ Hữu Vị, một Đại Úy trong quân đội Pháp thì phải. Trong các ông phi công hào hoa sau này, có lẽ Đại Tá Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh là nổi nhất. Không phải nổi vì... nhan sắc và vóc dáng. Về điểm này tôi đã có dịp chứng nghiệm khi ông tới dậy học tại trường Chu Văn An, Sài Gòn. Ngày ông tới dậy, chúng tôi đã cố nghía cho được dung nhan của người hùng. Nhưng một ngày đẹp trời khá lâu sau đó, trên xe hơi của ông có... Phượng thì chúng tôi mới thật sự tụm năm tụm bẩy nhìn cho được một nhân vật tiểu thuyết bỗng bước ra ngoài đời đứng sát ngay bên cạnh mình. Chúng tôi cứ mặc nhiên cho cái cô Phượng, người em bé nhỏ của anh chàng phi công trong "Đời Phi Công," chính là người thiếu phụ đi bên cạnh Toàn Phong. Người con gái mang tên Cung Thị Toan, ái nữ của nhà ái quốc Cung Đình Vận, người bị Việt Minh sát hại vào tháng 9 năm 1946, mới là... nhan sắc! Ông Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh, vai mang ba bông mai bạc, nổi danh vì môn toán, chỉ thực sự làm chúng tôi mến mộ với cuốn "Đời Phi Công" đã gây nên trong mỗi chúng tôi giấc mộng bay trong không gian để gửi những tình thư về cho người em hậu phương hiền thục, trong trắng và xinh như mộng. Về sau, thiếu chi những bạn tôi đã gia nhập Không quân chỉ vì hình ảnh diễm mộng này. Con người không phải chim để muốn bay là cất cánh. Muốn bay phải học. Thời đó, khoảng năm 1952, những phi công đầu tiên người Việt trong quân lực Pháp đã học bay ở Marrakech, Ma Rốc. *"Sang tới trường phi hành (école de pilotage) ở Marrakech chúng tôi được nhập chung với một nhóm khóa sinh, vừa sĩ quan, vừa dân chính được tuyển sang để theo học những lớp trở thành phi công sau này lái những phi cơ vận tải và khu trục quân đội Pháp sẽ chuyển giao lại. Trong số những sĩ quan chúng tôi gặp ở đây có những Thiếu Úy Nguyễn Cao Kỳ, Đinh Văn Chung và Phan Phụng Tiên ở khóa I Nam Định và những Thiếu Úy Huỳnh Hữu Hiền, Phạm Ngọc Sang, Trịnh Hảo Tâm, Huỳnh Minh Bôn, Võ Công Thống và Huỳnh Bá Tính ở Khóa I Thủ Đức. Sau chín tháng được huấn luyện bay trên cùng một loại phi cơ T6, hai nhóm chúng tôi lại chia tay. Nhóm của anh Nguyễn Cao Kỳ được chuyển đến căn cứ Avord, cách Paris về phía Nam chừng hai giờ đi xe lửa để học bay trời mù trên phi cơ hai động cơ Marcel Dassault 315 và sau đó còn đi Blida ở Algérie để được huấn luyện tác xạ. Còn chúng tôi nhận được giấy tới Salon de Provence để nhập học Khóa Sĩ Quan Không Quân 1953... Trước ngày khai trường tôi còn được nghỉ hai tháng hè nên lợi dụng thời gian này tôi tới Nice để học thi chứng chỉ Toán Vi Phân và Tích Phân mà tôi đã ghi tên học từ đầu năm ở Đại Học Marseille."* (Mộng Viễn Phương, Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh). Sau này, nhờ năng khiếu về toán, ông... bay tới địa vị một khoa học gia nổi tiếng về không gian.

Đó là khung cảnh học lái của những người lái máy bay được coi như đầu tiên của Việt Nam chúng ta, sau đó chúng ta đã có biết bao nhiêu người nối gót. Người trong hàng ngũ gần đây nhất tại Canada là một cô gái Việt rất trẻ, sanh năm 1983 tại Canada, tên Marie Hiền Nguyễn. Ngay từ hồi còn bé tí xíu, Hiền đã thích lái phi cơ. Không phải thứ cắc ké nhỏ xíu như Cessna đâu mà là thứ Boeing, Airbus to như những tòa nhà biết bay. Là con gái duy nhất trong một gia đình mà các anh trai chẳng có anh nào thích lái máy bay, Hiền đã không được mẹ chuẩn y cho đi học lái. Sau nhiều năm năn nỉ, tới năm 2003 cô mới có giấy phép của... mẹ! Cô gia nhập một trung tâm đào tạo phi hành gia của Québec ở Chicoutimi, một thành phố nhỏ nằm về phía đông bắc của thủ đô Québec. Trong kỳ thi tuyển nhập học, cô đã cùng 400 thí sinh dự thi viết, toán, kiến thức về hàng không. Chỉ có 100 người qua được cửa ải đầu tiên này. Sau kỳ khám sức khỏe, thử mắt, thi trong phòng máy, chỉ có 40 người được chấp thuận theo học. Cô là phụ nữ duy nhất được nhập khóa học này! Họ nhìn cô như một phụ nữ Việt Nam yếu đuối chọn nhầm nghề. Nhưng riêng cô, cô biết mình muốn gì,

nên cô đã kiên nhẫn vượt qua ba năm học đầy gian lao và thử thách. Năm thứ nhất học lý thuyết và chịu sự huấn luyện gian khổ như trong quân đội: học giải quyết các tình huống rủi ro, bất ngờ trong khi bay. Năm thứ hai, Hiền được lái máy bay cỡ nhỏ, chỉ có bốn chỗ ngồi, bay trên bầu trời Montreal và Toronto. Mỗi sinh viên phải bay ít nhất 200 giờ. *Lần đầu tiên được ngồi vào tay lái, tôi có cảm giác lâng lâng, thật kỳ lạ, như đại bàng một mình được xoải cánh trên bầu trời rộng mở,* Hiền đã nói như vậy sau những giờ... trên mây. Năm thứ ba Hiền được lái máy bay lớn và học đối phó với những tình huống khẩn cấp, giông bão, sấm sét... Ngày Hiền tốt nghiệp là ngày cha mẹ cô được ngồi trên chiếc máy bay do chính cô lái. Và cô đã trở thành người nữ phi công gốc Việt đầu tiên tại tỉnh bang Québec chúng tôi! Bay trên trời nhưng Hiền vẫn giữ nguyên mình là một cô gái gốc Việt dưới đất. Cô biết nấu các món ăn thuần túy Việt như phở, bánh xèo, bánh cuốn, đàn dương cầm rất hay, đánh quần vợt và vũ cầu rất giỏi!

Nói chuyện trên trời rồi cũng tới lúc phải xuống đất. Như bà Đại Tá phi hành gia Hoa Kỳ Lisa Nowak, 43 tuổi, người đã từng bay lên không gian trên phi thuyền con thoi Discovery hồi tháng 7 năm 2006. Chỉ ít tháng sau khi đã ở trên... trời, bà đã gây dư luận dưới đất. Bà lập thành tích... lái bằng cách lái xe trên ngàn cây số từ Houston, Texas tới Orlando, Florida, không ngừng nghỉ. Làm chi mà bà Đại Tá này lái xe liền tù tì đến như vậy? Bà ghen cho một mối tình tay ba của các phi hành gia mà bà ở vào vị trí người thứ ba! Chuyện ghen tuông thì phải vội nhưng bà Đại Tá này vội quá đáng. Bà đã mang tã để khỏi phải tốp xe dọc đường làm màn giải thủy mất thời giờ.

Phi hành gia có khác, thận tốt thật! Tôi lái xe chẳng được như vậy. Vài tiếng là phải tấp vào trạm xăng. Xe thì đổ xăng, tài xế thì tháo xăng. Lại còn cái vụ làm ít phút la xiết cho tỉnh táo. Buồn ngủ trong khi lái xe không khá được. Cách đây bảy năm, vào tháng tư năm 2000, ông Tom Callaghy, 55 tuổi, lái xe từ Virginia về Pennsylvania. Bà vợ tên Jane ngồi ngủ bên cạnh. Trời mùa đông, lạnh và buồn. Ông Tom thấy buồn ngủ. Ông mở lớn *radio*, quay cửa kính xuống với hy vọng hết buồn ngủ. Vậy mà không hết. Ông định kêu vợ dậy để đổi người lái nhưng chưa kịp kêu thì ông ngủ lúc nào chẳng biết. Chiếc xe húc vào một gốc cây lớn. Bà vợ ngồi bên chết ngay. Ông chỉ bị thương nhẹ. Nhưng vết thương lòng của ông chẳng bao giờ hết. Ông ân hận suốt đời vì đã gây nên cái chết của vợ!

Tổ chức *The National Sleep Foundation* của Hoa Kỳ, năm 2005, đã làm một cuộc điều tra về ngủ trong lúc lái xe. Kết quả: 60% tài xế thú nhận hay lim dim trước tay lái, 37% cho biết đã ngủ gục trên xe! Theo Bác Sĩ Mark Mahowald, Giám Đốc Cơ Quan *Minnesota Regional Sleep Disorders Center* đồng thời là Giáo sư môn thần kinh học của trường Đại Học Minnesota, thì con người có hai giai đoạn buồn ngủ: giai đoạn chính từ 12 giờ đêm tới 6 giờ sáng và giai đoạn thứ hai từ trưa đến giữa chiều. Thường thì khi cảm thấy buồn ngủ, tài xế tin rằng mình có thể thoát ra khỏi cơn mê này bằng cách nghe nhạc, lau mặt, ăn kẹo chẳng hạn. Nhưng họ đã lầm. Khi thiếp vào cơn mê thì chỉ một phần trí não còn tỉnh táo, các phần khác đã... phẹc mê bu tích! Anh Nate Pickett, 23 tuổi, cầy hai *job*. Vào lúc 2 giờ trưa, anh lái xe từ thành phố Tooele ở Utah để đi cầy *job* thứ hai. Anh cảm thấy buồn ngủ, định ghé lại bên đường nằm nhắm mắt một chút. Nhưng anh nấn ná cho tới khi nghe thấy tiếng bánh xe chạm vào hàng đinh trên xa lộ. Anh chợt tỉnh, đạp thắng, ghì tay lái nhưng tất cả đã quá muộn. Chiếc xe văng ra khỏi xa lộ, lộn năm vòng trước khi... hạ cánh xuống bên lề đường! May mà anh chỉ bị thương nặng chứ chưa toi mạng.

Ngủ trong khi lái xe là chuyện xảy ra lia chia. Có 24% tai nạn xe cộ là do buồn ngủ mà xảy ra. Ngày nay, các hãng chế tạo xe hơi đã cho gắn vào các loại xe lớn như xe SUV một bộ phận báo động buồn ngủ tên *Auto Value Lane Departure Warning*, viết tắt là LDW. Hệ thống báo động này gồm một máy thu hình và một computer phát ra tiếng kêu khi bánh xe cán đinh ngăn giữa các *lane* xe chạy.

Bạn có cần chiếc máy này không? Tôi nghĩ là tôi rất cần. Cứ trưa trưa lái xe là đôi mắt hết muốn mở. Nhiều người vừa lái xe vừa làm nhiều trò cho tỉnh ngủ. Tôi thì rống lên hát mặc dù biết giọng mình chẳng nên hát hò gì cả!

Nhưng không buồn ngủ mà làm nhiều trò trong lúc lái xe lại là chuyện khác. Chính những trò này cũng gây nên tai nạn xe hơi. Phổ thông nhất là trò vừa nói điện thoại cầm tay vừa lái. Đây là mối nguy thời đại vì các tài xế, nhất là những tay lái trẻ, coi đây như một cái mốt để chứng tỏ mình là người bận rộn, quan trọng hoặc chỉ để lấy le với đào. Say mê nghe nhạc, uốn éo thân mình, quên hết xe cộ chung quanh cũng là một bệnh thời đại. Trên xa lộ, tôi đã nhiều lần thấy

những ông lái xe đi làm buổi sáng, mắt nhắm mắt mở để cuốn sổ tay trên tay lái vừa lái vừa đọc như trong thư viện! Cũng sáng sáng đi làm, nhiều nữ nhân vừa lái vừa tô son đánh phấn hoặc ăn sáng trên xe đầy đủ cà phê cà pháo, bánh mì bánh ngọt ngon lành! Hai tay thanh tra tán gẫu với nhau:

"Mấy bà lái xe thiệt ẩu, chẳng bao giờ chú ý vào tay lái cả!"

"Đúng vậy! Hôm qua tớ vượt một cô nàng chạy nhanh tới 80 cây số/giờ, thấy cô ta đang tô son môi qua gương chiếu hậu. Cảnh đó làm tớ giật mình đến nỗi suýt đánh rơi chiếc máy cạo râu vào tách cà phê!"

Tiến thêm một bước, lái xe mà bù khú với nhau thì hết thuốc chữa. Vậy mà tại Nga, rất nhiều người vừa lái xe vừa sex! Nhưng ngang nhiên ngừng xe giữa xa lộ đông đúc xe chạy tại Do Thái để tù ti với nhau như một cặp tình nhân đã làm vào ngày 18 tháng 2 vừa qua thì hết thuốc chữa. Hai người dừng xe, hành sự, khiến các xe chạy sau phải đổi lane để chạy tiếp. Dĩ nhiên là các xe khác chạy qua rất chậm vì các tài xế còn mải xem... xi nê làm rối loạn lưu thông. Cảnh sát tới mà cặp tình nhân vẫn cứ nhắm mắt du dương tự nhiên. Họ nhận giấy phạt. Bản tin không ghi giá tiền phạt nhưng tội này thì phạt bao nhiêu mới xứng?

Làm tình trên xe? Không sao, nếu xe không chạy. Như trên những bãi chiếu bóng chẳng hạn. Nơi đây, khán giả cứ yên vị trong xe, cũng có màn hình lớn, chiếu phim đàng hoàng, nhưng chỉ có chiếc xe coi phim, người trong xe thì... đóng phim! Tất nhiên không có tai nạn hoặc nếu có thì là thứ tai nạn... ăn theo chỉ thực sự xảy ra 9 tháng 10 ngày sau. Lái liếc gì đâu mà tai nạn! Nói chuyện lái mà lang bang sang tới chuyện không lái. Lạc đề đứt đuôi con nòng nọc là cái chắc! Viết chi nữa!

04/2007

GẦY

Gầy rất dễ đi vào thơ. Chẳng thế mà cô nàngThúy Kiều "mai cốt cách" chiếm nhiều chỗ, rất nhiều chỗ, trong Đoạn Trường Tân Thanh hơn cô em Thúy Vân có da có thịt. Những người làm thơ sau Nguyễn Du cũng chẳng bớt kỳ thị hơn vị tiền bối này. Lộ liễu hơn cả là nhà thơ Nguyên Sa. Ông chẳng dấu diếm gì việc để cho cô bé gầy như liễu ngang nhiên lẻn vào thơ ông. Nhà thơ nói huỵch toẹt ngay trong cái tựa bài thơ: "Em Gầy Như Liễu Trong Thơ Cổ."

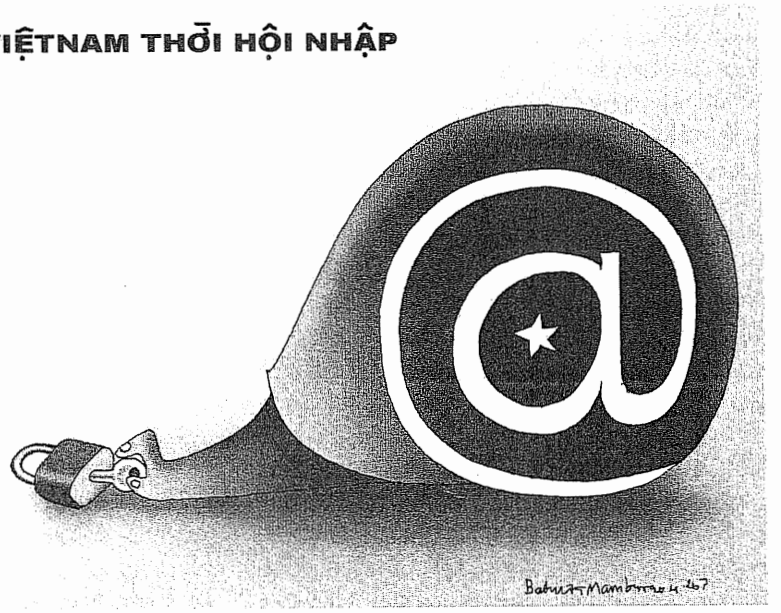

Em ốm nghe trời lượng đã hao
Em ngồi trong nắng mắt xanh xao
Anh đi giữa một ngàn thu cũ
Nhớ mãi mùa thu bẽn lẽn theo

Anh nhớ em ngồi áo trắng thon
Ngàn năm còn mãi lúc gần quen
Em gầy như liễu trong thơ cổ
Anh bỏ trường thi lúc thịnh Đường.

Gầy là tiếng Bắc, tiếng Nam gọi là ốm. Ốm trong tiếng Bắc lại chỉ cái việc bệnh tật nằm đo giường đo chiếu, thứ mà đồng bào trong Nam kêu bằng bệnh! Nhưng dù gọi là gầy hay là ốm, đó cũng chỉ cái việc có một thân thể ít trọng lượng, rất vừa mắt các nhà thơ. Nếu thân thể lỡ dềnh dàng, muốn tìm một chỗ đứng trong thơ, thì phải tốp bớt cái miệng ăn lại. Lòng mong mỏi được vào trong thơ lên cao quá thì cần cho

cái miệng nghỉ nhai nhiều nhiều một chút, thế là sinh bệnh, tiếng Bắc gọi là ốm! Gầy ốm nó loanh quanh như vậy, theo nó bắt... gầy người đi!

Trong đời tôi có hai bóng hình quanh quẩn từ hồi... trẻ người non dạ tới bây giờ. Người thứ nhất là cô đào Audrey Hepburn gầy như... liễu. Đi coi phim *Vacance Romaine* về lòng cứ... gầy đi vì mê. Mê từ hồi đó tới lúc qua bên đây thấy bà già sáu mươi niên Audrey Hepburn xuất hiện lại trên ti vi vào một dịp lễ lạc nào đó. Xem lại được hình bóng người xưa mới thấy bóng hình quả đã xưa quá. Ngẩn ngơ vì tiếc. Giá bữa đó đôi mắt chẳng tình cờ bắt gặp hình ảnh... một buổi chiều! Rời màn hình ti vi vô duyên, gài cuộn video *Vacance Romaine* lại để... đi tìm thời gian đã mất. Không hiểu có phải vì sự ngưỡng mộ dài lâu cô đào không chiếm quá nhiều chỗ trên màn ảnh này hay không mà các nữ tài tử xi nê ngày nay cố nhịn ăn cho vừa lòng khán giả. Nhịn ăn đến gần chết là cô đào trẻ Lindsay Lohan. Nhịn đến mang bệnh chán ăn, cơ thể dần dần xuống dốc không phanh. *"Tôi nằm trên giường, gào thét, quăng đi mọi thứ vớ được vì nhức đầu và đau gan. Tôi mệt đến mức không lết đi tắm được nữa. Tôi sợ kinh khủng vì nghĩ mình sắp chết!"* Đó là lời thú nhận của cô tài tử nhịn ăn với tờ báo *News of The World* ở bên Anh. Cô ra vào bệnh viện như đi chợ trong lúc danh tiếng nổi như cồn ở Hollywood. *"Tôi ốm đau là do tôi tự gây ra. Tôi gầy gò quá, trông chẳng mạnh mẽ chút nào. Nhưng có lúc tôi không nhận ra điều này. Khi có người hỏi có khỏe không, tôi mạnh miệng tuyên bố là tôi đang sống sờ sờ ra đây. Tôi thừa biết mình có vấn đề nhưng không dám thừa nhận. Tôi không biết tự bảo vệ mình mà phải có người khuyên nhủ tôi."* Bệnh suýt chết của cô tài tử này là bệnh chán ăn *anorexia*. Bệnh này là hậu quả của việc ăn kiêng một cách quá đáng để có được một cơ thể mảnh mai. Nhịn một thời gian, bộ máy tiêu hóa dần dần sẽ bị rối loạn, bao tử hoạt động lung tung xòe chẳng hoàn thành được chức năng của nó. Bệnh này phổ biến nhất nơi các thiếu nữ. Theo thống kê thì trên thế giới có khoảng 1% cô gái thuộc độ tuổi từ 10 đến 20 mắc chứng bệnh này. Ba phần tư bệnh nhân là những người trước đây đã bị béo phì nên kiêng ăn để giảm cân.

Con gái thì ai cũng muốn xinh xắn thon gọn. Chuyện đương nhiên! Để được be bé xinh xinh, các cô nàng đã hy sinh bóp miệng. Thường thì mức nhắm của họ muốn đạt tới là các thân hình... mai cốt cách của các diễn viên hay người mẫu. Họ nhắm mắt nhắm mũi sao cho chóng đạt được mục tiêu. Thế là nhịn ăn bằng mọi cách chẳng màng tới sức khỏe của mình. Khổ nỗi là độ tuổi bắt đầu từ *teen* đến mười tám đôi mươi là độ tuổi cơ thể đang phát triển. Chiều cao, trọng lượng và các bộ phận trong cơ thể đang biến đổi để hoàn thiện dần. Sự biến đổi này cần đến các chất dinh dưỡng trong người. Vậy mà đúng lúc cơ thể cần nhiều chất dinh dưỡng, các nàng bèn nghỉ ăn. Lấy đâu ra... xăng nhớt để cho bộ máy hoàn chỉnh? Vậy là thân thể đang tơ biến thành một thứ cá mắm dẹp lép! Theo một tổng kết của Viện Sức Khỏe Hoa Kỳ thì chỉ nguyên tại Mỹ đã có khoảng 15% các nàng tự biến mình thành... liễu trong thơ cổ!

Các cô nàng người mẫu là những người phải ráng giữ mình nhất. Đi điệu đàng trên sàn diễn mà thân hình có thể làm sập sàn lúc nào không biết là điều tối kỵ. Phải gầy ốm mới được mắt. Được mắt mọi người. Và được mắt tôi. Người đẹp thứ hai mà tôi vương vấn chính là cô người mẫu Twiggy. Cô bé lênh khênh này đã tạo ra được cả một trường phái liễu yếu ẻo lả làm say mê cả thế hệ tôi ngày đó. Mà chả cứ thế hệ tôi, cứ tơ liễu buông mành là bắt mắt hớp hồn những người trai mộng mơ.

Chiều em đi trong nắng trời tây
Bóng đổ lênh đênh — bóng đổ gầy
Bóng đổ gầy như ta ốm yếu
Đeo đẳng hoài theo tình không may

Chiều em đi bước ngại bước ngừng
Như sợ làm đau ngọn cỏ nhung
Như sợ bay lên từng đóa bụi
Sao khách tài hoa nát cả lòng?

Tôi chẳng tài hoa như nhà thơ Nguyễn Tất Nhiên mà lòng cũng bươm ra. Chỉ vì tương tư một bóng hình liễu yếu mà trở thành... sát nhân! Chuyện có chết chóc thật chứ không phải đùa. Cô người mẫu Carolina Reston, 21 tuổi, người Ba Tây, vừa vĩnh viễn nhắm mắt vào ngày 14 tháng 11 năm 2006 vừa qua vì nhịn ăn để giữ thân liễu cho vừa lòng người ngưỡng mộ. Cô bị suy nhược thận và được đưa vào chữa trị tại bệnh viện ở Sao Paulo nhưng sau ba tuần lễ điều trị không kết quả vì cơ thể cô quá yếu không đủ sức chống chọi nổi với bệnh tật, cô đã mang cái thân hình nhẹ nhõm quá mức qua bên kia thế giới. Cô ra đi mà còn để lại một hợp đồng trình

diễn tại Paris! Làm người mẫu từ năm 13 tuổi, cô Carolina đã cố nhịn ăn mặc dầu bà mẹ đã nhiều lần khuyên con ăn nhiều hơn và gặp bác sĩ để được chỉ dẫn việc ăn uống cho điều hòa. Say sưa với danh vọng, cô nhất quyết không nghe lời mẹ. Có lần cô đã van xin mẹ đừng làm cô lung lay tinh thần... nhịn! Cô người mẫu này đang ở trên chót vót đài danh vọng khi là gương mặt đại diện cho hãng thời trang loại xịn Giorgio Armani. Cái chết của cô người mẫu Carolina Reston là cái chết thứ hai của giới chân dài biếng ăn trong năm. Trước đó, vào tháng 8/2006, cô người mẫu Luisel Ramos, 22 tuổi, cũng đã chết ngay trên sàn diễn tại Uruguay chỉ vì ăn kiêng với rau trộn làm chuẩn.

Hai cái chết lảng xẹt của hai nàng chân dài đã thức tỉnh mọi người. Có cần phải hy sinh vì... thẩm mỹ đến mức như vậy không? Câu trả lời là không. Các nhà tổ chức trình diễn thời trang không chơi với những kiểu nữ mình hạc xương mai quá đáng nữa. Dẫn đầu là những nhà tổ chức trình diễn ở thủ đô Madrid của Tây Ban Nha. Thành phố này đã tham khảo ý kiến giới y tế và quyết định là chỉ số trọng lượng cơ thể của các người mẫu phải trên 18. Con số 18 này làm nhiều vị chắc... lơ mơ. Xin nhắc lại chút xíu là theo Tổ Chức Y Tế Thế Giới, thì chỉ số của người bình thường là từ 18,5 tới 24,9. Từ 25 đến 29,9 là mập. Từ 30 đến 39,9 là phì. Từ 40 trở lên là... đại phì! Kết quả của quyết định này là có tới một phần ba người mẫu trình diễn năm ngoái năm nay đã rớt đài. Các người đẹp hạng... lông này phản ứng ngay. Họ cho là nếu họ nặng hơn thì sự nghiệp của họ sẽ chìm lỉm! Nhưng Madrid chỉ là một trung tâm thuộc hạng B nên thông điệp của họ nhẹ hều. Bốn trung tâm thuộc hạng A là Ba Lê, Luân Đôn, Nữu Ước và Milan vẫn chưa nhúc nhích. Nhất là trung tâm Milan của Ý là nơi... trụ trì của các nhà thời trang trứ danh như Prada, Versace, Gucci và Giorgio Armani. Riêng nhà vẽ kiểu thời trang Giorgio Armani đã lên tiếng. Ông cho biết là kể từ buổi trình diễn thời trang vào mùa xuân năm 2007 sắp tới, ông vẫn dùng những người mẫu thon thả nhưng nếu các nàng nhẹ quá khiến mọi người xì xầm chú ý thì ông cho ngồi chơi sơi nước. Người ta cần phải chú ý đến y phục trình diễn hơn là chú ý đến những nàng chân dài mặc những bộ y phục đó. Chính các cô bày đặt nhịn ăn cho đến chết chứ ngành trình diễn đâu có đòi hỏi như vậy. Đó là... triết lý của ông vẽ kiểu thời trang hàng đầu này.

Bệnh biếng ăn đâu chỉ có ở những kiểu nữ chân dài. Chân không dài cũng bày đặt như thường. Sao tôi vẫn cứ muốn trách cứ mấy ông thi sĩ. Xin các ông làm ơn mở rộng cửa để cho các kiểu nữ có da có thịt vào trong thơ cho chúng tôi nhờ với! Câu thơ có nặng một chút thì cũng đâu có rớt ra khỏi trang sách được! Trong khi chờ các nhà thơ (thường cũng rất nhẹ ký!) nghĩ lại thì giới người đẹp phải thay đổi cách nghĩ trước. Nên bỏ ngay thói quen so sánh mình với người khác, nhất là các người mẫu hay các ngôi sao. Ta là ta. Ta chẳng cần giống ai cả. Bước đi của ta có lún đất thì cũng vẫn có người chiêm ngưỡng. Không tin cứ nhìn vào mắt anh chồng thì biết ngay! Vòng eo của ta không được thon thả thì bù lại, ta đã có được một bờ vai tròn trịa làm chỗ dựa vững chắc cho người ta thương! Mỗi người nữ là một niềm bí mật riêng, có những điểm hấp dẫn riêng, tội chi mà bỏ phứa lòng tự hào về bản thân mình!

Nhưng nếu đã lỡ... tuyệt thực mang đến chứng bệnh *anorexia* thì mau mau tới bệnh viện ngay. Đừng chần chờ. Và cũng đừng giấu bác sĩ về tình trạng ăn uống của mình. Cần luôn luôn nghĩ rằng bệnh này có thể chữa được một cách không khó khăn nếu đừng để bệnh nặng quá khiến cơ thể suy nhược quá giới hạn làm tim không hoạt động được nữa.

Muốn xuống cân, đó là một ước vọng chính đáng. Ai chẳng muốn có eo có iếc cho bằng chị bằng em. Không ai chê trách chuyện đó. Nhưng ăn kiêng làm sao cho đúng... chỉ số mới là chuyện cần nghĩ tới.

Trước khi bàn đến ăn kiêng chắc cũng phải nói qua với nhau về một vài chuyện nho nhỏ trước đã. Chất béo? Nghe đã thấy ớn! Nhưng có những chất béo có hại đồng thời có những chất béo cần thiết cho cơ thể như chất béo trong cá chẳng hạn. Nhịn đói? Nghĩ rằng nhịn để giảm đi một vài kí là lầm. Bởi vì nhịn không làm tiêu mỡ mà làm tiêu thịt nạc. Không ăn vào lúc tối? Điều quan trọng là ăn cái gì chứ không phải là ăn lúc mấy giờ. Không thèm nhìn tới bàn cân? Phải đối đầu với sự thực. Cứ nhắm mắt không chơi với cái anh chẳng biết ga lăng nói dối cho vừa lòng nhau thì biết đâu là cái sức nặng của cơ thể nó lăng ba vi bộ ra sao.

Giờ thì nói chuyện nhịn ăn. Theo các nhà nghiên cứu thì muốn giảm cân tốt nhất là ăn sáng và ăn trưa đầy đủ, còn bữa tối chỉ ăn nhẹ. Bởi vì với một số *calorie* hấp thụ như nhau thì một bữa ăn sáng giúp giảm ký hơn là bữa tối. Tại sao vậy? Vì sau bữa ăn tối, chất *glucagon*, chất đối

thủ của *insulin*, đạt được mức tối đa chậm hơn *insulin*.

Ông giáo sư người Mỹ Steven Hawks mới tung ra một chiêu nhịn ăn giảm ký khá hấp dẫn mang tên "ăn kiêng mà không ăn kiêng." Nghe đã thấy vừa cái bụng! Ông giáo sư 50 tuổi này đưa ngay trường hợp ông ra làm điển hình. Ông đã giảm được 22 ký dù cứ thảnh thơi sực đủ các món *chocolat*, bánh ngọt, kem... Phương pháp này chỉ có duy nhất một châm ngôn: Chỉ ăn khi đói và ngưng ngay khi đã no. Không ăn kiểu "tiếp khách" để chiều lòng người khác cho họ vui. Giáo sư Hawks hiện đang điều hành một cơ sở để hỗ trợ những người ăn kiêng kiểu "dinh dưỡng theo trực giác" này. Trong một nghiên cứu được phổ biến trên tạp chí Giáo Dục Sức Khỏe, Hawks và các đồng sự đã khảo sát một số sinh viên nhịn ăn theo phương cách của ông. Kết quả rất khả quan. Không những họ đều giảm cân mà còn giảm được cả nguy cơ mắc bệnh tim mạch. Một đồng nghiệp của ông thuộc loại phì cũng đã giảm được 16 ký sau 11 tháng... tu luyện theo phương pháp này.

Chuyên gia dinh dưỡng James d'Adamo thì lại chơi đòn khác. Đòn... chia rẽ! Nhân loại này không giống nhau, nói rõ hơn là máu lưu thông trong cơ thể con người không xêm xêm như nhau. Đã từ lâu, người ta chia máu ra làm nhiều nhóm máu. Nhưng sự phân chia này cốt yếu là để dùng cho việc tiếp máu. Trên phương diện dinh dưỡng, sự phân biệt loại máu cũng có ảnh hưởng đến việc tiêu thụ thực phẩm nên việc mỗi nhóm nên ăn thứ thực phẩm nào, kiêng thứ thực phẩm nào sẽ làm cho việc ăn uống đi vào trật tự và giúp bảo vệ sức khỏe cũng như cơ thể của từng người. Vậy thì trước hết chúng ta cần phải biết mình thuộc nhóm máu nào đã. Phải nhìn nhận ngay là nhiều người trong chúng ta không để ý tới chất đỏ trong cơ thể mình thuộc loại máu nào. Trong số nhiều người đó có tôi! Vậy thì muốn dinh dưỡng theo kiểu này thì phải tới bệnh viện hỏi thăm xem mình được... mang chữ gì đã: O, A, B hay AB?

Nhóm máu O là nhóm máu phổ thông nhất, chiếm gần một nửa nhân loại, khoảng 43%. Nhóm máu này rất... khôn. Trong dạ dày có lượng acide tiêu hóa cao hơn các nhóm máu khác nên thả cửa ăn các thực phẩm giàu chất đạm. Bò, gà, chim, cá... nhậu được tuốt. Rau trái như đậu, hành tây, bắp cải, ớt, cà rốt, chuối, chanh, nho, bưởi, táo cứ thoải mái. Riêng có thịt heo thì nên tà tà thôi. Khoai tây, bắp, sữa, bánh ngọt nên tránh.

Nhóm máu A chiếm khoảng 30% con người trên trái đất này. Đặc điểm của nhóm này là nồng độ acide tiêu hóa trong dạ dày khá loãng nên khó hấp thụ thịt. Nhưng các thực phẩm giàu chất bột và rau quả thì rất tốt. Không nên giao du với các thức ăn giàu chất béo.

Nhóm máu B chiếm khoảng 18%, có khả năng đề kháng thật cao, kể cả với các bệnh đường tiêu hóa. Thịt, sữa bò và các sản phẩm từ sữa, sản phẩm có chất bột đều tiêu thụ được dễ dàng.

Nhóm máu AB là nhóm máu có ít... thân chủ nhất, chỉ chiếm khoảng 5%. Dạ dày thuộc nhóm này không sản xuất đủ lượng acide tiêu hóa nên việc tiêu hóa khó khăn hơn. Vì vậy nên nếu bạn chẳng may thuộc nhóm máu này thì nên ăn thành nhiều bữa cho dạ dày dễ làm việc. Nên hạn chế ăn các thực phẩm khó tiêu hóa, giàu chất đạm nhưng cần ăn nhiều các chất có khả năng hỗ trợ tiêu hóa như sữa chua chẳng hạn.

Dù thuộc nhóm máu nào, việc tập thể dục cũng là cần thiết cho việc vứt bớt đi sức nặng của cơ thể.

Gầy ốm, nên lắm. Nhưng đừng kiêng ăn đến gầy gò. Thân thể cò ma thì đẹp làm sao được! Xương là thứ lẩn vào trong thịt chứ không phải là thứ giơ ra ngoài, trừ khi là thứ xương... xí quách! Em tơ liễu mới là thứ em đi vào thơ. Không phải chỉ đi vào không mà còn ngồi lì trong thơ nữa.

Một thời em mặc quần jean
áo sơ mi mỏng.
Tôi rình theo sau
Nắng xuân em đội che đầu
Ngực em cài đóa nắng màu vàng ươm
Gió lùa nụ nắng tẩm hương
ùa vào khứu giác
Giữa đường tôi say
Treo hồn lên đỉnh chân mây
Chân còn bước mãi tháng ngày đong đưa
Khi không bất chợt đổ mưa
Áo em ướt nhẹp giống chưa mặc gì
Cuộc cờ dày xéo nhau đi
Núm cau một thuở ở lì trong tim

Bao năm xuống biển lên bưng
Dáng tiên em mãi đọng từng sớ da.
(Quan Dương)

02/2007

Website: www.songthao.com

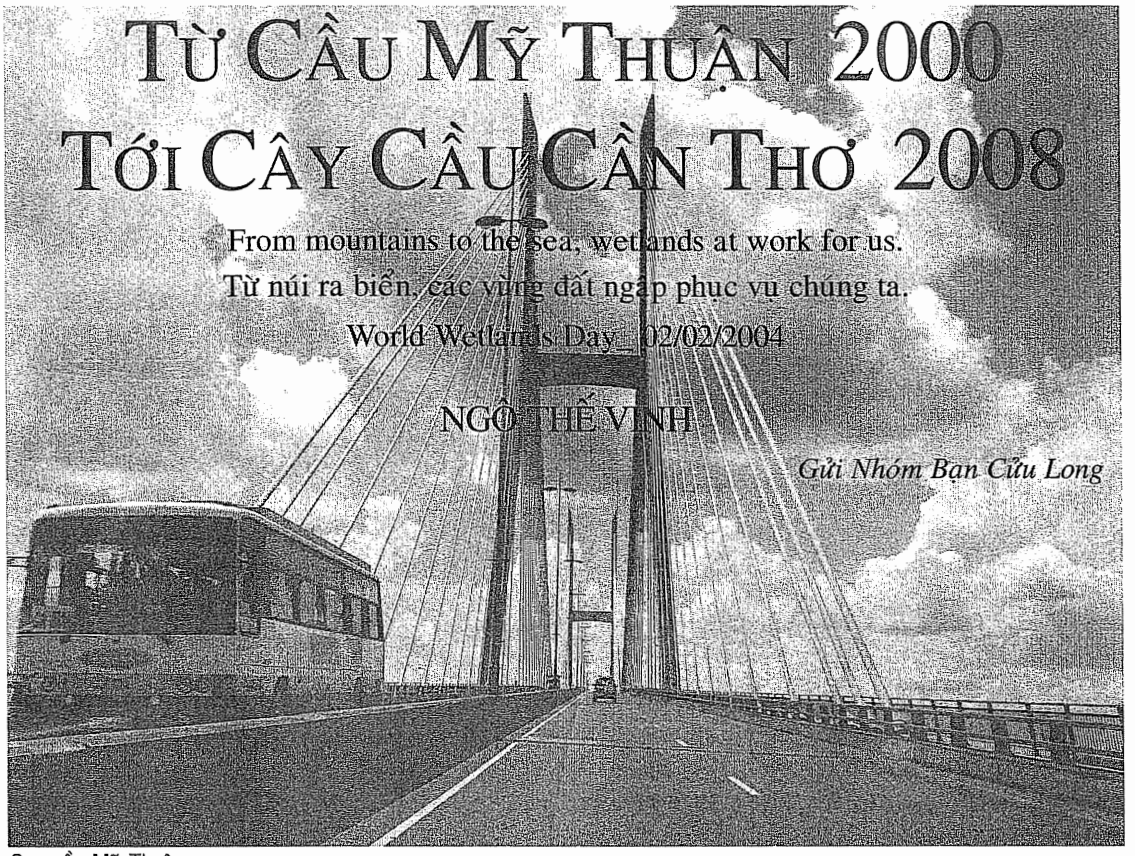

Qua cầu Mỹ Thuận

TỚI TAM NÔNG - TRÀM CHIM VẮNG BÓNG CHIM

Rời Sài Gòn từ buổi sáng sớm, khi chưa có những rối loạn xe cộ và ồn ào tiếng động. Theo quốc lộ 1A đi về hướng tây nam, qua các tỉnh Long An, Tiền Giang qua huyện Cái Bè, đổi qua tỉnh lộ 30 tới Đồng Tháp. Do đường chưa tốt lại sợ bị công an "bắn"_ [tốc độ xe] nên nhiều đoạn tài xế phải chạy chậm lại, phải mất hơn sáu giờ để qua một đoạn đường chỉ hơn 200 km. Trên đường luôn luôn thấy cảnh tài xế những chiếc xe đò chạy ngược chiều, đưa tay ra dấu. Bàn tay chúc xuống là phía trước không có công an phục kích, bác tài lại yên tâm nhấn ga "phá rào" để vượt qua đoạn đường có giới hạn tốc độ. Vi phạm luật lưu thông không chỉ bị phạt tiền rất nặng, lại thêm bị bấm lỗ trên bằng lái xe, ba lỗ là mất bằng_ nên đã làm trùn chân cả những tay lái giang hồ liều mạng tự nhận là rất "bản lãnh."

Đến với Đồng Tháp Mười là đi trên một vùng đất trũng rộng lớn. Có giả thuyết lý thú cho rằng "có thể nơi đây khi xưa là dấu vết cũ của sông Cửu Long, vì một lý do thiên nhiên nào đó sông Cửu Long đã bỏ lòng sông cũ để chảy qua vị trí hiện nay. Hai vùng trũng thiên nhiên rộng lớn là Đồng Tháp Mười và Đồng Cà Mau là hai hồ để chứa nước sông Cửu vào mùa nước nổi." [*Trần Ngươn Phiêu_ Đồng Tháp Mười, 2006*]

Từ thị xã Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp, lên tới quận Thanh Bình, để từ đây vẫn theo đường 30 đi về hướng tây bắc. Tới một ngã ba, thay vì đi hướng Hồng Ngự, theo tấm bảng chỉ dẫn, xe quẹo mặt đi thêm 17 km nữa trên một đoạn đường tráng nhựa hẹp và khá gập ghềnh để dẫn tới Tràm Chim Tam Nông [TCTT].

Hai bên đường nhà cửa đang san sát mọc lên, áp lực gia tăng dân số rất rõ, để thấy rằng Tràm Chim đang trước nguy cơ. Sâu vào lề đường, chúng tôi chú ý tới một ngôi mộ không phải trên đất mà trên một sàn xi măng khô ráo cao hơn mặt lộ, ngay phía dưới là đất ruộng ngập nước để thấy Tam Nông nguyên là vùng đầm lầy.

TCTN trong khu tứ giác các con kinh đào thuộc Đồng Bằng Sông Cửu Long [ĐBSCL]. Với khí hậu gió mùa, gần xích đạo, nhiệt độ

Đường vào Vườn Quốc Gia Tràm Chim

trung bình 27 độ C với biến thiên từ 3 tới 5 độ C trong năm. Độ mưa tương đối thấp khoảng 1500mm/ năm, mùa mưa khoảng từ tháng 5 tới tháng 11. [*Phùng Trung Ngân, Garrulax 6:3-5,1989*]

Trong chiến tranh Việt Nam, Đồng Tháp Mười nơi từng là trận địa giao tranh ác liệt và là một vùng rất khó bình định. Mỹ đã thực hiện kế hoạch rút cạn các khu đầm lầy, kết hợp xử dụng chất khai quang da cam và bom napalm để phá hủy các an toàn khu của Việt Cộng nhưng đã không thành công.

Sau chiến tranh do đất chật người đông, người ta vẫn không ngừng rút cạn các khu đầm lầy qua một hệ thống kinh rạch phức tạp nhưng chỉ là để có thêm đất canh tác.

Năm 1985 khi thấy giống Hạc Đông Phương bắt đầu xuất hiện ở vùng đất ngập nước Đồng Tháp Mười, các nhà khoa học đã triệu tập một Hội Nghị Hạc Quốc Tế ở Côn Minh thủ phủ Vân Nam, với sự tham dự của nhiều tổ chức như WWF (World Wildlife Fund), IUCN (International Union for the Conservation of Nature), ICF (International Crane Foundation)... nhằm tìm biện pháp bảo vệ Tràm Chim Tam Nông như một khu mẫu mực *"du lịch sinh thái"* trong vùng Đông Nam Á. TCTN trở thành một cứ điểm hấp dẫn cho các nhà khoa học muốn nghiên cứu về đời sống sinh hoạt của các loài di điểu.

Là một vùng trũng phía tả ngạn sông Tiền, với diện tích 7,588 hecta được giới thiệu như *"mô hình thu nhỏ cảnh quan Đồng Tháp Mười"* với hơn 130 loài thực vật, 120 loài cá nước ngọt, 40 loài lưỡng ngư bò sát, hơn 200 loài chim với 16 chủng loại được coi như quý hiếm; riêng giống Hạc Đông Phương (Eastern Sarus cranes) hay còn có tên là Sếu Đầu Đỏ, được liệt kê trong Sách Đỏ Thế giới (World's Red Book) đang có nguy cơ bị tuyệt chủng. Chỉ mới tám năm, TCTN khu trung tâm Đồng Tháp Mười được chính thức công nhận là Vườn Quốc Gia Tràm Chim [29-12-1998].

Khu Tràm Chim chủ yếu là vùng đất ngập nước (wetlands) với rừng tràm (Melaleuca) và các loại cỏ nước (wet grasslands), mùa lũ vào khoảng từ tháng 8 tới tháng 11, với đỉnh lũ vào tháng 9, nước có độ sâu trung bình 2.50 m, nhưng vì là vùng thấp nên Tràm Chim vẫn ngập nước trong mùa khô.

Rất khó để thấy trụ sở TCTN nằm khuất lấp ở cái điểm mốc cây số 17 ấy. Nhưng rồi chúng tôi cũng tìm ra. Cô hướng dẫn với một cái tên rất mộc mạc, Nguyễn Thị Được cùng xuống ghe đi với chúng tôi. Do tới TCTN vào giữa thời điểm mùa lũ nên từ ghe chỉ thấy mặt nước mênh mông với nhô lên là những khóm tràm, bụi cỏ, bông súng và rất thưa thớt những bóng chim.

Phải tới tháng 2-3, vào mùa nước thấp, Tràm Chim là nơi tràn đầy thực phẩm tôm cá sò ốc hến nên lôi cuốn các đoàn di điểu từ xa trở về kiếm ăn và sinh sản. Không phải chỉ có giống Hạc Đông Phương; còn phải kể thêm loại chim nước hiếm quý như Oriental Darter, lesser adjutant stork, Painted Stork, Asian Golden Weaver và nhiều chủng loại chim khác.

Mới đây có thêm mối quan ngại về dịch cúm gia cầm H5N1 có nguy cơ lan ra toàn cầu và các chuyên viên dịch tễ học (epidemiologist) của Tổ chức Y tế Thế giới có nhắc tới khả năng các đàn di điểu phát tán bệnh đi tứ phương.

ĐBSCL cũng là nơi có ổ bệnh H5N1 cho dù đã được khống chế nhưng không phải không có khả năng tái phát.

Không chỉ có động vật và các loài chim hiếm quý, trong số hơn 130 loài thực vật, phải kể tới giống lúa hoang (Oryza rufipogon), cũng đang có nguy cơ không còn nữa. Trong bài viết về Đồng Tháp Mười, Bs Trần Ngươn Phiêu có nhắc tới loại lúa đặc biệt này như một độc đáo khác thường được thấy ở Đồng Tháp, đó là loại *"lúa trời, mọc từ lòng đất vươn lên cao khỏi mặt nước, giống như loại lúa nổi. Dân nghèo dùng xuồng nhỏ, thấp, len lỏi vô các bưng có lúa trời, dùng thanh tre dài lùa đập các cọng lúa để hột lúa rụng rớt vô xuồng. Đi đập mót lúa trời cũng là một nguồn sinh sống cho dân cư cùng khổ, không đất canh tác."*

Theo Gs Phạm Hoàng Hộ "Lúa hoang là giống lúa nổi, có thân dài 1,5 - 4m, thân to 4 - 6mm, với lóng dài 10cm. Lá có phiến dài 20 cm, rộng 1cm... Trước đây có ở ruộng sâu khắp cùng và rất nhiều ở Đồng Tháp." [*Cây Cỏ Việt Nam 1991. III - 2, tr. 776*]

Theo Gs Võ Tòng Xuân [VTX], "Cây lúa ma hay lúa hoang Oryza rufipogon (OR) mọc hoang ở các nơi đầm lầy, hoặc dọc theo các kênh mương ở Đồng Tháp Mười, và các vùng nước sâu trung bình ở các tỉnh Cần Thơ, Vĩnh Long, Tiền Giang. Có một loại khác nữa, Oryza nivara (ON) mọc chung với OR ở các vùng này. Năng suất rất thấp, khoảng 0.2 đến 0.4 tấn/ ha mà thôi. Ngày nay khi các cánh đồng trong Đồng Tháp Mười đã phủ kín lúa cao sản thì OR và ON gần như bị tiêu diệt hết." Gs VTX cho biết, ông đã đưa cả hai loại lúa hoang này sang giữ tại IRRI (International Rice Research Institute) tại Banos 60 km nam Manila, là viện nghiên cứu lúa gạo quốc tế lớn và lâu đời nhất Á châu.

Tam Nông còn có những đầm sen và súng tô điểm thêm cho vẻ đẹp cảnh quan của Tràm Chim.

Và rồi cũng không thể không nói tới một *"loại cây bất ưng"* đang xâm lấn sinh cảnh của TCTN: cây Mimosa pigra. Tuy là một giống ngoại lai từ vùng nhiệt đới Nam Mỹ nhưng đang tràn lan trong vùng trung tâm Tràm Chim gây tác hại trên sinh cảnh và tính đa dạng sinh học của khu bảo tồn.

Theo Gs Phạm Hoàng Hộ "Mimosa pigra hay Trinh nữ nhọn là một loại cây cứng cao 2-3 m, lá khi đụng cũng xếp lại nhưng chậm hơn Trinh nữ mắc cỡ (M. pudica), sóng lá mang một gai đứng cao 1,5cm giữa mỗi cặp thứ diệp. Hoa đầu vàng, hoa như ở Trinh nữ. Chụm trái to có lông hoe, dày 10-12 x 1,3-1,6 cm rụng từng đốt chừa hai bìa lại. Gốc Nam Mỹ, gặp ở các nơi đầm lầy.. ."[*Cây Cỏ Việt Nam 1991_ I -2, tr. 1029*]

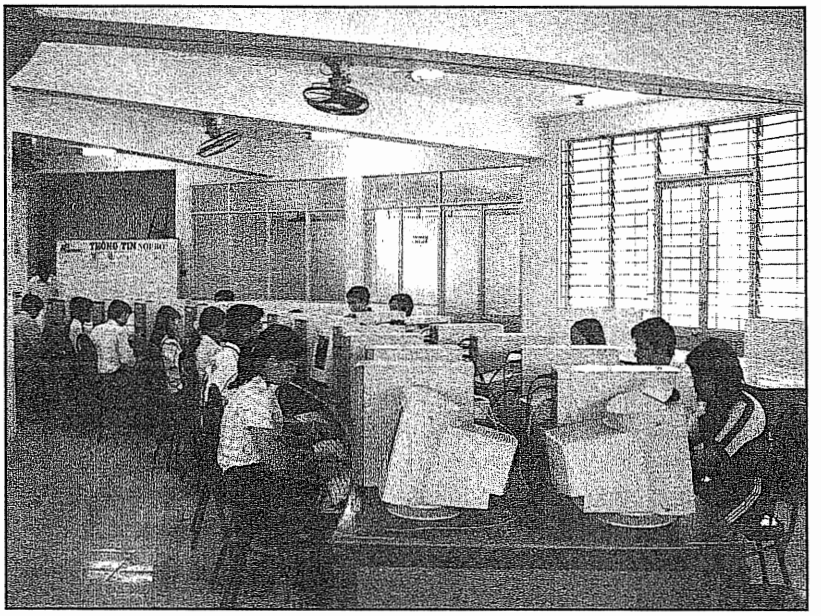
Thư viện Đại Học An Giang

Theo Gs VTX, thì "Mimosa pigra còn được gọi là Mai Dương hay Ngưu Ma Vương là một đau đầu cho nông dân vùng đất ngập nước. Cây này phát tán rất nhanh và rất khó diệt trừ. Đã có nhiều nghiên cứu quốc tế nhằm tìm biện pháp hữu hiệu để diệt chúng nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả tốt. Vườn bảo tồn quốc gia Tràm Chim Tam Nông, nơi mà Tổ Chức Hạc Quốc Tế (ICF) đầu tư bảo tồn đàn sếu đầu đỏ quý hiếm, đang bị Mai Dương lấn áp."

Do đó, nhân kỷ niệm "Ngày Đất Ngập Nước Thế Giới" nơi bốn quốc gia ven sông Mekong vùng Hạ Lưu: Việt Nam, Cam Bốt, Lào và Thái

Lan, với khẩu hiệu *"Từ núi ra biển, các vùng đất ngập nước phục vụ chúng ta_ World Wetlands Day 02-02-2004"*

Riêng với Việt Nam vùng điểm được chọn là Tràm Chim Tam Nông. Ngoài những nghi thức của một ngày lễ hội với các cuộc vui đua thuyền, đá banh, diễn kịch... nhưng đáng chú ý nhất đó là ngày phát động phong trào *"lùng và diệt cây Mai Dương, Ngưu Ma Vương hay Trinh nữ nhọn"* và cũng để báo động với dân chúng địa phương là giống Mimosa pigra kẻ thù nguy hiểm, cần có một chiến dịch lâu dài lùng và diệt loại cây này để bảo vệ sự cân bằng và đa dạng sinh thái của TCTN.

Từ khi Tràm Chim đã chính thức trở thành khu bảo tồn thiên nhiên quốc gia, ngoài số tiền bốn tỉ đồng từ Việt Nam, còn có thêm nhiều tặng dữ của các quốc gia khác như Đan Mạch, Đức, Nhật... nhằm bảo tồn khu Hạc và phát triển vùng đệm (buffer zone) của Tràm Chim.

Từ 1995, Tổ Chức Hạc Quốc Tế đã lên kế hoạch khảo sát các vùng sinh sản của giống Sếu Đầu Đỏ và kể từ tháng Ba 1998 các nhà điểu học đã khởi sự cho đặt những chiếc vòng theo dõi điện tử (electronic tracking rings) để khảo sát toàn sinh cảnh và lối sinh hoạt của giống di điểu này. Chương trình được tài trợ bởi chánh phủ Nhật và có sự tham gia của các nhà khoa học Nhật, Mỹ và Việt Nam.

Theo cô Được, hướng dẫn viên của Tràm Chim thì do những ảnh hưởng tiêu cực dây chuyền, số Hạc cũng như các loại chim hiếm quý trở về ngày càng ít đi vào mùa khô mỗi năm về sau. Đây là một hiện tượng rất đáng quan tâm đối với các nhà bảo vệ môi sinh. Từ 20 năm qua là số chim Hạc trở lại Tràm Chim càng ngày càng ít đi: từ con số 1,052 năm 1988, xuống còn 631 năm 1996, 154 năm 2004 và chỉ còn 90 con năm 2006 [*Source: VNN*].

Có thể do nhiều nguyên nhân: suy thoái môi trường sống trong Tràm Chim với các kinh rạch mới, các trận lũ bất thường do ảnh hưởng chuỗi đập thượng nguồn Vân Nam, còn phải kể cả sức ép dân số từ các khu phát triển gia cư, chiếm lấn đất quanh vùng đệm, nhu cầu lấy nước từ Tràm Chim, bao quanh tràm chim là những cánh đồng lúa với ảnh hưởng độc hại của phân bón hóa chất... Tất cả đều có tác hại lâu dài tới khu bảo tồn.

Đã thế lại đang có thêm một công trình làm con lộ vòng đai quanh TCTN để khai thác *"du lịch sinh thái,"* với cảnh quan thiên nhiên ngày một thu hẹp, nhìn về tương lai không xa, hệ sinh thái phong phú của TCTN đang được đếm từng ngày.

Săn bắn trong khu Tràm Chim tuy bị cấm nhưng thực tế thì vẫn cứ diễn ra, gây sát hại các loài chim quý kể cả giống hạc.

Các nhà bảo vệ môi sinh đã rất có lý khi chọn giống Hạc Đông phương như một *"chủng loại quan trọng_flagship species,"* bảo vệ Hạc có nghĩa là bảo vệ cho hơn 120 loài chim, nhưng xa hơn thế nữa cũng là bảo vệ cho cả một hệ sinh thái trong lành của ĐBSCL và con sông Mekong_ mà Tràm Chim Tam Nông là một biểu tượng sống.

...

Tới Đồng Tháp Mười, khi qua huyện Lấp Vò nơi mà mấy năm trước đây ngư dân đã bắt được một "con cá đuối nước mặn" khổng lồ dài hơn 4 mét ngang 2 mét và nặng tới 270 kg trên sông Tiền - nhưng khi hỏi thì không ai biết hay đúng hơn là chẳng còn ai nhớ. Cũng rất ít ai nhớ là chỉ cách đây hơn 30 năm thôi, nguồn tôm cá thiên nhiên ĐBSCL còn phong phú là thế nào. Nay thì nguồn tài nguyên ấy cạn kiệt và cũng ít ai thắc mắc tại sao. Không kể Thái Lan, ngay người dân Lào và Cam Bốt từ hai quốc gia không thể nói là hơn Việt nam, nhưng họ có ý thức về con sông Mekong và có thông tin nhiều hơn về những con đập khổng lồ Vân Nam chắn ngang dòng chính sông Mekong. Rồi không thể không nghĩ tới cái địa chỉ nghịch lý *"12 Phố Hàng Tre Hà Nội của Ủy Hội Quốc Gia Sông Mekong Việt Nam"* thay vì nơi Đại học Cần Thơ hay Đại học An Giang.

...

ĐẾN VỚI ĐẠI HỌC AN GIANG SÁU TUỔI

Về lại Cao Lãnh để đi An Giang_ nơi có khu di chỉ Ốc Eo thuộc Vương quốc Phù Nam từ thế kỷ I đến VI, Long Xuyên với Đại Học An Giang là nơi tôi có hẹn gặp anh Võ Tòng Xuân. Có một thay đổi bất ngờ là khi tới Long Xuyên, người bạn đồng hành Nguyễn Kỳ Hùng_ đã cùng đi với tôi trong chuyến thăm ĐBSCL kỳ thú bảy năm trước, vì một lý do riêng anh đã lại phải tách ra để trở về Sài Gòn. Rất tiếc những ngày sắp tới tôi sẽ không có được những tấm hình tuyệt đẹp ĐBSCL qua ống kính rất nghệ thuật của anh. Lại một cuộc hành trình đơn độc như các chuyến đi Lào và Cam Bốt.

Đã từng tới Long Xuyên, trở lại thăm để ngạc nhiên thấy một Long Xuyên, thị xã của tỉnh An Giang đã có rất nhiều đổi thay và phát triển.

Năm 1970 khi Gs Đỗ Bá Khê đọc bài diễn văn tốt nghiệp khóa đầu tiên của Đại học Cần Thơ, thì lúc đó An Giang chỉ mới có Trường Sư Phạm Long Xuyên với bốn lớp và 260 giáo sinh. Phải 30 năm sau, do con số hơn 40 ngàn học sinh tốt nghiệp trung học mỗi năm tại ĐBSCL, trước tình trạng quá tải của Đại học Cần Thơ, trường Đại Học An Giang [ĐHAG] được phép thành lập vào tháng 12 năm 1999, rồi công trình xây cất ĐHAG được khởi công tháng Giêng 2001_ năm đầu tiên của Thế kỷ 21, với kinh phí 35 triệu MK trên trên một diện tích 40 hecta. ĐHAG được hỗ trợ tài chánh từ địa phương nhưng vẫn chịu sự giám sát chuyên môn của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo trung ương.

Sau Đại Học Cần Thơ_ được ra đời vào những năm 1960, ĐHAG là trường Đại học công lập thứ hai, được xem là trường Đại học trẻ trung nhất ĐBSCL.

Lãnh đạo nhà trường ngay từ bước đầu chập chững là một khuôn mặt quen thuộc và thân thương đối với bà con nông dân ĐBSCL: đó là Gs Võ Tòng Xuân, từng là Phó Viện trưởng Đại học Cần Thơ, ông cũng được biết tới từ trước 1975 như cha đẻ của lúa cao sản Thần Nông HYV (cao sản, ngắn ngày), là một giống lúa thân lùn với năng xuất rất cao. Đưa lúa Thần Nông vào ĐBSCL được coi như "bước đột phá" chống đói giảm nghèo mà Viện Lúa Gạo Quốc Tế IRRI gọi đó là Cuộc Cách Mạng Xanh về Lúa Gạo. Với một con chim đầu đàn như thế, người ta sẽ không ngạc nhiên khi thấy ĐHAG đang phát triển theo hướng kết hợp giảng dạy, nghiên cứu ứng dụng vào công ích. Một thứ quan niệm R&D (Research and Development) trong các đại học Mỹ.

Trước khi gặp anh Võ Tòng Xuân, không người hướng dẫn, tôi đã tự xông xáo đi thăm các cơ sở nhà trường, giảng đường, thư viện và dĩ nhiên cả gặp gỡ nói chuyện riêng với một số em sinh viên: các em rất trẻ mộc mạc, ăn mặc giản dị, cách nói chuyện chất phác, và đặc biệt là lễ phép với khách lạ đến thăm. Phải chăng đó là nét đẹp từ một nền Văn minh Miệt vườn. Chắc chắn các em không phải con của các "đại gia hay cán bộ cao cấp" của ĐBSCL, bởi vì tệ lắm nếu không là Đại học Sài Gòn thì cũng đã là những sinh viên du học "tự túc" ở các nước Âu Mỹ, nhất là Mỹ.

Các em là thế hệ khá thiệt thòi, sinh ra và lớn lên nơi vựa lúa ĐBSCL sau chiến tranh nhưng lại chỉ được hấp thụ một nền giáo dục trung và tiểu học thấp kém nhất nước, do thiếu lớp học thiếu thầy cô giáo_ thua cả Tây nguyên, theo nhận xét của chính các nhà giáo dục trong nước. Tốt nghiệp trung học trong một tình trạng mất căn bản như vậy, khi bước lên đại học, chỉ có lòng hiếu học cao độ mới giúp các em vượt qua được khoảng cách đại dương ấy.

ĐHAG hiện có tầm vóc khiêm tốn của một Đại Học Cộng Đồng (Community City College) còn đang phát triển. Quanh sân trường, đây đó còn những đống gạch cát của công trình đang xây cất dở dang. Thư viện khá đẹp như khuôn mặt chính của nhà trường với hai từng lầu, gọn sạch ngăn nắp, tổ chức sắp đạt theo tiêu chuẩn Mỹ, với cả một giàn máy điện toán PC cho sinh viên sử dụng. Sinh viên nam nữ tự động sắp hàng trật tự trước các quầy để mượn và trả sách. Sách mới, sách khoa học tiếng Anh phải kể là còn rất ít nhưng bù lại các em đã biết truy cập vào "internet" để có một số thông tin mà các em cần.

Buổi sáng, bước vào một giảng đường lớn, đông đảo sinh viên thuộc nhiều khoa và các lớp khác nhau, trên bục giảng là Gs VTX, với đề tài rất cơ bản "Phương pháp Khoa học và Lộ trình Nghiên cứu." Cho dù đi vào từ phía sau giảng đường cũng không còn một chỗ trống, một em tự động đứng dậy nhường chỗ cho khách (sau này có dịp nói chuyện, tôi được biết là một sinh viên năm thứ tư sắp ra trường).

Bài giảng khúc triết và dễ hiểu để ứng dụng đối với các sinh viên khi phải làm một luận văn/ một thứ luận án nhỏ như điều kiện để tốt nghiệp ra trường. Luận văn ấy sẽ là nỗ lực cá nhân của sinh viên hướng về giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến phát triển kinh tế xã hội của vùng ĐBSCL. Riêng với tôi thì phần lý thú nhất trong bài giảng sáng hôm đó vẫn là những ví dụ nghiên cứu về "lúa gạo" của nhà nông học Võ Tòng Xuân.

Sau lớp học, tôi được gặp anh Xuân. Tuy gặp nhau lần đầu tiên nhưng từ nhiều năm "văn kỳ thanh," tôi đã theo dõi những bước đi của anh, anh cũng đã là nguồn cảm hứng về "nhân vật" khi tôi viết Cửu Long Cạn Dòng_ chúng tôi đã có ngay một mẫu số chung để nói chuyện với nhau. Phong cách giản dị, không nghi thức, anh Xuân tự tay pha trà tiếp tôi trong văn phòng Hiệu trưởng_ mà tôi thì vẫn quen gọi là Viện trưởng, căn phòng khá nhỏ, trông lại càng nhỏ chật hơn với ngập những sách. Trong số sách ấy, tôi cũng thấy cuốn Cửu Long Cạn Dòng, ấn

bản đầu tiên của nhà xuất bản Văn Nghệ năm 2000, cũng là thời điểm Đại Học An Giang mới tuổi "thôi nôi."

Buổi trưa hôm ấy, tôi đã ngồi Honda ôm với anh VTX thay vì xe hơi, để xuống phố cùng với mấy cộng sự trẻ của anh dùng bữa ăn trưa với canh chua cá bông điên điển, cá kho tộ và có cả gỏi tôm ngó sen, toàn những món đặc sản của ĐBSCL.

Sau bữa ăn trưa ngắn ngủi, nửa ngày còn lại là một ngày ngập bận rộn của anh Xuân. Anh để tôi tùy nghi chọn lựa tham dự các sinh hoạt ấy. Như buổi trình luận án cấp trường của một giảng viên ĐHAG do anh Xuân chủ trì. Luận án liên quan tới những con số thống kê, những khiếm khuyết trong cách thu thập và phân tích dữ kiện đều được hội đồng giám khảo nhận xét, thí sinh có cơ hội được phản biện; cuối cùng thì thang điểm được cộng lại: chỉ đạt 52% số điểm có nghĩa là luận án không được thông qua. Cùng một lúc ở một giảng đường khác, là một buổi nói chuyện của một kỹ sư người Mỹ gốc Việt từ Florida về, dùng *laptop và power point* để giới thiệu với sinh viên về chiếc máy xấy lúa "tiết kiệm" do anh sáng chế. Cũng buổi chiều hôm ấy, có hai phái đoàn khách tới thăm, một đoàn từ đại học USC (University of Southern California) tới đây, ai cũng muốn được gặp Gs VTX.

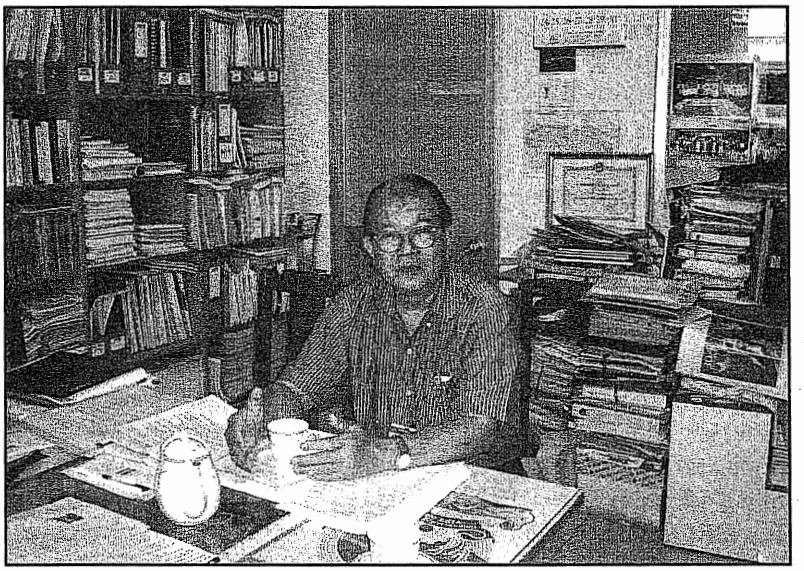

Giáo sư Võ Tòng Xuân Đại học An Giang

Anh Xuân có những cộng sự viên trẻ, tốt nghiệp ở ngoại quốc từ nhiều nguồn khác nhau, lớp trẻ này có kiến thức khả năng và nhiệt tình nhưng chưa tới tầm vóc để có thể thay anh. Họ về với anh Xuân, về với ĐHAG vì họ biết đó là tương lai. Với trình độ chuyên môn và khả năng ngoại ngữ ấy nếu đi làm cho các công ty tư nhân ngoại quốc như Đài Loan Đại Hàn chắc chắn họ sẽ với một số lương bổng cao hơn gấp nhiều lần. Cô Giám đốc phòng giao dịch quốc tế là một Ph.D. về giáo dục về từ đại học USC. Tổ chức thư viện và thiết kế website của ĐHAG là một kỹ sư có bằng MSc. tốt nghiệp ngành vi tính (computer sciences) từ một Đại học Miền Đông Hoa Kỳ, cho dù nhiệm vụ chính của anh vẫn là giảng dạy về Tin học; được biết anh cũng vừa được một Đại học Úc châu nhận vào chương trình Ph.D. trong năm tới. Cô nhà báo HV, xuất thân từ báo Tuổi Trẻ, tác giả nhiều bài ký và những bức hình chụp sinh động, nay cũng đã tự nguyện về với ĐHAG, cô ấy cũng được khuyến khích đi học thêm về báo chí ở Đại học Columbia New York... Ngoài ra, còn phải kể tới nguồn *Voluntary Faculty_* những giáo sư ngoại quốc thỉnh giảng tình nguyện. Anh Xuân cho biết tuy là trên căn bản tự nguyện nhưng ĐHAG vẫn tìm cách trả lương họ theo quy chế.

Một "sự cố vui bên lề" là đã có một ông giáo sư thỉnh giảng tới với ĐHAG nhưng vì "đi một về hai" nên nhà trường đã có một tổn thất phụ (collateral damage) về nhân sự.

Nhiệm vụ của ĐHAG cùng với ĐH Cần Thơ, là đào tạo nguồn nhân lực và nhân tài cung ứng cho các bước phát triển kinh tế và xã hội của ĐBSCL nhằm "tăng cường khả năng hợp tác và cạnh tranh, khả năng hội nhập vào thị trường quốc tế" khi Việt Nam sắp chính thức gia nhập WTO.

Tình trạng thực tế hiện nay, tỉnh An Giang nói riêng và ĐBSCL nói chung không chỉ thiếu cán bộ có trình độ đại học và trên đại học trong các ngành kinh tế xã hội mà còn rất thiếu cả một đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề trong các lãnh vực công nghiệp chế biến thủy sản và nông phẩm, công nghệ sinh học và phát triển du lịch.

Với hướng đi từ nay tới 2010, dự trù sĩ số sinh viên sẽ lên tới 10,000 với chương trình đào

tạo bốn năm cho các ngành như sư phạm, canh nông, công nghệ thực phẩm thủy sản, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, kỹ sư điện toán, kỹ thuật môi trường / environment engineering, quản trị kinh doanh nông thôn... và mục tiêu đào tạo là làm sao đáp ứng yêu cầu thực tiễn của các thành phần kinh tế [biện pháp đào tạo theo-địa-chỉ các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư nhân chứ không phải với tương lai sinh viên tốt nghiệp chỉ là những công chức nhà nước].

Phải nói rằng số lượng giảng viên hiện nay của nhà trường còn rất hạn chế, với sĩ số 600 chỉ có 50% có bằng thạc sĩ (Master) và một số rất ít tiến sĩ (Ph.D). Qua các em, tôi được biết anh Xuân không ngừng khuyến khích và tìm cơ hội gửi các giảng viên trẻ của ĐHAG đi ngoại quốc học thêm để tăng cường chất và lượng cho ban giảng huấn. Và cũng có cả kế hoạch thu hút thêm những nguồn chất xám mới đổ về. Nhiều hứa hẹn nhưng cũng thật nhiều thách đố cho một Đại học còn non trẻ như ĐHAG.

Ngoài chức vụ lãnh đạo ĐHAG, riêng anh Xuân còn những dự án dở dang khác: (1) tìm *gene* giống lúa mới chịu được nước lợ do Cửu Long Cạn Dòng và thêm nhiễm mặn; (2) vận động nông dân ĐBSCL áp dụng kế hoạch "ba giảm ba tăng" trong đó có giảm thuốc trừ sâu rầy để giảm nhiễm độc đã tới mức độ nguy hiểm cho môi trường sống; (3) lập khu bảo tàng cây lúa ĐBSCL với sưu tập tất cả các nông cụ mà tiền nhân đã sử dụng từ thủa khai hoang.

Và còn nhiều nữa, anh Xuân có theo dõi và biết rõ hậu quả những con Đập Vân Nam và các dự án chuyển dòng lấy nước sông Mekong của Thái Lan ra sao trên ĐBSCL, mà theo anh Việt Nam cũng chẳng thể phản đối được gì. Trước nghịch cảnh, anh tìm cách làm sao để biến những "bất cập" hiện nay thành "thuận lợi" như phát triển ngành nuôi "tôm xú" nuôi "cua biển" nơi vùng nước lợ đem lợi tức cho nông dân cao hơn là trồng lúa; áp dụng kỹ thuật tưới luân phiên mà vẫn bảo đảm năng xuất lúa ở vùng thiếu nước khi Cửu Long Cạn Dòng... Hình như lúc nào anh Xuân cũng thiếu thời gian cho một ngày chỉ có 24 giờ, bản chất người Nam, anh vẫn lạc quan; luôn luôn nhìn thấy nửa phần đầy của ly nước thay vì là nửa vơi.

Tre già măng mọc, anh Xuân đang lo vun trồng thế hệ măng tiếp nối anh. Hẹn ngày tái ngộ với ĐHAG, lần tới khi trở lại ĐBSCL mong sẽ có dịp đến thăm Bảo Tàng Cây Lúa của anh Xuân.

Ô NHIỄM TRÊN NHỮNG XA LỘ NÂU

Xuống ghe từ bến Ninh Kiều, buổi sáng sớm tinh sương, dòng sông Hậu trải rộng mênh mông và thoáng mát. Chiếc ghe máy chạy ngược dòng để tới kịp hai chợ nổi Phong Điền và Cái Răng, giờ cao điểm. Vẫn cảnh tượng các ghe thuyền lớn nhỏ từ các nhà vườn chở đầy rau trái theo các ngả kinh rạch hướng về khu chợ nổi để bán cho lái thu mua. Vẫn hình thức tiếp thị là những cây sào cao treo lủng lẳng các mẫu nông phẩm như trái su, bắp cải, chuối dừa... là những thứ có bày bán trong mỗi ghe. Rõ ràng thiếu cái tấp nập và phong phú của rau trái cũng vào tháng này cách đây bảy năm: ít hơn về chủng loại và số lượng.

Thay cho bữa ăn sáng nay là một ly cà phê sữa nóng mua từ một chiếc ghe nhỏ len lách giữa khu chợ nổi.

Đến 9 giờ sáng, ghe tàu trên sông càng thêm tấp nập, cả thêm những chiếc ghe của công ty du lịch đưa khách du ngoạn ven sông và lên khu chợ nổi. Rất ít ghe còn dùng chèo, kể cả những chiếc ghe nhỏ cũng chạy bằng máy đuôi tôm. Những chiếc ghe bầu và xà lan chở khẩm cát vật liệu xây dựng thì chạy bằng máy dầu cặn. Khói dầu trải dài trên mặt sông mùi khét nồng, cũng để hiểu tại sao_ không phải chỉ có ở Sài Gòn, trên sông nước Miền Tây, trên các con phà đã có cô gái Cửu Long phải mang khẩu trang vì không khí ô nhiễm.

Không kể những hóa chất độc đã tan trong nước không còn thấy được, nhìn những búi cỏ rác khô và cả những túi rác ni lông đủ màu chưa bị phân hủy nổi trôi giữa những đám lục bình, cũng để thấy rằng con sông Mekong đang là cống rãnh của các chất phế thải kỹ nghệ và cả rác rưởi của tiện dụng gia cư. Cảnh ấy diễn ra khắp nơi: ngay trên sông Sài Gòn từ một Nhà hàng nổi, bao nhiêu đồ thải rác rến cũng được hất xuống sông. Cảnh chiếc ghe máy bất chợt phải khựng lại vì chân vịt vướng đầy cỏ rác khiến tài công phải lặn sâu xuống nước để tháo gỡ. Ít nhất hai lần như vậy chỉ trong nửa buổi sáng ngược dòng sông Hậu.

Không chỉ trên bộ, mà cả ven sông thường thấy xuất hiện những tấm bảng hiệu Làng hay Ấp Văn Hóa nhưng cạnh đấy vẫn là cảnh phóng uế hay xả rác xuống sông và người dân thì vẫn dùng nguồn nước ấy cho tắm giặt, rửa rau, nấu nướng_ nghĩa là rất thiếu vệ sinh và văn hóa.

Mặt trời càng lên cao, cái nóng ẩm của khí hậu nhiệt đới cảm nhận được từ tấm lưng thấm đẫm mồ hôi.

Vào nghỉ trưa nơi khu Vườn Trái Cây Phong Điền sát ngay mé sông, chủ nhân là một nhà giáo tuổi ngoài 70 đã về hưu nhưng còn tráng kiện. Ông góa vợ sống với con trai và cháu nội, ông cũng có con ở Canada. Trường hợp góa vợ của ông là một mối thương tâm, bà khỏe mạnh chỉ đau thấp khớp nhưng đã chết ở tuổi ngoài 50 chỉ vì mũi thuốc chích vào sống lưng của ông bác sĩ từ ngoài bắc vô. Vợ ông bác sĩ sợ quá tới năn nỉ xin đừng kiện tụng và rồi ông cũng bỏ qua. Đã 20 năm rồi, ông bác sĩ từ Hà Nội vô ấy thì nay cũng đã chết. Cũng được biết ông giáo là người đầu tiên có sáng kiến lập ra nhà vườn Trái Cây, mở đầu cho một phong trào *"du lịch sinh thái"* nơi ĐBSCL sau đó. Trong vườn có lạch câu cá, chòi lá và võng treo dưới những tàn cây xanh cho khách nghỉ ngơi và dĩ nhiên đủ loại cây trái theo mùa. Tôi cũng được ông giáo mời lên thăm khu nhà thờ họ với bàn tủ thờ và câu đối có từ ngót 300 năm. Trước khi trở xuống ghe, tôi còn được ông giáo mời viết ít dòng trong sổ lưu niệm, với trước đó đã có ghi bao nhiêu lời khen tặng bằng đủ thứ ngôn ngữ của những khách vãng lai tới trước.

Cũng trên đường về, không xa chợ nổi Cái Răng, tôi bảo tài công ghé ghe vào thăm một ngôi chợ ven sông_ chợ Lê Bình, tới khu chợ cá thật nghèo nàn hơn tôi tưởng, thua xa chợ Nongkhai Thái Lan, nơi đây chỉ còn thấy những rổ cá nhỏ, cá ba sa, cá rô, lươn ếch mà đa số là những mớ cá nuôi. Trông thật nản lòng.

Cũng trong chuyến đi này, mỗi khi ghé vào các nhà hàng đặc sản, câu hỏi của dân được xem là sành điệu [chưa hề được nghe chỉ mấy năm trước đây] khiến khách phương xa phải ngạc nhiên: "Cá sông hay cá nuôi?" Bởi vì cá thiên nhiên bao giờ cũng ngon hơn, giống như gà thả vườn được ưa chuộng hơn gà kỹ nghệ nuôi trong lồng. Kỹ nghệ nuôi thủy sản đã phát triển để thay thế cho nguồn tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt, chẳng đủ để cung cấp cho nhu cầu ngày càng tăng của con người. Lại có nhà hàng bắt đầu quảng cáo món thịt ngựa, chắc chắn không phải ngựa nuôi từ ĐBSCL mà nhập từ xứ Kangaroo Úc châu.

Trên đường đi, với một chút kỷ luật về ăn uống như không ăn rau sống, không dùng nước đá, chỉ uống nước đóng chai và ăn trái cây còn nguyên vỏ... [giống như các chuyến đi Vân Nam, Lào, Cam Bốt kể cả Thái Lan], tôi đã tránh được nhiều phiền toái về bệnh đường ruột của khách du lịch. Lại đang có dịch H5N1, nên cũng tránh các món thịt gia cầm. Các bữa ăn cùng bác tài chủ yếu là mấy món ăn nóng như canh chua cá [cá kèo, cá diêu hồng] nấu với bông điên điển, cá trê kho tộ, tép rang hay thịt kho nước dừa. Duy có món cá tai tượng chiên xù, không chỉ rất ngon mà cách trưng bày đẹp_ chúng tôi được thưởng thức cách đây bảy năm, bên bờ sông Cổ Chiên, nay nhà hàng không còn nữa. Thêm một Món Lạ Miền Nam_ chữ của nhà văn Vũ Bằng, lần đầu tiên chúng tôi được ăn món búp hoa thiên lý sào tỏi rất lạ miệng và ngon.

Cạn kiệt nguồn thủy sản thiên nhiên, điều này thêm một lần nữa xác nhận câu phát biểu của Gs Võ Tòng Xuân, cách đây một năm trong cuộc phỏng vấn của đài RFI [10.10.2005] với phóng viên Ánh Nguyệt: *"Thủy sản sông Mekong nói chung đang giảm về lượng mà kể cả số loài cũng giảm. Tuy nhiên hiện nay ở Đồng Bằng Sông Cửu Long, nguồn thủy sản sản xuất chính là do mình nuôi, đánh bắt chỉ chiếm số ít thôi. Tình hình này không giống như hồi năm 1975, lúc mới hoà bình; lúc đó có thể nói là cá tôm rất nhiều, nhưng bây giờ nguồn thủy sản do nuôi trồng là chính. Tính ra lượng cá xuất khẩu của Việt Nam thì cá nuôi chiếm phân nửa, còn phân nửa còn lại là cá đánh bắt ở ngoài đại dương chứ phần đánh bắt trên sông không có bao nhiêu. Cá đánh bắt trên các dòng sông chỉ là phần của những gia đình nông dân sống dọc theo các bờ sông, họ đánh bắt hay chài lưới giúp họ sinh sống thêm vậy thôi..."*

Có một hiện tượng khách quan là dòng chảy sông Cửu Long ngày càng yếu đi ở nhiều khúc sông nhất là vào mùa khô, [dòng chảy đo được ở Nam Vang chỉ còn 1,600 m3/ giây thay vì 2,000 m3/giây như trước đây], khi xuống tới ĐBSCL chắc còn yếu hơn. Có thể do hiện tượng cạn dòng này, khiến một số nơi bắt đầu trồi lên những cồn cát.

Ngay ven sông Hậu, từ nhà hàng Hoa Sứ nhìn ra, dân địa phương cho biết giữa sông đang tạo hình một cồn cát chưa đủ cao để nhô lên khỏi mặt sông, nhưng ghe tàu đi qua phải tránh để khỏi mắc cạn. Người ta chỉ đơn giản cho đó là hiện tượng thiên nhiên. Còn yếu tố nhân tạo thì sao? Không ai thắc mắc và nghĩ tới.

Lại đang có thêm một phong trào rất tự phát, là tư nhân "xây kè" lấn sông không phải để

ngăn lở mà để có thêm đất. Ngay từ nhà hàng Hoa Sứ ấy, lấn ra sông cả năm mét, người ta đang xây một tấm vỉ xi măng cốt sắt kiên cố ngăn sông mà dân địa phương gọi là "kè". Ai cho phép và ai có phương tiện sắt thép xi măng để thực hiện một công tác đại trà ấy nếu không phải là thế lực của các đại gia hay cán bộ cao cấp. Điều đó đang diễn ra trước mắt và hàng ngày. Liệu có cần bộ luật mới để bảo vệ và cứu lấy những dòng sông trước nguy cơ?

CÂY CẦU CẦN THƠ VÀ GÓI THẦU III TRUNG QUỐC

Ngày 25/09/2004, Thủ tướng Phan Văn Khải đã khởi động công trình xây cất cầu Cần Thơ bắc ngang sông Hậu và khi hoàn tất sẽ là cây cầu treo dài nhất Đông Nam Á.

Công trình dự trù hoàn tất vào cuối năm 2008, cũng đánh dấu thời điểm chấm dứt đoạn "qua phà" cuối cùng trên quốc lộ 1A nối liền hai tỉnh Vĩnh Long và Hậu Giang. Đây là một trong hai công trình được coi là lớn nhất của ĐBSCL, công trình kia là Dự án Phức hợp Dầu khí- Điện- Phân bón Cà Mau [Ca Mau Gas-Electricity-Fertilizer Complex].

Tiếp theo sau cầu Mỹ Thuận dài 1,535 m bắc qua sông Tiền nối hai tỉnh Tiền Giang và Vĩnh Long hoàn tất năm 2000; cầu Cần Thơ có chiều dài 2.75 km, rộng 26 m với bốn đường xe chạy hai chiều. Cầu có độ thoáng cao 39 m khiến các tàu lớn 15,000 tấn vẫn có thể lưu thông qua lại. Nếu tính cả Đường dẫn tới hai đầu cầu thì chiều dài của công trình sẽ là 15.85 km, sẽ thay thế hệ thống Phà Cần Thơ đang phải chuyển tải hơn 20,000 chuyến xe, 87,000 khách qua sông mỗi ngày, và như vậy chắc chắn sẽ đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế và cải thiện mức sống của ngót 20 triệu cư dân vùng ĐBSCL. Cầu Cần Thơ được đánh giá là một thành tố quan trọng để thu hút đầu tư ngoại quốc và cả từ trong nước trong kế hoạch phát triển vĩ mô của Tây Đô tới năm 2010.

Tổ hợp nhà thầu bao gồm các công ty Taisei, Kajima, Nippon Steel Co., Công ty Xây dựng Trung Quốc; dưới sự giám sát của công ty tham vấn Nippon Koei-Chodai, kinh phí xây cất cầu Cần Thơ với tổn phí cao nhất lên tới 342.6 triệu MK và cũng là cây cầu dài nhất của cả nước. Trong buổi lễ động thổ, Osamu Shiozaki Tổng lãnh sự quán Nhật tại TP Sài Gòn cho biết ODA của Nhật (Official Development Assistance) đã viện trợ cho Việt Nam từ 1992 số tiền lên tới 7.4 tỉ MK để xây dựng 70 cây cầu trên quốc lộ 1A.

Theo Vietnam News [vnagency.com.vn] thì cầu Cần Thơ sẽ là cây cầu *"thứ ba"* bắc ngang sông Mekong thuộc Vùng Hạ Lưu, sau cây cầu Hữu Nghị Mittaphap nối Vạn Tượng và Nongkhai Thái Lan, cây cầu Mỹ Thuận nối hai tỉnh Tiền Giang và Vĩnh Long. Nhưng theo tác giả bài viết này thì chi tiết trên không chính xác: cầu Cần Thơ [2008] sẽ là cây cầu *"thứ năm"* sau bốn cây cầu: (1) Mittaphap (04/ 1994), (2) Lao-Nippon Bridge/ Champassak [Lào Thái 08/ 2000], (3) Kompong Cham Japanese Bridge [Cam Bốt, 12/ 2001], (4) Mỹ Thuận (Việt Nam, 05/ 2000).

Tiến trình xây cất cầu Cần Thơ đến nay được xem là "khá chậm" khiến có mối lo ngại là thời điểm hoàn tất vào năm 2008 có khả năng khó đạt được.

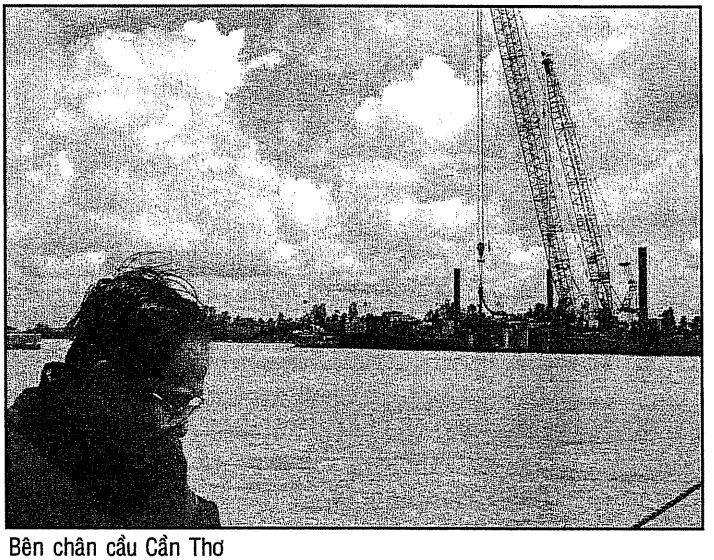
Bên chân cầu Cần Thơ

Dự án cầu Cần Thơ gồm ba Gói Thầu [Contract Packages]: Đường dẫn vào cầu phía Vĩnh Long do các nhà thầu địa phương Việt Nam (gói thầu 1, Thăng Long, Cienco 6, Cienco 8) có tiến độ chậm nhất, trong khi công trình xây cầu chính [gói thầu 2, Nhật] và Đường dẫn vào cầu phía Cần Thơ [gói thầu 3, Trung Quốc] được coi tiến triển khả quan.

Riêng gói thầu 3, có tên là : *"Dự án Xây dựng Đường Tránh QL1 cầu Cần Thơ"* do Công Ty Xây Dựng Quốc Gia Trung Quốc đảm trách, là một tuyến đường dài

7,690 m, rộng 24.1 m, với bốn đường xe chạy cùng chín cây cầu phụ với tổng chiều dài là 1,165 m, với nút giao số 3 có *"cầu vượt_flyover"* qua QL 91B, một trạm thu phí 10 cửa, cùng với một khu dịch vụ rộng 21,000 m2. Khởi công ngày 25/02/2005 với 1365 ngày và dự trù hoàn thành ngày 21/11/2008.

Do không thể tiếp cận với công trường xây cầu Cần Thơ bằng đường bộ vì là toàn là những khu cấm, nhưng bằng đường sông tôi đã có thể tới rất gần các khu đang xây dựng ấy: tới với những giàn khung sắt thép khổng lồ, những cần cẩu cao vút trên nền trời xanh. Và cũng ngạc nhiên khi thấy gần khối sắt thép ấy lại có một chiếc ghe cào nhỏ, đang bám sát vào một chiếc chân cầu mới xây trơ trọi giữa sông: trên chiếc ghe đó chỉ có một người đàn bà và đứa con trai nhỏ. Hỏi ra mới được biết là ông chồng thì đang lặn xuống dòng nước nâu chảy siết để vớt những khúc thép dư dưới chân cầu. Vớt được bao nhiêu, bán được bao nhiêu mỗi ngày thì không biết nhưng quả là một lối mưu sinh mới vô cùng nguy hiểm.

Sau bến phà Mỹ Thuận, rồi ra từ 2008 bến phà Cần Thơ cũng sẽ đi vào quá khứ. Và Con Đường Cái Quan sẽ xuyên suốt từ ải Nam Quan xuống tới mũi Cà Mau; nhưng nếu nhìn xa, Con Đường Cái Quan không dừng lại ở đó, bởi vì trong tâm khảm mỗi người Việt - Con Đường ấy còn thêm cả khúc đường biển tiếp nối ra tới Hoàng Sa và Trường Sa. Đó cũng là một gợi ý cách đây bảy năm của người viết với tác giả bản trường ca Con Đường Cái Quan. Chắc ông không còn nhớ buổi nói chuyện với tôi trong căn nhà thân thuộc nơi thị trấn Giữa Đường; và cũng hôm ấy, nhạc sĩ Phạm Duy có ký tặng tôi bức ảnh ông đang đổ rượu trên mộ Văn Cao khi ông lần đầu tiên trở về thăm Việt Nam. Bây giờ ở cái tuổi 85, trên báo chí, thấy ảnh ông cùng mấy người con đang trở lại để một lần nữa đi suốt Con Đường Cái Quan ấy. Trước viễn ảnh một Biển Đông Dậy Sóng, những dòng chữ này một lần nữa gửi tới ông, vẫn với tâm cảnh của *"tam bách dư niên hậu"* và với niềm tin rồi ra cho dù thời gian xa tới đâu, Hoàng Sa Trường Sa cũng sẽ lại *"châu về Hiệp Phố."*

BỆNH VIỆN ĐA KHOA CẦN THƠ HƠN 30 NĂM CŨ

Cho dù trọng tâm các chuyến du khảo là "môi sinh" nhưng bệnh viện, trường học là nơi tôi vẫn thường tới thăm khi qua các tỉnh An Giang, Hậu Giang và Tiền Giang. Có thể nói, có một *"mẫu số chung về tình trạng y tế và giáo dục"* nơi các tỉnh ĐBSCL mà bệnh viện Đa khoa Cần Thơ_ có thể xem như một điển hình.

Tuy bề thế là một bệnh viện lớn của Tây Đô nhưng phòng ốc thì chật chội, cũ kỹ từ hơn 30 năm sau ngày giải phóng, không được sửa sang nên xuống cấp, dụng cụ máy móc nếu chưa hư hỏng thì cũng đã lỗi thời. Có thể ví bệnh viện ấy như một chiếc xe đò cũ kỹ với 40 chỗ mà vẫn phải ì ạch chở hàng trăm khách, nghĩa là "quá tải" để chạy trên một con lộ cũng không kém gập ghềnh xuống cấp. Chẳng có an toàn gì để bước lên một chuyến xe như vậy nhưng là những "người bệnh" thì chẳng có một chọn lựa nào khác.

Cuối tháng 8-2006, một ngày như mọi ngày, cho dù đã sang chiều, số bệnh nhận chờ khám nơi phòng ngoại chẩn và cả chờ lãnh thuốc vẫn còn đông nghẹt. Trên 500 bệnh nhân tới bệnh viện mỗi ngày chờ được khám là con số "thường nhật." Trên khuôn mặt họ, ngoài vẻ mỏi mệt, bệnh hoạn nhưng như từ bao giờ vẫn toát ra vẻ chịu đựng. Một bác sĩ phải khám từ 70 tới 100 lượt bệnh/ ngày không phải là không có. Phòng Cấp Cứu, ngoài tấm bảng hiệu thì bên trong trang thiết bị thật thô sơ. Rồi cảnh tượng trong cơn mưa rào nhiệt đới tới bất chợt, với mùi hơi đất xông lên, bệnh nhân được thân nhân khiêng cáng từ phòng cấp cứu lên trại bệnh, dưới trời mưa không có gì che chở. Lên tới trại bệnh thì càng thêm não lòng về tình trạng giữa số giường và số người bệnh. Trên mỗi giường sắt cá nhân có trải chiếu là hai người nằm đối đầu, nhưng vẫn còn thiếu_ nên có nơi người ta phải kê sát hai giường lại với nhau cho 5, thay vì 4 người nằm, vẫn còn hơn là xuống nằm đất. Với một người khỏe mạnh *"không bệnh"* phải nằm lại ngày đêm trong điều kiện ấy, chắc chắn cũng phải sinh bệnh. Đã thế, thời gian nằm điều trị cũng ngắn nhất, bệnh nhận phải xuất viện sớm hơn để có chỗ cho những bệnh nhân mới khác. Số bệnh nhân thì đông, đa số là nghèo, từ phòng đợi tới phòng khám, phòng cấp cứu rồi lên tới trại bệnh, tất cả đều trong một tình trạng "quá tải"_ quá sức chứa như vậy. Do nghề nghiệp, cho dù đã quen với môi trường bệnh viện, nhưng phải nói là không khí nơi đây rất ngột ngạt, một thứ mùi "nhà thương" rất khó tả vì không đủ nhân sự để giữ gìn và chăm sóc.

Nơi phòng "Lọc máu Nhân tạo_ Hemodialysis Unit," máy móc thì cũ kỹ nhưng vẫn cứ rỉ

rả hoạt động và không còn một giường trống. Trưởng phòng là một bác sĩ trẻ ngồi bên một chồng hồ sơ bệnh lý dày cộm. Anh giới thiệu với tôi một *"cộng sự viên vô giá,"* tuổi trung niên vẻ ít nói. Không có dụng cụ thay thế, máy lọc nào hư anh ấy cũng cố sửa cho bằng được, nhờ vậy mà còn có được một số máy hoạt động. Với người bệnh suy thận (ESRD / End Stage Renal Disease)_ với hai nguyên nhân chủ yếu ở Việt Nam hiện nay là bệnh tiểu đường, bệnh cao huyết áp không được chữa trị, nếu không được lọc máu tuần ba lần thì chỉ có chết. Trừ bác sĩ trưởng khoa, ít ai biết tới người anh hùng vô danh ấy. Hơn 30 năm sống với y nghiệp, hình ảnh của những cô điều dưỡng áo trắng những bác y công vui vẻ và ẩn nhẫn làm việc bên những người bệnh nghèo khổ như vậy, vẫn đem cho mọi người niềm hy vọng và cả lòng ngưỡng mộ.

...

Một cách để biện minh và giải thích cho tình trạng trên, là các bệnh viện hay nói chung là ngành y tế không có đủ kinh phí. Bảo rằng đất nước còn nghèo thì không đúng, vấn đề là nhận thức đâu là ưu tiên. Tiềm năng xây dựng cơ sở vật chất, không phải là không có; bằng chứng là khắp các tỉnh ĐBSCL, các cơ quan nhà nước nơi nào cũng sáng choang và uy nghi, như Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Cần Thơ có tầm vóc của một Dinh Độc Lập thu nhỏ, rồi trụ sở Quân đội nhân dân, Công an nhân dân...

Cuối năm 1999, trong chuyến viếng thăm ĐBSCL, người viết đã có ghi nhận: *"Bưu điện, Chợ, Ngân hàng, Khách sạn là những công trình kiến trúc mới khang trang của ĐBSCL, duy chỉ có trường học và bệnh viện là vẫn cũ kỹ tiêu điều chậm bước vào thời kỳ đổi mới."* Điều này vẫn cứ đúng cho bảy năm sau khi trở lại viếng thăm ĐBSCL.

Rời bệnh viện Đa khoa Cần Thơ cũ để tới thăm khu bệnh viện mới đang xây cất bên quận Ninh Kiều ngoài trung tâm thành phố. Nhìn từ bên ngoài thì đó là bề thế của một bệnh viện lớn và hiện đại. Ngay trước khu bệnh viện mới là tấm bảng lớn với sơ đồ liên quan tới công trình xây dựng Bệnh viện Đa khoa Tây Đô. Thêm một khẩu hiệu màu đỏ nổi bật trên tấm bảng ấy: *Đến Với Tây Đô Đến Với Niềm Tin.*

Không phải chỉ có bệnh nhân, mà cả những bác sĩ và toàn thể nhân viên bệnh viện Đa khoa Cần Thơ cũ hiện nay, chỉ biết từng ngày hướng trông về cơ sở bệnh viện mới. Là một Bệnh Viện Đa khoa 700 giường đã được khởi công từ ngày 19/12/2004 với dự trù hoàn thành, đưa vào hoạt động vào đầu năm 2006: thời điểm ngày 3 tháng 2. Nhưng vì công trình còn xây cất dở dang nên dời lại tới tháng 8/ 2006, rồi cũng vẫn chưa xong, nên lại phải dời vào một thời điểm khác, có lẽ là vào tháng 12/2006. [Riêng tỉnh An Giang, phải tới năm 2010 mới có kế hoạch xây một bệnh viện đa khoa mới như Cần Thơ]. Nhưng xem ra mốc thời gian thứ ba này cũng khó mà đạt được khi tận mắt chứng kiến toàn cảnh tiến độ của công trình vào thời điểm cuối tháng 8, khi mà bên ngoài tòa nhà vẫn đang còn vướng những cột những khung sắt.

Điều đáng chú ý, cũng được ghi trên tấm bảng hiệu kích thước hoành tráng ấy, liên quan tới hướng hoạt động của BV Đa Khoa Tây Đô mới trong tương lai, đó là: "điều trị bệnh theo yêu cầu với *dịch vụ cao cấp,* nhân viên lịch sự, phục vụ tận tình, không gian sạch sẽ, thoáng mát." [sic] Mà "dịch vụ cao cấp" có nghĩa là phục vụ cho các "đại gia, các cán bộ, những người giàu có tiền," và liệu rồi ra sẽ có bao nhiêu phần trăm sinh hoạt của bệnh viện mang ý nghĩa "vì dân" phục vụ cho hơn 95% cư dân nghèo của ĐBSCL ?

Ngành y tế hay các bệnh viện từ Sài Gòn xuống tới các tỉnh, đều phát triển theo *"hướng kinh tế thị trường,"* nghĩa là cho dù thiếu thốn xuống cấp tới đâu, trong mỗi bệnh viện đều có hiện diện một "ốc đảo sáng choang"_ đó là những khu chăm sóc đặc biệt cho một thiểu số giàu có nhiều tiền, phòng ốc với đầy đủ tiện nghi có cả TV, tủ lạnh, nhà tắm nhà vệ sinh riêng và dĩ nhiên có gắn máy lạnh 24/24 và chế độ điều trị "cao cấp" với đủ mẫu thử nghiệm, máy móc chẩn đoán và thuốc men ngoại nhập theo yêu cầu. Dĩ nhiên có những cái "giá rất cao phải trả" để được bước vào khu ốc đảo ấy.

Nếu như nhà nước hay nói riêng ngành y tế, *"sau khi đã cung ứng được một dịch vụ y tế xã hội cơ bản cho đa số người dân, thì không phải là sai khi thiết lập thêm những khu điều trị đặc biệt cao cấp ấy."* Nhưng quả là nhẫn tâm đến mức vô cảm nếu ưu tiên phát triển lại chỉ biết dành cho một khu ốc đảo sang cả như vậy.

Như một *flashback*, tôi nhớ lại dịp tới Siam Reap, thăm Angkor năm 2001, cũng viếng thăm bệnh viện Jayavarman VII, được Hunsen khánh thành năm 1999. Với cái tên Jayavarman VII, bao hàm một nội dung lịch sử vì đó là tên vị

vua cuối cùng của triều đại Khmer-Angkor thế kỷ 12, ông không chỉ có công mở mang bờ cõi, xây dựng các khu đền đài kỳ vĩ, ông còn quan tâm tới các công trình công ích như mở mang đường sá, xây cất rất nhiều bệnh viện và các dưỡng đường cho người nghèo.

Chỉ là bệnh viện tỉnh nhỏ nhưng Jayavarman VII sạch sẽ, khang trang, với những bà mẹ Khmer tin tưởng ôm con từ ngoài cửa đi vào, cùng một lúc hừng lên trong nắng mai trên cao là tượng Jayavarman VII giống tượng Phật, phía dưới là một câu trích dẫn: *Les souffrances des peuples sont les souffrances des rois_ Nỗi thống khổ của dân là nỗi đau của đấng quân vương _ Jayavarman VII.*

Từ Đồng Bằng Sông Cửu Long, người viết gửi tới giới hữu trách Việt Nam, cũng nội dung câu nói ấy của tám thế kỷ trước vẫn còn nguyên vẹn ý nghĩa.

QUA CẦU MỸ THUẬN MÀ VẪN KHÔNG QUÊN PHÀ

Trong chuyến đi các tỉnh Miền Tây lần này, qua lại nhiều lần trên phà: phà Cao Lãnh, phà An Hòa sang Long Xuyên, phà sông Hậu từ Vĩnh Long sang cần Thơ, phà Rạch Miễu từ Mỹ Tho qua Bến Tre... Phải nói đây là một điểm son về giao thông của ĐBSCL, hệ thống phà hoạt động rất hữu hiệu và trật tự. Do có thêm nhiều phà phục vụ nên "vòng quay" rất nhanh, cảnh những đoàn xe nối dài mỏi mệt chờ phà đã trở thành quá khứ. Từ 15 phút tới nửa tiếng, nếu là con sông rộng, xe chúng tôi đã có thể qua bờ sông bên kia và lại lên đường.

Rồi không thể không nhớ tới bến phà Mỹ Thuận, như một nét văn hóa ngày nào. Từ buổi sáng hôm ấy trên sông Tiền, trên một con phà_ cũng là một trong những chuyến phà cuối cùng, nhìn về phía xa là cây cầu Mỹ Thuận trước ngày *"giao long"* [tháng 5, 1999], vậy mà đã hơn bảy năm rồi, biết bao nhiêu nước chảy qua cầu, bao nhiêu triệu tấn phù sa đã đổ ra ngoài Biển Đông.

Từ Cần Thơ qua Phà Sông Hậu sang Vĩnh Long, để từ đây qua tỉnh Tiền Giang bằng cây cầu Mỹ Thuận. Đây là lần đầu tiên tôi qua cầu Mỹ Thuận kể từ khi khánh thành. Phải qua *"những ngày phà"*_ nhất là những năm trước đây, mới thấy tiện nghi của cây cầu. Những cây cầu trên những khúc sông Mekong luôn luôn có sự hấp dẫn cuốn hút đối với tôi, khi có dịp tới gần tôi đều tìm cách bước lên những cây cầu ấy. Chỉ có một cây cầu bắc ngang sông Mekong phía Nam Lào hoàn tất từ tháng 8 năm 2000, là tôi chưa đi qua: cây cầu Lao-Nippon/ Champasak. Những cây cầu khác, từ cây cầu treo Cảnh Hồng trên Vân Nam, xuống tới cây cầu Mittaphap Vạn Tượng rồi cầu Kompong Cham Cam Bốt, nay là cầu Mỹ Thuận trên sông Tiền. Phải nói mỗi cây cầu trên sông Mekong tự nó đã là một tác phẩm nghệ thuật về kiến trúc, trang điểm cho dòng sông như những chiếc vòng nạm ngọc hay kim cương...

...

Tưởng cũng nên ghi thêm ở đây một kinh nghiệm mà tôi cho là ấm lòng. Cho dù chỉ là những chuyến viếng thăm đột xuất và không có liên hệ quen biết trước, tôi vẫn được các đồng nghiệp áo trắng tiếp đãi cởi mở và chân tình. Thêm niềm vui khi tới thăm Bệnh viện Đa khoa Tiền Giang [Mỹ Tho], tôi được gặp lại những học trò cũ trong ngành Vật Lý Trị Liệu từ hơn 20 năm, các cô ấy vẫn trẻ trung vui tươi yêu nghề và được mấy cô bác thân thương gọi là *"ngũ long công chúa"* do những chăm sóc mà các cô đem lại cho họ. Cũng được biết thêm rằng, từ Sài Gòn tới các bệnh viện đa khoa tỉnh, các khoa và phòng Vật Lý Trị Liệu vẫn cứ hiện diện và hoạt động hữu hiệu như là "bước thứ ba" của y khoa tiếp theo các bước y khoa phòng ngừa và y khoa điều trị.

CHUYẾN PHÀ VIỆT ĐAN VÀ CÂY CẦU RẠCH MIỄU

Từ Mỹ Tho, qua phà Rạch Miễu bằng chuyến phà Việt Đan [Việt Nam-Đan Mạch] băng qua các nhánh sông để sang tỉnh Bến Tre. Qua Cồn Phụng của Ông Đạo Dừa, nơi mà từ 1963 đã từng là một *"ốc đảo hòa bình"* giữa cuộc Chiến Tranh Việt Nam đang diễn ra khốc liệt. Với chánh phủ Miền Nam lúc đó thì Cồn Phụng là ổ trốn quân dịch, Việt Cộng thì coi đó là hang ổ CIA, còn đám cố vấn Mỹ thì gọi đó là nơi an dưỡng củaViệt Cộng. Đâu là sự thật? Chỉ có một sự thật chắc chắn là nay Ông Đạo Dừa đã chết và Cồn Phụng trở thành một tụ điểm du lịch.

Bến Tre là một tỉnh duyên hải thuộc ĐBSCL, nằm giữa hai nhánh của con sông Tiền và cho đến nay cũng chưa có một chiếc cầu nối nào để đi vào tỉnh Bến Tre ngoài phương tiện qua phà. Bởi vậy dự án cầu Rạch Miễu dài 2.8 km nối Tiền Giang và Bến Tre có một tầm quan trọng chiến lược cho bước phát triển của cả hai tỉnh. Nhưng phải nói dự án Cầu Rạch Miễu là một công trình xây dựng gây nhiều tai tiếng

nhất. Được khởi công từ 2002 và dự trù hoàn tất vào cuối tháng 6 năm 2006. Nhưng rồi bao nhiêu sự cố đã và đang xảy ra.

Giữa công trình các nhà thầu bỏ đi vì thiếu vốn, viện cớ giá cả vật liệu xây dựng như xi măng, sắt thép và xăng dầu đều tăng. Để cứu vãn, nhà nước đã phải tăng thêm ngân khoản từ 696 tỉ đồng [43.7 triệu MK] lên tới 988 tỉ đồng [62.1 triệu MK] để công trình có thể tiếp tục.

Tiếp theo là vụ tai tiếng, ăn cắp "rút ruột" hơn 10 tấn sắt thép từ ngay hiện trường của công trình. Chủ mưu không ai khác hơn lại là một kỹ sư 29 tuổi [nghĩa là được sinh sau 1975] phó giám đốc công trình. Cho dù công an đã bắt được tại trận các tay thợ lặn với trang bị là những bộ đồ lặn, máy cắt tối tân, máy phát điện và cả một kế hoạch tinh vi làm việc theo thủy triều để không bị phát hiện. Nhưng rồi chỉ hai tuần sau đó, không thể giải thích được, hồ sơ vụ án bị đóng lại và có tin đồn cũng viên kỹ sư trẻ ấy còn được bổ nhiệm vào một công trình xây dựng khác ở miền bắc. Do vụ lấp liếm trên quá lộ liễu, cũng theo báo Thanh Niên 4/19/06, nhà nước đã phải cho mở lại hồ sơ để thẩm tra vụ án.

Nhưng điều nghiêm trọng và đáng quan tâm hơn hết là chất lượng kém của công trình do từ các báo cáo và phát hiện của báo chí: việc xây dựng chưa hoàn tất mà đã có nhiều trụ, mố bị nứt lún. Điển hình là "mố 58" bị nứt, được "khắc phục" bằng cách phun dung dịch chống thấm, sau đó dùng keo trám lại vết nứt. Cách "xử lý" đó được ông Giám đốc công trình cầu Rạch Miễu lên tiếng bảo đảm là vẫn an toàn và chất lượng. Ông Giám đốc ấy cũng tiết lộ thêm một tin động trời khác nữa là khởi đầu Việt Nam quyết định *"tự thiết kế, tự thi công"* xây dựng cầu treo Rạch Miễu [mà tiếng trong nước gọi là công trình cầu dây văng], nhưng nay thì thấy rõ là "khả năng bất cập" của các kỹ sư và nhà thầu Việt Nam nên Chánh phủ và Bộ Giao thông Vận tải phải chọn giải pháp đi thuê một công ty nước ngoài, có thể là Pháp hay Thụy Sĩ đủ năng lực để hoàn tất phần "dây văng" này.[www.bentre.gov.vn]

Với nhiều "cha chung" như vậy, nếu đứa "con cầu tự" cầu Rạch Miễu sinh ra mà èo uột, không có tuổi thọ, thì ai sẽ thực sự trách nhiệm sự an sinh lâu dài của cư dân hai tỉnh Bến Tre – Tiền Giang nói riêng và của ĐBSCL nói chung?

Khác với công trình cầu Cần Thơ, bằng đường bộ phía Mỹ Tho, tôi đã có thể tiếp cận với các bộ phận xây cất nơi đầu cầu Rạch Miễu. Lúc đó là giờ nghỉ trưa của toán công nhân làm cầu, đứng ngồi bên những chiếc Honda, tất cả mặc đồng phục màu đỏ cam, đầu đội nón bảo hộ lao động. Dân chúng vẫn sinh hoạt sát bên công trường. Tôi đã chụp được rất nhiều bức hình sinh động bên chân cây cầu Rạch Miễu ấy.

Từ đường sông, trên chuyến phà Việt Đan qua Bến Tre, nhìn một hàng dài các chân cầu xi măng cốt sắt cao mảnh mai_ trông như một tiểu đội lính, chắn ngang nhánh con sông Tiền, cũng không xa đó là Cồn Phụng, tôi liên tưởng tới phim *Platoon của Oliver Stone*, chỉ có khác là sau chiến tranh_ tiểu đội những chân cầu ấy, không được chuẩn bị lại bị ném xuống giữa mênh mông dòng nước nâu chảy xiết và rồi đám chân cầu ấy sẽ đứng vững được bao lâu nữa_ nếu phải chịu tổn thất lâu dài không ai khác hơn sẽ là những thế hệ cư dân của ĐBSCL.

Cầu Rạch Miễu có thể coi là một "điển hình" cho các công trình xây dựng thiếu quy hoạch, thiếu trách nhiệm và rất lãng phí đã và đang diễn ra ở Việt Nam.

Chiếc phà Việt Đan vừa cập bến, chiếc xe lại lên đường, đi vào huyện Châu Thành rồi vào thị xã Bến Tre. Là một tỉnh nông nghiệp với hơn 1.3 triệu dân số, tương đối nghèo so với các tỉnh khác của ĐBSCL, lại cũng là nơi đang còn ổ dịch cúm gia cầm H5N1 [Thạnh Phú, Tân Hưng / thời điểm 08-2006]. Bến Tre được biết tới như một xứ dừa với kỹ nghệ làm kẹo dừa, bánh phồng dừa xuất khẩu... Dừa Bến Tre ngon nổi tiếng vì là vùng nước lợ_ mà nước lợ thì chẳng tốt gì cho cây lúa. Không phải dừa xiêm mà dừa đỏ mới là loại dừa ngon nhất của Bến Tre với nước ngọt và cùi thì thơm. Ghé một quán bên đường, giữa trời nóng khát, uống một trái dừa đỏ từ nguyên trái như là được "cứu hạn." Cô gái bán quán rất xinh, có vẻ là nữ sinh. Cô vui vẻ chặt dừa cho khách với ba nhát dao thật khéo. Cô chỉ nhận tiền dừa và thẳng thắn từ chối tiền tip, trước nhân cách ấy, khách vãng lai đã nợ cô một lời xin lỗi. Chúng tôi cũng mua thêm hai trái dừa đỏ nữa để trên xe thay cho những chai nước trên đường về.

...

Không có kết luận cho bài viết. Chỉ có một cảm nghĩ, phát triển kinh tế mà không có phát triển giáo dục và y tế đồng bộ: đó là những bước Phát Triển Không Bền Vững.

(Trích Mekong Dòng Sông Nghẽn Mạch, *Văn Nghệ Mới xuất bản, California 2007)*

Xóm Cầu Ngang

HÒA ĐA

1

Dân miền Nam dễ dãi trong việc đặt tên người và địa danh. Cha tên Khỏe, con là Mạnh. Cha tên Lúa, đặt cho các con: Dun, Đầy, Bồ, Mừng, Dui... Cứ nghĩ sao, đặt vậy; cũng là cách biểu thị lòng mơ ước của người bình dân. Địa danh cũng vậy, cái gì chỉ ra được cái chung cho nơi đó thì họ gọi tên như vậy: Giáp Nước, Ngọn Miễu, Xóm Đình... Tên "chữ" chỉ nằm trên giấy tờ hành chánh. Thành thử trong miền Nam có bao nhiêu chỗ có tên Giáp Nước, Ngọn Miễu, Xóm Đình...? - Nhiều lắm, không chừng tỉnh nào, làng nào, xã nào cũng có. Cho nên câu chuyện tôi kể về Xóm Cầu Ngang này cũng có thể giống như bất kỳ Xóm Cầu Ngang nào khác, ở một làng một xã nào đó trong miền Nam, nơi sông rạch chằng chịt. Chỉ cần một cây cầu, bằng xi-măng kiên cố hay chỉ miếng ván, thân cau, cây tre... lung lay, nối hai xóm ở hai bờ con rạch hay con sông nhỏ, cũng có thể làm cư dân quanh đó chấp nhận cái tên "Xóm Cầu Ngang."

Hồi đó, lúc mới về làm ruộng, tôi vô tuốt trong Ngọn Miễu, sống heo hút một mình, kiểu như chán mọi chuyện, tưởng mình theo gót Lão, Trang; tìm nơi vắng vẻ, có gì ăn nấy, cứ thuận theo thiên nhiên mà sống. Phải chi không vợ con, có lẽ tôi cũng "tu" theo kiểu đó rồi. Ngặt một điều, mấy đứa con ngày càng lớn, tụi nó cũng phải đi học, phải có bạn... không lý gì tôi bắt chúng phải "tu" theo mình. Còn vợ tôi nữa, đành rằng "*có chồng thì phải theo chồng, đói no cùng chịu, lạnh lùng cùng cam*" nhưng thấy sao mà tội quá. Cho nên, chỉ sau vài năm, tôi sang lại miếng vườn nhỏ ở Xóm Cầu Ngang, rồi dọn về đó, lòng nhủ lòng, đó là do mình "thương vợ thương con"! Bà con trong xóm, thấy tôi có chút chữ nghĩa hơn họ, gọi tâng là thầy, tôi thứ năm, họ gọi chết danh "thầy Năm" cho dù tôi không phải thầy giáo, thầy tụng, thầy ký... gì hết; không mấy người biết tên thật của tôi. Xét cho cùng, có cần gì biết tên họ thật, họ chỉ cần tên gọi để ai cũng nhận biết là được rồi, cần chăng là mấy người làm việc trên xã, nhờ tên thật khai trong đơn xin mua này mua nọ, hay trong hộ khẩu. Cả ấp, chỉ có hai "thầy" thứ thiệt là thầy giáo Lễ dạy ở trường cấp một và thầy y tá Hường phụ trách phòng y tế xã, nhưng cả hai đều ở tuốt ngoài Xóm Đình, cách xóm Cầu Ngang của tôi hơn hai cây số.

Cả xóm chừng ba mươi nóc gia, nối nhau bằng chiếc cầu ngang ba nhịp, nhịp giữa là một thân cau lão, lung lay như răng bà già, vắt ngang con kinh chảy quanh co giữa mấy khu vườn um tùm mấy đám ô rô, cóc kèn, dừa nước mọc dày ken ở hai bờ; nhiều đêm tối trời bơi xuồng, không thấy được mũi xuồng đằng trước. Đúng ra, cầu có tay vịn bằng tre, nhưng không biết ai rắn mắt gỡ mất, có ai đó thay tạm một cây trúc thấp tè ngang đầu gối, quặt quà quặt quẹo; ban ngày ban mặt, đi một hơi năm bảy bước là qua nhịp bên kia, còn ban đêm tối hù, thôi thì bò bò đi cho chắc ăn. Cầu này hồi trước do Xây dựng Nông Thôn làm, cả ba nhịp bằng xi-măng chắc chắn. Bây giờ, chỉ còn lại hai đầu là hai tấm xi-măng mẻ nham nhở, lòi cả cốt sắt bên trong, gối lên hai bờ, còn miếng lớn ở giữa dài hơn hai sải tay đã mục gãy, cắm đầu xuống lòng sông, cư dân hai bên bờ thay nhịp giữa, khi thì tấm ván bìa, khi thì thân cau, thân dừa lão. Có vậy còn hơn phải lội bọc lên phía trên hay phía dưới cách hơn cây số, hay phải lội băng ngang sông.

Cư dân gồm cả dân cố cựu, cả ba bốn đời lập nghiệp ở đây, cùng với đám mới ngụ cư như gia đình tôi và Hai Phang, ngày trước đi Xây Dựng, nay về sống đùm đậu với má vợ, giáp ranh nhà tôi. Bên kia con lạch nhỏ là nhà Hai Lý, con năm đứa, hai Việt, hai lai trắng, một lai đen. Hai Lý một thời đi bán ba, chồng đạp xích lô ở Sài Gòn. Trừ mấy người mới về, còn thì hầu hết là bà con xa gần với nhau. Nghề chính của dân trong xóm là làm ruộng, trước khi vào tập thể có nhà có đến mười mấy, hai chục công ruộng, sau đó chỉ còn lại năm ba công, tùy theo số lao động trong nhà nhiều hay ít. Nam phụ lão ấu trong xóm có đủ, từ mấy lão nông tri điền, bảy tám mươi tuổi, đi ruộng từ lúc còn trong bụng

mẹ, cho đến đám loi choi mới lớn. Từ ngày làm ruộng kiểu tập thể, người dân không đủ sống, quay ra làm đủ thứ nghề tay trái khác: xe đạp ôm, gia công dệt thảm, dệt chiếu cho mấy tập đoàn chiếu thảm xuất khẩu ngoài tỉnh, bán cà-rem, hớt tóc dạo, mua ve chai lông vịt... đủ nghề hết! Chỉ một hai năm sau, dân trong xóm ai cũng thuận tay trái hơn tay mặt. Lúc phải làm, họ ráng sức làm chết bỏ, quên ăn quên ngủ, lúc rảnh rang, họ nhậu, mà cũng nhậu tới bến, quên ăn quên ngủ.

2

Tiếng Tư Em bên ngoài vọng vào

- Thầy Năm ơi! ông Tư, ông già của Chín Đẹt gần "đi" rồi, thầy muốn qua đó một chút hôn, sẵn đuốc nè, mình đi luôn, có cả Hai Phang nè.

- Anh Tư chờ một chút, tui xỏ cái áo rồi ra liền.

Ba anh em bò qua Cầu Ngang. Nói bò là đúng vì không dám đi, nhất là trong đêm hôm, trời lại mưa rỉ rả. Nhịp giữa cầu là một thân cây cau.

Nhà Chín Đẹt thắp sáng bằng hai cây đèn măng-sông ếch-đa của Tám Lú và Sáu Cu cho mượn, trong nhà đầy người, từ nhà trên xuống nhà dưới, ba bốn chiếc bàn tròn được bày dọc hàng hiên vì trời vẫn còn mưa lất phất. Bà con quanh xóm tụ lại, đàn bà, thanh niên lo kê bếp, nước nấu liên tục để châm trà, đàn ông ngồi túm tụm ở nhà trên bàn chuyện và... chờ. Ông Tư nằm một chỗ cũng mấy tháng nay, nên cả Chín Đẹt với bà con chòm xóm thấy chuyện ổng về với ông bà chỉ còn là ngày một, ngày hai. Chín Đẹt cũng lo liệu cho cha đầy đủ, quan tài đóng sẵn từ lúc hai ông bà còn sống, bả đi trước rồi, bây giờ ổng theo. Phần đất dành cho ông Tư, ngay sát cạnh bà Tư cũng đã được đám thanh niên trong xóm dọn dẹp trống trải. Hồi chiều thằng Hai, con rể chín Đẹt qua tuốt bên Giáp Nước đem về một con bò cột đàng sau, chờ làm đám.

Ngồi chơi với anh em một chặp, tôi xin kiếu về...

Chừng gần sáng, lúc tôi châm bình trà mới thì Tư Em đi ngang báo tin:

- Thầy Năm ơi, ông Tư đi rồi...

Nhà Chín Đẹt bây giờ còn tất bật hơn hồi đầu hôm, con bò làm đám đã được đâm họng và đang xả thịt, tiếng người nói, tiếng dao thớt va chạm lao xao... Ở nhà trên, người ta đã thay quần áo cho ông Tư bằng bộ bà ba trắng còn mới, hai ngón chân cái được cột dính bằng rẻo vải trắng, nải chuối xanh đặt ngay ngắn trên bụng. Quan tài của ông Tư được kê ngay ngắn giữa nhà, trước bàn thờ, đã lót hai chiếu mới và vải trắng phủ ra ngoài thành quan tài. Trong góc nhà, ba bốn người đang dùng giấy báo cuốn bông gòn đã rút sạch lõi và hột, làm loa kèn để liệm người chết. Có tiếng út Một:

- Bà con cuốn giùm cho đều tay, đừng chặt quá, đừng lỏng quá! Chặt quá tốn gòn; lỏng quá dễ sút. Ờ, ờ như vầy là được rồi.

Người ta chờ rước thầy tụng, và nhờ người xuống chùa ngoài chợ huyện xin thầy coi giùm giờ liệm, giờ chôn cất. Ông Năm thợ mộc đang tính toán số con cháu ông Tư để xé khăn tang. Bà con chòm xóm quá quen thuộc với việc ma chay nên ai làm được việc gì giúp gia chủ thì làm.

Có tiếng Hai Phang:

- Thầy Năm, chín Đẹt muốn nhờ thầy...

Tôi biết anh chín muốn nhờ gì rồi, từ ngày "định cư" ở xóm Cầu Ngang này, tôi nghiễm nhiên trở thành "thư ký" của mấy đám quan hôn tang tế trong xóm. Trước tôi do ba Quang, con dì Ba Xệ, học hết tiểu học lo, khi tôi về sống trong xóm, ba Quang giao tôi, nói tôi có chữ nghĩa nhiều hơn. Tôi chịu trách nhiệm về sổ sách chi thu, đám ma ghi rõ ai phúng điếu bao nhiêu, chi tiền chợ cho ai bao nhiêu; đám cưới ai đi mừng bao nhiêu. Phần tiền mặt do một người bà con gia chủ giữ; miễn sao cho tiền trên giấy tờ và thực tế ăn khớp nhau là được. Tôi cũng vui vẻ nhận, mình từ chợ về, không biết gì nhiều về tập tục dân làng, lại không phải là người có sức vóc gì, thì giúp cho họ trong việc ghi chép phân minh việc tiền bạc cũng là việc nên làm, sẵn dịp học cách sống thật của người dân quê mà đám có học ngoài "chợ" chỉ biết rất mù mờ qua sách vở, tiểu thuyết.

Một chiếc rạp được dựng tạm ngoài sân che nắng, gần chục bộ bàn tròn đã bày ra. Đám thanh niên mau tay lẹ chân lo hết mấy việc này, họ bơi xuồng đến mấy nhà kha khá mượn chén dĩa, nồi niêu, bàn ghế. Mượn của ai, nói thư ký ghi giấy, mai mốt gia chủ cứ theo đó mà trả. Sinh hoạt này, ngày trước sống nơi thị tứ không thấy. Ở đây, một nhà hữu sự, mọi người cùng góp công, góp sức, nhất là những lúc bất ngờ như vầy, không thấy ai kêu ca hay từ chối, bất kể có mất mát hay hư hao chút đỉnh. Mà cũng ngộ, nhà nào cho mượn cũng có dấu riêng, như hai bộ bàn ghế của Bảy Dẹt có ghi 7d ở mặt dưới; còn chén dĩa thì họ chấm sơn màu ở khu. Thường tôi phải ghi

rõ: Hai Tú 10 tô, 30 chén, chấm vàng; Tám Ú 5 tô nhỏ, 6 đĩa, 15 chén, 2 chấm xanh... còn đũa chỉ ghi bao nhiêu đôi, lúc trả gia chủ chỉ cần đếm cho đủ mà trả, thiếu chút đỉnh không sao; đũa tre mà, một lóng tre già chẻ được hơn chục đôi, của có sẵn, ngồi chuốt chừng tiếng đồng hồ, được cả rổ.

Dân trong xóm đã tụ lại khá đông, họ ngồi uống trà bên ngoài. Bên trong, thầy tụng đang làm lễ nhập quan và phát tang cho con cháu ông Tư. Tiếng thầy í a lên xuống đều đặn theo tiếng chuông mõ, tiếng khóc khi lớn khi nhỏ lao xao với tiếng người nói chuyện rì rầm... Người ta khen ông Tư được phước, chết ở tuổi tám mươi ba là thọ quá rồi, con cháu đầy đủ, ấm cúng.

Hồi còn sống, mỗi khi qua chín Đẹt chơi ông vẫn thường chỉ cho tôi coi cỗ quan tài bằng lõi gỗ còng nâu bóng và nặng trịch kê trong góc chái mà nói:

- Năm coi, như vầy là qua yên tâm rồi, chỉ còn chờ ngày theo bả thôi.

Chín Đẹt chen vào;

- Tía tui khoái nó lắm, hồi nẳm, tui cho hạ cây còng lão, lõi ra gần tới da, đem ngâm dưới mương cả hai ba năm rồi nhờ ông Năm Thợ Mộc đóng cho tía má tui hai quan tài, bả nhường cho ổng phần gốc. Bả nói, để ổng chết, ổng nằm trong đó cho lâu, khỏi sợ con gì đụng tới...

Người ta bắt đầu phúng điếu, họ nhường cho thông gia đi trước. Tiếng trống tung tung chát tung tung cùng với tiếng chập chõa xập xòa giữ nhịp cho việc lên gối xuống gối quì lạy giã từ người chết. Thông gia đông quá, chín Đẹt là con út mà đã có tới hai sui rồi, kể hết sui gia với mấy anh chị, tính ra gần hai chục. Họ phải đến chào ông Tư lần chót, đạo nghĩa phải như vậy, ổng là bực trưởng thượng, với lại *'anh em ngày một xa, sui gia ngày một gần'* mà!

Thằng hai con chín Đẹt mang tiền trên bàn thờ xuống:

- Thầy Năm ghi giùm: sui cô Bảy hai trăm, sui bác Ba hai trăm, ba chồng con tư ba trăm... cứ ghi như vậy tía tui biết hà.

Bên ngoài bắt đầu lao xao mời chào, tiếng hai Phang:

- Dạ, mời chú tư ngồi vô bàn này cho đủ người! Dạ, chú về sao được, tới cúng ông Tư rồi, cũng phải uống ly rượu lạt với gia đình cho phải phép...

... Cứ như vậy, người nào tới lúc trời kêu cứ đi, kẻ còn lại vẫn cứ nếp cũ mà sống. Có người uống vài hớp rượu gắp vài món ăn cho phải lễ rồi xin kiếu, cũng có người mượn rượu gia chủ để miệt mài thỏa mãn. Có lần hai Phang buông thỏng "... hèn chi có người gọi đi phúng điếu đám ma là đi chia thịt!"

Xong đám, hôm cúng thất cho ông Tư, nghe bà con nói, ông Tư chết như vậy là ấm cúng, trong xóm ai cũng tới cúng, mấy người quen biết ở xóm Đình, Ngọn Miễu cũng đến. Tiền phúng điếu, sau khi trừ hết mọi chi phí, chín Đẹt còn "lời" hơn năm ngàn. Tư Em nói với tôi qua hơi

CỔ NGƯ

THÁNG CHÍN, BẮT ĐẦU

Ừ, tháng Chín, bắt đầu con nước mới,
Trăng sẽ xanh hơn,
Sóng sẽ nhịp nhàng hơn,
Núi sẽ đổ bóng
Đè loang gương mặt biển,
Anh sẽ thả mười ngón tay
Nhận biết khuôn mặt em.
Ừ, tháng Chín, bắt đầu câu hát mới,
Đám bạn bè xưa vẫn chung một tiếng cười,
Từng vòng xe đạp nhanh về phía trước,
Thấy vướng vít ít, nhiều, một chút, ngày hôm qua.
Có đôi mắt nào mở ra đêm ký ức?
Có sợi tóc nào bạc một nửa hoàng hôn?
Những ngực trần hai lần hai mươi tuổi
Có còn thèm trăm dấu môi hôn?
Ừ, tháng Chín, bắt đầu trang giấy mới,
Gió muối cuộn vào nét bút còn tươi,
Lũ bé con đánh vần nhịp thơ lạ
Mải mê
Vẽ tương lai vào cát
Với ngón tay hồng.
Em có biết không,
Tháng Chín cũng vừa chớm trong anh
Một nụ hồng
Rất mới.

Vũng Tàu 03.09.2005

rượu:

- Thầy Năm biết hông? không phải ai cũng được vậy đâu, hồi nẳm thầy chưa về; trong xóm, có ông hai Tổng chết. Nhà giàu quá, thằng con làm phách nói: "Lo gì! mỡ trôi tới đâu, lòng tong theo tới đó" dân trong xóm nghe được, không thèm tới! Chỉ có đám tá điền sợ mất ruộng, đến cúng cho có mặt, báo hại con bò, con heo gần một tạ với hơn chục gà vịt chết theo ổng lãng nhách. Sau mấy ngày, thằng con phải năn nỉ ông Năm thợ mộc hồi đó làm trùm trong xóm, đem khay trầu rượu xuống Xóm Đình năn nỉ đám "dưng quan" xuống khiêng quan tài, mà ở bển nghe bên này không làm cũng phải cử người vô xin phép trước. Sau đó đám con cháu hai Tổng hết dám làm phách với dân trong xóm, nhưng câu nói "mỡ trôi tới đâu, lòng tong theo tới đó" còn hoài.

3

Đám cúng thất cho ông Tư xong hôm trước, hôm sau cậu năm Côi dựng nhà. Cả đời gom góp, gần sáu mươi, cậu mới dựng được căn nhà có phần bề thế đó. Cậu năm về cặm dùi ở đây từ hơn ba mươi năm nay. Hồi đó chỉ có vài nóc gia, ruộng thì mình mông mà ở đâu cũng có chủ, phải mướn lại qua trung gian của tằng khạo. Ăn ít làm nhiều, ky cóp mua lại được mấy công đất cạnh bờ kinh, móc mương lên liếp lập vườn... Tính ra hơn hai mươi năm cậu mới đủ tiền đổ móng cuốn nền, lót gạch bông, tới đó hết vốn đành cất tạm căn nhà lá trên nền gạch bông, tuy coi khá hơn mấy nhà chung quanh nhưng ngó kỳ cục giống như mấy bát nhang chưn đèn bằng sành, bằng gỗ thô, ngự trên tủ thờ danh mộc có cẩn hoa văn xà cừ óng ánh.

Hai người con trai lớn của cậu Năm chuyên đổi ve chai lông vịt ở xa, mỗi chuyến ghe mất ba bốn tuần, cũng cần cù chất mót như cha, góp tiền mua được bộ cột kèo bằng cây rừng từ xưởng cưa máy ngoài tỉnh. Ba cha con ky cóp gần cả chục năm nay, bây giờ mới dựng căn nhà tương đối kiên cố khang trang.

Ông Năm thợ mộc được mời tới xẻ đục gần tháng mới xong, lúc đó mỗi lần tôi có việc đi ngang, thế nào cậu năm Côi và ông Năm thợ mộc cũng hú vào uống nước trà. Ông thợ giỏi nghề và khéo tay, lại có tiếng là hiền đức, mát tay nên ai cũng cậy ông dựng nhà. Ông cũng lớn tuổi, biết nhiều tập tục nghi lễ cũ theo sách Văn Công Thọ Mai, nên ai có việc cũng nhờ tới ông. Tôi thích ông vì ông biết nhiều chuyện mà tôi không thấy trong sách vở hồi còn đi học. Có lần vui miệng ông Năm thợ mộc nói:

- Thầy năm biết hông, hồi mới học nghề, thầy tui dạy đóng cái "kệ" trước, mà không phải riêng tui, ai học nghề này cũng học đóng cái "kệ" trước.

- Sao vậy ông năm? sao không học đóng cái gì cho dễ mà đóng chi cái kệ cho khó trước?

- Thầy hổng biết, nghề này cưa xéo một chút, đục trật một chút, đẽo hư ... cái gì cũng nói "kệ" nó, hổng phải nghề này học đóng cái "kệ" trước à?

Lần khác, Hai Phang sửa lại chái nhà, kê phần gốc tre làm kèo chái lên trên, ông Năm thợ mộc cười cười nói:

- Trồng tre trở gốc lên trời, con chị xong rồi, tính tới con em.

Hai Phang khoái chí, chả là cô em vợ Hai Phang thấy cũng có cảm tình với ông anh rể đàn hay, hát giỏi xuất thân từ lực lượng tay súng tay cày này.

Hôm dựng nhà, tôi cũng lên góp một tay, gì thì gì, mình cũng làm thợ vịn thợ phụ được mà. Trước bàn thờ, bày sẵn ba hũ sành đựng đầy gạo, muối, nước, một con heo nhỏ và một con gà cột ở chân bàn thờ; trên bàn bày bình bông, xôi chè, bánh ngọt, và một đĩa trái cây gồm một trái mãng cầu, một trái dừa xiêm nhỏ, một trái đu đủ còn xanh và một trái xoài; cậu năm Côi quần áo chỉnh tề thắp nhang khấn vái, cầu quỉ thần, đất đai nhân trạch, tổ tiên ông bà, xin được "cầu vừa đủ xài" và trong nhà lúc nào gạo, muối và nước lúc nào cũng đầy lu đầy hủ, cầu cho lúc nào cũng nuôi được con heo, con gà để không bỏ phí đồ ăn thừa, hột thóc rơi rớt... Mơ ước của người bình dân đơn giản như vậy đó mà lắm lúc cũng không có được.

Cúng xong, mọi người xúm vào làm theo lịnh của ông năm thợ mộc, chỉ hơn nửa buổi, sườn nhà đã dựng xong. Cơm nước, gia chủ đã dọn sẵn trên ba bàn tròn, mời mọi người dùng bữa chờ nước lớn để gác đòn vông. Chuyện này thì có lần tư Em đã nói với tôi, người ta tin rằng, gác đòn vông lúc nước lớn gần đứng là lúc sung nhất, gia chủ nhờ vào sự đầy đủ của con nước mà làm ăn khá. Việc nhìn con nước lớn để làm những việc hệ trọng này, tôi chỉ thấy ở trong Nam. Như việc rước dâu chẳng hạn; ở chợ hay ngoài Bắc, ngoài Trung, thường người ta rước dâu vào giờ tốt; trong Nam, giờ tốt là giờ nước lớn đầy. Ông bà mình cũng khéo tạo thành một thứ tin tưởng có tính thực dụng, vì thường ở trong vườn người ta rước dâu bằng ghe, rủi giờ tốt rước dâu (như

kiểu ngoài Trung, ngoài Bắc) nhằm lúc nước ròng sát đáy sông (dám có lắm chớ!) thì thiệt là phiền, làm sao đưa với rước cô dâu, chú rể và họ hàng hai bên xuống ghe qua bãi bùn lún tới gối?

Đang ngồi chung bàn với Tư Em và Hai Phang, cậu Năm Côi lại khều tôi và Hai Phang nói nhỏ:

- Qua nhờ hai cháu một chuyện, tí nữa lúc thượng đòn vông, hai cháu làm sao cố cầm Bảy Lượm ở bàn nhậu, rượu thịt qua biểu sắp nhỏ lo, cứ cho chả uống thả giàn, làm sao đừng cho thằng chả leo lên mái...

- Sao vậy cậu năm? - Tôi ngạc nhiên hỏi lại.

- Thằng chả cũng là thợ mộc, biết bùa Lỗ Ban! chả lên đó đóng bậy cây đinh ếm là qua khổ suốt đời. Cũng hổng chừng, chả lên đó làm bộ trật tay quăng cây búa đóng đinh của chả trúng nhằm ngạch cửa là qua cũng tiêu, cháu không biết chớ thằng chả độc lắm, chả ghét ai thì ếm cho tiêu luôn, nên qua sợ... Cả đời qua, cả nhà qua chắt mót dành dụm mới có được như vầy, qua sợ thằng chả ganh ghét làm bậy, thà tốn rượu thịt cho thằng chả mà qua có thể yên tâm...

Chiếc đòn vông có bịt hai vuông vải đỏ hai đầu kê trang trọng giữa nhà. Ba Quang từ bờ sông chạy vào kêu lớn:

- Nước đứng rồi, ông Năm ơi!

Hai người trung niên đã lên ngồi sẵn trên mái, hai người khác đang đứng chờ cạnh cây đòn vông. Ông Năm thợ mộc thắp nắm nhang đứng cạnh gia chủ, trước cây đòn, khấn. Sau khi cắm nhang vào bát, ông quay lại nói:

- Cẩn thận nhen bây, chuyện quan trọng đừng giỡn hớt không nên.

Hai người bước tới, cùng một lúc trang trọng nâng chiếc đòn vông, bước từng bước một lên hai chiếc thang được dựng sẵn. Tiếng ông Năm thợ mộc nhắc nhở:

- Đi lên cho đều, có hai chú nào quởn, vịn giùm hai cái thang cho vững...

Hai người ngồi sẵn đón hai dầu chiếc đòn vông, đặt đúng vào vị trí hai kèo trước và sau giao nhau...

Đến chiều, căn nhà của cậu Năm Côi cũng dựng xong, chỉ còn ráp bộ cửa, ngày mai ông Năm Thợ Mộc sẽ lo. Gia chủ lại mời mọi người ăn, lần này thì nhậu thả cửa vì công việc đã hoàn tất. Tôi gần xỉn vì phải cùng Hai Phang chuốc rượu cho Bảy Lượm, nhưng cũng không kiếu về được vì cậu Năm Côi nài nỉ quá.

Tư Em cũng đủ đô, bắt đầu lè nhè nói thơ:

- Thày Năm biết "*Tửu phùng tri kỷ thiên bôi thiểu*" là gì hông?

Không đợi tôi nói, Tư Em giải thích luôn:

- Rượu gặp người tri kỷ (như thầy Năm đây) thì có trời mới biểu thôi. Thầy Năm hiểu hông *thiên bôi thiểu* là *trời biểu thôi* mà, phải hông thầy Năm, thầy dô cạn ly này tôi đọc thơ thầy nghe:

Rượu uống đừng say giữ tính thường
Tránh đường hoa nguyệt khỏi tai ương
Đừng ham cờ bạc còn gia sản
Giận tức mà dằn họa khỏi vương

phải hôn thầy Năm. Thằng cha Bảy Lượm đó mà Lỗ Ban con mẹ gì, thầy Năm.

Tôi hoảng hồn đá chân Tư Em cản

- Thôi nghen Tư Em, rượu uống bậy được chớ lời không nói bậy được nghe Tư Em.

- Tui nói thiệt mà thầy Năm, hồi thầy chưa về đây, nhà thằng chả bị ăn trộm, chả đi khắp xóm nói chả sẽ ếm bùa, thằng lấy trộm nhà chả trong xóm chớ không đâu xa. Trong vòng bảy bảy bốn chín ngày không trả sẽ sình bụng mà chết. Chả dán lá bùa trên cây gòn đầu xóm, báo hại mấy đứa chăn trâu không dám đi ngang. Của mất không thấy trả lại, nhà thằng chả bị trộm lần nữa, lần này nó lấy bộ chưn đèn trên bàn thờ, chỉ chừa lại bát nhang. Không thấy thằng nào sình bụng chết, chỉ thấy cây gòn có dán bùa không biết sao nó chết queo. Lỗ Ban gì, lỗ hang thì có.

Tôi lấy cớ Tư Em xỉn rồi, xin kiếu đưa Tư Em về... dọc đường Tư Em cứ lẩm nhẩm "Con người sống phải biết Nhân Nghĩa Lễ Trí Tín, phải hôn thầy Năm?" Tôi biết khi Tư Em nói tới đó là biết y sắp tiêu. Tư Em mạnh rượu hơn tôi nhiều, chỉ vì *thiên bôi thiểu* mà lần nào cũng chìm xuồng.

Hôm sau, Bảy Lượm khăn đóng áo dài đi qua lại trước nhà Tư Em chửi:

- Đ.m. mày Tư Em, tao chửi mày như vầy là tao chửi có văn hóa, ăn mặc đàng hoàng mà chửi, không phải như mày không có văn hóa, ở trần quần xà lỏn nói xấu tao... Cây gòn chết là nó tới số nó chết, thằng nào ăn trộm nhà tao, không chết trước thì cũng chết sau. Đ.m. mày Tư Em, có thằng nào không chết, có thằng nào chết mà bụng không sình lên...

Tư Em trong nhà, vẫn còn xỉn, nói vọng ra "Con người sống phải biết Nhân Nghĩa Lễ Trí Tín."

Thế đó, đã gần cuối thế kỷ hai mươi mà người dân trong Xóm Cầu Ngang của tôi cũng còn mang đủ gần hết những cái tốt và xấu từ thời mới tụ dân lập ấp.

Houston - tháng 10/2006

THÂN PHẬN VÀ TÌNH YÊU TRONG CA KHÚC TRỊNH CÔNG SƠN

VĨNH-ĐỂ

"Sống giữa đời này chỉ có thân phận và tình yêu. Thận phận thì hữu hạn. Tình yêu thì vô cùng. Chúng ta làm cách nào nuôi dưỡng tình yêu để tình yêu có thể cứu chuộc thân phận trên cây thập giá Đời."

Đoạn văn trên (trích từ tập nhạc tuyển NHỮNG BÀI CA KHÔNG NĂM THÁNG của Trịnh Công Sơn xuất bản năm 1997) đưa ra ba luận điểm: 1/ có một sự dị biệt và một sự đối lập giữa thân phận (viết tắt:TP) với tình yêu (viết tắt:TY) tuy cả hai đều thuộc "thành phần" của đời sống con người; 2/ TP gắn liền thiết yếu với đau khổ: Trịnh Công Sơn khẳng định điều đó khi dùng hình ảnh "cây thập giá Đời"; 3/ TY có khả năng "cứu chuộc" thân phận, vì vậy nghệ thuật sống (hay nền đạo đức chân chính) đòi hỏi con người phải "nuôi dưỡng tình yêu."

Ba luận điểm vừa nêu trên có liên hệ với nhau. Dù không hoàn toàn minh bạch, luận điểm thứ hai tương đối rõ nghĩa và dễ được chấp nhận hơn cả vì đau khổ vốn là kinh nghiệm của con người. Chúng ta có thể đặt ra nhiều câu hỏi về hai luận điểm thứ nhất và thứ ba: Sao là chức năng "cứu chuộc" của tình yêu?

Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn muốn bày tỏ điều gì khi dùng từ tôn giáo "cứu chuộc"?

Tại sao TP thì hữu hạn trong khi TY lại vô cùng?

THÂN PHẬN

Theo TỪ ĐIỂN TIẾNG VIỆT, thân phận là "địa vị xã hội thấp hèn vì cảnh ngộ không may mà con người, do số phận định đoạt, không sao thoát khỏi được." Những câu: "thân phận tôi đòi," " than thân trách phận" mang cùng một ý nghĩa.

Có lẽ Trịnh Công Sơn đã không sử dụng hai từ "thân phận" theo nghĩa đó vì ông quan niệm việc "giữa đời này" là việc chung, trong khi thân phận (hiểu như "địa vị xã hội thấp hèn") lại là hoàn cảnh riêng, dù thuộc số đông.

Ngoài nghĩa xã hội học, hai chữ "thân phận" còn mang ý nghĩa nhân-loại-học và triết học: nói đến TP là nói đến thân phận con người. Chỉ xét riêng về phương diện nầy thôi, thân phận là hoàn cảnh sống của con người nói chung (bao gồm khung cảnh xã hội-lịch sử, quan hệ với thiên nhiên, với đồng loại, tình cảm yêu thương, thù hằn v.v... và những ước vọng bắt nguồn từ những mối quan hệ đó). Thân phận cũng bao gồm nhiều loại kinh nghiệm mà con người không thể nào

tránh khỏi được (những hoàn cảnh-giới hạn theo ngôn ngữ của triết gia Karl Jaspers) chẳng hạn: cái chết, lao động, đau khổ...

Nếu xét theo nghĩa nầy, thì TP có vẻ không hoàn toàn phù hợp với quan niệm mà Trịnh Công Sơn đã đề xướng ra. Trong khi nhân-loại-học và triết-học xem TY là một thành phần của TP thì Trịnh Công Sơn lại cho rằng TY đối lập với thân phận. Dựa vào đó, chúng ta có thể đi đến kết luận sau đây: Trịnh Công Sơn đã có một quan niệm riêng biệt về "thân phận." Vậy thân phận đó ra sao và tại sao TP cần được TY cứu chuộc?

Để có thể tìm hiểu rõ hơn, chúng ta thử khởi đi từ sự đối lập giữa TY và TP.

Tại sao TP mang tính chất hữu hạn và điều gì nơi thân phận con người có thể xem là hữu hạn? Hiển nhiên TP hữu hạn về phương diện thời gian sống: đời sống con người không kéo dài vô hạn, và dù khoa học có tiến bộ đến đâu thì cái chết vẫn là một giới hạn mà con người không ai hội đủ khả năng vượt qua được.

Ngoài ra, thân phận còn hữu hạn ở chỗ con người không bao giờ có thể thoả mãn hết những khát vọng của mình. Người nghệ sĩ dầu tài ba cách mấy vẫn luôn luôn có cảm tưởng là mình chưa thực sự thực hiện được một tác phẩm hoàn hảo. Ngoài ước muốn thẩm mỹ, các ước muốn khác (chiếm hữu, hiểu biết, v.v.) cũng không bao giờ được thoả mãn một cách trọn vẹn. Với kẻ tham tiền, số tiền họ tích lũy sẵn dù to lớn cách mấy vẫn không tương ứng với lòng ham muốn không ngừng nghỉ của họ. Nói một cách tổng quát, bản chất của ước muốn, của khát vọng là vô hạn. Trong dĩ vãng dù ta đã từng thoả mãn một vài khát vọng rồi, nhưng ta vẫn còn ham muốn thoả mãn nhiều thứ khát vọng khác nữa.

Đã hữu hạn về thời gian, về tri thức, về sự thoả mãn các ước vọng, TP còn hữu hạn về phương diện hạnh phúc. Niềm vui khi cầm mảnh bằng trong tay, một việc làm ưng ý, vừa hoàn thành một tác phẩm nghệ thuật, được sống bên cạnh người mình yêu mến... không trường tồn với thời gian. Đôi lúc, sau những giây phút hạnh phúc ngắn ngủi là thời gian đau khổ kéo dài triền miên. Kẻ làm cha làm mẹ sung sướng khi thấy đứa con ra đời, nhưng sẽ vô cùng đau khổ khi thấy đứa con càng lớn càng đi quá xa nỗi mong ước của mình. Hạnh phúc khi yêu và được yêu cũng chưa hẳn trọn vẹn:

Tình yêu đến, tình yêu đi, ai biết!
Trong gặp gỡ đã có mầm ly biệt
(Xuân-Diệu, "GIỤC GIÃ")

Khi đem phân tách ý niệm "tình yêu," chúng ta sẽ có dịp nhận ra những khía cạnh hữu hạn khác của thân phận. Ngoại trừ trường hợp mắc bệnh "yêu mình thái quá" (narcissisme), tình yêu đích thực phải thể hiện qua những thái độ: cởi mở, bao dung và trân trọng đối tượng. Nếu thực sự yêu thương một người là mong muốn điều lành, là vui buồn theo nỗi vui buồn của người ấy và gần như không bận tâm đến chuyện "có đi có lại." Tình yêu đích thực còn biểu lộ qua thái độ quí trọng: sẽ không có sự bạo động đối với người hay vật mình quí trọng. Nói chung, ở đâu có tình yêu thì ở đó không có bạo động dưới bất cứ hình thức nào, không có sự bất-khoan-dung cũng không có một tâm hồn khép kín.

Khi giải thích tính chất hữu hạn của thân phận, chúng ta dễ có khuynh hướng nghĩ rằng nhạc sĩ Trịnh Công Sơn muốn nêu rõ khoảng cách giữa hiện thực đầy bạo động, đầy gian dối, tị hiềm v.v. với nỗi khát vọng vô hạn về hoà bình, về sự chân thật và về sự bao dung. Dù đúng hay không đúng với quan niệm công nhận TP là hữu hạn, đến đây chúng ta vẫn chưa hiểu vì sao tình yêu mang tính chất "vô cùng."

TÌNH YÊU

Ta có thể xét TY về ba phương diện: bản chất, tác dụng và đối tượng.

Bản chất của TY là ước muốn, là dục vọng (hiểu theo nghĩa trung lập: désir). Nếu chỉ xét về phương diện nầy mà thôi thì quả thật TY có mang tính chất vô hạn, vì yêu là muốn gần gũi mãi mãi với người mình yêu, là không muốn chờ đợi, không muốn chấp nhận có khoảng cách, dù nhỏ, giữa mình với đối tượng:

Yêu tha thiết, thế vẫn còn chưa đủ,
Phải nói yêu trăm bận đến nghìn lần.
(PHẢI NÓI)

...Trong say sưa, anh sẽ bảo em rằng,
"Gần thêm nữa! Thế vẫn còn xa lắm!"
(XA CÁCH)

Xét về phương diện khác, TY mang kích thước vô hạn theo nghĩa đối tượng

không phải chỉ mang hình bóng con người hiện tại mà còn mang hình bóng quen thuộc của quá khứ nữa. Trịnh Công Sơn viết: "Ta thấy em trong tiền kiếp" (RỪNG XƯA ĐÃ KHÉP). Ngoài ra, TY còn lan rộng tới những người và vật có liên quan với đối tượng. Sự 'nhận biết' (reconnaissance) cũng như sự trải rộng tình cảm

là những kinh nghiệm mà thi sĩ Huy-Cận đã minh họa trong những vần thơ tuyệt tác:

Lòng em nhớ lòng anh từ vạn kỷ
Gặp hôm nay nhưng hẹn đã ngàn xưa.
Yêu giữa đời mà hồn ở trong mơ;
Tình rộng quá, đời không biên giới nữa.
(TÌNH TỰ)

Xét về mặt *bản chất*, tình yêu là vô cùng. Tuy nhiên, có lẽ Trịnh Công Sơn không muốn nói đến cái vô cùng của TY về phương diện nầy, vì mọi đam mê, mọi ước muốn đều vô hạn như nhau. Với người tham lam, dù đã giữ trong tay bao nhiêu vàng bạc họ vẫn cảm thấy chưa đủ, không bao giờ đủ cả! Loại đam mê nghệ thuật cũng vô hạn như vậy:

Với bạn ân tình hay với cảnh,
Nơi nào ta cũng tìm kiếm Vô biên
(Xuân-Diệu, VÔ BIÊN)

Phải chăng Trịnh công Sơn muốn nói đến cái vô cùng của TY về phương diện *tác dụng?* Tình yêu nam nữ (một hình thái của tình yêu) quả có mang tính chất vô hạn. Theo Platon (một triết gia Hi lạp thời thượng cổ), thực chất của TY là ước vọng sống bất diệt. Đối với những hữu thể có khả năng bị hủy diệt, sự truyền chủng là cách thức độc nhất thoả mãn thứ ước vọng đó: con cái là sự tiếp nối, sự tồn tại của cha mẹ, và qua trung gian con cháu... cha mẹ trở nên bất diệt.

Trịnh công Sơn không nói đến cái vô cùng của TY về phương diện tác dụng vì qua lời ca tiếng nhạc của ông chúng ta còn tìm thấy những hình thái tình yêu khác ngoài TY nam nữ. Rốt cuộc, chỉ còn lại sự vô cùng về phương diện *đối tượng*: tình yêu là vô cùng vì đối tượng của tình yêu có tính cách vô hạn.

Vậy loại đối tượng nào có thể được đánh giá là vô hạn? Có ba quan niệm nói đến một đối tượng vô hạn trong tình yêu.

Trước hết là quan niệm Thiên chúa giáo. Qui luật căn bản của Thiên chúa giáo là yêu Chúa, và Chúa (hay Thượng đế) là Hữu thể tối cao, Hữu thể vô hạn về quyền lực, về sự hiểu biết cũng như về tình yêu. Chính vì vô hạn cho nên bản tính của Thượng đế hoàn toàn khác hẳn bản tính của con người. Sự thật, Trịnh Công Sơn có nghĩ rằng chỉ có lòng yêu Chúa mới giúp con người giải thoát khỏi "thân phận" của kiếp người hay không? Dù qua một số nhạc phẩm như CÁT BỤI Trịnh Công Sơn tỏ ra có chịu ảnh hưởng của Thiên chúa giáo, nhưng thứ TY được nhắc đến không mang sắc thái tôn giáo vì lý do quan niệm của ông mang tính chất phổ quát trong khi tôn giáo lại có tính chất riêng biệt. Trịnh Công Sơn thường nhấn mạnh về thân phận con người nói chung, chứ không nói riêng theo nhãn quan của Thiên chúa giáo.

Có một quan niệm khác có nhiều điểm tương tự với quan niệm tôn giáo trên đây, đó là triết lý của Platon. Trong tác phẩm thời danh LE BANQUET ("Tiệc rượu"), Platon xem cái Đẹp tuyệt đối, cái Đẹp tự thân hay cái Đẹp vô cùng là cứu cánh tối hậu của tình yêu. Theo Platon, vì bị thôi thúc bởi ước vọng bất diệt nên con người mới thích tìm đến cái Đẹp để thực hiện ước vọng sâu xa nhất của lòng mình. Platon cho rằng ước vọng bất diệt đòi hỏi con người phải thực hiện loại vận động vượt qua nhiều giai đoạn. Trước tiên là giai đoạn thích yêu mến một thân thể đẹp đẽ, rồi yêu mến toàn thể những thân thể đẹp đẽ, vì giữa cái đẹp của thân thể nầy với cái đẹp của thân thể khác luôn luôn có sự tương đồng. Kế đến là yêu mến cái Đẹp của tâm hồn, cái đẹp của những sự hoạt động cao quý (sự sáng tạo nghệ thuật, sự hoạt động chính trị mà mục tiêu căn bản là thiết lập một xã hội công bằng). Tiếp theo là giai đoạn yêu mến các loại tri thức. Sau hết là giai đoạn chiêm ngưỡng và yêu mến cái Đẹp tự thân, tuyệt đối và duy nhất "vĩnh cửu, không do ai tạo nên cũng không thể bị tiêu diệt; một cái Đẹp không tăng lên, không giảm xuống..., là cái Đẹp mãi mãi đồng nhất với chính nó..., cái Đẹp tuyệt đối."

(Trong ngôn ngữ của Platon, cái Đẹp tự thân được gọi là Ý niệm Đẹp).

Quan niệm triết lý của Platon giúp chúng ta hiểu rõ hơn về tính chất vô hạn của tình yêu. Khi gán cho tình yêu tính chất vô cùng sự thật Trịnh Công Sơn có liên tưởng đến quan niệm nầy hay không? Dù cho có đủ khả năng giải thích ý niệm "vô cùng" cũng như có đủ khả năng giúp chúng ta hiểu sự đối lập giữa TY và TP, quan niệm của Platon không phải là định đề mặc nhiên của tư tưởng Trịnh Công Sơn. Thật vậy, với luận điểm "cái Đẹp tự thân là cứu cánh tối hậu của tình yêu," Platon khai triển quan niệm triết lý căn bản về thế giới hữu hình (monde sensible) và thế giới khả niệm (monde intelligible). Theo quan niệm đó, chỉ có thế giới khả niệm (hay thế giới các Ý niệm) mới là hiện thực chân chính; vì mang tính chất vô thường cho nên thế giới hữu hình không phải là hiện thực trọn vẹn. Hậu quả: tri thức đúng nhất chính là tri thức về thế giới khả niệm (Với Platon, tri

thức đó là Triết học). Thế giới khả niệm chính là quê hương đích thực của con người, vì trước khi bị đày xuống trần gian (tức thế giới hữu hình) để hiện hữu trong một thân xác, linh hồn (vốn là thành phần chính yếu nơi con người) tồn tại bất diệt và hoàn hảo trong thế giới Ý niệm. Vì vậy, linh hồn luôn luôn hướng về thế giới khả niệm và cầu mong xa lìa thế giới hữu hình. Ngày nào còn bám víu vào thế giới hữu hình và chưa đạt tới nhận thức về các ý niệm, ngày đó chúng ta còn sống trong ảo tưởng. Luận điểm vừa nêu ra không hoàn toàn phù hợp với thái độ của Trịnh Công Sơn vốn luôn luôn bày tỏ niềm yêu đời tha thiết:

Không xa đời và cũng không xa phận người

...Không xa một ngày và cũng không xa một đời

(ĐỜI CHO TA THẾ)

Nói tóm lại, loại TY Trịnh Công Sơn nói đến không phải là thứ tình yêu của triết gia đối với ý niệm Đẹp. Vậy ngoài Thượng đế và ý niệm Đẹp ra có chăng một đối tượng vô hạn nào khác nữa hay không?

Chỉ còn lại một đối tượng vô hạn trong quan niệm tạm gọi là *hữu-thể-học* (ontologique): đối tượng của TY là vô hạn vì *bất cứ hữu thể nào trong vũ trụ cũng có thể là đối tượng của tình yêu.* Đối tượng của TY thay đổi theo cá nhân: có kẻ yêu chuộng giá trị vật chất; có người thiết tha với những giá trị tinh thần; có kẻ xem con người là đối tượng duy nhất để yêu mến, có người chỉ đặc biệt yêu thương thú vật hay thiên nhiên v.v. Ngay chính sự hiện hữu đơn thuần cũng có thể là đối tượng của tình yêu. (Nhà tư tưởng Albert Schweitzer bày tỏ loại tình yêu nầy khi đề xướng một nền đạo đức đặt trọng tâm vào lòng tôn kính Sự Sống: "... điều tốt đẹp là bảo vệ sự sống, là đưa sự sống lên hàng giá trị cao nhất và giúp mọi sinh vật phát triển tới mức tối đa... Đó chính là nguyên lý tuyệt đối và căn bản của đạo đức.")

Đến đây ta có thể nghĩ rằng nhạc sĩ Trịnh Công Sơn nói đến thứ TY mà đối tượng là Hữu thể nghĩa là sự hiện hữu đơn thuần và những hữu thể riêng biệt (một con người, một quê hương...)

LÊ THỊ KIM

TRƯỜNG XƯA

1.
Đà trường xưa quá cổ
Biếc mái ngói rêu gầy
Tại nắng hay tại gió
Cứ nhìn là mắt cay

2.
Khoảng trời mây trắng bay
Vòng vèo là ngọn gió
Quấn quít chân nai nhỏ
Lượn theo tà bướm lay

Trường mênh mông lối cỏ
Chẳng rối lòng thơ ngây
Những chiều vàng lá đổ
Thả mùa thu bay đầy

3.
Bạn cười vỡ băng đá
Bạn chạy mỏi sân trường
Bạn buồn như tiếng vạc
Bạn dỗi hờn cỏ sương

Thương thày cô tình nặng
Bạc tóc cùng tuổi xanh
Rót vào lòng lũ trẻ
Chữ như rừng như sông

4.
Vẫn thênh thang trường cũ
Khoảng trời xanh mướt nhung
Tung vào đời cao rộng
Chúng em cùng tháng năm

Mỗi lần chân qua đây
Em gặp em thuở nhỏ
Giữa sân trường thơ ngây
Vẫy đôi tà nắng đỗ.

VAI TRÒ CỨU CHUỘC CỦA TÌNH YÊU

Trên đây chúng ta đã thử phân tách quan niệm của Trịnh Công Sơn về tình yêu và "thân phận." Sự phân tách ấy đưa đến kết quả sau đây: quan niệm của Trịnh Công Sơn về thân phận và về tình yêu tương đối độc đáo.

Tư tưởng của Trịnh Công Sơn còn độc đáo

hơn khi ông gán cho TY vai trò cứu chuộc thân phận. Vậy "cứu chuộc" là gì? Và tại sao TP cần được cứu chuộc?

Khi sử dụng một từ vốn thuộc về ngôn ngữ Thiên chúa giáo (hai chữ "cứu chuộc" không có trong Từ điển Tiếng Việt), Trịnh Công Sơn muốn nói đến sự liên hệ mật thiết giữa TP và Điều Xấu, Điều Ác (le Mal) dưới mọi hình thức. Cây thập giá được dùng để treo và đóng đinh kẻ tử tội; vậy, theo nghĩa bóng, "thập giá" chính là nơi chốn tạo ra sự đau khổ. Vì con người có ước muốn sống hạnh phúc cho nên TP cần được cứu chuộc, và yếu tố có khả năng cứu chuộc chính là tình yêu. Do đâu TY có khả năng đó? Làm thế nào TY có thể giúp con người tránh đau khổ để tiến đến chỗ sống hạnh phúc?

Ở phần trên chúng ta đã chứng minh rằng ở đâu có tình yêu đích thực thì ở đó có sự khoan dung, bất-bạo-động và có nỗ lực thực hiện điều lành (bất luận đối tượng là người, thiên nhiên hay thú vật). Chỉ có loại TY đích thực nầy mới có khả nănggiải cứu TP khỏi "cây thập giá Đời." Đôi khi thực tế lại chứng minh ngược lại: có người dù suốt đời không cần biết đến từ khoan-dung (vì kỳ thị phái tính, kỳ thị tôn giáo hay kỳ thị chủng tộc v.v...) cũng biết yêu đương như chúng ta vậy. Trịnh Công Sơn có rơi vào ảo tưởng khi gán cho tình yêu vai trò cứu chuộc hay không?

Nơi hạng người thiếu khoan dung, tình yêu không có giá trị đích thực, vì tình yêu đích thực đòi hỏi chủ thể phải có tâm hồn cởi mở, hướng về tha nhân. Người có thái độ kỳ thị chủng tộc chỉ biết yêu thương chủng tộc mình, kẻ có thái độ sô-vanh (chauvin) chỉ biết yêu quê hương mình v.v. Đến đây, ta có thể kết luận: trong lòng kẻ bất-khoan-dung tình yêu hoàn toàn đi ngược lại tinh thần cởi mở của loại TY đích thực. Nói cách khác, qua chủng tộc, quê hương, tôn giáo... người kỳ thị yêu bản thân họ hơn yêu đối tượng: vì quá coi trọng chủng tộc của mình cho nên kẻ kỳ thị mới tỏ ra khinh miệt, hiềm khích người thuộc chủng tộc khác.

Nói chung, tình yêu và sự bất-khoan-dung mâu thuẫn nhau. Tình yêu đích thực phải thể hiện thái độ khoan dung và phải tôn trọng con người. Chỉ có thứ tình yêu nầy mới hội đủ khả năng làm giảm bớt nỗi đau khổ nơi thân phận con người đồng thời mang lại niềm vui mà con người hằng mơ ước.

Sự lý giải nầy có ít nhiều hi vọng phù hợp với quan niệm của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn.

Đứng ở quan điểm của lịch sử triết lý đạo đức và triết lý về thân phận con người, các luận điểm của Trịnh Công Sơn không hoàn toàn mới lạ. Các tôn giáo lớn (Thiên chúa giáo, Phật giáo...) đều có đưa ra lời giải thích về sự đau khổ và đều xem tình yêu (dưới hình thức bác ái, kiêm ái hay từ bi v.v.) là đức hạnh lớn lao nhất. Gần với chúng ta hơn, triết gia hiện đại André Comte-Sponville cũng đề xướng một loại "đạo-đức-học" xây dựng trên tình yêu: Hãy hành động như thể ngươi đang yêu thương người khác. Vậy, nếu muốn tìm kiếm một quan niệm có lý luận về nhân sinh, thiết tưởng chúng ta nên tìm hiểu trong triết học và trong tôn giáo. Dù sao, sự phân tách quan niệm về TP và TY của Trịnh Công Sơn sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về lời nhạc của ông.

Trong một số tác phẩm, Trịnh Công Sơn bộc lộ quan niệm bi quan tột cùng: đời người chìm đắm triền miên trong đau khổ và gắn liền với cái xấu, cái ác. Cái xấu thể hiện qua cảnh "đêm súng đạn... sáng mưa bom" (HÃY YÊU NHAU ĐI), qua cảm thức "đời mãi đêm và ngày mãi buồn" (EM HÃY NGỦ ĐI) và qua ý thức "đời người mãi âm u" (NHƯ CÁNH VẠC BAY). Nếu có tìm được niềm an ủi trong cơn mơ thì hiện thực cũng vô cùng phũ phàng vì luôn nhắc nhở đến sự hủy diệt, và sự bạo động:

Trong từng giọng nói có màu tàn phai
Ngày đêm đêm mơ thấy mặt trời
Mọc trong tim, trong mắt loài người
Ngày đêm đêm mơ thấy nụ cười
Nở trên môi, trên khắp cuộc đời
Lúc tỉnh ra thấy lại xác người bên xác người.
(NHƯ TIẾNG THỞ DÀI)

Cũng vì lý do đó, ngay giây phút chào đời đã là giây phút khởi đầu của một kiếp sống khốn khổ: "Trẻ thơ ơi! Tin buồn từ ngày mẹ cho mang nặng kiếp người" (GỌI TÊN BỐN MÙA).

Với ý thức sâu đậm về sự đen tối của cuộc đời, Trịnh Công Sơn chỉ còn biết hi vọng rằng rồi ra theo thời gian sự xấu sẽ qua đi:

Tôi như trẻ nhỏ ngồi bên hiên nhà
Chờ xem thế kỷ tàn phai (TỰ TÌNH KHÚC)

Chính vì vậy Trịnh công Sơn không sung sướng gì ngay cả lúc ông đang ca hát:

Đừng tin tôi nhé vì tiếng cười
...Tôi như là người trong đêm dài nhìn tôi đang quá ngậm ngùi.
(TỰ TÌNH KHÚC)

Lạ một điều là bên cạnh những bức tranh

mang màu sắc u ám, Trịnh Công Sơn còn vẽ thêm những bức tranh với loại màu sắc cực kỳ tươi sáng:

Tôi thấy màu xanh hát trong lời gió
Và thấy bình minh thắp trên ngọn lá.
(HÔM NAY TÔI NGHE)

Tình yêu, sự hiện diện của người tình là một trong những lý do làm Trịnh Công Sơn thấy cuộc đời có ý nghĩa, vì "vẫn thấy bên đời còn có em" và vì:

"Em đã đến nơi này tựa như cánh én, Dịu dàng trao chút hương hoa mùa xuân."

Ngay cả lúc người yêu xa vắng thì kỷ niệm về tình yêu cũng tạo nên hạnh phúc:

Chiều nay bên trời xao xuyến,
Còn em trong từng nhớ thương.
(VẪN CÓ EM BÊN ĐỜI)

Thật ra, đối với Trịnh Công Sơn, chỉ cần sự có mặt của một người nào khác, của con người nói chung đã là một nguồn hạnh phúc lớn lao, một nét đẹp của cuộc đời:

Một ngày bỗng thấy yêu thương mọi người
...Gắn bó cuộc đời
Mọi người vẫn tới Ta chưa lạc loài
(VẪN NHỚ CUỘC ĐỜI)

Tại sao Trịnh Công Sơn có thể xem cuộc đời là nguồn hạnh phúc trong khi chính ông đã "đau đớn nhận ra rằng... cuộc đời đã cho (ông) lắm ngày bất hạnh"? Trong một bài viết có tính cách tự thuật, ông giải thích sự yêu mến cuộc đời như sau: "Quen mắt mỗi lúc mỗi gần gũi, thân thiết hơn." Ngoài ra, có lẽ còn có một lý do khác sâu xa và kín đáo hơn: phải chăng Trịnh Công Sơn có phần nào chịu ảnh hưởng của Thiên chúa giáo (vốn có quan niệm lạc quan về tạo vật): tất cả những gì do Thượng đế tạo ra đều có giá trị tốt đẹp và đều đáng cho ta yêu mến. Đó là lý do khiến Trịnh Công Sơn nghĩ rằng con người được "hóa kiếp" từ "cát bụi tuyệt vời" mà ra:

Từng ngày thấy mặt trời, thấy mọi người lòng đã thấy vui
Từng đêm tối ngồi chờ đợi từng sớm mai thấy lại mặt người.
(CÒN THẤY MẶT NGƯỜI)

Có nhiều lúc Trịnh Công Sơn bảo chúng ta đừng tin là ông hạnh phúc ngay khi đang ca hát, thì cũng có nhiều lúc ông lại bảo chúng ta "đừng nghe (ông) nói lời tăm tối." Vì, từ căn bản, cuộc đời là nguồn hạnh phúc:

Đời gọi em về giữa đau thương,
Để trả em ngày tháng êm đềm
Trả lại nắng trong tim, trả lại thoáng hương thơm.
(ĐỜI GỌI EM BIẾT BAO LẦN)

Ở phần trên chúng ta vừa xét đến hai quan niệm về cuộc đời của Trịnh Công Sơn: đời là nguồn hạnh phúc, và đời là nguồn đau khổ. Vậy, về quan niệm sống Trịnh Công Sơn có mâu thuẫn hay không? Thật ra, sự mâu thuẫn chỉ mang tính cách biểu kiến (apparent) một khi chúng ta dừng lại ở sự phát biểu tư tưởng trong việc tìm hiểu quan niệm sống của ông, thay vì nên đeo đuổi sự phân tách để đạt tới ý nghĩa đích thực loại ngôn ngữ mà Trịnh Công Sơn sử dụng.

Dựa vào sự phân tách các ý niệm "thân phận," "tình yêu," "cứu chuộc," chúng ta có thể khẳng định rằng: sự mâu thuẫn không có thực. Cuộc đời đen tối, âm u dưới mắt của Trịnh Công Sơn, chính là khía cạnh của đời người mà ông gọi là thân phận. Và cuộc đời, trong bản chất, vốn là nguồn hạnh phúc vì, ngoài thân phận, cuộc đời còn bao hàm tình yêu vốn có khả năng "cứu chuộc." Nếu cuộc đời xấu xa tự bản chất thì tất cả mọi thành tố của cuộc đời đều phải mang giá trị tiêu cực. Khi gán giá trị tích cực cho TY, Trịnh Công Sơn đã mặc nhiên thừa nhận rằng: dầu gì cuộc đời cũng tốt đẹp và cũng đáng cho ta yêu mến.

KẾT LUẬN

Trong loại nhạc khúc mang nặng tính chất triết lý, ngôn ngữ của Trịnh Công Sơn hình như không trong sáng lắm. Nhưng tự bản chất, ngôn ngữ thi ca cho phép người nghệ sĩ được tự do phối hợp các ý niệm lại với nhau mà không cần phải tuân theo bất cứ qui luật nào, ngoài thứ qui luật thẩm mỹ. Chính vì vậy, những bài viết mang tính chất tự thuật hoặc lý luận ngoài phạm vi thuần tuý âm nhạc sẽ phần nào giúp ích cho việc tìm hiểu tư tưởng của Trịnh Công Sơn. Đoạn văn ngắn trích dẫn trên đây thuộc loại nầy. Đến đây, hi vọng chúng ta có thể đi đến kết luận: sự mâu thuẫn trong lời nhạc của Trịnh Công Sơn chỉ có tính cách biểu kiến. Từ kết luận đó cũng hi vọng chúng ta hiểu được lý do vì sao Trịnh Công Sơn đã đưa ra một quan niệm khác biệt về nghệ thuật sống đặt căn bản trên tình yêu:

Hãy yêu nhau đi quên ngày u tối
...Hãy yêu nhau đi bên đời nguy khốn,
Hãy yêu nhau đi bù đắp cho trăm năm.
(HÃY YÊU NHAU ĐI)

TRUYỆN PHÁP LUẬT:
ĐÂU LÀ SỰ THẬT?

NGUYỄN VĂN THÀNH

Trong bài viết này, chúng tôi sẽ đề cập hai vụ án lớn liên quan tới quyền của bị can được đối chất với nhân chứng chống y. Vụ thứ nhất được xét xử, theo Cổ Luật, từ thế kỷ thứ hai trước Công Nguyên, và vụ thứ hai được mệnh danh Vụ Án Của Thế Kỷ 20. Đặc biệt phiên xử vụ thứ hai, quyền thẩm vấn đối chất không thể thiếu được trong hệ thống pháp luật của các nước theo chế độ pháp trị xây dựng nguyên tắc "**Không có ai ngồi trên luật pháp**" dù rằng các giới chức quyền cao chức trọng tỷ như Tổng Thống Hoa Kỳ đầy quyền lực, lãnh đạo siêu cường độc tôn trên trái đất, cũng không thể tự ý thay thế luật pháp hay ngồi trên luật pháp được.

Xem như vậy, tinh thần trọng pháp hay "*thượng tôn pháp luật*" đóng một vai trò cực kỳ quan trọng và cần thiết để bảo vệ và thi hành nguyên tắc trên. Phân tích chủ đề này, một luật gia nổi tiếng đã nói một câu bất hủ "luật pháp cần thiết đến độ như không khí ta thở, cơm ta ăn, nước ta uống, áo quần ta mặc hằng ngày vậy."

Đi theo chiều hướng đó, người viết sẽ trình bày tầm quan trọng của quyền thẩm vấn đối chất nhân chứng của nghi can để tìm ra sự thật trong hai vụ án tiêu biểu dưới đây:

1-Susanna và các Trưởng Lão

(Trích trong The Apocrypha)

Theo tiếng Hy Lạp, The Apocrypha (có nghĩa giấu kín hay bí mật) gồm 14 Sách nằm một phần trong Bộ Sưu Tầm Septuagint.

Do Thái Giáo bác bỏ cho rằng các Sách đó không xác thực. Đạo Tin Lành cũng không thừa nhận vì đi trái với luật lệ của Hội Thánh. Trái lại, Giáo Hội Cơ Đốc Giáo La Mã chấp thuận hoàn toàn 11 trong 14 Sách liệt kê ở Bộ Sưu Tầm Septuagint, được phiên dịch từ Kinh Hy-bá-lai (*Do Thái xưa-Hebrew Scriptures*) ra tiếng Hy Lạp và La Tinh vào Thế kỷ thứ 2 trước Công Nguyên nhưng không đưa vào Kinh Thánh Cựu Ước lẫn Tân Ước.

Mười một Sách được chấp nhận đề cập tới nhiều đề tài như Sách về lịch sử, truyện hư cấu Judith, Bel hay Tobit, sự thông thái, ngày tận thế, truyện phụ về Susanna...

Chúng tôi sẽ trình bày truyện Susanna và các Trưởng Lão ghi trong văn kiện phụ của Sách viết về Daniel, người anh hùng trẻ tuổi nổi tiếng đã cứu Susanna thoát khỏi án tử hình vì bị hai trưởng lão khả kính khai gian cáo buộc thiếu phụ kiều diễm này can tội "Ngoại Tình" (Sus. 1:51 và 1:49)

Tóm tắt câu chuyện:

Có một nhà Kinh doanh Do Thái Joacim nổi tiếng giàu có tại Babylon, đã kết hôn với Susanna, một thiếu nữ đẹp và đức hạnh nhất trong cộng đồng. Vốn thuộc gia đình gia giáo, ông bà Chelcias đã giáo dục Susanna theo đúng luật lệ Môi-se (*Moses*).

Công việc kinh doanh ngày một phát triển,

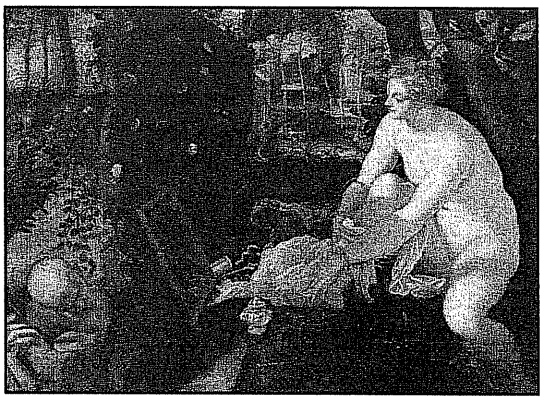

Tintoretto (Jacopo Robusi) *Susanna and the Elders.* C. 1555. Oil on canvas. 57$^{3/4}$ X 76$^{1/4}$ (146.6 X 193.6 cm). Kunsthistorische Museum,Vienna.
(Tác phẩm nghệ thuật của Họa Sĩ Ý Tintoretto (Jacopo Robusi).*Susanna và các Trưởng Lão.*1555. Họa phẩm sơn dầu trên vải bố. Khổ 57$^{3/4}$X 76$^{1/4}$ " (146.6 X 193.6 phân tây). Tàng trữ tại Bảo Tàng Viện Kunsthistorische, Vienna, Áo Quốc).

nhà triệu phú Joacim xây một dinh thự nối liền với cái vườn rất đẹp làm nơi giải trí cho gia đình cũng như dành cho các buổi họp mặt thân hữu của người Do Thái trong cộng đồng.

Chính quyền Babylon bổ nhiệm hai bô lão uy tín giữ chức vụ pháp quan cai quản dân chúng phải tuân hành nghiêm chỉnh luật Môi-se, và hai Trưởng Lão đặc biệt chú ý tới gia đình Joacim bởi lẽ ông Joacim là người được nể trọng hơn tất cả mọi người Do Thái khác tại Babylon.

Khi mọi người ra khỏi nhà, Susanna đi tản bộ trong vườn của chồng. Hai Trưởng Lão trông thấy thiếu phụ diễm lệ này thường đi tản bộ hàng ngày nên đem lòng say mê đến mức không sao kiềm chế nổi lòng ham muốn. Họ đã lầm đường lạc lối, quay mặt đi, không nhìn lên thiên đường mà cũng chẳng còn nhớ tới sự phán xét cuối cùng nữa.

Hai Trưởng Lão cảm thấy xấu hổ không dám bộc lộ với nhau mối tình bất chính đó, nhưng cả hai vẫn mải miết quan sát, ngày này qua ngày khác, Susanna đi dạo trong vườn vào mỗi buổi trưa. Gặp nhau tại chỗ quen thuộc gần khu vườn, người này nói với người kia, "Ta đi về thôi vì tới giờ dùng cơm tối." Rồi họ chia tay nhau, mỗi người đi một ngả, nhưng chỉ ít phút sau, họ đều quay trở lại cũng tại nơi đó, và cuối cùng đành thú nhận với nhau lòng thèm khát Susanna. Hai Trưởng Lão đồi bại này hẹn nhau sẽ tìm mọi cách gặp Susanna một mình vào thời gian thuận tiện nhất.

Vào một buổi trưa hè nóng bức, họ vào ẩn ở cuối vườn để theo dõi thiếu phụ này. Thật đúng lúc, Susanna từ trong nhà qua cửa riêng vào vườn, theo sau có hai cô hầu. Nàng ra lệnh cho người hầu mang dầu và khăn tắm, và phải đóng cửa vườn cẩn thận để nàng có thể tự tắm một mình vì trưa nay nóng quá. Hai người tớ gái trẻ tuổi thi hành lệnh của chủ nhân xong xuôi rồi đi vào nhà, nhưng cả ba đều không nhìn thấy hai người cao niên đang ẩn ở góc vườn.

Hai cô hầu vừa rời khỏi khu vườn thì hai Trưởng Lão vội đứng lên và chạy tới Susanna nói, "Bây giờ không có ai nhìn thấy chúng ta nữa, cửa vườn đã đóng, và hai ta mê say nhan sắc rực rỡ của nàng, nếu nàng ưng thuận hãy nằm với chúng ta. Nếu không, hai ta sẽ đưa bằng chứng buộc tội nàng đang tư tình với một thanh niên, vì thế nàng đã cho hai cô hầu vào nhà để được tự do làm tình với người trẻ tuổi."

Susanna từ chối. Hai Trưởng Lão toan cưỡng hiếp, nàng la thất thanh chống đối và hai Trưởng Lão bèn thét mắng lại. Một Trưởng Lão vội chạy ra mở cửa vườn. Nghe thấy tiếng kêu to, hai người hầu chạy ra vườn. Hai Trưởng Lão thuật lại các sự việc khiến hai cô hầu vô cùng thẹn thùng vì chưa bao giờ thấy chuyện như vậy xảy ra đối với nữ chủ nhân của mình.

Ngày hôm sau, hai Trưởng Lão đưa Susanna ra phiên tòa tổ chức tại một nơi công cộng trong vùng để xét xử về tội "ngoại tình" (*Adultery*). Dân chúng tham dự rất đông và lập ra Hội Đồng xét xử. Hai Trưởng Lão tới với trí óc đầy tưởng tượng ác ý để lên án tử hình Susanna.

Nàng ra Tòa cùng với thân phụ và thân mẫu, chồng và con, bà con họ hàng cùng bạn hữu. Tất cả nhìn thấy nàng che mặt, ai nấy đều khóc. Hai Trưởng Lão ra lệnh bỏ khăn che mặt để cho mọi người thấy nét mặt thanh tú và vẻ đẹp của nàng.

Tác phẩm nghệ thuật của Họa Sĩ Ý RAPHAEL (RAFFAELLO SANZIO). *Công Lý*. 1510. Tranh lắp ghép. Điện Vatican, Rome.

Họ đặt tay lên đầu bị cáo, và Susanna khóc nhìn lên thiên đường vì nàng hết lòng tin tưởng ở Thượng Đế. Hai Trưởng Lão bắt đầu khai, "Khi chúng tôi đang đi trong vườn, thiếu phụ này vào vườn cùng với hai cô hầu, ra lệnh đóng cửa vườn rồi cho người hầu vào nhà. Tiếp đến có một thanh niên ẩn nấp bỗng xuất hiện đến gặp Susanna và nằm với nàng. Khi đó, chúng tôi đứng ở góc vườn nhìn thấy hành động đồi trụy đó vội chạy tới. Chúng tôi đã nhìn thấy

hai người cùng nhau ở đó nhưng không bắt được người trẻ tuổi vì hắn ta khỏe hơn chúng tôi nên mở cửa vườn chạy thoát ra ngoài. Chúng tôi có hỏi Susanna thanh niên đó là ai nhưng Susanna nhất định không nói. Đó là lời khai của chúng tôi đã chứng kiến vụ ngoại tình này."

Tất cả dân chúng tham dự vụ xét xử đều tin tưởng hai Trưởng lão này vì đang giữ chức pháp quan đáng kính trọng của dân trong vùng: họ kết án Susanna tử hình. Nàng kêu la phản đối bản án rồi nói, "Lạy Thượng Đế muôn thuở và muôn đời, chỉ có Thượng Đế là thấu hiểu tất cả những sự bí mật, biết hết mọi chuyện: hai pháp quan này đã đưa ra bằng chứng giả mạo hãm hại con. Họ đã ác ý bịa đặt ra những tội lỗi xấu xa buộc tội con mà con không hề vi phạm."

Thượng Đế đã nghe lời cầu nguyện của Susanna. Bỗng một người trẻ tuổi thấy thần trí sáng suốt lạ thường, rẽ đám đông ra phiên Tòa hô to, "Tôi sẽ làm sáng tỏ vụ án này để cứu người con yêu của đất nước Do Thái không bị đổ máu một cách oan uổng. Quý Tòa chưa thẩm cung đối chất hai nhân chứng này và cũng chưa tìm ra được sự thật mà đã vội kết án Susanna. Tôi xin phép cho tái thẩm vụ án vì lời khai buộc tội một chiều của hai Trưởng Lão này rất đáng nghi ngờ."

Daniel vừa dứt lời, toàn thể dân chúng tụ tập dự phiên xử hoan nghênh nhiệt liệt ý kiến trên. Người trẻ tuổi liền ra lệnh cho giam giữ riêng biệt hai Trưởng Lão ở một nơi khá xa để họ không thể tiếp xúc được với nhau. Tiếp đến, cho dẫn giải Trưởng Lão thứ nhất để chấp cung về một điểm quan trọng sau:

"Khi nhân chứng nhìn thấy Susanna tư tình với người thanh niên, lúc đó nhân chứng đứng ở dưới cây nào trong vườn?"

"Thưa, tôi đứng dưới cây nhũ hương." Trưởng Lão thứ nhất trả lời.

Sau đó, nhân chứng này bị dẫn đi nơi khác, và Daniel cho đòi Trưởng Lão thứ hai ra khai trước Tòa.

"Bây giờ nhân chứng hãy nói cho Tòa rõ, nhân chứng đứng ở dưới cây nào khi trông thấy người đàn ông nằm với Susanna? "

Trưởng Lão thứ hai trả lời, "Thưa, tôi đang đứng dưới cây sồi xanh."

Daniel kết luận: "Như vậy hai nhân chứng đã khai gian."

Hai Trưởng Lão bị kết án tử hình vì làm chứng gian, theo đúng sự qui định của luật Môi-

(In từ trang đầu Lịch Sử Luật Pháp Hoa Kỳ. Bộ Cổ Luật Hammurabi tiền thân của Luật Moses được trình bày trong bài Bình Minh Của Luật Pháp đăng ở Tạp Chí Thế Kỷ 21, số 146, tháng 6 năm 2001.)

se (*Moses*). Susanna được minh oan vì thiếu phụ này không hề làm điều gì đáng hổ thẹn cả.

Tóm lại, truyện Susanna được phiên dịch ra tiếng Hy Lạp từ thế kỷ thứ 2 trước Công Nguyên, nhưng chủ đề làm chứng gian dễ gây lầm lẫn trở nên bất tử. Nếu không có cuộc thẩm cung đối chất hai Trưởng Lão thì chắc rằng Susanna đã bị hành quyết. Từ vụ án đó cho đến nay, ta thấy quyền thẩm vấn đối chất để tìm ra sự thật không thể không có được trong hệ thống pháp lý hiện nay của các nước theo chế độ pháp trị, tỷ như tại Hoa Kỳ, quyền này được qui định trong Tu Chính Án thứ 6 của Hiến Pháp được thể hiện qua vụ cáo buộc và truất phế Tổng Thống Bill Clinton trong vụ án lớn được mệnh danh:

Vụ Án Của Thế Kỷ

Ken Starr, nguyên là thẩm phán Tòa Thượng Thẩm Liên Bang, ra hành nghề Luật Sư trong Tổ Hợp Kirlan & Ellis, được bổ nhiệm vào đầu tháng 8 năm 1994 thay thế Robert Fisk, giữ chức Công Tố Viên Độc Lập (*Independent Counsel*) để điều tra Tổng Thống Bill Clinton về vụ đầu tư đất đai (*Whitewatergate*), lạm dụng quyền hành thuộc Phòng chuyển vận (*Travelgate*), và sách nhiễu tình dục Paula Jones (*Troopergate*).

Cuộc điều tra kéo dài hơn bốn năm không mang lại bằng chứng cụ thể khả dĩ có thể chuyển lên Hạ Viện làm thủ tục cáo buộc và truất phế Tổng Thống Bill Clinton, mặc dầu Ken Starr dùng những thủ thuật không chính đáng như hăm dọa và dụ dỗ nhiều nhân chứng quan trọng khai theo chiều hướng mong muốn.

Lúng túng trong cuộc điều tra nửa vời nói trên, bỗng Ken Starr nhận được ngày 13/01/1998 cuốn băng của Linda Tripp, cựu nhân viên Tòa Bạch Ốc, thâu lén tại khách sạn Ritz-Carlton, Monica Lewinsky tâm tình kể lại các cuộc ái ân vụng trộm của cô với Tổng Thống Bill Clinton ngay tại Phòng Bầu Dục. Ken Starr được nới rộng thẩm quyền điều tra thêm vụ này. Sau đó, FBI cho Linda mang trong người máy thu âm ghi lại cuộc nói chuyện ngày 16/01/1998 giữa Linda và Monica. Tổng Thống Bill Clinton không hề hay biết gì về vụ Linda thâu lén Monica kể chuyện tư tình với mình nên lúc nào cũng phủ nhận mối liên hệ tình dục với cô nữ sinh viên tập sự này. Do sự thẩm lậu tin tức từ phòng công tố và Linda Tripp, dàn luật sư bênh vực cho Paula Jones yêu cầu TT Bill Clinton cho đối phương cật vấn (*cross-examination*) về vụ sách nhiễu tình dục. Ngày 17/01/1998, lần đầu tiên trong lịch sử Hoa Kỳ, đương kim Tổng Thống đã di chuyển từ Tòa Bạch Ốc đến văn phòng của Luật sư riêng để trả lời cuộc đối chất của đối phương trong sáu tiếng đồng hồ nhưng TT Clinton vẫn một mực chối dài không đề nghị Paula Jones làm tình với ông, có trao đổi quà biếu với Monica nhưng không hề có liên hệ tình dục với cô này.

Truất phế Tổng Thống về tội "ngoại tình" không phải là chuyện dễ nhưng nếu đã tuyên thệ lại khai gian và xúi giục Monica nói dối che đậy vụ tư tình lại là duyên cớ bị buộc về tội "bội thệ" (*perjury*) và "cản trở công lý" (*obstruction of justice*). TT Clinton đã mắc bẫy do sự đồng mưu của Ken Starr và dàn luật sư biện hộ cho Paula Jones giăng lưới ra để đánh sập mà không hề hay biết.

Tiếp đến ngày 17/08/1998, biết Ken Starr có trong tay các bằng chứng đầy đủ về vụ tư tình với Monica, TT Clinton đành chấp nhận cho Ken Starr cùng sáu công tố viên chuyên nghiệp thẩm vấn tại Tòa Bạch Ốc trong bốn tiếng đồng hồ về vụ ngoại tình với Monica. Ông trả lời không ăn nằm với Monica nhưng nhận có va chạm xác thịt thân mật, không thích đáng với Monica. Sau buổi chấp cung này, TT Clinton lên đài truyền hình ngỏ lời cùng quốc dân, nhìn nhận mối liên hệ với Monica là bất chính. Thủ tục cáo buộc và truất phế TT Clinton được tiến hành rất mau lẹ.

Ngày 19/12/1998, Hạ Viện biểu quyết cáo buộc TT Clinton về tội "man khai hữu thệ" và "cản trở công lý". TT Clinton bị đưa ra xét xử trước Tòa Án Thượng Viện vào ngày 7/01/1999. Phái đoàn công tố gồm 13 Dân Biểu Cộng Hòa, 100 Nghị Sĩ đóng vai Bồi Thẩm, Chủ tịch Tối Cao Pháp Viện William Rehnquist chủ tọa Phiên Tòa.

Ngày 12/02/1999, Tòa Án Thượng Viện dưới quyền chủ tọa của Tối Cao Pháp Viện tuyên bố TT Bill Clinton được trắng án.

...nói dối để cứu vãn hạnh phúc gia đình.

Tổng Thống Clinton đã thoát hiểm trong đường tơ kẻ tóc, một phần, là nhờ được 68% dân chúng Mỹ vẫn ủng hộ ông về tài quản trị quốc gia và đều cho rằng nói dối để che giấu tội ngoại tình không đáng bị truất phế. Phần khác, bà Hillary cũng đóng vai trò hết sức quan trọng thuyết phục được tất cả Dân biểu và Nghị sĩ thuộc Đảng Dân Chủ trong Quốc Hội không nhảy rào, đoàn kết chặt chẽ để cứu Bill Clinton đang bị kẻ thù bới lông tìm vết hạ nhục nhằm lật đổ chồng bà. Bà còn loan báo một âm mưu rộng lớn của cánh hữu đã thành hình để hạ bệ chồng bà (*A vast right- wing conspiracy*). Bà luôn luôn tỏ ra người vợ thương chồng, hết lòng ủng hộ chồng, và không ngớt tuyên bố: *Tranh*

đấu để chống khỏi bị truất phế không phải là để bảo vệ chồng bà mà là bảo vệ Hiến Pháp." Tưởng cũng nên đề cập thêm bà Hillary là một trong số 100 luật sư giỏi nhất nước Mỹ.

Xem như vậy, quả Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ là một xứ sở thực sự tự do, dân chủ và pháp trị. Đối với một số quốc gia khác, nếu gặp cuộc khủng hoảng chính trị như trên thì chắc rằng từng Trung Đoàn đã kéo quân về thủ đô làm cuộc binh biến. Ngược lại, tại Hoa Kỳ, từng tiểu đoàn luật gia nhập cuộc, tranh đấu bằng luật lý trong khuôn khổ của luật pháp cho phép. Kể từ khi Hiến Pháp được soạn thảo cho tới vụ Monicagate, ta thấy truyền thống và sức mạnh của luật pháp đã giữ vai trò chủ yếu và bi tráng trong lịch sử Hoa Kỳ. Luật pháp của đất nước này bảo vệ, kiềm chế, và hướng dẫn tất cả mọi người trong đời sống hàng ngày vậy.

Theo các nhà sử luật danh tiếng, sự đóng góp thật sự của Hoa Kỳ vào sự tiến bộ của nhân loại không phải về kỹ thuật, kinh tế, hay văn hóa mà là sự phát triển khái niệm của luật pháp về sự kiểm soát và cân bằng quyền hành (*checks-and- balances*) trong ba ngành Lập Pháp, Hành Pháp và Tư Pháp. Mọi cuộc tranh chấp về quyền lợi và bổn phận của năm bè bẩy phái đều được giải quyết theo thế quân bình trong tinh thần thực dụng cố hữu của người Mỹ.

Arlington, Virginia Thu 2005

Tham khảo và trích các tài liệu sau:
*- The Complete **BIBLE** Handbook by John Bowker*
*- **Bé Xé ra To** hay là Vụ Án của Thế Kỷ của Tiến Sĩ Luật Khoa Nguyễn Trọng Liệu.*
- Hình Sự Tố Tụng Hoa Kỳ của Luật Sư Đoàn Văn Tiên và Trần Danh San
*- The American Heritage History of **The Law In America** by Bernard Schwartz)*

TRẦN VẤN LỆ

Chữ nghĩa và tôi

Tôi xem chữ nghĩa như con cái: có đứa buồn hiu, có đứa vui, quanh quẩn bên tôi chiều với sớm, líu lo như thể lũ chim trời...

Tôi xem chữ nghĩa như cơm cháo, khi đói thì ăn, no để dành, dư ném cho chim nhìn chúng hót, thấy đời hẹp bớt chút mông mênh...

Tôi xem chữ nghĩa như bè bạn, kết thả trôi sông chở cả trời, nếu có lúc bơi dòng nước ngược, buồn buồn nhớ lại lúc miền xuôi...

Tôi xem chữ nghĩa như chăn gối, khi lạnh thì ôm, nóng bỏ ra, nhưng chẳng lúc nào không ở cạnh, trăm năm thương mãi chữ Chan Hòa!

Chữ nghĩa và tôi nặng cái tình, nhẹ là khi thấy lệ long lanh: giọt sương trên lá khi chiều xuống, nhớ quá Quê Hương khóc đoạn đành...

Chữ nghĩa theo tôi thời ấu thơ, chữ a, chữ ă, chữ o, ô... Chữ nào cũng ngộ như ông Phật đưa một bàn tay chỉ học trò...

Chữ nghĩa và tôi đến xứ người, ngậm ngùi, tan nát giống như tôi... Sót vài ba chữ ngồi hiên quán gặp bạn nâng ly một tiếng cười...

Chữ nghĩa và tôi sẽ xuống mồ mai này cỏ mọc sắc xanh mơ, ai đi ngang để cành hoa xuống là cũng cho đời một chút Thơ!

Tờ Truyền Đơn

NGUYỄN TƯỜNG THIẾT

Tình cờ trên một số báo Văn cũ, số Xuân Quý Mùi 2003, tôi được đọc một truyện ngắn của nhà văn Mai Ninh. Đoạn văn sau đây trong truyện Mưa Mùa Xa khơi dậy trong tôi nhiều kỷ niệm xưa, về một thời tuổi trẻ sôi động năm 1963.

"Rồi tôi, cô bé mười ba bấy giờ biết những chấn động đầu tiên trong đời qua màn sương phả suốt đêm giới nghiêm, ngập ngụa những tờ truyền đơn ướt nát, những mảng biểu ngữ rách bươm và gậy gộc lẫn nhang đèn vung vãi trên vỉa hè sau cuộc biểu tình tuyệt thực rầm rộ trước nhà, loa phóng thanh rền rĩ niệm kinh suốt buổi chiều. Lẫn trong tiếng nước dập rồn rã vào cửa liếp và những chậu kiểng mẹ trồng thay hàng dâm bụt với gốc tầm ruột xanh từng chùm đã đốn đi, thỉnh thoảng rú lên hụ còi xe quân cảnh tuần tiễu chạy rút giữa lòng đường..." (Mưa mùa xa – Mai Ninh).

Những tờ truyền đơn ướt nát hồi đó mà cô bé Mai Ninh trông thấy không thể nào tồn tại trên đường phố lâu quá 24 tiếng đồng hồ. Số phận của chúng là được rải đi để rồi tan biến trong lòng các ống cống vỉa hè Sài Gòn.

Thế nhưng...

Do một sự hết sức tình cờ một tờ truyền đơn của thời ấy được tìm thấy trên đất Mỹ 40 năm sau. Tờ giấy tầm thường ấy bây giờ nằm trong tay tôi không còn mang bất cứ một ý nghĩa nào cả ngoại trừ nó là chứng tích của một thời tuổi trẻ. Tuổi trẻ tôi, tuổi trẻ thế hệ chúng tôi, những người mà giờ đây nếu còn sống hẳn đã hai màu tóc hoặc một màu tóc bạc trên đầu.

*

Tháng 8 năm 2003 tôi nhận được điện thư của một người quen cũ, anh N. Năm ấy anh N. dự định tổ chức một buổi họp mặt tại nam Cali gồm những người đã một thời từng là sinh viên và quen nhau tại khuôn viên các trường đại học Sài Gòn trong bàu khí sôi sục của năm 1963. Anh N. đặt tên cho cuộc họp mặt ấy là "bốn mươi năm nhìn lại."

Gặp nhau để làm gì? Tôi tự hỏi.

Như thể đọc được ý nghĩ của tôi, anh viết tiếp: "Gặp nhau không để làm gì cả, ngoài nhìn lại tuổi trẻ của mình."

Tôi viết thư tính từ chối lấy lý do ở xa. Nhưng nghĩ thế nào tôi lại lấy vé bay xuống Cali. Chính dòng chữ sau đây của anh N. đã khiến tôi đổi ý: "Gặp nhau là quý. Gặp nhau khi còn có thể. Cuộc đời của chúng ta rồi cũng sẽ qua đi... " Anh N. không phải là nhà văn nhưng những dòng chữ ấy khiến lòng tôi se lại.

Trước khi đi tôi gấp làm tám một tờ giấy đã nhầu nát bỏ trong ví. Đó là một tờ truyền đơn quay ronéo có tiêu đề: "Lời kêu gọi của Ủy-ban chỉ-đạo sinh-viên liên khoa gởi toàn thể anh chị em sinh-viên học-sinh thủ-đô và toàn quốc" ký tên năm sinh viên: Nguyễn Hữu Đống, Nguyễn Thanh Hùng, Nguyễn Trọng Cảnh, Nguyễn Tường Thiết, Dương Kiền. Ủy ban được thành lập trong Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa vào đêm ngày 1-11-1963, cái đêm chấm dứt nền Đệ Nhất Cộng Hòa của miền Nam Việt Nam.

Tôi hy vọng trong cuộc họp mặt tại nhà anh N. tôi sẽ được gặp lại mấy anh đã cùng tôi ký tên trên tờ truyền đơn. Tôi hình dung trước nét mặt ngạc nhiên của các anh ấy khi tôi đưa ra tờ giấy. Chính tôi, tôi cũng ngạc nhiên gần như sửng sốt khi tình cờ tìm thấy nó. Điều trớ trêu là trong suốt 40 năm tờ truyền đơn nằm ở ngay sát cạnh tôi mà tôi không hay biết.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975 khi rời khỏi Việt Nam tôi đã may mắn mang theo được hai tập bản thảo hai tác phẩm sau cùng của thân phụ tôi, nhà văn Nhất Linh. Hai tập bản thảo đó tôi cất giữ bên mình suốt 40 năm trời ở Mỹ nhưng không một lần nào tôi mở ra xem kỹ từng trang. Cho mãi đến năm 2003 khi tôi cho tái bản cuốn Giòng Sông Thanh Thủy, tôi giở từng trang một để đánh máy và lặng người tìm thấy một tờ truyền đơn nằm kẹp giữa tập bản thảo.

Đúng như tôi đoán trước tờ truyền đơn trở nên trọng tâm sự chú ý của mọi người. Tất cả truyền tay nhau. Không phải để đọc tờ truyền đơn quay ronéo ấy, vì nội dung của nó nay đã trở thành vô nghĩa, mà chỉ cốt sờ vào cái tờ giấy nhầu cũ vàng úa để có cảm tưởng mình sờ vào chính tuổi

trẻ thời sinh viên của mình. Ở nhà anh N. hôm đó chỉ có hai người ký tên trên tờ truyền đơn có mặt là anh Nguyễn Trọng Cảnh và tôi. Chúng tôi kéo nhau ra phố làm photocopy tờ tuyền đơn. Trở về nhà anh N. anh Cảnh và tôi trao đổi nhau hai tờ phóng ảnh để lưu niệm. Trên tờ anh Cảnh giao tôi, cạnh chữ ký của chính anh 40 năm trước, anh Cảnh ký tên anh với lời chú thích trong dấu ngoặc (40 năm sau). Anh Cảnh là người thứ ba ký trên tờ truyền đơn. Lúc ấy anh là sinh viên năm thứ tư kỹ sư Điện. Chữ ký của anh 40 năm sau vẫn y như vậy. Tôi cũng ký tên như thế trên một tờ phóng ảnh khác và tặng lại anh. Năm đó tôi 23 tuổi và là sinh viên năm thứ ba của đại học khoa học Sài Gòn.

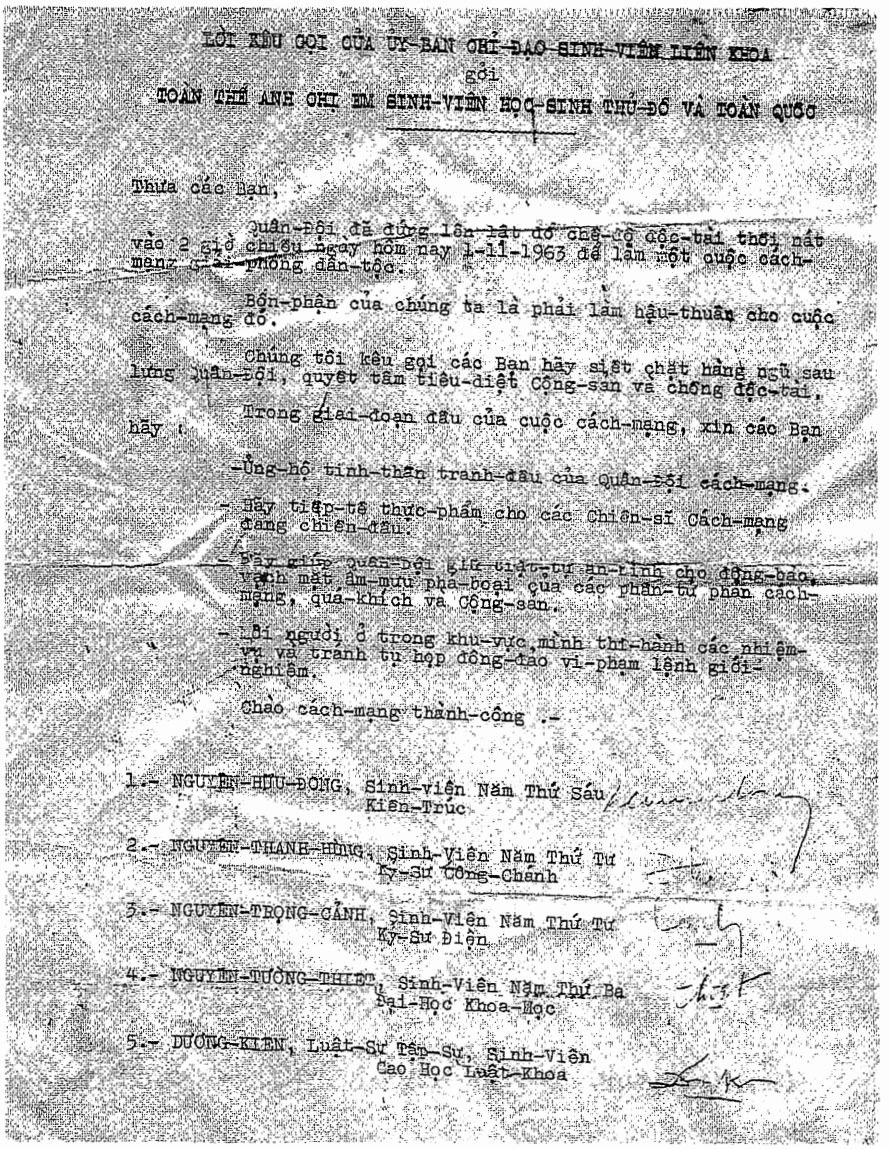

LỜI KÊU GỌI CỦA UỶ-BAN CHỈ-ĐẠO SINH-VIÊN LIÊN KHOA
gởi
TOÀN THỂ ANH CHỊ EM SINH-VIÊN HỌC-SINH THỦ-ĐÔ VÀ TOÀN QUỐC

Thưa các Bạn,

Quân-đội đã đứng lên lật đổ chế-độ độc-tài thối nát vào 2 giờ chiều ngày hôm nay 1-11-1963 để làm một cuộc cách-mạng giải-phóng dân-tộc.

Bổn-phận của chúng ta là phải làm hậu-thuẫn cho cuộc cách-mạng đó.

Chúng tôi kêu gọi các Bạn hãy siết chặt hàng ngũ sau lưng Quân-đội, quyết tâm tiêu-diệt Cộng-sản và chống độc-tài.

Trong giai-đoạn đầu của cuộc cách-mạng, xin các Bạn hãy :

- Ủng-hộ tinh-thần tranh-đấu của Quân-đội cách-mạng.
- Hãy tiếp-tế thực-phẩm cho các Chiến-sĩ Cách-mạng đang chiến-đấu.
- Hãy giúp quân-đội giữ trật-tự an-ninh cho đồng-bào, vạch mặt âm-mưu phá-hoại của các phần-tử phản cách-mạng, quá-khích và Cộng-sản.
- Hỏi người ở trong khu-vực mình thi-hành các nhiệm-vụ và tránh tụ họp đông-đảo vi-phạm lệnh giới-nghiêm.

Chào cách-mạng thành-công .-

1.- NGUYỄN-HỮU-ĐỒNG, Sinh-viên Năm Thứ Sáu Kiến-Trúc

2.- NGUYỄN-THANH-HÙNG, Sinh-Viên Năm Thứ Tư Kỹ-Sư Công-Chánh

3.- NGUYỄN-TRỌNG-CẢNH, Sinh-Viên Năm Thứ Tư Kỹ-Sư Điện

4.- NGUYỄN-THƯỢNG-THIỆT, Sinh-Viên Năm Thứ Ba Đại-Học Khoa-Học

5.- DƯƠNG-KIỆN, Luật-Sư Tập-Sự, Sinh-Viên Cao Học Luật-Khoa

Buổi chiều hôm đó trời Cali có nắng nhưng không nóng. Bên chiếc bàn dài đặt ở sau vườn nhà anh N. chúng tôi, khoảng hơn 10 người, ngồi ôn chuyện cũ. Câu chuyện đến một lúc trở về với biến cố ngày 1 tháng 11 năm 1963, tôi nhắc lại về trường hợp hình thành của tờ truyền đơn và những gì năm sinh viên chúng tôi chứng kiến vào cái đêm không ngủ, cái đêm "lạc đường" vào trong Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH. Không muốn làm mất thì giờ của các anh, vả lại chuyện xẩy ra đã quá lâu tôi hầu như đã quên hết, nên hôm đó tôi không kể chi tiết. Tôi chỉ hứa là trong tương lai nếu có dịp tôi sẽ viết lại. Hôm đó tôi không nói ra nhưng trong bụng tôi nghĩ lý do tôi muốn viết lại bởi vì trong số năm sinh viên ấy tôi tin rằng mình là người duy nhất lại "lạc đường" vào trong Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH một lần thứ hai, đúng vào cái đêm cáo chung nền Đệ Nhị Cộng Hòa của miền Nam Việt Nam, đêm 29 rạng ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Hai đêm lịch sử ấy, hai đêm cáo chung của hai nền Cộng Hòa miền Nam, cách nhau 12 năm. Trong hai "đêm trắng" ấy mặc dù tôi tình cờ có mặt trong cơ quan đầu não của quân lực miền Nam vào những giờ phút nghiêm trọng nhất của đất nước, nhưng vì ở một cương vị rất khiêm tốn (là một sinh viên trong đêm thứ nhất và là sĩ quan cấp nhỏ trong đêm thứ hai) tôi hoàn toàn không được chứng kiến, không được biết đến,

những gì đã thực sự xẩy ra trong Bộ Tổng Tham Mưu ở trên cấp bực cao. Chính vì vậy tôi chỉ nói là hai đêm đó tôi đã "lạc đường" vào trong Bộ Tổng Tham Mưu mà không dám bảo là mình đã "lạc đường vào lịch sử," như lối nói của tác giả Nguyễn Mạnh Côn.

*

Chị N. là người đàn bà duy nhất trong buổi họp mặt hôm ấy. Trong cương vị chủ nhà chị tiếp những người bạn của chồng mình rất niềm nở. Chị tươi cười nhanh nhẹn mang thức ăn từ trong bếp ra bầy trên chiếc bàn dài sau vườn nhà. Thấy chị một mình vất vả chúng tôi cũng đứng lên phụ chị mỗi người một tay. Người xách ghế, kẻ bầy bàn... Biệt thự của anh chị N. nằm trên một quả đồi trong một khu sang trọng và biệt lập. Xe chúng tôi lên dốc dừng trước cổng sắt. Tài xế bấm vào intercom liên lạc với chủ nhà để mở cánh cổng vào trong khu vực.

Ăn cơm xong, trời ngả chiều. Sau mấy tiếng đồng hồ tranh luận sôi nổi chuyện cũ chuyện mới, mọi người bây giờ lắng xuống. Tay cầm cốc cà-phê, tay kia điếu thuốc lá, hai ba người ngả lưng sau ghế, trầm ngâm. Riêng tôi, tôi cố gắng nhớ lại hai đêm ấy. Tôi tưởng tượng sau này nếu tôi viết, tôi sẽ viết như thế nào.

Điều tôi chắc chắn là tôi không thể viết theo trình tự thời gian, bởi vì khi tôi tập trung để nhớ lại thì hai đêm đó hòa chập vào nhau làm một, xuất hiện hầu như cùng một lúc. Ở một thời điểm này những hình ảnh của một mảnh đời vụt lóe. Rồi nhòe đi chồng lên mảnh khác, thời điểm khác. Rồi lại vụt tắt. Cứ thế chúng giao thoa chồng chéo đè dẫm lên nhau. Tôi ước ao có một thứ dụng cụ nào tựa như máy chụp hình hay máy quay phim có thể ghi nhận, chụp bắt những mảnh thoáng hiện đó trong trí nhớ tôi. Nhưng cố nhiên không thể được. Tôi đành phải viết ra vậy.

*

Đêm 29 rạng ngày 30 tháng 4 năm 1975. Tổng Cục Quân Huấn, Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH.

Tôi ngồi im trong bóng tối một gian phòng rộng. Tôi ngồi im như thế lâu lắm. Lúc ấy tôi không có ý niệm về thời gian nhưng chắc là vào khoảng nửa khuya. Các ngọn đèn trong phòng đều tắt. Ánh sáng từ một ngọn đèn ở hành lang chiếu qua những khung cửa sổ chiếu mờ mờ gian phòng với dẫy bàn ghế trống vắng. Vài chiếc mũ sĩ quan đặt trên mặt bàn. Mỏi mệt, tôi chuyển thế ngồi. Lúc đó tôi mới để ý chiếc giầy trận và bộ quân phục tôi mặc vội chiều nay rộng quá khổ. Tôi là sĩ quan, cấp bực Trung úy, thuộc Tổng cục Chiến Tranh Chính Trị. Nhưng vì trước đó không lâu tôi đã được biệt phái giáo chức nên rất ít khi tôi mặc đồ nhà binh. Chiều nay tôi vội sỏ bộ đồ này của người khác, vì nhu cầu khẩn cấp theo chân Đại tá Nguyễn Tiến Lộc vào trong bộ Tổng Tham Mưu.

Tôi lắng nghe. Từ xa rất xa cứ cách vài phút lại "ục" một cái, vọng về một tiếng nổ trầm. Qua cửa sổ trong màn đen ở chân trời lâu lâu lóe lên một ánh hỏa châu. Ánh vàng tỏa ra rồi lặng lẽ lụi trong bóng đêm.

Trong yên tĩnh tôi nghe có tiếng lầm rầm rất nhỏ ở góc phòng. Đúng hơn là một tiếng gì nghe như tiếng rên rỉ. Tôi nhìn về phía đó. Chỗ ấy tối quá tôi không trông rõ người, chỉ thấy được lờ mờ cái lưng của một vị sĩ quan. Ngồi cúi đầu trong bóng tối, ông ta đang rên rỉ hay đang khóc thầm? Tôi không rõ. Lát sau tôi nhận ra không phải là tiếng rên rỉ mà chính là tiếng nói của ông ta, nói gần nhưng cố ghìm giọng xuống cho thật nhỏ. Đột nhiên tiếng nói cất cao hơn khiến tôi nhận ra là từ nẫy ông ta đang nói trên điện thoại. Giọng ông ta có tiếng gắt: "Anh đã bảo rồi mà! Anh không thể nào về được! Cắm trại một trăm phần trăm! Anh không về được!". Rồi tiếng ông ta lại nhỏ xuống, rền rĩ: "Em đi ngay đi! Ra ngay bến tàu. Còn kịp mà! Mang con đi ngay! Đừng đợi anh... Nghe anh đi! Anh van em... Anh lạy em..."

Một tiếng "kịch"sau đó. Ông ta gác máy, đầu gục xuống bàn. Cái lưng ông ta bắt đầu rung rung. Rồi tiếng khóc bật lên, không kìm hãm, nức nở trong gian phòng vắng. Hồi lâu sau, ông ta đứng dậy, chụp chiếc mũ lên đầu, mở cửa đứng tần ngần nhìn trời một lát rồi bước hẳn ra ngoài. Đèn ở hành lang chiếu rõ nét mặt. Những thớ thịt trên mặt ông căng lại. Nhưng hai làn môi mím chặt thì lại run lên bần bật. Tôi thoáng thấy hai bông mai bạc lóe trên chiếc mũ ông ta trước khi ông biến mất vào bóng đêm.

*

Mười hai năm trước. Đêm 1 rạng ngày 2 tháng 11 năm 1963. Bộ Chỉ Huy, Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH.

Tôi bước lên những bực thang cao dẫn lên Bộ Chỉ Huy. Lúc ấy trời tối đen. Trong đại sảnh to lớn những sĩ quan trong bộ quân phục vàng đi lại vội vã. Không khí nghiêm trọng. Tôi đứng trân ở đó, ngỡ ngàng. Tại sao tôi lại có mặt ở

đây? Trong bộ đồ dân sự lạc lõng ở nơi này?

Lát sau một quân nhân cấp bậc thiếu tá (tôi không nhớ có phải là thiếu tá Đỗ Luận, em của đại tá Đỗ Mậu không) lại gần. Một người mặc thường phục đi cạnh viên sĩ quan. Anh ta dáng người khá cao, to ngang, mặt tròn, đầu hói, giơ bắt tay tôi, rồi tự giới thiệu bằng giọng Huế: "Nguyễn Hữu Đống, sinh viên Kiến Trúc." Sau khi viên sĩ quan đi khỏi anh Đống dẫn tôi đến góc phòng, nơi đã có ba người mặc thường phục, ba sinh viên như chúng tôi, chờ ở đấy. Chúng tôi bắt tay nhau và tự giới thiệu. Trong số bốn sinh viên có mặt đêm hôm đó tôi chỉ biết mỗi Dương Kiền, vì anh Kiền năm ấy là luật sư tập sự, phụ tá cho luật sư Đinh Trịnh Chính, người mà bốn tháng trước đã thụ lý hồ sơ biện hộ cho cha tôi trong phiên tòa xử ngày 8 tháng 7 (nhưng cha tôi đã tự vẫn vào ngày hôm trước).

Vào khoảng nửa đêm, cửa mở. Trung tướng Dương Văn Minh từ trong phòng họp bên cạnh bước ra đại sảnh. Oai vệ, cao lớn trong bộ quân phục vàng thẳng nếp, ba ngôi sao bạc lấp lánh trên cầu vai, tướng Minh tiến lại phía chúng tôi. Ông bắt tay từng người một và ngỏ ý cảm ơn các anh em sinh viên đã có mặt ở đây trong đêm lịch sử này để làm hậu thuẫn cho cuộc cách mạng.

Tôi là người cuối cùng được tướng Minh bắt tay. Khi ông cúi xuống tôi trông thấy nét mỏi mệt trĩu nặng trên gương mặt đăm chiêu. Ngay khi ấy, anh Đống đứng cạnh tôi giới thiệu tôi với tướng Minh: "Thưa Trung Tướng, anh Thiết đây là con của nhà cách mạng Nguyễn Tường Tam."

Nghe thế, tướng Minh nhìn sâu vào mắt tôi, môi ông mím lại. Ông đưa cao cánh tay trái đặt lên vai tôi trong khi tay kia vẫn cầm tay tôi, nắm chặt. Tôi cảm thấy trên bả vai mình bàn tay to lớn của ông vừa ấn xuống vừa bóp khẽ nhè nhẹ. Tôi nói vài câu vắn tắt với tướng Minh, trong đó tôi nhắc một kỷ niệm năm năm về trước, năm 1958, tướng Minh đã có lần ghé thăm vườn lan của cha tôi ở Đà Lạt (Tướng Minh và cha tôi có chung một cái thú đam mê: hoa phong lan), nhưng tôi không biết những lời tôi nói lúc ấy có lọt vào tai ông không, vì hình như tâm trí tướng Minh còn đang rối bời về cuộc đảo chánh mà ông cầm đầu đang diễn tiến chưa ngã ngũ; tôi chỉ biết là môi ông ta mím chặt lại như muốn ngăn một sự xúc động. Ông cứ đặt tay lên vai tôi như thế, khá lâu, không nói với tôi một lời.

Lát sau như chợt tỉnh, tướng Minh đứng thẳng người lại. Ông bóp mạnh một cái vào bả vai tôi, rồi buông tay. Day qua bên cạnh, tướng Minh trả lời anh Đống câu nói lúc nẫy của anh khuyên tướng Minh nên đi nghỉ vì trông vị tướng này đã quá mỏi mệt:

- "Qua" phải chờ một cú điện thoại nữa mới yên tâm mà đi nghỉ được. Một cú điện thoại nữa...

Nói xong tướng Minh quay người trở lại phòng họp. Lúc ấy khoảng nửa đêm rạng sáng ngày mồng 2 tháng 11 năm 1963. Nội dung của cú điện thoại đó đến nay với tôi vẫn còn mãi là một dấu hỏi bí ẩn.

*

"Cấm trại một trăm phần trăm. Anh không thể nào về được." Câu nói của vị trung tá trên điện thoại với vợ khiến tôi nghĩ ngay đến hoàn cảnh mình. Tôi cũng đang bị kẹt trong Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH, cũng trong tình trạng cấm trại 100%, giống hệt như ông ta. Chỉ khác một điều là trong khi vợ con của vị trung tá kia còn đang ở Sài Gòn thì vợ con tôi đã rời Sài Gòn chiều hôm trước trên chiếc máy bay C-130 của không lực Mỹ và giờ này chắc đang có mặt tại đảo Guam.

Chúng tôi bốn người. Bốn sĩ quan của quân lực VNCH. Hai trung úy là Nguyễn Đình Hùng và tôi. Hai người kia là hai anh em ruột, đều là anh rể của Hùng, Đại tá Nguyễn Tiến Lộc và Trung tá Nguyễn Văn Lạc. Đại tá Lộc là thành viên của Ủy ban Liên Hợp Quân sự Bốn Phe. Vào những ngày chót của cuộc chiến một chương trình di tản bằng phương tiện máy bay của không lực Mỹ được thiếp lập dành cho vợ con và thân nhân của những thành viên Ủy ban Quân sự.

Một ngày sau khi vợ con của bốn chúng tôi đã rời khỏi Việt Nam, tình hình chiến sự hết sức nguy ngập. Cộng quân đã tiến sát vào thủ đô. Bốn chúng tôi dính chùm nhau ngồi đợi tại tư gia của Đại tá Lộc, số 27 đường Trương Quốc Dung, Phú Nhuận. Tất cả các radio, transistor trong nhà được bật lên nghe ngóng tin tức chiến sự. Đại tá Lộc theo dõi đài phát thanh Hoa Kỳ trên làn sóng FM. Ba chúng tôi hoàn toàn phó thác số mệnh cho con chim đầu đàn là Đại tá Lộc, lúc này đang nghĩ rất lung tìm cách vượt thoát khỏi Việt Nam, vì tình hình đã tuyệt vọng và vì vợ con của bốn người đã rời khỏi nước.

Giữa nhà có một cái bàn mạt chược vuông vức trải vải nhung màu xanh lá cây đậm, bốn chiếc ghế ở bốn cạnh bàn. Chúng tôi bốn người. Ngồi nghe ngóng tin tức trong mấy tiếng đồng

hồ tinh thần căng thẳng quá, đại tá Lộc đề nghị chúng tôi chơi mạt chược để giải trí. Tất cả đều là dân mê mạt chược, trừ tôi. Tôi không biết đánh. Đại tá thất vọng, nhìn tôi nói: "Tao chán mày quá!" Bây giờ nghĩ lại cũng may mà tôi không biết đánh mạt chược. Nếu tôi biết đánh và nếu bốn chúng tôi mê mải trong bàn mạt chược không theo dõi sát tình hình, thì cuộc diện có thể thay đổi hẳn, chúng tôi có thể bị kẹt lại ở Việt Nam và cuộc đời của chúng tôi rẽ hẳn sang một hướng khác.

Đêm hôm đó, đêm 29 tháng Tư, không hiểu nghĩ thế nào – có thể là ông nghĩ Mỹ sẽ bốc những sỹ quan cao cấp trong đó vào giờ phút chót – đại tá Lộc bất thần ra lệnh Hùng và tôi mặc quân phục, lên xe jeep, lái vào trong Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH. Đây là một tính toán sai lầm. Ông không hay biết rằng vào đó tức là đâm đầu "vào rọ." Những quân nhân trong đó đêm hôm ấy bị cấm trại 100%. Trong khi nhiều quân nhân khác trong đó có thể đang tìm mọi cách để ra khỏi rọ mà không được thì bốn chúng tôi lại đâm đầu vào. Trong Bộ Tổng Tham Mưu, đại tá Lộc lái đến Tổng Cục Quân Huấn, nơi trung tá Lạc làm việc, bỏ ba chúng tôi tại đó, một mình ông lái xe đến Bộ Chỉ Huy, trình diện vị Tổng Tham Mưu Trưởng sau cùng của quân lực miền Nam, Trung tướng Vĩnh Lộc. Vị tướng này hẳn là rất ngạc nhiên trước sự hiện diện của đại tá Lộc vào cái thời điểm này.

Suốt tối hôm đó cho đến nửa đêm, ngồi trong căn phòng tối của Tổng Cục Quân Huấn, chúng tôi nghe thấy lẫn trong tiếng pháo kích, tiếng đại bác ỳ ầm vọng tới từ miền ngoại ô, có lẫn tiếng máy bay rầm rộ từ hướng phi trường Tân Sơn Nhất sát bên Bộ Tổng Tham Mưu lướt qua đầu chúng tôi. Đó là hàng đoàn những chiếc C-130 của không lực Hoa Kỳ cất cánh trong nỗ lực tuyệt vọng mang những đợt người di tản sau cùng rời khỏi Việt Nam.

*

Khoảng ba bốn giờ sáng ngày 2 tháng 11 năm 1963 đèn bật sáng choang trong đại sảnh Bộ Chỉ Huy Bộ Tổng Tham Mưu. Tướng Dương Văn Minh tái xuất hiện. Ông chỉ thị cho viên sĩ quan tùy tùng làm sự vụ lệnh cấp năm chiếc xe Dodge 4 đưa năm chúng tôi sang bên Nha Chiến Tranh Tâm Lý. Tôi ngồi một mình một xe, cạnh tài xế. Chiếc xe lướt đi trong bóng đêm trên những con đường vắng tiến về phía trung tâm của thành phố Sài Gòn. Qua sở thú, đến đường Hồng Thập Tự gần cầu Thị Nghè, xe rẽ vào trong Nha Chiến Tranh Tâm Lý.

Tại Nha chúng tôi thảo truyền đơn. Sau đó bản thảo được đưa cho một hạ sĩ quan đánh máy trên giấy stencil để quay ronéo. Ở cuối tờ truyền đơn để tên năm sinh viên. Khi được hỏi về phân khoa nào và học năm thứ mấy, tôi phân vân. Các ngành Luật, Kiến Trúc, Kỹ sư... có chia rõ sinh viên năm thứ mấy, còn các ngành khác như đại học Khoa Học, Văn Khoa... người ta chỉ nói sinh viên chứng chỉ này, chứng chỉ nọ. Cuối cùng tôi cũng cứ để đại sinh viên năm thứ ba, tính từ năm tôi đậu Tú Tài II.

Khi mấy ngàn tờ truyền đơn được in xong thì trời đã sáng hẳn. Chúng tôi ngồi trên năm chiếc Dodge 4 rời Nha Chiến Tranh Tâm Lý đi về năm hướng khác nhau của thành phố Sài Gòn. Mỗi người được trang bị một thùng truyền đơn và một cái haut parleur cầm tay.

Chiếc Dodge 4 chạy về hướng trung tâm thành phố.

*

Từ nửa khuya cho đến rạng sáng, cứ cách một

LÝ THỪA NGHIỆP

Cổ Phong

Lên đồi dựng một thảo am
Xuân thu khoác áo màu lam mây ngàn
Tiếng chuông hay tiếng suối tràn
Đã vang từ những đạo tràng xa xưa
Tâm truyền tâm pháp Phật thừa
Xe trâu một cỗ, người đưa người về.

Lên đồi mài đá đề thơ
Vẽ mây xanh với tư bề cỏ cây
Bụi và đất đá quanh đây
Còn nghe ngàn hạc vàng bay lưng trời
Ai khai hóa, ai tô bồi
Sáo ai nhã nhạc trên đồi cổ phong.

tiếng đồng hồ lại có tiếng xe jeep đậu trước Tổng Cục Quân Huấn. Đại tá Lộc bước vào phòng. Trong bóng tối tôi thấy ông rầm rì nói chuyện với người em trai. Ông nói vắn tắt rồi vội vã đi ngay. Lúc này không còn tiếng C130 rầm rộ bay qua đầu. Tôi nghe rõ hơn tiếng súng. Xen lẫn những tiếng đại bác nổ còn lẫn tiếng súng nhỏ từ hướng phi trường Tân Sơn Nhất.

Khoảng tờ mờ sáng đại tá Lộc bảo ba chúng tôi lên xe, lái thẳng ra cổng Trại.

Đêm trước sau khi trình diện vị Tổng Tham Mưu Trưởng, Đại tá Lộc được Tướng Vĩnh Lộc giao phó trách nhiệm kiểm soát hệ thống phòng thủ toàn thể khu vực Bộ Tổng Tham Mưu. Với chức vụ mới này Đại tá Lộc suốt đêm hôm đó đã lái xe đi kiểm soát tất cả các trạm gác, các cửa ngõ ra vô Trại, và mỗi lần đi thanh tra một vòng như thế Đại tá lại ghé qua Tổng Cục Quân Huấn trao đổi vài câu ngắn ngủi với Trung tá Lạc. Gần sáng Đại tá xin tướng Vĩnh Lộc về nhà để lấy một số vật dụng tùy thân. Tuy được phép ra khỏi Trại nhưng chúng tôi cũng rất lo, bởi vì vòng đai phòng thủ bên ngoài của Trại thuộc lực lượng Dù, và lính dù Dù có thể bắn vào tất cả những quân nhân nào toan tính vượt thoát ra khỏi doanh trại Bộ Tổng Tham Mưu.

Chiếc jeep ngừng lại trước cổng. Đại tá Lộc xuống xe, tiến về phía trạm gác. Thiếu tá trưởng trạm nhấc điện thoại gọi vào trong Bộ Chỉ Huy xin xác nhận. Rồi cổng mở. Chiếc xe mang bốn chúng tôi vọt ra.

Như một khúc phim câm đen trắng được quay lại rất chậm chiếc xe jeep lặng êm chạy qua cổng trại của Bộ Tổng Tham Mưu. Lúc đó khoảng năm giờ sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975. Lúc xe vượt qua cổng ấy tôi có cảm giác như có nhiều mũi súng đang hướng từ phía sau. Bên ngoài vắng hoe. Lực lượng dù đông đảo trấn giữ ở đây đêm trước đã bất ngờ rút. Chiếc jeep lăn trên đường Công Lý. Trời còn mờ tối. Phố xá vắng. Chốc chốc vọng tiếng nổ ỳ ầm ở xa. Có xen lẫn những tiếng súng nhỏ. Chân trời lóe sáng từng chập.

Chiếc jeep chạy về hướng trung tâm thành phố.

*

Trung tâm thành phố Sài Gòn bừng bừng khí thế cách mạng buổi sáng ngày 2 tháng 11 năm 1963. Đại lộ Thống Nhất dẫn đến Dinh Độc Lập đông nghẹt người xuống đường. Chiếc Dodge 4 khó khăn lách qua đoàn người biểu tình đi nghênh ngang giữa lộ.

Phía trước Dinh Độc Lập đối diện Vương Cung Thánh Đường rừng người và biểu ngữ tràn ngập đường phố; đám đông trèo lên những chiếc xe thiết giáp đậu dọc con đường Công Lý. Trong công viên dưới hàng cây sao những người lính dù trong bộ quân phục rằn ri ngồi dựa gốc cây nghỉ, nón sắt bỏ bên cạnh, yên lặng hút thuốc. Chung quanh họ dân chúng bu quanh hỏi chuyện. Nhiều người đem bánh mì và nước uống cung cấp cho binh sĩ.

Tiếng hoan hô, đả đảo vang động trong đám đông. Khích động bởi không khí cuồng nhiệt tôi như người sôi máu. Tôi mở cửa hông xe, đứng hẳn dậy, thò đầu ra ngoài xe, tay tôi vung lên cao tung từng xấp truyền đơn bay lả tả trên đầu trên vai đám người dưới đường tranh nhau bắt lấy. Đưa chiếc máy phóng thanh cầm tay lên miệng tôi đọc lớn lời kêu gọi của Ủy-ban chỉ-đạo sinh-viên liên khoa gửi toàn thể anh chị em sinh-viên học-sinh thủ đô và toàn quốc: "Quân đội đã đứng lên lật đổ chế độ độc tài thối nát vào 2 giờ chiều ngày hôm nay 1-11-1963 để làm cuộc cách mạng giải phóng dân tộc... bổn phận của chúng ta là phải làm hậu thuẫn cho cuộc cách mạng..." Ngay khi tờ truyền đơn vừa được đọc xong một thanh niên trong đám đông đu người lên xe đứng nghiêng người cạnh tôi. Anh ta dằng lấy máy phóng thanh trong tay tôi, hô lớn: " Đả đảo độc tài gia đình trị!". Lập tức cả trăm tiếng hô vang dậy: "Đả đảo! Đả đảo!" "Hoan hô cách mạng thành công!"... "Hoan hô!"...

*

Trời đã tỏ rạng hơn sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975. Đường phố im vắng. Không một bóng xe. Sài Gòn như ngưng tiếng thở. Hai bên đường đám đông người đi bộ gương mặt thất thần. Họ đi... đi thất thểu đi xuôi đi ngược đi vất vưởng đi không định hướng như những thân xác không hồn.

Ngồi sau chiếc xe jeep cảm giác của tôi lúc đó thật lạ. Không lo âu. Không sợ hãi. Không kinh hoảng. Chỉ thuần một sự mê lịm.

Xe đi qua đường Trần Quốc Toản rẽ vào trong sân rất rộng của trụ sở Ủy Ban Liên Hợp Quân Sự. Trong sân một đám đông người đã tụ ở đó. Ai nấy đứng ngửa cổ ngóng lên trời cao nhìn vài chiếc phi cơ cuối cùng rời khỏi thành phố bay về hướng biển. Trong đám đông có vài ánh lóe nhấp nháy tuyệt vọng của những chiếc gương làm hiệu lên bầu trời. Sau khoảng 15 phút đứng chờ ở đó

tôi nghe tiếng đại tá Lộc nói: "Không xong rồi!". Đại tá ra lệnh chúng tôi thay lại đồ dân sự. Chúng tôi vứt bỏ đồ trận và súng ống ở trong sân của trụ sở rồi nhẩy lên jeep. Phía trước tôi nghe mẩu đối thoại khẽ, ngắn. Trung tá Lạc: "Mình đi đâu?". Đại tá Lộc: "Tôi tìm đường xuống Gò Công". Trung tá Lạc: "Không nên. Không kịp. Tụi nó đã vào sát Sài Gòn. Đi Nhà Bè. Gần nhất."

Xe chạy qua đường Thống Nhất. Tôi nhìn lại lần cuối Tổng Cục CTCT, đơn vị cuối cùng tôi phục vụ. Bên cạnh Tổng Cục tôi chứng kiến cảnh dân chúng trèo tường vào trong Tòa Đại Sứ Mỹ. Trên hè rộng trước Tòa Đại Sứ la liệt đồ đạc do dân chúng tràn vào hôi của bỏ lại. Xe qua Khánh Hội. Một cảnh tương tự xẩy ra ở Kho 5. Dân chúng tràn vào kho hôi của hoặc tìm đường ra tàu thoát thân. Đu trên hàng rào mắt cáo của Kho 5 bầy người đông nghẹt chen nhau hỗn loạn. Trên đường Trịnh Minh Thế dẫn đến Nhà Bè có rất nhiều vòng kẽm gai chắn ngang đường. Trung Tá Lạc chốc chốc lại xuống xe kéo vòng gai để chiếc jeep lách qua chạy tiếp. Gần đến Nhà Bè một cảnh tượng tôi không bao giờ quên được. Một toán lính Địa Phương Quân khoảng vài chục người đi nghêng ngang giữa lộ. Đám lính không súng ống, không giầy trận tơi tả đi về hướng Sài Gòn. Vừa đi vừa lột vứt áo trận xuống đường.

Đến Nhà Bè ngang một bến tàu là kịch đường. Tuyệt lộ. Chiếc jeep đỗ khựng. Chúng tôi nhìn quanh. Bến tàu vắng hoe. Giữa lòng sông Sài Gòn những chiếc tàu đủ loại lướt qua mang theo những đợt người di tản sau cùng của thành phố.

Bốn chúng tôi nhìn đoàn tàu hối hả đi ngang trên lòng sông rộng, nghĩ tới vợ con tất cả đã rời khỏi nước bằng máy bay của cơ quan DAO từ hôm trước mà lòng não nùng tuyệt vọng. Đúng vào lúc ấy một người đàn ông không biết từ đâu chạy tới nói nhỏ: "Các ông di tản?". Chúng tôi gật đầu. Ông ta bèn "mách nước": "Ở mé kia có một cái xuồng máy vừa cập bến. Họ đang lấy xăng. Các ông có thể xin quá giang qua tàu lớn đậu ở ngoài sông". Mách xong ông ta ngửa tay xin Đại tá Lộc cái chìa khóa xe jeep. Cầm chìa khóa trong tay ông ta lại xin thêm thẻ chủ quyền xe rồi ông ta biến mất. Trong cơn mê hoảng và nỗi tuyệt vọng chúng tôi lúc ấy không ai nghĩ đến việc ông ta có thể lừa chúng tôi để lấy xe. Chúng tôi chạy vội đến chỗ ông ta chỉ thì quả nhiên có chiếc xuồng máy đậu. Trên xuồng có dăm ba người lính. May mắn tột cùng làm sao một người lính trên xuồng vừa mới vượt thoát từ Đà Nẵng về nhận ra ngay Đại Tá Lộc khi ông còn phục vụ ngoài Quân Đoàn I mấy năm trước và cho chúng tôi xuống xuồng. Bốn chúng tôi sau đó được chuyển qua một con tàu lớn đi ra cửa biển. Con tàu này mang tên Tourane 3.

Cùng thời gian ấy cách 10 cây số về hướng tây nơi trung tâm thành phố bây giờ mang tên Hồ Chí Minh chiếc xe tăng đầu tiên của phía bên kia từ hướng Thị Nghè đang tiến trên đường Thống Nhất hướng về Dinh Độc Lập.

Tàu Tourane 3 đi ngang khúc sông Lòng Tảo. Có tiếng súng lớn nổ từ hai bên bờ sông nhắm vào đoàn tàu chạy ở giữa dòng. Trong số người di tản có một người chết: nhà văn Chu Tử.

Trong lúc tàu tiến về phía cửa biển tôi nghe từ một chiếc radio của đám người tị nạn giọng nói của Tổng Thống Dương Văn Minh, vị Tổng Thống sau cùng của VNCH, tuyên bố đầu hàng.

Trí tôi thoáng hiện hình ảnh mười hai năm trước trong đêm cáo chung của nền Đệ nhất Cộng Hòa. Đó là hình ảnh của tướng Dương Văn Minh ngay sau khi ông được giới thiệu tôi là con của cha tôi, đôi môi ông mím chặt lại như muốn ngăn chặn một sự xúc động, bàn tay to lớn của ông đặt lên bả vai tôi vừa ấn xuống vừa bóp khẽ nhè nhẹ.

Rồi tôi nghe bài Nối Vòng Tay Lớn trôi đi trên cùng làn sóng của chiếc radio ấy, giọng hát thiếu tiếng đàn đệm của người nhạc sĩ họ Trịnh...

*

Phía trước tôi con sông mở rộng. Đoàn tàu di tản mấy chục chiếc nối nhau tiến về cửa biển Cần Giờ. Cách sáu dặm về hướng đông những chiếc chiến hạm Hoa Kỳ thuộc Đệ Thất hạm đội nằm chờ sẵn ở ngoài khơi.

Đoàn người di tản trên chiếc Tourane 3 được chuyển qua một chiến hạm của hải quân Việt Nam, chiếc HQ16, trực chỉ hướng đông đến Phi Luật Tân. Nơi đây, trước khi trao trả chiếc chiến hạm này cho hải quân Mỹ, một buổi lễ hạ kỳ được tổ chức đơn giản trên boong chiếc HQ16.

Mấy trăm người di tản gồm cả quân nhân lẫn dân chúng, cả nam lẫn nữ thuộc đủ mọi lứa tuổi nhìn chiếc cờ ba sọc đỏ từ từ hạ xuống trong chiều vàng của vịnh Subic Bay. Buổi hạ cờ chấm dứt chóng vánh và trong sự lặng lẽ. Chỉ có những tiếng nức nở thay cho quốc ca.

Tôi nhìn mặt biển phẳng lỳ trải mênh mông trước mặt nghĩ đến tương lai vô định của mình và có cảm tưởng như tuổi trẻ của tôi vừa mới khép lại. Tuổi trẻ ấy mở ra cùng với tờ truyền đơn của một đêm nào. Một tuổi trẻ quá ngắn. Mới mười hai năm./.

NỐT CHỦ ÂM

YAMADA EIMI
PHẠM VŨ THỊNH *chuyển ngữ*

Lời người dịch : *Truyện thứ 8 và cuối cùng trong tập truyện ngắn "Hôkagô No Kiino-to, After School Key Note, Nốt Chủ-Âm Sau Buổi Học" xuất bản năm 1989, được dịch từ nguyên tác tiếng Nhật "Kiino-to" trong bản bỏ túi do Shinchô Bunko tái bản lần thứ 11, tháng 12 năm 2003.*

Vì sao mà cảm giác tươi mới lại thích hợp với mùa xuân đến thế nhỉ? Sách mới, bàn mới, bạn bè mới! Chúng tôi lên lớp 12. Rộn ràng, phấn khích. Vậy mà chẳng căng thẳng bực bội chút nào, bởi không khí êm đềm mùa xuân đã hoà trộn đủ mọi thứ vào nhau rồi. Chỉ biết, thờ thẫn thả mình vào cơn gió mùa xuân, thì nghe chừng những bất an của mình thấm tan vào hơi ấm của thời tiết, chỉ còn nỗi mong đợi rạo rực kích thích lòng mình. Tôi yêu biết mấy khoảng thời gian từ mùa xuân đến đầu mùa hạ. Bởi có cảm giác mình có muốn khấp khởi chờ mong đủ mọi thứ trên đời cũng được, hay chỉ ngồi yên mà cảm nhận thời gian êm đềm trôi qua, cũng chẳng sao cả.

"Tự nhiên mà mình cũng đâm ra mong muốn có chàng!"

Yuri nói thế. Chẳng hiểu sao suốt ba năm nay hai đứa tôi lại học chung lớp. Cả nó lẫn tôi đều chẳng có bạn trai. Cứ mải lo phụ giúp chuyện tình duyên cho các bạn gái khác, chợt nhớ lại phận mình thì đã lỡ mất cơ hội rồi. Hai đứa tôi vẫn hằng ân hận về điều ấy, nhưng đồng thời lại chia sẻ với nhau lòng tự-phụ thầm kín rằng chúng tôi chẳng phải là hạng người có thể yêu thương một cách nhẹ dạ thế được.

"Thế nhưng, quả thật là không cưỡng nổi mùa xuân được nhỉ!"

Sau buổi học, hai đứa tôi vừa uống trà vừa tán chuyện như thế.

"Sao thế nhỉ? Chả lẽ con người được cấu tạo như thế chăng?"

"Như thế là sao?"

"Cứ mùa xuân đến là thời kỳ phát tình đấy."

"Nghe ghê quá. Thế thì có khác gì loài động vật đâu!"

"Thì con người là động vật chứ gì nữa. Hơn nữa, cả tâm hồn cũng phát tình cùng lúc, thế mới chết chứ. Ngay cả mình là gái tân mà còn nghĩ đến chuyện muốn có đàn ông nữa kia. Bạn thì sao?"

"Ừ... *m.*"

Yuri nói thế thì tôi chẳng biết trả lời sao. Quả đúng thế thật. Hai đứa tôi chưa từng biết đến thân thể đàn ông, cho nên không thể thở ra những lời thèm muốn đàn ông một cách điệu nghệ như các cô gái đã trưởng thành được, nhưng dù sao thì nỗi mong ước ấy vẫn là chân thật. Hay là tại mùa xuân? Cứ bị bao trùm trong không khí đầm ấm thì lại muốn ôm lấy vật gì ấm áp. Và vật ấm áp mà hai đứa tôi muốn ôm lấy ấy là chàng trai nào tha thiết thương tưởng đến chúng tôi.

"Mình cảm thấy muốn được là con mèo."

"Muốn gì lạ thế?"

"Để được chàng ôm chặt đến vặn vẹo cả người đi, rồi xoa đầu mình mà nựng ngoan lắm, ngoan lắm."

"Yuri đúng là có ước nguyện trở thành động vật đấy nhỉ."

"Ừm. Thế nhưng chẳng phải ai cũng được đâu nhé. Phải thương yêu mình mới được đấy."

"Thế lớp mới nầy có chàng nào lọt vào mắt xanh không?"

"Ừm, chưa biết ra sao đây, nhưng đấy, có anh chàng trong đội bóng rổ..."

"Jun-ichi ấy à? Hắn là bạn tôi từ hồi nhỏ đấy. Nhưng mà, không được đâu. Hắn đang cặp bồ với con nhỏ tên là Rie đấy nhé."

"Vậy à."

"Yuri bỏ cuộc một cách dửng dưng như không, rồi kể ra hai, ba tên con trai khác. Tôi mơ màng nhớ lại Jun-ichi. Thế mà cũng trở lại thành cùng lớp. Khi giáp mặt nhau trong phòng học của học kỳ mới, tôi và Jun-ichi đã phá ra cười mà dè bĩu nhau rằng đúng là của nợ gì đấy nên cứ phải gặp nhau. Trước đây thì có thời tôi đã xốn xang trong lòng mong hắn quay đầu lại nhìn mình,

nhưng bây giờ thì kỳ lạ thay, tôi đã có thể thản nhiên mà nhìn thẳng vào mắt hắn. Tôi hoàn toàn không còn ghen tức gì với Rie nữa. Điều nầy khiến tôi vô cùng thanh thản. Có vẻ tâm tình thương tưởng của tôi đã âm thầm kết thúc trong tình trạng đơn phương mất rồi.

"Sao mà thấy thiếu vắng thế nào ấy. Chẳng lẽ quãng đời trung học của mình qua đi mà không nếm được mùi vị tình yêu nào cả sao chứ."

"Ừ nhỉ."

Hai đứa tôi trao đổi những lời như thế, rồi chia tay. Tụi tôi đã sống khá nhiều năm rồi. Thế nhưng chỉ biết có thân thể mình mà thôi. Chỉ có thể lục tìm trong lòng mình mà thôi. Như thế, vẫn còn là con nít, chứ gì nữa? Lúc ăn tối, tôi thử hỏi bố tôi. Thông thường, chuyện tình ái thì không ai trao đổi với bố mẹ cả. Nhưng gia đình tôi thì từ ngày mẹ tôi bỏ đi, đã thay đổi nhiều lắm rồi. Đã thành một gia đình không thể tránh né được ý thức rằng mẹ tôi là đàn bà, bố tôi là đàn ông, và tôi đang dần dần trở thành một người phụ nữ. Bố tôi là một người đàn ông thuần phác quá để có thể xa cách con mình về những chuyện như thế.

"Bố có đang yêu người nào đấy không?"

"Vì sao lại hỏi thế con?"

"Chứ dạo nầy, con cảm thấy thế. Có thể nào mình thành người lớn mà không biết đến tình yêu chăng?"

"Tình yêu thật sự, con nghĩ là gì nào?"

"Là muốn sở hữu tất cả. Và muốn cho tất cả."

"Thế à? Thế có lúc nào con có ý mong muốn như thế chưa?"

"Chưa bao giờ."

"Vậy thì, hãy chờ đến lúc ấy đã."

"Chờ đợi thế thì chẳng thú vị gì."

"Sao lại không thú vị? Người phụ nữ nào không thể vui thú trong sự chờ đợi ấy thì không có tư cách để yêu thương. Nói cách khác, người đàn bà nào không có tự tín sẽ sẵn sàng đáp ứng được khi tình yêu đến, bất cứ lúc nào, thì không nên yêu thương mà không suy nghĩ kỹ. Quy tắc sống của thế giới người lớn là như thế. Chứ hiện nay, ngay tức khắc thì con có dám cởi bỏ y phục trước mặt chàng trai mà con yêu không nào?"

Tôi lắc đầu.

Không, tuyệt đối không. Thế nào cũng phải thay đồ lót, gội tóc sạch sẽ trước, và còn phải chuẩn bị lời nói trước nữa chứ.

"Con không tự tin là làm được thế đâu."

"Thế thì khoan nói chuyện tình yêu ấy. Nhưng mà, con bắt đầu suy nghĩ như thế là điều hay đấy. Đang bữa cơm, nhưng theo bố vào đây."

Bố tôi vào phòng ngủ lấy gì đấy.

Từ khi mẹ tôi ra đi, tôi chưa hề đặt chân vào đây lần nào. Mẹ đi rồi, phòng ngủ của bố mẹ trở thành phòng riêng của chỉ một người đàn ông.Bố tôi lấy ra một hộp nhỏ từ trong ngăn kéo.

"Quà cho con đấy. Đã dùng một ít rồi. Bố định là sẽ cho con khi con lớn lên. Con thường xuyên xức nước hoa nầy đi. Người phụ nữ biết chừa thì giờ cho việc xức nước hoa thích hợp cho mình, thì thông thường mọi chuyện đều đối phó được cả đấy."

Tôi mở nắp chai nước hoa.

Mùi thơm ngọt ngào lan toả. Mùi thơm có vẻ thật người lớn. Chẳng phải là thứ để xịt vô-tư vào người được.

"Cảm ơn bố. Nhưng không biết có hợp với con không?"

"Con lớn lên kịp nó ngay ấy mà."

Bố tôi mỉm cười trấn an.

"Khi con lớn lên kịp mùi nước hoa nầy, hẳn là sẽ rời bố mà đi. Như mẹ con vậy."

Suốt đêm ấy, tôi mở nắp chai nước hoa bố tôi đã trao cho, đưa lên mũi không biết bao nhiêu lần. Tôi nằm dài trên giường, cho dòng nhạc êm dịu chảy tràn, nghĩ đến mẹ và bạn bè của mình. Những lúc suy nghĩ điều gì trong mùi nước hoa nầy, thì mặc đồ jeans hẳn là không thích hợp. Tôi nghĩ thế. Phải là áo lót bằng lụa, mềm mại, dịu dàng bao bọc thân thể mình. Thế nhưng tôi đâu có đồ lót bằng lụa. Mình có thứ gì thay thế được không nhỉ? Thân thể đàn ông thì sao nhỉ? Tôi chợt nghĩ thế, và đỏ mặt. Chỉ một loại nước hoa, mà thật đã kén chọn đủ thứ. Khi mình giữ được mùi nước hoa nầy cho riêng mình, thì sẽ tự mình chọn lấy chỉ những gì mình thích. Trái ngược hẳn với điều bố tôi định dạy tôi. Đó là hãy quyết định về sở thích trước, rồi mới chọn nước hoa như tinh túy cuối cùng. Bố tôi bảo đấy là cách làm thông thường. Cách nào đúng thì hiện thời tôi không hiểu rõ, nhưng tạm thời hãy cứ nghe theo lời bố tôi là người tôi yêu mến nhất. Đêm ấy, thay vì mơ tưởng đến đồ lót bằng lụa, tôi tẩm lòng mình bằng những kỷ niệm với mẹ tôi rồi nhắm mắt ngủ, ngập tràn trong mùi nước hoa ấy. Tôi ôm chiếc gối, nhắm mắt ngủ trong ước nguyện sáng mai đây, khi mở mắt dậy, hãy cho tôi thành người lớn một tí.

"Nầy, bạn xức nước hoa đấy nhỉ?"

Sáng hôm sau, lên trường thì ngay lập tức, Yuri đứng bên cạnh tôi đã hít hà động đậy hai cánh mũi mà hỏi tôi như thế.

"Ủa, vẫn còn mùi à?"

"Ừ, có vẻ là mùi gì khác chứ không phải là dầu gội tóc. Mùi gì thơm hơn kia."

"Hừm, tự mình thì không còn nghe mùi gì nữa mà."

"Khỉ thật, tự nhiên mà bạn trông có duyên hẳn lên ấy!"

"A ..."

Vì lẽ gì mà động đến nước hoa lại có lối liên tưởng như thế nhỉ? Có khi quả thật là mùi nước hoa loại nầy hợp với hình ảnh đàn ông thành một cặp thường đi đôi với nhau chăng? Tôi lại nghĩ rằng mùi hương dầu gội tóc buổi sáng mới khiêu gợi hơn nhiều chứ. Nhưng có cảm giác như mình làm bộ ra vẻ tự nhiên, nên tôi không thích mấy.

Đêm qua đã đi ngủ với mơ tưởng là sáng hôm sau có khi mình trở thành người lớn được chút nào chăng. Thế nhưng chuyện đó không xảy ra, giờ học vẫn nhàm chán như mọi khi, bên ngoài thì trời đẹp thế mà mình lại phải cực khổ ngồi yên tù túng trước bàn học, thỉnh thoảng lại phải cắn răng ngậm miệng cho qua cơn ngáp vặt.

Tự tín sẵn sàng đáp ứng khi tình yêu đến, bất cứ lúc nào. Tôi mơ hồ nhớ lại lời bố tôi nói. Ngay bây giờ, chẳng có chút ý chí nào cả thế nầy thì chắc chắn chẳng làm sao mà rơi vào tình trường gì được cả. *A, khổ thật, làm sao bây giờ?* Đang nghĩ thế, tay chống cằm, thì gã con trai ngồi bàn sau gõ ngón tay lên lưng tôi. Tôi lừa lúc thầy giáo không để ý, quay đầu lại thì gã ra hiệu "từ phía sau gửi đến đấy" vừa trao cho tôi một mảnh giấy. Từ bàn cuối lớp, Jun-ichi khom tấm thân to lớn, ra hiệu cho tôi.

Trên mảnh giấy có dòng chữ khiến tôi ngạc nhiên:

"Chia tay với cô ta rồi, tớ rơi xuống đáy vực thất vọng đây. Lòng dạ đàn bà thật không thể hiểu nổi. Cứu tớ với. Jun-ichi."

Tôi cảm nhận tia nhìn của thầy giáo, nên hoảng hốt vo tròn mảnh giấy, nhưng không kịp nữa. Thầy giáo lạnh lùng bước đến bàn tôi, lấy cục giấy ấy mở thẳng ra, đọc lớn lên cho mọi người nghe. Cả lớp cuốn vào những tràng cười không dứt. Tôi xấu hổ cúi gầm mặt xuống.

"Lúc nào ta cũng sẵn sàng giúp ý kiến cho các trò. Thế nào, sau buổi học nầy, đến phòng giáo chức ngay chứ?"

"Thưa không, chỉ là..."

"Ở tuổi cậu thì không hiểu nổi lòng dạ đàn bà là chuyện đương nhiên rồi, không phải sao?"

"Dạ..."

Vẻ mặt ngượng ngùng của Jun-ichi hiện rõ trong mắt tôi. Hắn đã chia tay với Rie thật rồi à? Nhưng mà, tại sao? Mà hắn cần tôi cứu nghĩa là sao? Suốt buổi học bị ám ảnh bởi những thắc mắc ấy, tôi cứ như người đi trên mây. Cho dù trước đây lòng tôi đã đầy ắp những tâm tình đơn phương đối với hắn đi nữa, giờ đây, cũng đâu còn lý do gì để tôi lại nôn nao vì hắn nữa? Lòng yêu trong quá khứ trộn lẫn với tình bạn trong hiện tại tràn ngập lòng tôi thành nỗi tò mò nao nức muốn biết thêm về tâm tình Jun-ichi.

"Cô ta bảo là không còn cảm thấy gì về tớ nữa."

Sau buổi học, hai đứa ngồi lại gần cửa sổ, uống sữa tươi và gặm bánh mì. Chui vào quán cà-phê thì tiếc một buổi hoàng hôn đẹp như thế nầy.

"Thế cậu vẫn còn yêu Rie chứ?"

"Chả hiểu. Có thể chẳng còn cảm thấy gì nữa cả. Dần dần tớ đã bắt đầu thấy phiền toái quá. Không ngờ cô ta đã nhanh miệng nói ra trước..."

"Nghĩa là chẳng dứt khoát được chứ gì? Cậu cũng không yêu cô ấy nữa, thì đâu có lý do gì phải buồn."

"Bởi chẳng dứt khoát được nên mới bứt rứt. Có gì như còn sót lại nung nấu âm ỉ trong lòng mình. Chứ lúc ban đầu thì thích lắm nhé. Chỉ nhìn nhau đã mê hồn rồi kia."

"Nguội lạnh rồi chứ gì. Tìm đến nhau được rồi nhưng không giữ được nhau. Giống như các cặp khác, cứ dính vào rồi lại rời ra mà thôi."

"Nói gì mà lạnh nhạt thế!"

"Chứ cậu có biết không? Trước đây rất lâu, tôi đã thương cậu còn hơn Rie nữa đấy. Là bạn gần cậu nhất, chuyện gì của cậu, tôi cũng đã thấy rõ. Thế nên tôi đã phải cố giấu lòng mình thật khổ nhọc. Người thiếu nhạy cảm như cậu, đã chẳng để ý gì đến tình cảm của một bạn gái như thế, thì làm thế nào lý giải được tâm tình phức tạp hơn nữa của người con gái cậu đang yêu?"

"Có thật là ngày xưa cậu thương tớ không đấy?"

"Ừm. Nhưng mà, bây giờ thì chỉ là tình bạn thôi. Cậu thì lúc nào cũng chẳng để ý gì cả. Cũng có thể là tính tốt không chừng, nhưng cứ vô tâm mãi như thế, thì có cặp bồ với người con gái nào cũng thế thôi. Hắn là Rie đã cảm nhận nhiều điều. Thế nhưng con gái càng tinh anh lại càng muốn chấm dứt quan hệ bằng những lời nói ngắn gọn mà thôi. Cô ấy hẳn là có rất nhiều điều muốn nói với cậu mà không nói ra đấy."

PHÙNG CUNG

Mỏi xanh

Đã bao năm
Tôi lại gặp em
Vẫn cái dáng gầy đầy đặn
Quẩn quanh trong cõi dối lừa
Hòng hõng đợi người chồng tử trận
Mấy chục năm rồi
Đã mỏi xanh!
Nước mắt hoa râm
Câm trôi duyên phận
Em vò hoa trong muối mặn
Nấu bát canh xuông.

"Có vẻ cậu đã thay đổi quá đi mất!"

"Sao cậu nói thế?" Tôi ngạc nhiên hỏi.

"Có vẻ cậu đã quen nhiều bạn trai lắm."

"Đời nào! Tôi chỉ đang ở giai đoạn chuẩn bị thôi. Nếu có người yêu thì thay vì nghĩ là muốn làm như thế nầy, tôi sẽ thiên về ý nghĩ không muốn làm như thế kia hơn. Ngoài ra, toàn là chuyện tôi không hiểu. Còn tùy theo sự việc tiến triển như thế nào thôi."

Thế rồi, hai đứa nhìn ra bên ngoài cửa sổ một hồi lâu. Nghe tiếng hò hét nhiệt tình của học sinh các lớp dưới trong sinh hoạt đội nhóm. Jun-ichi chẳng nói năng gì. Hai đứa im lặng hút sữa tươi bằng ống hút. Không khí ngày xưa lại êm đềm bao phủ chúng tôi.

Dạo nầy, tin đồn rằng có vẻ tôi và Jun-ichi lại bồ bịch với nhau, đã loan truyền rộng rãi. Nghe Yuri báo cho biết thế, tôi sửng sốt.

"Vậy mà cũng đồn đại được?! Chứ có lý do gì tôi phải bồ bịch với hắn đâu? Hắn chỉ là bạn từ hồi nhỏ của tôi thôi mà."

"Làm sao tránh được chứ. Ai cũng nghĩ thế đấy. Trong giờ học thì làm rầm lên ai cũng biết chuyện đã chia tay với cô bồ cũ. Rồi sau buổi học lại thường cặp kè nhau đi về chung. Có thật là hai cậu chẳng có gì với nhau không?"

"Có gì đâu nào!"

Nhưng nghĩ cho cùng thì đúng thế thật chứ. Người khác có thể nhìn thấy chúng tôi như một cặp bồ bịch, chứ những chuyện chúng tôi nói với nhau thì chẳng có chút gì là tình tứ lãng mạn cả, và lúc nào cũng có phần thích thú phê bình quấy phá nhau nữa kia. Chúng tôi nối kết với nhau ở chỗ gì hoàn toàn khác với tình cảm thiết tha gọi là tình yêu ấy.

"Có vẻ có lắm cô thất vọng rồi đấy. Bởi lắm cô đã khấp khởi mừng thầm rằng nếu đã chia tay với cô bồ kia rồi thì mình có hy vọng thế chỗ. Chính tôi đây cũng là một trong đám ấy đấy."

Quả là các nữ sinh khác đã nhanh chóng để ý đến nét hấp dẫn của Jun-ichi. Tôi đâm ra tự hào. Khi hắn bắt đầu cặp bồ với Rie, tôi đã nghĩ mình là người hiểu hắn nhất, và đã âm thầm tự hào về điều ấy. Bây giờ nghĩ lại mình thuở ấy, tôi mắc cỡ. Lòng ghen tức và sự nôn nóng đã là những luồng xoáy cuồn cuộn trong lòng khiến tôi đã không còn là đứa con gái hiền hậu chút nào nữa. Bây giờ thì khác. Nghĩ như thế, lại cảm thấy có chút tự hào. Và tôi có thể có cái nhìn thẳng thắn về chuyện Jun-ichi mà không phải lo bị kẻ nào khác cướp mất. Giả thử ngay bây giờ mà hắn yêu người nào khác, có lẽ tôi cũng sẵn sàng hết lòng giúp ý kiến cho hắn không chút lưỡng lự gì cả.

Từ khi suy nghĩ được như thế, lại bắt đầu có nhiều bạn trai muốn gặp nói chuyện riêng với tôi, và số những quà tặng nho nhỏ cũng tăng dần lên. Trước kia, lúc còn mơ tưởng chuyện có người yêu, thì làm gì có được như thế đâu. Khi những chàng trai tôi chưa hề nói chuyện lần nào lại đến với tôi, hỏi han chuyện nầy chuyện kia, tôi chỉ biết mở mắt thật to trong nỗi ngạc nhiên. Bởi đâu có ngờ là đám con trai lại chú ý đến mình. Có lẽ là nhờ Jun-ichi không chừng. Cặp kè với Jun-ichi thì chẳng cần làm gì cũng nổi bật lên thôi.

"Chả phải thế đâu."

Ngày nọ, trên đường từ trường về, hắn nói thế.

"Chứ Jun-ichi, cậu là mục tiêu cho đám con gái để ý đấy thôi. Đi cùng với người như thế, tự nhiên tôi cũng được chú ý đến."

"Không đúng đâu. Chính tớ đây mới phải ganh tỵ đấy chứ."

"Nghĩa là sao?"

"Chứ sao nữa? So với dạo trước, cậu lớn hẳn lên. Không như đám con gái kia lúc nào cũng

bép xép huyên náo. Nói sao nhỉ? Cậu có phong thái người lớn lắm. Cứ như là ở nhà thì không thèm xem TV, mà thích nghe nhạc hay đọc sách, thế đấy."

"Thế à?"

"Tớ không diễn đạt cho trọn được. Chỉ biết là, cứ lởn vởn ý nghĩ là muốn thân mật với cậu hơn nữa. Cứ bị ám ảnh bởi ý nghĩ như thế. Đấy, tớ lại phải nói ra cả điều không biết có nên nói ra không."

"Thân mật hơn à? Chứ tôi và Jun-ichi có phải là bồ bịch gì đâu nào?"Tôi đăm đăm nhìn hắn, muốn phì cười. Ngạc nhiên thấy mặt hắn đỏ lên.

"Xin lỗi. Tớ đã nói ra mất rồi. Chuyện muốn thân mật hơn với cậu."

"Tại sao?! Tôi đâu có tâm tình như thế đối với cậu."

"Tớ cũng chẳng hiểu nữa."

"Vậy tại sao cậu lại nói thế chứ?"

Tôi bắt đầu giận lên.

Nghĩ lại thời tôi yêu thích Jun-ichi thì hắn đã chẳng để ý gì đến tâm tình tôi. Thấy hắn là người chỉ biết có hắn thôi.

"Cậu giận đấy à?"

"Ừm."

"Xin lỗi. Nhưng mà, thật đấy. Ý nghĩ rằng cậu là của tớ, dần dần mạnh thêm lên. Chỉ nghĩ đến chuyện cậu có thể cặp bồ với tên nào khác là tớ nổi giận lên ngay. Tớ van cậu, đừng bỏ tớ!"

"Cậu điên à!"

Tôi và Jun-ichi nhìn nhau, cùng phì cười. "Đừng bỏ tớ!", lời nói ấy chẳng thích hợp với lứa tuổi tụi tôi tí nào. Mà dù sau nầy, khi đã thành người lớn, không biết tụi tôi có khi nào nói những lời như thế một cách nghiêm trang được chăng? Nghe tức cười quá! Hai đứa cứ thế cười khúc khích mãi. Jun-ichi có vẻ cũng tức cười quá về lời nói mà mình đã buột miệng ra mất. Hai đứa cảm thấy thơ thới. Ngọn gió xuân thổi đến chúng tôi, lật ngược gấu váy tôi. Tôi cảm thấy thật khoan khoái. Đến nỗi lúc hắn đột ngột hôn lên môi tôi, tôi chỉ hoang mang một thoáng, không hiểu chuyện gì xảy ra.

"Xin lỗi. Thế nầy thì có hơi thô bạo quá nhỉ?"

"Sao cứ xin lỗi mãi thế?"

"Xin lỗi."

"Hôn như thế là lần đầu tiên đấy."

'Thật à? Vậy thì, xin cả lần thứ hai luôn nhé!"

Jun-ichi lại hôn tôi lần nữa.

Tôi chịu thua, nhìn hắn. Hắn lại ôm chặt tôi.

"Xin luôn lần thứ ba, thứ tư, thứ năm nữa."

"Năm lần là đủ sao?"

Lời tôi làm hắn hoang mang. Trông thật đáng yêu. Tôi nghĩ thế. Những nụ hôn gợi tôi nhớ hắn là con trai. Tại sao môi chạm môi lại biến bạn bè thành ra trai gái nhỉ? Trong lòng tôi, Jun-ichi đã đổi thành người đàn ông mất rồi. Đinh-ninh như thế một cách thật bất ngờ. Người đứng trước mắt tôi bỗng chốc không còn là người bạn thuở nhỏ trước đây đã khiến tôi mơ tưởng và thất vọng, mà cũng chẳng còn là người bạn tâm giao không giấu diếm gì với nhau nữa. Như đang nhìn vào ánh sáng chói chang, tôi nheo mắt lại.

"Bắt đền đấy."

Hai đứa lại nhìn nhau đăm đắm, cảm thấy lời nói cổ điển ấy nghe như một câu đùa ý nhị, mà cười với nhau. Tất nhiên, anh ấy đền bù bằng cách nắm chặt bàn tay tôi. Hai đứa nắm tay nhau rảo bước trên đường về.

Chỉ vài nụ hôn, tuy không tạo ra thay đổi gì lớn, nhưng từ đó, tôi nghĩ về Jun-ichi nhiều hơn. Trên môi mình đã có đôi môi của chàng trai áp lên, chỉ nghĩ đến là đã thấy có cảm giác rạo rực. Khi người con trai không còn là người lạ nữa, tất cả đều bắt đầu từ đôi môi. Đột nhiên, từ lúc ấy, tôi nghĩ đến Jun-ichi với lòng trìu mến tha thiết.

Ngày trước, tôi chỉ nghĩ muốn có Jun-ichi. Bây giờ, không chỉ trong tầm tay, tôi muốn Jun-ichi bao phủ cả lòng tôi nữa. Thật kỳ diệu. Khi nhớ đến anh ấy, không chỉ hình dáng anh mà cả vị ngọt ngào cũng dâng lên. Và đôi má lõm vào như nhớ đến vị chua. Để rồi nhận ra rằng vị chua đã tưởng lầm ấy thật ra chỉ là ảo giác, chỗ lõm trên đôi má lại biến thành nét rạng rỡ của nụ cười.

Thế là tôi chẳng còn có thể nói với Yuri rằng giữa tôi và Jun-ichi chẳng có gì cả. Giữa tôi và anh ấy, có gì đấy đã thầm kín nảy sinh. Và không như ngày xưa, bây giờ thì tôi có thể nắm chắc được điều ấy. Như nắm được cuống tim của Jun-ichi, và Jun-ichi nắm được cuống tim của tôi.

Dù vậy, thế nầy mà là tình yêu, như người ta thường gọi, thì tôi nghĩ có vẻ thiêu thiếu thế nào ấy. Bởi nếu là đứa nào trong đám con gái chung quanh tôi, ắt hẳn cũng đã gây náo động lên, hay khóc tướng lên vì sung sướng. Thế mà sao trong lòng tôi chẳng có tình cảm kịch liệt gì cả. Tuy thế, tôi cũng cảm thấy bên trong ấy sắp sửa có gì đấy khác lạ, khấp khởi, run rẩy, sẵn sàng bật vỡ tung lớp da ngoài. Tình yêu có vẻ như là một loại quái thú hành tinh trầm tĩnh.

Khi anh ấy nắm tay, tôi đã không cảm động gì mấy. Chỉ cười mà nhìn đăm đắm vào mắt anh. Thế nhưng sau đấy nhớ lại cảm xúc ấy, lại muốn

kêu lên nho nhỏ. Những lúc như thế hẳn là đôi má tôi hồng lên. Tôi có thể tưởng tượng lại cảm giác từ bàn tay, móng tay to lớn của anh ấy còn rõ ràng hơn lúc chúng thực tế chạm vào người tôi nữa. Tôi nghĩ có khi tình yêu là thứ tình cảm quái lạ mà phía phát sinh ra đã để sót lại thành ký ức đọng lại lâu dài. Từ nay, mỗi lần tôi và Jun-ichi gặp nhau, sẽ để lại từng ký ức mà trưởng thành dần thành người lớn.

Sau ngày ấy không lâu, tôi đã hòa hợp thân thể với Jun-ichi. Khi kỳ nghỉ hè chưa bắt đầu. Chẳng phải ở trên giường. Không chờ được đến lúc nằm trên giường. Tôi đã được Jun-ichi ân ái ngay trên sàn gỗ của phòng trọ anh ấy. Jun-ichi bảo không phải lần đầu, nhưng sao tôi thấy có vẻ vụng về đối với tôi là lần đầu tiên. Hẳn tình yêu làm người đàn ông hấp tấp. Phía con gái thì quên đi được cảm giác nôn nóng, mà có những động tác thư thả để đón nhận người đàn ông. Bởi cần nhiều thời gian để đón nhận được như thế. Tôi cảm nhận được trên da mình cảm giác thời gian trôi qua dần dần không còn tính tuyệt đối nữa. Cùng với lòng mình mềm dịu dần đi. Tuy chưa từng-trải qua nhiều năm tháng nhưng tôi cảm thấy có thể dung thứ được tất cả những bất hạnh đã xảy đến cho mình từ trước đến nay.

"Mùi hương gì đây nhỉ?"

Nằm dài trên sàn rõ lâu tưởng không còn nhỏm dậy nữa, Jun-ichi lên tiếng hỏi.

Trán đẫm mồ hôi, trông anh không khác gì đứa trẻ đã ham chơi quá.

"Tên là mùi Mille đấy."

"Nghĩa là gì thế? Có vẻ là một mùi đắt tiền lắm."

"Nghĩa là một ngàn, vốn là của mẹ em. Em thừa kế đấy."

"Ồ. Vậy thì ngàn lần muốn được như thế nầy với nhau."

Làm thế thì để lại được ngàn lần ký ức chăng? Ngàn ký ức khác nhau trong cùng một mùi nước hoa. Được thế thì tốt quá, tôi nghĩ. Tôi đang tản mạn suy nghĩ như thế, Jun-ichi nói, có vẻ vui thích lắm."

Đến sàn phòng cũng thấm mùi nước hoa nầy nữa. Em về mất rồi thì làm thế nào đây? Còn một mình thì anh không chịu nổi tâm trạng nầy đâu!"

Tôi chợt cảm thấy hạnh phúc. Cùng lúc, cảm thấy thương cho người đàn ông. Hẳn là bị trói buộc trong lời nguyền của mùi hương. Như bố tôi vậy. Cho dù tình yêu có tiêu tán đi, ký ức của thân thể vẫn còn lưu lại mãnh liệt. Có lẽ khứu giác còn ghi nhớ mãi mãi mùi hương của người đàn bà đã tạo nên ấn tượng cho mình. Mà cả tôi cũng thế. Có lẽ sẽ không thể nào quên được người con trai đang nằm dài như một động vật to lớn trên sàn nầy."

Đâm ra thương Jun-ichi mất rồi đấy."

"Thế trước đây không thương à?"

"Thương chứ. Nhưng bây giờ thương hơn. Và tin chắc như thế. Và an tâm nữa. Thế là em đã yêu thương được một thứ có hình dạng rõ ràng rồi."

Jun-ichi chỉ cười lớn. Có vẻ không hiểu lắm điều tôi nói. Cũng dễ hiểu thôi. Trong quan hệ yêu thương giữa hai đứa, tôi có thành tích lâu dài hơn anh ấy.

"Nóng quá. Mở máy lạnh nhé?"

"Thôi, như thế nầy được rồi."

Ngoài trời đang mưa. Mùa mưa sắp hết rồi. Mùi mưa hôm nay chắc tôi sẽ không còn ngửi thấy lại được nữa. Mùi nước hoa của mẹ tôi, trộn lẫn với mùi thân thể người đàn ông đầu tiên của tôi. Tôi nhớ đến bố tôi. Tôi đã biết được mùi hương nầy. Và biết được tại sao bố không thể quên được mẹ.

Jun-ichi nhỏm dậy, mở nhạc lên. Rồi ngượng ngùng khoác áo sơ-mi vào. Tôi vẫn đăm đăm nhìn Jun-ichi. Ngày xưa, người nầy đã chỉ là một cậu bé nghịch ngợm. Và tôi đã chỉ là đứa con gái không biết gì cả. Thế mà...

"Kỳ dị quá. Hai đứa mình lại trở thành như thế nầy!"

"Anh cũng thấy thế. Chỉ là bạn thân của nhau từ hồi nhỏ. Vậy mà thình lình lại trở thành như thế nầy mà chẳng có trắc trở gì cả."

"Bắt đầu thay đổi từ đâu, và lúc nào thế nhỉ?"

"Chả rõ. Có lẽ là từ lúc sau buổi học, thấy cần phải hôn nhau đấy chứ gì."

"Sau buổi học mà không có người mình thương, thì kỳ cục thật. Vậy mà từ lâu, mình đã làm mãi chuyện kỳ cục ấy."

Hai đứa cười khúc khích. Không chừng, người lớn cho rằng hai đứa tôi như thế nầy là bậy. Có lẽ quở mắng là không đàng hoàng. Nhưng chúng tôi cho đó là tự nhiên thôi. Thân thể người đàn ông đầu tiên. Và tình yêu. Có thể lặp lại một ngàn lần được chăng? Tôi mong thế. Như thế nầy với anh ấy, để lưu lại một ngàn lần ký ức tuyệt vời. Để ký ức biến thành nốt nhạc có mùi hương tuyệt diệu, mà tấu lên giai điệu riêng của hai đứa. Chúng tôi chưa phải là người lớn. Nhưng lòng yêu nầy trân quý hơn của bất cứ ai.

Sydney 11-2005

CA ĐOÀN VUI VẺ

TRẦN MỘNG TÚ

Thứ tư vừa qua chồng tôi đi làm về, nói:

- Cuối tuần này anh mời em đi nghe hát, thay vì đi movie.

- Hát gì vậy, có phải hát nhạc Giáng Sinh không?

- Nhạc Giáng Sinh thì đúng rồi, nhưng chương trình này đặc biệt chỉ toàn các ông hát thôi, mà hình như của nhóm người Đồng Tính (Gay) ở Seattle.

Tôi cũng hơi lạ với lời mời này, nhưng khi hỏi rõ hơn hóa ra chàng có hai cái vé *free*. Lý do là thỉnh thoảng chàng gửi tiền ủng hộ đài Truyền Thanh Công Cộng, nên cuối năm được tặng hai vé đi nghe *Seattle Men's Chorus* (tạm dịch: Ca Đoàn của quý ông Seattle)

Tôi do dự:

- Anh rủ bạn anh, Mark hay Bruce đi, nghe đàn ông hát hợp ca chắc không hấp dẫn với em.

- Thì đi cho biết, hơn nữa trình diễn ở nhà hát Benaroya Hall, chuyên dùng cho hòa nhạc, anh muốn xem cái nhà hát đó.

Tôi nghĩ lại cũng muốn đi vì tò mò xem những người đó họ trình diễn hơn là xem cái rạp hát.

- Thôi, em bằng lòng đi.

Buổi chiều chủ nhật, chúng tôi ăn cơm sớm hơn một chút, chồng tôi nhắc.

- Này em, ăn mặc lịch sự nghe, không có quần jeans như mình đi movie đâu.

Hai vợ chồng đóng bộ đi xuống phố nghe hát. Đầu tháng 12, dưới phố đã chăng đèn giáng sinh khắp nơi, người đi tấp nập mua sắm đầy đường. Khung cảnh của một thành phố an bình thịnh vượng. Áo dạ, khăn len, mũ nỉ, giầy bốt, từng nhóm đi với nhau, từng cặp tình nhân khác phái, từng cặp tình nhân đồng phái vừa đi vừa cười nói vang cả phố đêm. Các nhà hàng, quán rượu đèn mầu chấp chới theo tiếng nhạc hắt ra đường hòa nhập vào dòng xe cộ.

Chúng tôi cũng tay trong tay bước vào rạp hát. Dù đã biết đây là một ban hát của những người đàn ông thuộc nhóm Gay, tôi vẫn không tránh khỏi dán mắt mình vào những cảnh hai người đàn ông đẹp trai, lịch lãm hôn môi nhau hay ôm ấp nhau một cách công khai khi đứng chờ vào ghế. Thỉnh thoảng có một pha hấp dẫn quá, thế nào mắt chúng tôi cũng thấy tìm nhau để chia xẻ.

Rạp hát bốn ngàn chỗ, người ngồi kín mít. Ca sĩ được mời lên sân khấu, họ được vị nhạc trưởng giới thiệu *Two hundred young men* và tiếp theo ông nói:

-Muốn hay không, khi các bạn tới đây hôm nay các bạn sẽ thưởng thức những người đàn ông đồng tính hát.

Tôi nhìn chung quanh, có thể nhận ra phần đông khán giả đến nghe hát tối nay là những người *Gay* hoặc *Lesbian*. Họ đến để ủng hộ cho cộng đồng riêng tư của họ. Những cặp đàn ông, những cặp đàn bà ở trước mặt và bên cạnh chúng tôi, má dựa vai kề rất là mùi mẫn, có những người khoảng giữa ba mươi, bốn mươi tuổi, mặt mũi lịch sự, sáng trưng, ăn mặc rất thời trang, chỉ nhìn qua cung cách họ ăn nói, cũng biết ngay là thành phần trí thức. Họ âu yếm nắm tay người bạn đời đồng tính ngồi sát vào nhau. Thỉnh thoảng lắm mới chen vào một vài cặp vợ chồng như chúng tôi đến dự, tôi nghĩ họ là người có thân nhân trong Ca Đoàn, họ đi để yểm trợ tinh thần hoặc có vé mời.

Mở tập Chương Trình 50 trang được phát khi vào cửa ra xem. Trong đó ngoài những quảng cáo thương mại, hãng Boeing cho một trang mầu với hàng chữ *Boeing is proud to support the inspiring sound of the Seattle Men's Chorus*, cũng còn có những ô vuông đóng khung với những hàng chữ *HIV/AIDS Case Management; Gay Men's Task Force*

Có dòng thơ in ở trang ghi tên tưởng nhớ những người đã qua đời rất cảm động:

I have seen your eyes,
they always look onward
toward a time,
a season known to none
but you.

Cũng như tất cả các ca đoàn hát nhạc Giáng Sinh khác, những bài hát lần lượt được trình bầy: *Joy To The World, Jerusalem In The Morning, Joy* và *Silent Night* v.v. Phần trình diễn khá hấp dẫn: hát đồng ca, song ca, tam ca, tứ ca. Có một người đứng làm dấu tay *sign language* suốt chương trình. Bài *Silent Night* sau khi hát bằng lời, cả ca đoàn "hát" bằng ra dấu tay rất đẹp và cảm động. Thỉnh thoảng có chen vào một màn nhạc cảnh. Đặc biệt khi làm nhạc cảnh họ cố ý nhắc nhở khán giả họ là những người *Gay*.

Một ca sĩ hát bài *I Wanna Be A Rockette* đã hát:

"Khi tôi lớn tôi muốn thành một anh chàng Gay."

Màn nhạc cảnh *Christmas In Bed* họ không ngần ngại nói với nhau:

"Tôi không cần món quà gì cho Xmas cả, chỉ

NHỮNG BÀI THƠ THÁNG TƯ CỦA TRẦN MỘNG TÚ

THÁNG TƯ QUÊ HƯƠNG TÔI

Tháng tư quê hương tôi
Con chim chết cháy trên ngọn cây
Con bướm chết cháy giữa bông hoa
Mẹ già chết cháy trong góc chợ
Em thơ chết cháy cùng căn nhà
Tháng tư quê hương tôi
Máu chảy ngoài quốc lộ
Máu kéo vào thành phố
Chiếc nón sắt vùi dưới mương
Đôi giày saut vứt trên bãi cỏ
Tháng tư quê hương tôi
Có người lính quay súng bắn vào đầu
Có ông vua chạy trốn ngai vàng
Có ông tướng quên mình là tướng
Chưa kịp đánh đã hô to "Tan hàng"
Tháng tư quê hương tôi
Những nụ hôn mặn chát
Những giọt lệ khô
Những chiếc thuyền ra cửa biển
Những cánh tay gãy trong hàng rào tòa đại sứ
Tháng tư quê hương tôi
Một vết đen lịch sử

(1976)

THÁNG TƯ QUÊ NGƯỜI

Tháng tư sương phủ mặt
Gió thổi tình bay xa
Tiếng cười chia bè bạn
Niềm đau giữ riêng ta
Tháng tư nồng như rượu
Hạnh phúc rót đầy ly
Nụ hôn người tình hái
Đóa sầu ta cất đi
Tháng tư ta soi bóng
Cố tìm mình trong gương
Hai năm trời sơn phết
Còn đôi mắt mỏi mòn
Tháng tư ta giấu mặt
Tháng ngày như chiêm bao
Hai năm trời kim chỉ
Không vá kín mảnh sầu
Tháng tư ta cố khóc
Tháng tư ta cố cười
Ô hay ta hóa đá
Không biết khóc biết cười

(1977)

TIẾNG HÁT DO THÁI

Ta ngồi một mình
Ly cà phê cạn
Lòng như tháng tư
Đứt ra từng đoạn
Bốn năm quê người
Đời con nước cạn
Hồn như nhánh khô
Vướng dòng mục nát
Bốn năm quê người
Đời như canh bạc
Canh bạc lọc lừa
Vốn đời tan tác
Bốn năm quê người
Đời như tiếng hát
Tiếng hát ngắn buồn
Cho thân phiêu bạt
Ôi tháng tư nào
Cho ngày trở lại
Ôi tiếng hát nào
Hát đời Do Thái.

(1979)

VẾT THƯƠNG

Anh ạ tháng tư mềm nắng lụa
Hoa táo hoa lê nở trắng vườn
Quê nhà hun hút sau trùng núi
Em mở lòng xem lại vết thương
Năm tháng qua mau quên đếm tuổi
Trong gương mắt đã rạn chân chim
Em nhuộm nỗi buồn như nhuộm tóc
Vết thương đóng vẩy nhói trong tim
Tháng tư ngàn cánh hoa đào nở
Gió thổi hồng bay một khoảng trời
Còn nhớ không anh ngày tháng đó
Từng mảnh quê mình lệ, máu rơi
Tháng tư mây trắng bay vào cửa
Gom mây vá lại những mảnh sầu
Vết thương năm đó chưa lành chỉ
Sẽ còn làm độc đến bao lâu
Anh ạ, tháng tư sương mỏng lắm
Sao em nhìn mãi chẳng thấy quê
Hay sương thành lệ tra vào mắt
Mờ khuất trong em mọi nẻo về.

(1990)

muốn cả ngày ở trên giường và open you," và để cho chữ *open* được cụ thể, anh nọ cởi ngay áo của anh kia ở trên giường.

Những tiếng vỗ tay luôn luôn vang dội rạp hát khi chữ *Gay* được thốt ra. Tôi nhìn những người chung quanh, tôi thấy trên mặt họ một niềm vui vẻ, sảng khoái . Tối nay, tại chỗ này cái thế giới vốn khép kín của người Đồng Tính được tự do phô bầy với nhau. Họ hôn nhau, ôm nhau và họ hạnh phúc. Tôi chợt nghĩ đến một đám tang một đồng nghiệp của chồng tôi mà tôi đến dự cách đây vài năm. Tôi được biết anh có một người yêu đồng tính ở tận England hơn sáu năm. Vì công việc không thay đổi được, họ thay phiên di chuyển để gặp nhau mỗi hai tháng một lần và đi *vacation* với nhau hai hay ba tuần trong một năm. Họ yêu và rất chung thủy với nhau. *Love no geographic boundary.* Tôi đã chứng kiến những người bạn đã hỗ trợ, an ủi người tình nhân còn lại chu đáo đến không ngờ. Tôi cảm nhận được cái mất mát đó nó to lớn và ảnh hưởng cho nhóm bạn của họ đến thế nào. Giống như một gia đình hiếm con hay ít anh em mà mất đi một người. Họ đứng nhìn người thân ra đi bằng căn bệnh hiểm nghèo (mà mọi người e dè khi nói đến) với những gương mặt thất thần, hối tiếc. Những cặp mắt mở hết cỡ, căng những đường gân máu, những cặp môi mím chặt ngậm nỗi đau không nói bằng lời. Tôi đứng đó thấy những giọt nước mắt lăn trên má mình lúc nào không hay. Bỗng nhớ đến chuyện tình cảm của Alfred và Arthur.

Alfred Lord Tennyson, một thi sĩ người Anh có một mối quan hệ chặt chẽ với người bạn trai, Arthur Hallam. Người ta không biết có phải đây là một mối quan hệ tình yêu lãng mạn đồng tính hay không? (Vì họ không công khai và trước đây Hallam đã đính ước với em gái của Alfred, nhưng cô chết đột ngột). Khi Hallam qua đời, Tennyson trải qua một thời kỳ thống khổ và rất khó thoát ra được cái đau đớn của sự mất mát này, Tennyson đã viết trong *In Memoriam* cho Hallam một khúc bi ai (an elegy) thật xúc động. Đọc khúc bi ai dưới đây để hiểu rằng tình yêu nào cũng giống nhau, dù đồng tính hay khác tính. Tennyson đã đứng nguyên ngày trong mưa trước cửa nhà Hallam sau khi Hallam qua đời.

Căn nhà tối thêm một lần tôi đứng
Con đường dài không một chút đáng yêu
Những cánh cửa, đã bao lần tim đập
Đập vội vàng, chỉ đợi một bàn tay

Bàn tay đó giờ không còn siết chặt
Hãy ngắm tôi, tôi không thể ngủ yên
Có điều gì giống như là phạm tội
Tôi trườn ra khung cửa trước bình minh

Chàng không còn ở đây chàng đã quá xa
Đời sống lại bắt đầu bằng tiếng động
Ngày vỡ ra vô cùng tẻ nhạt
Tái mét con đường trần trụi trong mưa
(tmt lược dịch)

Tối nay, khi ngồi nghe Ca Đoàn của 200 người Đồng Tính trình diễn, tôi biết họ muốn phô trương những tài năng Thượng Đế cho họ và họ cũng muốn nói với mọi người, họ được Thượng Đế chọn họ là những người Đồng Tính.

Cộng đồng riêng tư khác biệt của họ nhỏ bé, họ vẫn chưa được xã hội của những người bình thường chấp nhận một cách rộng rãi đã làm họ đứng vào nhau thân thiện, chặt chẽ hơn và họ khẳng định: *Ái Nam, Ái Nữ, Cả Hai Phái, Thay Phái Tính, Người Bình Thường — Tất cả đều có quyền sống đời của họ đầy đủ mọi mặt.* (Một quảng cáo trong tập chương trình).

Thánh đường Seattle First Baptist cũng đã đóng một khung trong tờ Chương Trình của Seattle Men's Chorus để kêu gọi những người Đồng Phái đến nhà thờ với ba hàng chữ:

Liberating The Heart/ Engaging The Mind/ Embracing The World.

Tan hát, hai trăm người Đồng Tính và bốn ngàn khán giả cùng ra về. Nối đuôi nhau cùng ra một cánh cửa, nhưng mỗi người đi về mỗi ngả khác nhau. Trong một khoảnh khắc nào đó những nụ cười cùng nở tung, những lời chào hỏi thân thiện. Ai cũng muốn tặng nhau niềm hạnh phúc thật sự, đơn sơ không phái tính.

Mùa Giáng Sinh/ 2006

* **Thơ Alfred, Lord Tennyson:** *(1809-1892)*

Dark house, by which once more I stand
Here in the long, unlovely street,
Doors, where my heart was used to beat
So quickly, waiting for a hand,

A hand that can be clasped no more-
Behold me, for I cannot sleep,
And like a guilty thing I creep
At earliest morning to the door.

He is not here; but far away
The noise of life begins again,
And ghastly through the drizzling rain
On the bald street breaks the blank day."

Gặp lại Paris

hay TẠP GHI VỀ MỘT CHUYẾN ĐI

SƠN DIỆM VŨ NGỌC ÁNH

Lần đầu tiên tôi tới Paris là một buổi sáng mùa thu cách đây chừng 40 năm, vào cái thời ông già gân gàn bướng De Gaule còn làm tông tông, và cậu cả Chirac đương tập tễnh điếu đóm các đàn anh vai vế trong đảng ta để bắt đầu ra múa may trên sân khấu chính trị với chức dân biểu vùng Corrèze và sau đó được bầu làm đô-trưởng Paris.

Người thời đó mỗi khi nói nói tới ông già gân Tây này, ai nấy đều biết cái tật phát ngôn rất hách xì-xằng của ông. Riêng đối với dân A-na-mít chúng ta, chắc quý vị chưa quên câu hỏi có tính cách chơi chữ rất kỳ-thị và trịch thượng của ông trong một cuộc họp báo khi ông được hỏi về tướng Kỳ: "*Qui? Ky? Qui est-ce Ky?*" Nếu dịch sang tiếng Việt thì câu hỏi ngược lại đó rườm rà hơn một chút:"*Hỏi ai? Ông Kỳ hả? Ông Kỳ là ai zậy?*"

Như chúng ta đều đã biết, vì không đọc được dấu huyền của tiếng An-na-mít, nên bố già De Gaule nhà ta phát-âm chữ Kỳ giống y như chữ *qui* của Tây thành ra câu hỏi của bố tôi chỉ có sáu chữ mà đã có tới bốn chữ đồng âm *ky, qui, qui, ky* nghe rất kỳ cục, lạ tai và buồn cười.

Vào lúc đó, hòa đàm Ba-lê "bốn bên, hai phía" mới bắt đầu nhóm họp, việc phó tổng thống Kỳ được cử đi Paris làm cố-vấn cho phái-đoàn dường như không cần và cũng không thuận tiện cho lắm, nên đã gây nhiều xôn xao bất lợi trong dư luận, trong cũng như ngoài nước, thế mà ông De Gaule giả vờ như không biết đến ông Kỳ là ai, kể ra thì cũng láo thiệt.

Thực tế mà nói thì hồi đó, trong khi Miền Nam còn đương ở trong tình trạng đoạn giao với Pháp, sự kiện ông Kỳ tới Paris chẳng những là không cần mà còn là một vấn đề bất tiện về phương diện chính trị và ngoại giao nữa.

Nghe đâu lúc đó ông Kỳ chán cảnh ngồi chơi xơi nước nên đã đưa ra cái ý-kiến tuyệt cú mèo này, để có dịp đi Tây xả hơi, khỏi phải cái nạn ngày ngày đụng độ với cái bản mặt kên kên của ông Tổng thống.

Ông Thiệu lúc đó có lẽ cũng muốn được độc diễn một cách thảnh thơi và thoải mái hơn nên đã đồng ý "tút sụyt," thành ra Thượng-Nghị-viện nước Việt Nam Cộng hòa chúng ta bị đặt trước một sự đã rồi, đành nhắm mắt, buông tay*.

Chuyện nước non đại-sự mà quý ông quyết định một cách nhẹ nhàng và ngon lành như vậy, thiệt đáng sợ! Thảo nào mà...

Từ Sài Gòn quanh năm có đủ bốn mùa nóng nực nay được thưởng thức cái không khí mát lạnh và lâng lâng của mùa thu Paris, cái cảm giác đầu tiên của tôi đối với Kinh đô Ánh sáng thiệt sảng khoái, dễ chịu và dường như rất quen thuộc.

Đúng vậy, rất là quen thuộc, kể cả phong cảnh

hai bên đường phố.

Rời phi-trường Orly, tôi vào thành-phố bằng xe tắc-xi. Vì là mới sáng sớm, đường ra vào thành phố bị kẹt cứng, xe phải theo đường vòng đai Périphérique chạy sang phía Tây, vào thành phố qua ngả Porte de Versailles rồi theo con đường hữu ngạn sông Seine.

Nhìn những dãy nhà với kiến trúc cầu kỳ thuộc nghệ thuật tân cổ điển, Empire, hoặc Déco rất đặc biệt và cổ kính của Paris, không hiểu tại sao tôi tưởng như gặp lại cảnh xưa, đất cũ hoặc một người bạn chí thân cách biệt đã lâu ngày .

Tôi bỗng buột miệng hỏi anh tài-xế taxi: "Phải chăng chúng ta đương chạy qua khu Seizième? Và đây là đại lộ Marceau đưa chúng ta tới Arc de triomphe và rồi sau đó là tới Hotel của tôi ở quận 17?"

Anh lái taxi trả lời bằng cách hỏi lại tôi: "Trước đây ông cũng đã ở hoặc qua lại Paris nhiều lần?" Tôi hơi ngượng, không biết phải trả lời ra sao. Vả lại cũng không muốn cho anh biết mình là dân Mít mới lớ ngớ tới Paris lần đầu tiên nên đành ậm ừ cho qua chuyện.

Nói cho đúng, vốn chịu ảnh hưởng văn hóa Pháp do nền giáo dục thuộc địa mang tới từ khi mới bắt đầu cắp sách tới học tại một trường tiểu-học Pháp-Việt, tôi hiểu biết khá nhiều về Paris phần nào cũng là nhờ những bản đồ, hình ảnh, sách vở nói về Paris mà ngay từ hồi đó tôi rất thích đọc và nghiền ngẫm tới độ tôi thuộc nằm lòng bản đồ cũng như các di tích và danh lam thắng cảnh của Pháp và Paris. Và cũng từ đó tôi đã rất thích môn địa lý và thèm được đi du lịch đó đây.

Qua câu hỏi mò vô tình nhưng không ngờ lại rất đúng của tôi, chắc anh lái taxi nghĩ rằng tôi trước đây đã là một dân Parisien thứ thiệt hoặt ít nhất cũng đã qua lại Paris nhiều lần nên anh ta thao thao bất tuyệt nói đủ thứ chuyện của Paris cho tôi nghe, nào là chuyện thuế TVA, chuyện thời buổi làm ăn khó khăn, chuyện đồng quan mất giá, chuyện ở tù của ông tướng Salan nổi loạn ở Algérie trước đó mười năm, chuyện ngoại tình của mấy cô đào xi-nê xí xọn, chuyện sinh viên Sorbonne biểu tình phá phách trong tháng Mai vừa qua v.v. và dĩ nhiên không thể không có vài ba câu chuyện châm biếm khôi hài mới nhất về "tông tông" De Gaule và mấy nhân vật lớn khác như Pompidou, Giscard d'Estaing v.v.

Anh cười nói thao thao bất tuyệt chẳng khác gì một tờ *Canard enchainé* sống biết "quạc quạc" đủ mọi thứ chuyện tếu về xã hội và chính giới Pháp.

Biết tôi từ Việt Nam qua, anh không quên hỏi thăm Hà Nội, Sài Gòn, Cape St. Jacque v.v. Hồi 1952 - 53 anh đăng lính sang Đông Dương đánh nhau với Việt Minh, mấy lần tưởng chết mất xác ở Chi Nê, đê Hưng Yên và núi Non Nước, Ninh Bình. Anh vẫn còn nhớ uống "bia" Larue, đọc báo *L'entente*, nghe radio đài *L'hirondelle*, uống rượu và ăn cơm Tây ở *Coq d'or* trên đường Paul Bert (Hà Nội), ăn cơm Tàu ở *Palais de Jade* trong Chợ Lớn, ngồi xích-lô máy ở Sài Gòn, tắm biển ở bãi sau Cape St. Jacques v.v. Anh rất nhớ và thương một cô bạn gái anh quen biết tại một quán rượu nhỏ trên đường Duvillier (Hà Nội). Kể ra anh cựu chiến binh Tây này cũng có tình, còn nhớ khá nhiều và có những kỷ niệm đẹp về Việt Nam.

Khi xe chạy trên con đường dọc sông Seine được một quãng, tôi bỗng giật mình khi nhìn thấy xa xa tháp Eiffel, sừng sững cao ngất trời, như ẩn như hiện trong lớp sương mờ buổi sáng.

Tôi bỗng cảm thấy tê tái vì xúc động và thầm nhủ: "Quả thực ta đương ở giữa lòng Paris!"

Hai năm trước, tôi đã về thăm Hà Nội, từ phi trường về thành phố lúc sáng sớm, khi đi ngang qua phố Hàng Trống, qua lớp mưa bụi mùa xuân miền Bắc, thấy Tháp Rùa mờ mờ sương khói giữa mặt hồ, tôi cũng đã từng bị xúc động như vậy.

Tôi chưa hết tê tái vì xúc động, tê tái tới độ nổi da gà, lạnh sống lưng thì đã thấy Arc de Triomphe hiện ra trước mắt, đồ sộ và huy hoàng. Trên một bảng tên đường màu lam tôi thấy ghi "Place de l'Étoile," rồi trên một tấm bảng khác"Avenue des Champs Elysées"... Tôi bâng khuâng và bàng hoàng như sống ở trong một giấc mơ khi tất cả những gì từ hồi còn nhỏ tôi vẫn chiêm ngưỡng qua hình ảnh và sách vở lần lượt hiện trước mắt tôi.

Sau những giây phút nôn nao xúc động trong lúc xe vòng qua Place de l'Étoile náo nhiệt, tôi cảm tấy hơi thất vọng khi thấy con đường Wagram, tiếp đến là Avenue des Ternes (!) với những dãy nhà xám ngắt, lạnh lẽo và trơ trụi, không có nhiều cây cối sầm uất như mấy đại lộ bên khu Seizième, và hôtel của tôi thì lại ở trên một con đường nhỏ cũng không có trồng cây nhưng lại có cái tên một loại cây thiệt là thơ mộng. Ngoài ra, tên khách-sạn không phải là Côte d'Azur, Nice hay Provence, hoặc Champagne hay một tên Tây nào khác mà là Miami. Vâng, đúng vậy, Hotel Miami.

Chắc mấy anh Tây định dùng một địa danh Mỹ để dụ khị mấy ông bà già Mỹ nhà quê vốn keo kiệt nhưng hình như khi đi sang Tây chơi giới già thì lại giống như con bò sữa để cho mấy nhà hàng, quán rượu, hộp đêm tha hồ vắt sữa.

Tại một tiệm nhảy có trình diễn vũ "sexy" (Striptease) gần Place de l'Étoile và đường Champs Élysées, tôi thấy một ông già gốc cao-bồi Texas luôn luôn có mấy cô entraineuses cập kè bao quanh.

Trong khi ông Mỹ già luôn cười tít mắt và nhả nhớt không ngừng mấy em ngồi bàn thi nhau gọi mở sâm-banh uống như hũ chìm và nhanh như gió nên sau chừng một tiếng đồng, trên bàn đã thấy xếp hàng bốn, năm vỏ chai Cordon Vert và ly uống rượu đủ loại. Nên nhớ là tại các hộp đêm hồi đó mỗi chai sâm bánh giá trung bình là 200 quan, tức vào khoảng 40 US dollars (trong khi một chai Cordon Vert hoặc Cordon Rouge mua bên ngoài giá chỉ có năm, sáu đô-la mà thôi).

*

Sau gần 40 năm, lần này tôi tới Pháp và Âu châu bằng Passport do nước Cờ Hoa cấp vì tôi bây giờ không còn là một công dân Việt Nam mà là một công dân Hoa Kỳ thứ thiệt một "chăm phần chăm," hay nói cho đúng hơn, một "ông già Mỹ vàng" chính cống.

Không biết đó có phải là một điều đáng hãnh diện hay không nhưng có một điều chắc chắn là thằng cha "Mỹ vàng" này không có nhiều đô-la, vả lại cũng đã hết xíu quách rồi, đâu có còn vi vu bay bướm hoặc ham la cà tới các nhà hàng, hộp đêm và quán rượu như mấy ông bà già Mỹ khác, cho nên mấy anh Tây gốc Ả-rập ngày nay dễ gì mà bóc lột nổi.

Có một điều đặc biệt là về vấn đề ăn nhậu, khi về già kẻ viết bài này dường như có khuynh hướng trở về nguồn, không còn ham *bít-tết au poivre noir, châteaubriand, foie gras, jambon fumé de Paris, côtelettes bordelaises, canard à l'orange, coquilles St Jacques* v.v. như hồi còn trẻ mà lại chỉ thích ăn cá kho tộ, canh chua, bún riêu, đậu rán, rau muống xào mắm tôm, thịt lợn ba chỉ luộc, lòng heo v.v.

Nên chi hồi về Hà Nội, tuy không có những tiệm ăn ngon, nhất là cơm Tây, như ngày xưa, nhưng tôi cũng không vì thế mà bất mãn, bởi vì ngày nay cũng như ngày xưa, sau khi đã có dịp đi khắp năm châu bốn bể, được nếm đủ mùi vị của thiên hạ, tôi vẫn rất khoái mấy món mẹ tôi thường cho ăn ngày xưa như cá rô kho như ăn cả đầu lẫn xương, tôm rảo hoặc cua rạm ram muối, canh rau đay nấu với cua rốc (tức cua đồng), rau lang luộc chấm mắm cáy v.v. nhất là món canh cá khoai nấu với rau mồng tơi độc nhất vô nhị của vùng bể chúng tôi. Nhiều nơi cũng có loại cá này, nhưng kém ngon.

Ngoài ra tôi cũng đã có đôi lần cùng với bà con kéo nhau lên Quảng Bá nhậu đế gạo nếp Phát Diệm với các món "gâu gâu" một cách thiệt là tưng bừng và sảng khoái.

Lần này tới kinh đô Ánh sáng, cũng như khi về Hà Nội, tôi đã không tìm tới mấy tiệm cơm Tây nổi tiếng là ngon như ngày xưa, mà thường chỉ hay lui tới các quán ăn ta hoặc "Chinois" ở khu Treizième. Thành ra rốt cuộc tôi cũng vẫn bị Tây nó bóc lột, nhưng Tây ở đây lại là loại Tây bà con với họ nhà Mít chúng ta ở khu Bolsa bên Mỹ quốc.

Cũng như Mỹ vàng chúng tôi bên nước Cờ Hoa, các ông Tây bà Đầm này không giống Tây thuộc địa, chỉ quen ăn nước tương, mắm tôm, rau muống v.v. nên người ta thường gọi là Tây xì dầu, Tây mắm tôm hoặc Tây rau muống.

Rút cuộc, đâu cũng vào đó, nhưng mấy ông Tây xì dầu, nước mắm này bóc lột cũng nhẹ nhàng, văn nghệ thôi, không có gì đáng phải phàn nàn cả, chẳng qua cũng chỉ là chuyện làm ăn buôn bán bình thường trong một thời buổi khó khăn, vật giá leo thang, đồng tiền tuy rẻ như bùn, nhưng lại khó kiếm, khác hẳn với bên Hoa Kỳ, quần áo và đồ ăn thức uống cái gì cũng ê-chề, thừa mứa và rẻ mạt.

Tuy nhiên, mặc dầu yếu hơn đồng Euro, nhưng ở Hoa Kỳ bệnh lạm phát hầu như không có, nên trên phương diện mua bán tờ "xanh" ở xứ Cờ Hoa tương đối có giá trị hơn, đồng thời cũng dễ kiếm hơn, kể cả đối với dân Mỹ vàng gốc bốt-pí-pôn (boat people) tức dân Mít tha hương chúng ta. Riêng bà con mình ở Bolsa, từ ngày giá nhà tăng vọt như "ngựa phi đường xa," ai nấy đều có cái át-xét sơ sơ ba, bốn trăm ngàn, nửa triệu trở lên hoặc một hai triệu là thường.

Ở Pháp các ông Tây xì dầu hoặc rau muống có nhà cao cửa rộng từ nhiều năm trước nay cũng thường chỉ thấy nói đến chuyện hàng chục triệu quan này tới chục triệu quan khác một cách thiệt là ngon lành. Tôi có một ông bạn khá thân sang Pháp lập nghiệp từ hồi đất nước chia đôi (1954). Gần đây, thấy nhà có giá ông bạn bán hết mấy căn nhà ở banlieue ông mua cách đây mấy chục năm, kiếm được gần hai triệu Euros, thế nhưng

ông vẫn giữ nếp tằn tiện một cách quá đáng. Tuy nay đã trở hành triệu phú nhưng ông nhất định không dám xài một đồng xu teng, ông chỉ có ba, bốn cái sơ mi cáu ghét và sờn rách mà ông con cả dược-sĩ đã thải rồi biếu bố từ mười mấy năm trước. Vì sợ giặt nhiều áo sẽ mau rách nát, lại tốn nước và xà-bông, nên cả tháng ông mới thay sơ-mi và quần áo lót một lần.

Xe hơi của ông là một chiếc Citroen cũ ông mua lạc son vào đúng cái năm bác Hồ quy tiên để về thiên đường đỏ với ông Mác, ông Lê. Chiếc xe quá cũ nên bất đắc dĩ lắm ông mới dám liều mạng đem cái thân già hom hem ra vật lộn với cái ma-ni-ven, ít nhất cũng phải mươi phút xe mới bắt đầu gầm gầm, gừ gừ, lạch bạch nổ máy. Vào mùa lạnh thì ôi thôi khỏi nói, có thể nói là phải quay tới 20 phút hay nửa giờ xe mới chịu nhúc nhích.

Mỗi chuyến ra đi như vậy là cả một cuộc phiêu lưu mạo hiểm đầy sóng gió.

Tôi còn nhớ năm 1970 ông đã có lần hãnh diện dùng chiếc xe này đón tôi ở phi trường Orly, nửa đường xe bỗng nằm ỳ ăn vạ. May là chiếc xe nhỏ, nên sau khi chủ khách đẩy lên dốc một hồi bở hơi tai xe mới chịu lạch bạch nổ máy khi xuống dốc.

Lần này tôi sang, ông bà bạn đương "đi tua" giới già Việt Nam. Khi được hỏi thăm, cậu con thứ hai cho biết nếu như được tân trang chiếc xe sẽ vẫn chạy được, nhưng vì ông bạn tôi đã gần 90, nên thôi lái xe từ mấy năm nay, do đó chiếc citroen khả kính kia đã được về hưu, hiện vẫn nằm trong garage, chẳng một ai dám mua lại hoặc đụng tới.

Tôi không thể tưởng tượng nổi là trong mấy chục năm qua, vật đổi sao rời, chiếc xe citroen ba ngựa thuộc loại đồ tối cổ màu thời-gian xam xám kia vẫn còn nằm đó, trơ trơ cổ độ, như thi gan cùng tuế nguyệt, để rồi thỉnh thoảng xuân thu nhị kỳ, sau khi khục khặc ho một hồi, ầm ầm nổ máy và phun khói đen sì, ông bạn tôi có thể lọc cọc mạo hiểm lái chiếc xe đi đây đi đó một cách thiệt là hiên ngang. Với cái tuổi của nó hiện nay, chiếc xe ít nhất cũng đã chạy được trên dưới triệu cây số, thiệt là một kỷ lục hiếm có. Tôi đề nghị với hãng Citroen là nên mua chiếc xe này về để bày trong bảo tàng viện xe hơi.

Nói như vậy chẳng qua là cho vui đấy thôi, chứ thực ra hồi đó, lúc cái xe còn cố chạy được, tình cảnh tội nghiệp lắm, quý vị ơi! Tội nghiệp cho ông bạn mà cũng tội-nghiệp cho chiếc xe nữa!

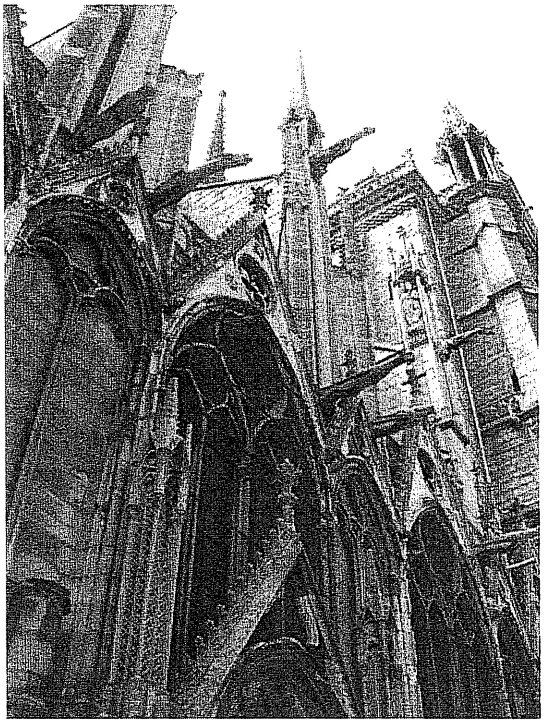

Chuyện ông bạn tôi kể ra thì rất dài. Có lần thấy chiếc ghế salông trong nhà quá cũ rách lại gẫy què, ông cụ lúc sáng sớm còn mờ sương đã gọi bà cụ theo mình ra đường tìm và lục lọi cả tiếng đồng hồ mới ì ạch, thở không ra hơi, kéo về nhà được một chiếc ghế sofa Tây nó phế thải nhưng còn nằm đợi bên lề đường chờ xe rác đặc biệt thị xã Charenton sẽ tới lượm vào lúc tám giờ sáng ngày hôm đó. Theo sự nhận xét của riêng tôi, hình như hầu hết các đồ đạc, vật dụng trong nhà ông bạn già của tôi đều cùng một xuất xứ đó mà ra, kể cả chiếc Tivi nhỏ xíu.

Từ ngày sang Tây, không kể những năm đầu ông mở tiệm ăn Việt có cái tên là *Le bambou*, và ngoài việc bỏ tiền ra mua mấy căn nhà cũ kỹ ọp ẹp ở vùng banlieue Choisy-le-Roi và Charenton (nhờ món tiền ông bà dành dụm được hồi làm ăn ở Hà Nội trước 1954) và mỗi năm đi nhà tắm công cộng chừng hai, ba lần, ông chưa từng đi nhà hàng, chưa từng vào La Fayette hoặc Au Printemps, và cũng chưa mua một thứ gì quá 1000 quan cũ. Ngay cả tới công việc cắt tóc cũng đã có cô con gái lo nên đồng tiền không thể còn chỗ nào đi đâu mà mất được.

Hồi mới tới Pháp (1954), ông mới ngoài ba mươi, và ngoài vợ ra, hình như ông bạn tôi chưa có dịp được "biết" thêm người đàn bà nào khác. Bởi thế cho nên, thỉnh thoảng cũng có lúc buồn tình. Có một lần vào buổi tối ông gồng mình trốn *madame* lên khu Pigalle trên đường Clichy xem

thiên hạ ăn chơi. Vâng, đúng vậy, chỉ xem chơi cho biết thôi.

Vào thời đó, xem thoát y vũ (kiểu Paris chỉ cởi tới mức nửa chừng xuân, nghệ-thuật mà, chứ không toặc móng heo như ở Mỹ hay Soho bên Luân-đôn) gồm cả ly nước hoặc rượu bậy bạ chỉ tốn kém khoảng chục quan (quan cũ, chừng hai, ba đồng bạc tiền mình thời đó). Thực tình mà nói, ông bạn tôi đã lên tới đây nên cũng muốn ngó thử một tí cho biết bà "đầm" Tây nó ra làm sao, nhưng lại quá kẹo và nhát thành ra cứ ngần ngừ, ngấp ngó mãi không dám nhào tới, nên khi bị chèo kéo, bố tôi sợ quá, rầm bỏ chạy làm cho lũ ma cô Tây tụ tập gần đó được một mẻ cười hô hố thiệt là đã.

Có một năm, trong một chuyến đi Âu châu, khi ghé Paris, con gái út tôi tới thăm ông bạn của bố vào một buổi chiều tại căn nhà cổ trên 100 năm khá lớn của ông tại Choisy.

Tuy mới là buổi chiều nhưng vì không bật đèn, nên căn phòng khách tối thui, trông cũ kỹ, lạnh lẽo, đầy mùi ẩm mốc và âm u như một căn nhà ma, nên lúc mới vào, con gái tôi cũng hơi chột dạ. Trong khi hai bác cháu đương vui vẻ nói chuyện thì bỗng nhiên có tiếng chuột kêu chút chít, tiếng bước chân trên các bậc cầu thang ọp ẹp, tiếp đến là một chút ánh sáng mờ mờ ở đầu cầu thang, và một bà già gầy gò trùm khăn đen, tay phải run run cầm chiếc đĩa nhỏ có cắm một cây đèn cầy cháy leo lét, tay trái lần tay vịn cầu thang lẩy bẩy dò từng bước đi xuống.

Bóng người đàn bà chạy dài và chập chờn trên bức tường vàng vọt, nứt nẻ và loang lở... Con gái tôi hơi hoảng...

Ông bạn tôi bỗng lớn tiếng hỏi vọng lên làm cho con bé giật mình: "Bà sao không chịu nằm nghỉ ở trên đó? Bà không biết là nhà có khách sao? Xuống đây làm gì cho mệt? Hãy cẩn thận, nếu không bà sẽ té bây giờ!"

Thì ra là bà chủ nhà, con gái tôi trước đó chưa từng được gặp bà lần nào. Khi bà tới gần, ngửi thấy mùi dầu cù-là "Con Hổ" thoang thoảng quen thuộc con gái tôi mới thực sự hoàn hồn.

Bà càu nhàu với ông là nhà có khách quý đến chơi, tại sao không chịu bật đèn. Trước khi tuân lệnh thái hậu, ông bạn tôi cố cãi: "Mới sáu giờ, còn sớm chán, đâu cần phải bật đèn vội, hơn nữa cháu nó cũng kể như là người nhà, đâu cần phải khách xáo."

Thì ra vì tiết kiệm, ông bạn tôi bất đắc dĩ lắm mới dám xài điện. Trong nhà dù có tối mấy đi nữa, nếu cần hai ông bà thắp nến để tạm thay đèn điện.

Lúc này đã phần nào yên dạ, con gái tôi thầm nhủ: "Dân Paris giầu có mà sao khổ đến như thế!" và bật cười khi nghĩ lại chuyện bé cái lầm gặp ma vừa qua. Ông bạn tôi ngạc nhiên hỏi: "Cháu cười gì vậy?" Con gái tôi xuê xoa nói lảng bằng cách tán láo: "Cháu thấy người Paris như hai bác mà vẫn còn lãng mạn quá trời, chẳng khác gì bọn trẻ chúng cháu bên Mỹ, trong nhà lúc nào cũng thắp đèn cầy, thiệt là thơ mộng, thiệt là tình tứ quá, thưa bác!"

Cả tháng ông bạn tôi không đi chợ mua sắm. Thịt kho, cá kho, tầu hũ kho, dưa chua, mắm, muối v.v. cô con gái tiếp tế mỗi tuần được chứa trong tủ lạnh, ông bà ngày ngày tới bữa chỉ cần nấu cơm rồi lấy đồ ra hâm lại ăn dần. Tuyệt đối là hai ông bà không bao giờ bước chân tới tiệm ăn nên ngay cả mùi vị hamburger, một món ăn rất thịnh hành tại Paris từ hai chục năm nay mà hai cụ ông cụ bà cũng chưa nếm thử bao giờ, huống chi là những tiệm ăn khu 13. Ông thường nói với con cái và bạn bè rằng: "Tội gì mà phải đi ăn nhà hàng để làm giầu cho bọn chinois."

Chắc quý bạn sẽ hỏi không biết ông bạn tôi giữ mấy triệu Euro kia để làm gì? Về chuyện này đã có lần ông tiết lộ với tôi: Hiện ông có hai đứa cháu nội con của anh con cả dược-sĩ có vợ đầm. Chúng nay đều đã trên dưới 30, rất to con, mắt xanh mũi lõ, tây hơn cả Tây, nhưng không nói được câu tiếng Việt nào kể cả hai tiếng "bà... bà" rất giản dị con nít Việt Nam biết nói sõi ngay từ khi mới 12, 13 tháng, cho nên thỉnh thoảng mỗi khi gặp ông bà nội chúng chỉ biết trợn mắt nhìn lơ láo hoặc vơ vẩn cười cầu tài, ngoài ra chẳng biết chào hỏi hoặc nói năng gì khác.

Mặc dầu là như vậy, ông bạn tôi đã quyết để lại tất cả tài sản và tiền của mà ông bà đã vất vả lăn lưng ra góp nhặt và tằn tiện suốt cuộc đời cho hai thằng cháu nội lai giống kia.

Mới nghe thì tưởng là chuyện lạ bốn phương, nhưng xét cho cùng, mặc dầu sống tha hương, một con người có tinh thần gia-đình, trọng dòng giống và thương con thương cháu như ông bà bạn tôi nói riêng, người Á-đông mình nói chung, thực ra thì ngay ở bên Tây này cũng không phải là hiếm lắm đâu.

Ở lâu năm tại một cái xứ nặng về cá-nhân chủ-nghĩa như Pháp mà vẫn giữ được cái nền nếp gia-đình tự ngàn xưa của ông bà để lại quả là một điều hết sức quý báu vậy.

Trong hơn 30 năm sống nơi xứ người, ngoài chuyến về Bắc năm ngày để thăm lại mộ ông

bà (2003), tôi chưa bao giờ rời khỏi Hoa Kỳ, thành ra việc đi Âu châu của tôi kỳ này có một ý nghĩa đặc biệt, chẳng khác gì cuộc đi thăm một người bạn thiết ở xa đã lâu ngày không gặp.

Tôi luôn đinh ninh là chuyến đi này chắc chắn sẽ đem lại cho tôi rất nhiều cảm xúc sâu đậm.

Mặc dầu tôi đã chuẩn bị tâm lý rất kỹ, và biết chắc chắn là Paris ngày nay sẽ không còn là Paris của gần 40 năm về trước, nhưng sự thực còn đi xa hơn nữa, hoàn toàn khác hẳn sự mong đợi và trí tưởng tượng của tôi.

Trước khi qua Pháp, vợ chồng chúng tôi ghé qua Bỉ để thăm bà con ở Bruxelles và Anvers mấy ngày, sau đó mới đáp xe lửa TGV đi Paris.

Cũng như Đức, Thụy Sĩ, Hòa Lan và Luxembourg, Bỉ ngày xưa vốn là một quốc gia có một đời sống cao vào bực nhất Âu châu, vì đại đa số dân chúng ở mấy xứ này thuộc giai cấp trung lưu, làm ăn khá giả, nhà cửa khang trang, hơn Pháp rất nhiều.

Sau khi máy bay đáp xuống phi-trường Bruxelles, chúng tôi được bà con đón đi Anvers cách thủ đô Bỉ chừng 40 cây số.

Theo sự đề nghị của chúng tôi, người bà con đã dành phòng cho chúng tôi tại một khách sạn ba sao đối diện với nhà Ga Trung ương (Central station) xây theo kiểu Phục Hưng rất cổ kính của Anvers (người Hòa Lan gọi là Antwerpen) để tiện đi đây đi đó, vì nơi đây được coi như trung tâm của thành phố, các đường xe bus và con đường lớn dẫn vào khu phố mua sắm dành cho khách bộ hành và quảng trường Chợ cổ Groote Market (với những dãy nhà thời Phục-hưng, khung cửa và mái nhà mạ vàng trông rất huy hoàng mỹ-lệ, và nhà thờ Notre Dame với cây tháp cao trên trăm mét, được xây cất cuối thời Trung cổ , hiện còn tàng trữ một số họa phẩm nổi tiếng của Rubens).

Ngoài ra, Sở Thú (một trong những Zoo cổ nhất trên thế giới, có tới trên 4000 thú vật), khu mua bán kim cương của người Do thái nổi tiếng trên thế giới, khu các tiệm ăn đêm và phố Tàu đều ở kế cận khu nhà ga Trung-ương này.

So sánh với Anvers của gần 40 năm trước, Anvers ngày nay dường như đông đảo và nhộn nhịp hơn, nhưng nhà cửa, phố xá xem chừng bê bối, cũ kỹ, luộm thuộm và bụi bặm, không còn giữ được cái sắc thái tuy tỉnh nhỏ nhưng nền nếp, lịch sự và dễ thương của các thành phố Bỉ vốn có cái phong cách trưởng giả ngày xưa.

Với sự gia tăng nhanh chóng của các di dân gốc thiểu số, dường như các khu trung tâm các thành phố lớn bên Âu châu càng ngày càng sa sút tương tự như các khu downtowns tại các thành phố lớn Hoa Kỳ ngày nay. Anvers, một trong mấy hải-cảng lớn nhất Âu châu cũng ở trong hoàn cảnh này.

Thực vậy, trên các đường phố trong khu vực này chúng tôi chỉ thấy phần lớn là những cư dân gốc Trung đông và Phi Châu như Congo, Nigeria, Mozambique, Angola, Rwanda, Éthiopie, Trung Phi v.v.

Tại phi trường Bruxelles tôi thấy có những chuyến bay chỉ gồm toàn người da đen y-phục sặc sỡ thuần túy sắc-tộc Phi-châu.

Quanh ga Central Station, ngoài Sở Thú, khu bán Kim Cương và phố Tàu, là khu người Ả-rập cư ngụ, khá rộng lớn. Trên các đường phố trong khu vực, những nhà hàng, tiệm bán quần áo, tiệm boutiques lịch sự và xinh xắn ngày xưa đều đã biến mất nhường chỗ cho một loại cửa tiệm mới của thời-đại: đó là những quầy đổi tiền, tiệm bán đồ điện-tử và cell phone, tiệm cho thuê computer, internet, fax và gọi điện thoại viễn liên với những khách hàng thuộc thành phần lao động. Ngoài một ít gốc Á-châu như Phi-luật-tân, Trung Hoa, Thái Lan, Ấn Độ v.v đa-số là gốc Phi châu và Trung Đông.

Đêm đêm trai gái kéo nhau tụ họp ở các tiệm này hút thuốc lá, uống la-de, uống càfé, tán gẫu và gọi điện thoại về gia đình của họ ở cách xa đó một phần tư hoặc trên dưới nửa vòng địa-cầu. Tuy đông, vui, nhộn nhịp nhưng rất luộm thuộm và bình dân.

Tôi nghĩ rằng, chỉ trong vòng vài ba chục năm nữa, các cư dân thuộc các sắc tộc thiểu số, nhất là các người gốc Trung đông và Phi Châu sẽ chiếm ít nhất là một phần tư dân số (hoặc hơn nữa) tại một số các nước Tây-Âu khác như Pháp, Anh, Bỉ, Hòa Lan, Đức, Thụy Sĩ v.v.

Có lẽ một phần cũng chính vì áp lực của các khối dân thiểu số này mà phần lớn các chính phủ Tây Âu đã không dám cùng đi một đường lối với ông Bush Con trong vấn đề chống khủng bố, đặc biệt là trong vụ Iraq hiện nay. Đường lối hòa hoãn này phải chăng sẽ giúp khối Âu châu tránh được bàn tay đẫm máu của những nhóm khủng bố cuồng tín kia chăng? Chúng ta hãy chờ coi.

(Còn tiếp)

** Trong khi Thượng Viện đương họp phiên bất thường để thảo luận có nên chấp thuận việc Ông Kỳ đi Tây hay không, người của phủ Tổng thống bất thần tới gặp Ông Huyền, yêu cầu Thượng — viện thông qua ngay vì Phó Tổng thống hiện đã ra Phi-trường đi Paris. Nếu không, Phó Tổng thống và chính phủ mình sẽ mất mặt lắm.*

CHÂN DUNG CỦA THẰNG BẠN HỌC

ĐẠM THẠCH

Những ngày nghỉ học, Kha và bạn bè thường rủ nhau lên nhà thằng Chơn ở An Phú Đông bằng xe đạp. Lần đầu, thằng Chơn ra tận cầu sắt Hạnh Thông Tây đón. Nhà nó lọt thỏm giữa khoảnh vườn cây ăn trái. Nhà lợp lá, vách ván bổ kho xẻ từ thân cây dừa lão. Nền đất đi mát rượi bàn chân.

Không đợi tụi Kha nói giềm, khách sáo, thằng Chơn đã trèo bẻ quày dừa xiêm vừa gắn cháo với con dao mác để nằm sẵn bên cạnh. Đạp xe từ Phú Nhuận lên tới đây đã đổ mồ hôi hột, khát nước cháy họng mà thằng nào cũng chịu nhịn thèm để tới nhà thằng Chơn uống nước dừa cho đã.

Cho nên khi nghe có tiếng phụ nữ đon đả mời chào, họ đứng chận giữa đường ăn mặc hở hang, mặt mày diêm dúa:

- Vào đây nghỉ uống nước đi các anh! Thì tụi Kha càng chạy thục

mạng, cố đạp riết qua các cửa ải ngả ba Chuồng chó, xưởng nhuộm Hạnh Thông Tây Gò Vấp. Đó là những xóm yên hoa khiến tụi Kha sợ điếng hồn, chạy như ma đuổi, không dám ngoái đầu lại.

Kha thắc mắc :

- Sao mầy gan vậy Chơn? Mỗi ngày mầy đạp xe đi học tuốt xuống

Phú Nhuận hai bận đi về qua mấy xóm chơi bời mầy không sợ sao?

Thằng Chơn trề môi:

- Sợ gì? Mình đi cứ đi. Họ làm gì mặc họ. Mắc mớ gì đến mình?

Thằng Thanh có vẻ không tin:

- Rủi ma cô chận đường bắt mầy vô làm bậy thì sao?

Thằng Hạ xì nẹt:

- Ở đó mà bắt! Nó biết học trò một cắc dính túi không có, ngu sao cho mầy "ấy" không!

Thằng Chơn đồng ý:

- Thằng Hạ nói đúng. Vả lại, ai dám làm chuyện động trời đó. Dơ bỏ mẹ. Mình còn học sinh mà đụng vào mắc bệnh tiêm la chắc có nước độn thổ, mang tiếng con nít quỷ.

Riêng Kha tự nói thầm. Ai nói con trai mới lớn nghe đề cập đến chuyện đó đã đỏ mặt tía tai tò mò muốn hỏi tới, còn mình thì sợ muốn teo đi!

Kha nghe thằng Chơn kể cha nó mất tích hồi nào không biết. Nó sống với mẹ và thằng em trai đang học tiểu học. Thấy trên bàn thờ còn hương khói có tấm hình chụp bán thân Kha tưởng là hình ba nó hồi còn trẻ. Thằng Chơn đính chánh nói không phải ba nó mà là anh nó. Anh nó đi công an thỉnh thoảng về thăm nhà, không dè phía bên kia họ theo dõi đập đầu, ghim tờ giấy cảnh cáo.Vậy là tụi Kha vững bụng lui tới chơi với thằng Chơn khi biết chắc nó rặt quốc gia. Hồi nào tới giờ cứ sợ phập phồng nghĩ bụng nhà nó ở An Phú Đông chắc thế nào cũng ảnh hưởng phía bên kia. Nhớ có bản nhạc"Đây An Phú Đông" hồi phong trào Việt Minh chống Tây thanh niên tập tầm vông hát đi hát lại xen lẫn tiếng đàn măng-đô-lin khảy theo điệu múa "Đây Liên Xô vui hát trên đồng xanh."

Nói vững bụng nhưng tụi Kha cũng ớn chè đậu. Rủi lui tới nhà họ cảnh cáo biết đâu chừng họ ghét lây bắt vô trỏng có nước bỏ học. Thôi thì, lấy cớ, sợ qua xóm đĩ tụi Kha không còn bén mảng lên nhà thằng Chơn chơi. Nhìn bộ dạng nó, cũng dễ có ý nghĩ gán ghép nó là Việt cộng. Nó đi học đầu trần, chân không mang giày dép, chạy xe đạp cùi

không vè, cạt te, dây sên tuột lên tuột xuống, hàm răng vẩu đóng bợn vàng khè, mặc cái quần tây xanh không biết đời vương nào, áo sơ mi trắng mỏng như lá lúa dính mủ chuối mủ dừa dơ cảy. Vào lớp chỉ có giáo sư mới cạy miệng, nó ngồi một mình bàn chót xóm nhà lá. Nhưng được nước nó hiền, học đều các môn, đặc biệt xuất sắc môn toán. Với Kha thì không biết sao các thầy có cảm tình đánh giá học trò giỏi siêng gạo bài; trừ môn toán, Kha tự biết mình giỏi mô phỏng

hơn sáng tạo nên thường không chắc khi đề toán hóc búa không giống như bài mẫu. Nhà trường khuyến khích Kha nhảy lớp, bỏ đệ ngũ lên thẳng đệ tứ và được miễn học phí. Chỉ có thằng Chơn, thằng Thanh, thằng Tâm là tự nguyện nhảy theo Kha, còn thằng Hạ sợ đốt giai đoạn mà thi không đậu trung học đệ nhứt cấp thiếu căn bản, sau này thi khó hơn. Tháng nào thằng Chơn cũng bị thơ ký điểm danh nhắc đóng học phí. Lúc đó, mặt nó buồn xo. Nó cho biết, mẹ nó làm rẫy mấy mùa thất bại vì không đủ tiền mua phân bón và thuốc sát trùng.

Một hôm, đi học về, ngang qua ngã tư Phú Nhuận ngang bịnh viện Cơ Đốc, Kha chựng lại khi có một người đàn ông chừng như đợi sẵn với ý định chờ gặp Kha để hỏi thăm việc gì đó. Người đàn ông, gương mặt mét chằng, tóc điểm bạc, áo quần bèo nhèo, tay ôm một xấp nhựt trình. Như không ngại ngùng, người ấy vừa nói vừa nhìn Kha quan sát:

- Qua mới ở tù ra. Em có thể giúp qua chút ít để đón xe về Mỹ Tho? Lâu quá rồi qua nhớ vợ, nhớ con quá! Em coi, tụi nó đánh đập qua nên nông nỗi này chỉ vì tình nghi qua hoạt động cách mạng.

Không biết sao, Kha thấy xúc động trước hoàn cảnh của người đàn ông xa lạ này và tự nhiên Kha tự động tháo chiếc đồng hồ đeo tay của mình trao cho ông ta rồi vội bước đi với câu nói để lại: Xin bác nhận làm lộ phí, đừng ngại.

Câu chuyện tình cờ đó rồi Kha cũng chóng quên vì phải chú tâm vào việc học hành cho kỳ thi cuối năm.

Hồi học lớp đệ lục, thầy Xuất dạy việt văn. Thầy người Bắc, đi dạy

ăn mặc giản dị, gương mặt nghiêm và buồn như ẩn chứa một niềm tâm sự gì. Chỉ những chiều mưa, trước giờ tan học, thầy bước ra cửa lớp, nhìn trước nhìn sau rồi trở vào. Lúc đó, đôi mắt của thầy như toát lên vẻ vui tươi, phấn khởi. Thầy hắng giọng và bắt đầu ngâm cho chúng tôi những bài thơ như "Trường giang" của Huy Cận hay "Từ ấy" của Tố Hữu.

Năm học đệ tứ, nhà trường có mở lớp ngũ-tứ ban đêm, và thầy Xuất vẫn dạy môn văn. Chỉ có Kha ghi tên theo học thêm, còn ba người bạn vì phải đóng học phí lớp buổi sáng nên gia đình không đủ sức cho học thêm. Khi khóa luyện thi ngũ tứ đêm mãn khóa còn mấy tháng chót Kha ráo riết gạo bài cho kỳ thi trung học. Thời gian này vào một đêm Kha, Tâm và Thanh được thầy Xuất gọi lại nhà thầy ở miệt chợ Vườn Chuối.

Vừa bước vào nhà, thầy giới thiệu qua loa với tụi Kha ba thầy, một cụ già đạo mạo, tóc râu bạc và vợ, con thầy. Cô người mảnh dẻ, đôi mắt buồn buồn, còn hai đứa con độ dưới năm sáu tuổi. Xong, thầy đưa học trò lên gác và tất cả ngồi bẹp xuống sàn ván. Không đợi tụi Kha hết ngạc nhiên, thầy vào đề ngay:

- Có lẽ đêm nay là đêm chót thầy tâm sự với mấy em, rồi thầy đi...

Tụi Kha buộc miệng :

- Thầy đi đâu?

-Rồi thầy sẽ cho biết. Bây giờ thầy hỏi thiệt mấy em. Mấy em có biết tình hình bên ngoài lúc này ra sao?

- Xin thầy nhắc lại, ý thầy nói tình hình gì?

-Thôi được. Nếu các em có để ý thì thấy bây giờ người dân họ đang bất mãn với chế độ gia đình trị của Ngô Đình Diệm. Như hồi nãy, các em nhìn thấy đó, ba thầy đã già, con thầy còn nhỏ, khó khăn lắm thầy mới chọn lựa con đường để nói lên lý tưởng của mình. Thầy nói ít mong các em hiểu nhiều. Con đường thầy đi không biết có đúng hay không. Nếu thấy đúng thầy sẽ tìm cách liên lạc với mấy em. Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, kỷ sư Huỳnh Tấn Phát họ đã ra đi, chắc thầy cũng sẽ theo bước chân của họ.

Trong không khí cảm động của đêm chia tay, thầy trò cầm tay nhau với lời chúc may mắn.

Ra về, Kha tự thắc mắc với lòng. Tại sao thầy lại chọn mình? Không lẽ vì cái bề ngoài nhà quê của cậu học trò miệt tỉnh lên Sài Gòn học mới vài năm, ăn mặc không giống ai với chiếc áo bà ba cùng với cái quần tây dài, đi đôi guốc vông lộc cộc.Còn thằng Tâm, nó ít khi gần gũi với thầy lại theo đạo Thiên Chúa. Nó nói trên đời chỉ có mẹ nó và chúa là trên hết. Ngay cả con Ánh thật đẹp gần như nó chiếm được cảm tình vì nó học giỏi nó cũng cho pha luôn nếu như ý mẹ và ý chúa không bằng lòng. Riêng về thằng Thanh, ba mất sớm, mẹ người Bắc di cư, bán đậu hũ ở chợ Phú Nhuận vất vả nuôi anh em nó. Tánh tình nó hời hợt.

Rồi không biết sao, chính sau cái đêm đó ra về, cả ba thằng bạn tự nhiên gắn bó, như có cùng chung lý tưởng, thường tỏ bày quan điểm giống nhau với những bài báo đả kích chế độ. Hình ảnh thầy Xuất đẹp như Dũng trong Đoạn Tuyệt. Họ yêu mến thầy như yêu bóng chim tăm cá.

Rồi sau đó, Kha và hai người bạn được rủ đi tham dự những buổi dã trại ngoài trời vào những ngày nghỉ học. Khi thì ở suối Lồ Ô, khi thì ở những công viên quanh quẩn Sài Gòn, Gia Định.

Nhưng, có một bận, địa điểm tổ chức ở tận An Phú Đông. Điều này khiến Kha và bạn mình dè dặt tự bảo nhau phải cố tránh chạm mặt thằng Chơn nếu phải đi ngang qua nhà nó.

Ấn tượng đầu tiên là có rất nhiều người trong lứa tuổi học sinh tham dự. Bề ngoài, gương mặt người nào cũng có vẻ thong dong, nhàn nhã, nhưng bên trong, không khỏi chất chứa mối lo những điều bất trắc có thể xảy ra. Vài người nào đó vẻ chững chạc, có lẽ trong ban tổ chức, sắp xếp từng nhóm, lớp ngồi dọc bờ sông, lớp trèo ngồi trên nhánh cây de ra bờ sông. Họ thảo luận chung quanh nội dung truyền đơn in bột chữ nhòe nhoẹt, kêu gọi thành lập phong trào học sinh, sinh viên yêu nước. Để bảo tồn lực lượng khi trở về thành hoạt động, họ căn dặn người tham dự cách nhận diện kẻ theo dõi . Đó là những công an chìm gọi là cớm thường ăn mặc giản dị, áo sơ mi bỏ ngoài quần để giấu khẩu súng ngắn, đi giày ba ta màu vàng không mang vớ, đặc biệt, đeo kính đen gọng bự. Từ đây Kha tự cảm thấy mình đã đi vào quỹ đạo đầy nguy hiểm, có muốn rút chân ra không phải dễ dàng. Thôi thì, cố học để thi đậu như cái cớ chánh chỉ tham gia lấy lệ trong khi chờ tin thầy Xuất liên lạc về.

Để chuẩn bị cho kỳ thi trung học đệ nhứt cấp trong ba tháng còn lại, Kha đã tự ép xác mình trong cách học khổ hạnh bằng cách tránh ngủ gục những đêm thức học khuya, Kha cột tóc mình bằng sợi dây nhợ treo thẳng trên trần nhà, và uống cà phê thật đậm. Kết quả, Chơn và Tâm đậu ngay kỳ thi đầu, còn Kha và Thanh thi lại kỳ hai. Và may mắn đã đến với Kha, trong khi Thanh thì tự an ủi mình thi lại năm tới coi như mình đã có kinh nghiệm thay vì học đệ ngũ.

Trong lúc lòng buồn vì thi rớt, Thanh được biết có một chuyến đi chơi xa nó rủ Kha va Tâm. Vừa được gia đình cho phép như một phần thưởng thi đậu, vừa để an ủi bạn mình, ba người bạn lên đường theo ngày hẹn. Họ chưa biết sẽ đi đâu nên đồng lòng báo gia đình đi Vũng Tàu tắm biển vài ngày.

Chỗ hẹn là bến xe đò Chợ Lớn - Hậu Nghĩa. Như được dặn trước, Thanh khều hai bạn và đến gần người đàn ông có vẻ nông dân, mặc áo bà ba trắng, quần dài đen, chân mang dép nhựa màu nâu. Ông ta nhìn Thanh quan sát rồi cất tiếng hỏi:

- Cháu đây có phải là cháu Năm không?

Thanh trả lời gọn bâng:

- Dạ, cháu thứ tư.

Ông ta như xác định đúng đối tượng:

- Như vậy cháu con anh Chín.

Thanh đáp một cách máy móc:

- Thưa phải.

Thấy người đàn ông không thắc mắc cách trả lời như vậy mà còn chìa ba tấm vé xe và ông quày quả bước lên ngồi ghế trước và chỉ băng ghế sau cho ba người.

Xe chạy chừng hai tiếng đồng hồ thì ngưng lại dọc đường. Người đàn ông ra dấu cho ba người cùng xuống. Ông xắn quần lội xuống ruộng đi xăm xăm về phía trước. Thỉnh thoảng ông mới quay đầu lại dòm chừng rồi tiếp tục đi mút qua cánh đồng và đi xuyên qua cánh rừng rải rác mấy căn chòi lá bỏ trống trơn. Họ đi thêm một đỗi đường nữa đến một ngôi nhà cất giữa mấy bờ mía xác xơ xen lẫn mấy bờ chuối um tùm. Ông giới thiệu một người đàn bà ở nhà một mình, bảo tụi họ tạm nghỉ ngơi, cơm đã có người nấu sẵn, chờ chập tối thay quần áo rồi sẽ có người đến hướng dẫn đi tiếp. Ông ta nói, đây là địa phận ấp Bàu Trai. Nhiệm vụ ông tới dây là hết. Chúc lên đường may mắn. Rồi ông trở lại đón đoàn người kế tiếp.

Trên chiếc chõng tre, một nồi cơm nguội đựng trong nồi đất đã ăn dở dang, một tô bầu luộc, một dĩa dưa mắm với ba cái chén đá cùng đũa muỗng.

Bà chủ nhà dọn xong đã bỏ ra ngoài như tránh mặt. Họ đứng lớ ngớ một hồi rồi cùng xúm lại lua đại lúc đói bụng trong tình cảnh lỡ làng này.

Trời vừa sụp tối, một người con gái còn trẻ, tuổi không quá hai lăm, quấn chiếc khăn rằn quanh cổ , trao cho họ ba bộ bà ba đen bảo thay và dặn họ vài điều cần thiết như tuyệt đối không nói chuyện , hút thuốc, hoặc cố ý nhìn những người lạ mặt cùng đoàn , đồ đạc nào kình càng thì gởi lại có người giữ. Cô gái cũng phát cho mỗi người khăn và chỉ cách trùm đầu, chỉ chừa đôi mắt nhìn đường đi. Họ được chỉ định vào cùng một tổ. Cô gái ra lịnh lên đường và gia nhập vào đoàn người không biết từ đâu túa ra rồi theo hàng một, ăn mặc giống như nhau, như con trăn khổng lồ lầm lũi bước đi theo lối mòn giữa rừng lát mênh mông cao ngập đầu. Đoàn người đi trong ánh trăng non mập mờ. Thỉnh thoảng, thình lình có lịnh ngồi sụp xuống khi nghe có tiếng động cơ từ xa bay lượn trên nền trời. Và cứ như vậy, đoàn người rồng rắn lê lếch đi ròng rã suốt đêm.

Đoàn người đến nơi trời còn mờ mờ chưa sáng hẳn. Ngay lập tức, họ được phân tán vào các dãy nhà chòi thấp lè tè cất bằng cây tràm mái và vách lợp bằng lát và đưng bện. Mỗi chòi cách

nhau chừng mười thước, theo từng dãy một, dãy này cách dãy kia bằng một con mương lạn để lấy đất làm nền.

Đây là khu Đồng Tháp Mười mênh mông với rừng lát và đưng lẫn cỏ mọc hoang vu.

Ngoài những giờ ăn điểm tâm, cơm trưa, và cơm chiều, thời giờ còn lại học tập và nghỉ ngơi. Ròng rã ba ngày trời như vậy. Thức ăn thường là mắm kho, khô và hột vịt chiên hoặc luộc giầm nước mắm. Nước ở lung, đìa chỉ dành nấu ăn và rửa mặt. Nội qui trại cấm hút thuốc và phơi vật chiếu sáng ngoài trời. Những bài học phần lớn nội dung chỉ trích chánh quyền Ngô Đình Diệm và lên án đế quốc Mỹ xâm lược. Mọi người chuyền nhau đọc và thảo luận trong tổ ở mỗi chòi. Bao giờ kết thúc giờ học cũng là động viên lòng yêu nước của sinh viên, học sinh thành thị với tấm gương của trò Trần Văn Ơn.

Những lúc vắng vẻ, ba người bạn thường tâm sự. Kha nói :

- Không hiểu sao tụi mình đi đến nơi nguy hiểm này!

Thanh nói như an ủi:

- Lỡ rồi. Thôi đành chấp nhận một trò chơi may rủi.

Tâm làm dấu thánh giá, nói trong buồn bã:

- Lạy chúa. Xin cho chúng con trở về bình yên.

Và họ đã trở về trong an toàn nhưng không theo lối cũ của chuyến đi.

Lần này giao liên lạ mặt chỉ đưa họ từ Bàu Trai đến con lộ tỉnh. Rồi từ đây họ đón xe đò Hậu Nghĩa về lại bến xe Chợ Lớn với tiền túi của mình. Họ mừng thầm mình vừa thoát nạn mặc dù trở lại chốn ồn ào, cuộc sống vội vã của đô thị, nhưng tâm hồn họ cảm thấy yên tĩnh. Tuy vậy, họ cũng chuẩn bị câu hỏi của gia đình rằng họ đi đâu, nói đi Vũng Tàu sao không thấy nắng ăn, xin phép đi vài ngày mà hôm nay đã lố hai ngày! Chuyện gì xảy ra mà không cho gia đình biết? Họ có biết đâu gia đình không thấy họ trở về đúng ngày đã hứa nên chạy tở mở hỏi thăm nhau trong lòng hết sức lo lắng không hiểu có chuyện gì bất trắc xảy ra cho con em mình. Trong hai ngày họ biệt dạng, gia đình họ như ngồi trên đống lửa không biết tìm ai để hỏi đích xác chỉ còn biết an ủi lẫn nhau.

Và khi thấy họ trở về với bộ mặt bơ phờ, bí xị nên vừa giận lại vừa mừng.

Riêng với Kha, một biến cố đã xảy ra trong gia đình chỉ vì chuyến đi bạt mạng của Kha mà sau này khi nghĩ đến Kha vô cùng ân hận. Đó là, người anh kế của Kha mượn chiếc xe gắn máy Sach của anh mình để đi tìm em. Trong lúc lo lắng cho số mạng của em, không còn nhớ khóa xe bị kẻ gian trộm mất. Anh Kha buồn và quẫn trí nên có ý định tự vận may mà có người phát hiện kịp cứu sống.

Rồi những ngày học của niên khóa mới cũng đã tới. Thanh ngồi lại lớp đệ tứ, còn Kha, Chơn và Tâm đã sốt sắng ghi tên vào lớp đệ nhị bắt buộc phải sang học ở một ngôi trường khác. May mà thằng Chơn không hay biết gì về chuyến đi của Kha và hai người bạn.

Cuối năm đó, Chơn và Tâm đều thi đậu tú tài phần một một cách dễ dàng và họ thẳng tiến lên lớp đệ nhất. Kha thi rớt đành chuyển trường nhồi lại lớp đệ nhị. Kha mặc cảm nên từ đó họ ít có dịp gặp nhau.

Vào một đêm Kha đến lớp học luyện thi toán lý hóa thì bắt gặp trong hộc tủ chỗ ngồi của mình có một xấp truyền đơn hô hào chống chế độ

Ngô Đình Diệm. Kha lặng lẽ bỏ buổi học về sớm. Kha biết có ai đó đang theo dõi nên cẩn thận thu xếp thủ tiêu mớ truyền đơn. Bỏ lại là chỉ điểm cho mọi sự rắc rối. Kha bất dĩ phải tìm một khu vực vắng vẻ nào để liệng. Liệng chứ không phải rải như người nào đó mong muốn. Kha linh cảm có con mắt đang theo dõi, quan sát mọi hành động của Kha. Và như cái máy, Kha ném đại bó truyền đơn trong con hẻm và cố đạp xe chạy trối chết như đang có người vừa phát hiện. Cũng từ đó, Kha bỏ lớp học luyện thi. Kha cảm thấy sợ nên cắt đứt mọi liên hệ những tổ chức mà trước đây Kha đã lỡ dây dưa. Tuy nhiên, cái máu nóng của Kha cũng đã nhiều lần khiến Kha tham gia một cách độc lập, tự nguyện vào ngày tướng Nguyễn Chánh Thi tấn công vào dinh Tổng thống. Hoặc Kha tham gia xuống đường ngày đông đảo đồng bào Phật tử dự định an táng hòa thượng Thích Quảng Đức. Những hoạt động có tính cách cá nhân và vô tổ chức của Kha chỉ thật sự chấm dứt khi chàng bắt đầu cuộc đời của một công chức ngành khuyến nông. Đó là năm 1964. Trước khi nhận sự vụ lịnh về tỉnh chàng còn tham gia biểu tình cùng với đồng bào thủ đô đòi xé bỏ hiến chương Vũng Tàu. Nhiều khi Kha nằm đêm suy nghĩ Kha không tự trách mình nhẹ dạ, nông nổi mà còn tự hào về cái tuổi trẻ bồng bột theo tiếng gọi của con tim. Và điều may mắn cho Kha là qua những thử thách và nguy hiểm Kha không bị bắt bớ, tù đày về những hoạt động có tính cách chống đối đó đối với chánh quyền mà sau này Kha dù muốn dù không cũng phải đi

vào quỹ đạo. Quỹ đạo của cuộc chiến tranh khốc liệt. Khốc liệt về tư tưởng và thân xác.

Năm 1967 Kha tới tuổi động viên vào trường sĩ quan Thủ Đức. Kha cũng như hầu hết những người cùng lứa tuổi, chắc cùng tâm trạng là mong thi hành nhiệm vụ chờ hết hạn định trở về đời sống dân sự. Nhưng, chiến tranh thì kéo dài, kéo dài... Kha như bị cuốn hút trong con trốt xoáy ác liệt. Kha thả mình trong dòng sinh mệnh. Cho đến một ngày...

Cuối năm 1974, thằng Chơn đến tìm Kha nơi đơn vị Kha làm việc. Nó đứng nghiêm chào Kha theo quân cách. Nó mang lon trung sĩ. Nó cười vui vẻ nói ngay:

- Chào trung úy Kha. Lâu quá tụi mình mới gặp lại. Trông bồ vẫn vậy. Gian nan lắm tao mới tìm ra địa chỉ bồ.

Kha bắt tay bạn thật chặt vồn vã hỏi:

- Mầy đi đâu biệt dạng? Khi tao bị động viên vào Thủ Đức, bạn bè lên thăm nói mầy tốt nghiệp đại học canh nông. Rồi từ đó, không ai được biết về mầy?

Rồi họ kéo nhau ra quán để nói chuyện cho tiện.

Thằng Chơn vào đề ngay :

- Bồ còn nhớ, hồi tao đậu xong Tú tài phần một, tao nằm trong danh sách tài nguyên sĩ quan. Sợ động viên nửa chừng nên tao học riết để kịp lên đại học. Cũng may, số tao hên, nên mọi việc đều suông sẻ. Vừa tốt nghiệp ban canh nông xong, chưa được bổ nhiệm đi làm thì có phong trào sinh viên, học sinh xuống đường, tao gia nhập theo phong trào đấu tranh của bà Ngô Bá Thành. Thế là bị bắt. Nha động viên truy hồ sơ sao đó, thay vì đẩy lên Thủ Đức họ lại tống tao lên trại huấn luyện Đồng Đế Nha Trang. Ra trường, nhờ cô bạn gái hiện du học tại Pháp, vận động với ông anh họ là Trưởng ty anh ninh quân đội tỉnh này, kéo về đây. Ảnh gởi gấm nên tao được phân phối giữ an ninh cho nhà máy điện tại thị xã. Bây giờ để tao nói tiếp một chút về cô bạn gái. Cô ta tốt nghiệp đại học canh nông một lượt với tao. Chính vì cô mà tao hăng hái gia nhập phong trào của bà Ngô Bá Thành. Chẳng may tao bị bắt. Cô ta ra Nha Trang thăm tao lần chót. Cô ta cho biết, gia đình vận động cho cô sang du học bên Pháp. Cô bảo tao yên chí chờ đợi. Mấy năm quen nhau, cô nói cô hiểu rõ hoàn cảnh và ý chí của tao. Cô chỉ sợ tao mặc cảm, chứ cô thì không. Mầy biết, nhà cô ở đường Gia Long Sài Gòn, hẳn là giàu. Chuyện đi du học với cô là dễ dàng. Nếu như cô có mộng học tiến sĩ, thì với tao tốt nghiệp đại học canh nông cũng là ý nguyện tha thiết của tao. Mầy nhớ, hồi má tao còn sống, bà cứ thất bại trong mùa màng đến đổi năm đệ tứ tao thật mắc cỡ khi thầy thơ ký trường cứ nhắc nhở tên tao về việc đóng học phí.

Kha nghe bạn nói, rồi tự nghĩ, có nên thố lộ với bạn những gì mà Kha cùng với Thanh và Tâm đã làm? Nhưng Kha chợt nhớ, tấm hình chưng trên bàn thờ với cái chết thảm thiết của anh nó, Kha đành chựng lại, bắt qua chuyện khác.

Mầy còn liên lạc với cô ta không? Nói mầy đừng buồn, sợ khi cô ta trở về thấy mầy như vầy đâm ra mặc cảm, cô ta biết đâu chừng sẽ nghĩ lại?!

Bồ nói cũng phải. Tuy nhiên, tao làm gì bên nhà cô ta đều biết. Hai đứa tao thường xuyên liên lạc. Cô còn nói, cô theo dõi báo chí ở nước ngoài, cô nhận thấy cuộc chiến Việt Nam đến hồi kết thúc. Hiệp định ngừng chiến đã ký giữa các bên. Tao cũng hy vọng vậy, đối với tao, tình yêu đất nước là chuyện lớn, chuyện tình yêu trai gái là chuyện nhỏ. Giả dụ cô ta mặc cảm về tao, thì cũng là chuyện đương nhiên, có buồn chỉ buồn một thời gian rồi cũng nguôi ngoai. Khi đó, đất nước thay đổi, nỗi mừng lớn sẽ lấn át nỗi buồn thân phận cá nhân. Thôi cám ơn bồ đã quan tâm. Bây giờ tao muốn nhờ bồ giúp một chuyện. Nếu được thì tốt, còn bằng không cũng không sao.

Đó là bồ có thể kéo tao về đơn vị bồ có được không?

Kha suy nghĩ rồi trả lời không dứt khoát:

- Để mình coi, chớ bồ cũng biết, với cấp bực trung úy, mình chẳng là cái thớ gì. Khi đơn vị có nhu cầu , đơn vị trưởng làm tờ trình với bộ tư lịnh quân đoàn, ở đây chỉ thị phòng một ban quân số cứu xét. Mình chỉ có thể chờ cơ hội thuận tiện nhờ ông sếp mình chấp thuận giúp đỡ.

Thằng Chơn lộ vẻ vui mà không thất vọng.

- Bồ an tâm. Được thì quí. Không được cũng không sao. Hiện đơn vị mình cũng nhàn nhã tuy trách nhiệm nặng nề. Bồ biết, giữ an ninh cho hệ thống điện hoạt động đâu phải chuyện chơi. Chỉ cần một tên nội tuyến gài vào phá hoại là mình bị kẹt ngay. Tao muốn được về làm với bồ, công việc

hành chánh nhưng có tầm quan trọng của kế hoạch quốc gia.

Kha tự hỏi sao thằng Chơn nó rành khi biết đơn vị an ninh phát triển của Kha là kế hoạch quốc gia?! Để trấn an cho bạn và cả cho mình, Kha bảo:

- Thôi mầy chịu khó chờ, tao sẽ cố nói giúp.

Sau ngày ba mươi tháng tư năm bảy lăm, trong khi Kha chờ ngày đi trình diện học tập cải tạo thì thình lình thằng Chơn tìm đến nhà trong y phục dân sự. Kha tiếp bạn như hai người bạn cùng chung số phận mất nước. Trong hoàn cảnh hiện tại, Kha cảm thấy bây giờ thằng Chơn mới là người may mắn, dầu sao nó cũng chỉ là anh trung sĩ quèn, cách mạng họ đâu bắt nó đi cải tạo, nó lại chưa vợ con, còn mình, Kha nhìn bạn thở ra :

- Không ngờ cuộc chiến lại kết thúc bi thảm như vậy! Mầy thì chắc không ai đá động tới, còn tao, không biết số phận rồi đây sẽ ra sao?!

Không ngờ thằng Chơn trả lời tỉnh queo:

- Nước nhà hòa bình rồi bồ không vui sao? Bây giờ tao hỏi thiệt, bồ đã giao nạp vũ khí chưa?

Kha trả lời xụi lơ rồi hỏi lại:

- Rồi. Còn mầy thì sao?

Thằng Chơn trả lời chắc nịch, con mắt toát vẻ phấn khởi là đàng khác:

- Tao vẫn giữ.

Kha ngạc nhiên nói bằng giọng nghiêm trọng:

- Đừng dại. Bộ mầy muốn giỡn với tử thần hay sao? Các vị tướng còn tự vận biết không thể xoay ngược thế cờ, mầy với tao chỉ là con chốt, nói cạn tàu ráo máng mình chỉ là cọng rác cọng rơm đừng có ý định dại dột.

Thằng Chơn vụt đứng dậy và bắt tay từ giã Kha, nó nói:

- Bồ đừng lo. Tao sẽ có câu trả lời.

Kha nhìn bạn ra về trong lòng hết sức lo lắng. Rồi âm thầm tự trách mình mang tiếng sĩ quan mà nhu nhược không đáng làm bạn với thằng bạn chỉ mang lo trung sĩ mà còn biết đớn đau, tức tối, còn muốn đứng lên chống lại mà vẫn biết mình vô vọng, sẽ dẫn đến cái chết. Rồi Kha tự an ủi mình. Có lẽ cơ hội cuối để nó trả thù cho cái chết của anh nó?

Sau gần bảy năm tù trở về, Kha được gia đình cho biết có người bạn tên Chơn đến thăm và còn động viên gia đình, căn dặn chừng nào Kha được về sum hợp nhớ nhắc Kha cứ vào khu đại học sẽ gặp nó.

Kha đi tìm bạn trong lòng vẫn không tin là thằng Chơn mang đầu óc chống cách mạng kịch liệt như vậy mà vẫn bình yên như không có việc gì xảy ra lại còn được làm việc ở trường đại học. Hay là trước đây nó đã nói láo với mình là nó còn giữ súng để thấu cáy mình chơi. Rồi biết đâu họ cứu xét lý lịch nó bất phục tùng quân dịch chế độ cũ mà nó lại có trình độ đại học nhất là kỹ sư canh nông nên họ lưu dụng? Lý luận này có vẻ hợp lý khiến Kha hăm hở tìm gặp bạn.

Nhưng Kha đã thất vọng. Không ai tên Chơn làm việc ở khu đại học này. Kha cố hình dung gương mặt, hình dáng bạn mình xa khuất gần hai mươi năm để diễn tả cầu may người nào có thể dựa theo đó giúp Kha gặp bạn. Trong lúc định quay về Kha bỗng nhớ ngày xưa thằng Chơn tốt nghiệp canh nông. Thế là Kha hỏi thăm phân khoa nông nghiệp với một hy vọng mỏng manh. Mọi người vẫn trả lời khẳng định không có đồng chí nào tên Chơn làm việc ở đây. Tuy nhiên, họ cũng chịu khó giới thiệu với Kha một ban mới thành lập thuộc phân khoa canh nông. Đó là ban côn trùng học do một cô tiến sĩ từ nước ngoài về phụ trách. Kha như lấy lại tự tin hơn khi gặp một người du học về chắc là chuyện hỏi thăm sẽ thoải mái hơn là phải đối diện với đồng chí này anh ba anh tư nọ. Người phụ nữ tiếp Kha ăn mặc giản dị, gương mặt không son phấn nhưng vẫn giữ được nét sang trọng, lịch sự dễ nhận thấy giữa đám đông mà phần lớn từ miền Bắc vào như còn lộ chút gì tự hào của kẻ đắc thắng.

Phản ứng đầu tiên của cô là khẽ lắc đầu khi Kha nói tên bạn. Rồi chừng như nhớ lại điều gì biểu lộ bằng cái nhíu mày, cô như chịu khó hỏi thăm thêm :

-Ông có thể cho biết người bạn ông muốn tìm quê quán ở đâu, chừng bao nhiêu tuổi?

Kha trả lời lấp lửng :

- Bạn tôi sanh năm 41. Còn cái địa danh xa lạ lắm chắc cô không bao giờ nghe nói tới.

- Ông đừng nói là bạn ông ở Paris nhé!

- Thôi để khỏi mất thời giờ của cô — Đó là An Phú Đông.

Bỗng người phụ nữ như bước tới gần nhìn sát mặt Kha nói trong mừng rỡ với giọng nói đầy xúc động:

- Trời ơi! Anh là anh Kha phải không? Tôi nghe chồng tôi nhắc đến tên anh hoài. Ảnh bảo với tôi là ảnh tiếc không thể giúp anh trong việc trình diện học tập. Bây giờ anh chờ tôi một chút, tôi thu xếp công việc xong sẽ đưa anh về nhà gặp, chắc là anh Thuận mừng lắm.

Kha tưởng mình nghe lầm nên hỏi lại:

- Chị mới nói anh Thuận mà anh Thuận nào?!

Người phụ nữ bỗng vịn vai Kha nói trong thân mật vừa như bí mật:

- Thì đồng chí bảy Thuận đó. Bộ anh không nghe nói bảy Thuận tiếp

thu toàn bộ khu đại học ngay sau ngày giải phóng năm 75 sao?

Kha há hốc nhìn người phụ nữ tưởng như mình từ hình tinh nào vừa mới rơi xuống.

Người phụ nữ đưa tay nhấn chuông trước cổng nhà vừa giới thiệu:

- Đây là ngôi biệt thự của Trung tá an ninh quân đội ngụy bỏ chạy ra nước ngoài để lại. Mời anh vào chơi. Để tôi kêu anh Thuận ra gặp anh.

Nghe tiếng chuông reo, một người đàn ông vừa bước ra thấy người khách đã chạy tới bắt tay vồn vã nói:

- Kha! Bồ đó hả? Vào đây. Vào đây.

Kha xấn rấn như không tin ở mắt mình. Kha bước theo hai người mà tâm trí dường như bỏ lạc ở đâu. Kha ngồi phịch xuống sô pha, trong khi người phụ nữ mau mắn đi rót nước, còn bạn mình nhìn Kha với nụ cười như để mặc cho một sự ngạc nhiên.

Chừng như không khí buổi gặp gỡ giây phút ngỡ ngàng đầu đã lắng xuống, thằng Chơn không còn giấu giếm:

- Bây giờ mọi việc đã qua. Bồ đã học tập trở về. Chúng mình vẫn là bạn với nhau. Thầy Xuất có hỏi thăm bồ với thằng Thanh, thằng Tâm.

Giờ thầy là bí thư quận nhứt thành phố. Thầy nói, bao nhiêu lần thầy nhờ người về liên lạc với bồ, có gặp bồ, bồ có giúp đỡ chi đó, nhưng, chừng như bồ không dám liên hệ. Sau đó, thầy được biết bồ cùng thằng Thanh, thằng Tâm cũng đã gia nhập phong trào sinh viên học sinh thầy mừng. Chính thầy chỉ thị mình theo dõi các bạn để hỗ trợ. Chuyện tương đối dài dòng. Thôi mình để dịp khác sẽ nói chi tiết hơn. Bây giờ, bồ nghĩ gì về mình?

Kha im lặng một hồi lâu rồi khẽ khàng nói

- Vậy là tao hiểu được một phần nào về mầy. Tuy nhiên , tao còn thắc mắc về tấm hình của anh mầy?

Thằng Chơn cười ngất:

- Tao ở trong vùng xôi đậu. Đó chỉ là thủ thuật nhằm đánh lạc hướng

lính quốc gia mà thôi. Trong số bạn bè tao nắm được chí hướng từng đứa. Bởi vậy, tao giới thiệu bồ, Thanh và Tâm đâu có sai. Còn thằng Hạ, nó khác tụi bồ cho nên sau này nó học quốc gia hành chánh, không biết nó có ra trình diện học tập hay đã đi ra được nước ngoài! Cách nay vài năm, tình cờ tao có tìm gặp thằng Thanh. Nó cho biết thằng Tâm tốt nghiệp khoa dược trên chuyến máy bay ra miền Trung nhận nhiệm sở thì bị trận bão. Máy bay rớt, nó tử nạn. Riêng thằng Thanh, nó chỉ có chứng chỉ lớp đệ nhị nên bị động viên ra trường cấp trung sĩ làm việc tài chánh bộ quốc phòng. Sau tiếp thu nó giúp vợ buôn bán và cuối cùng nó học thêm đậu bằng luật sư .Còn tao, như mầy thấy đó. Ừ. Tao quên giới thiệu với bồ, vợ tao, Cúc. Sau khi đậu bằng tiến sĩ côn trùng học bên Pháp , ngay sau ngày giải phóng Cúc trở về. Tụi tao kết hôn. Giờ Cúc là chủ nhiệm phụ trách nghiên cứu bảo vệ mùa màng ở miền Tây.

Câu chuyện giữa hai người bạn tưởng chừng không bao giờ kết thúc. Kha như người bỗng bị cơn sốt hoành hành đứng dậy kiếu từ. Hai vợ chồng bảy Thuận miễn cưỡng tiễn đưa Kha ra cổng, Kha muốn bắt tay bạn nhanh để thoát về ngay thì thằng Chơn của thuở nào giọng như buông chùng xuống nói nhỏ như chỉ để một mình Kha nghe mà thôi:

- Sao bồ không đi mà còn ở lại làm gì!

Trên đường về nhà, Kha cứ băn khoăn. Nếu như câu nói đó của thằng

Chơn - thằng bạn của năm xưa thì mình thông cảm và cảm ơn nó. Còn nếu

câu nói đó là của bảy Thuận chắc là mình cần phải dè dặt!

Kha không đủ tiền và gan dạ để có thể gồng gánh vợ con đi vượt biên.

Kha cũng như phần lớn anh em bị tù đày trở về làm bất cứ công việc nặng nhọc gì để có thể sinh tồn trong hoàn cảnh của cuộc đổi đời xem như số phận đã an bài. Nhưng, mười năm sau đó, một chuyển động không ngờ của lịch sử đã mở ra và cứu vớt hàng trăm ngàn gia đình cựu tù nhân cải tạo. Gia đình Kha được định cư tại đất Mỹ trong chương trình H.O. Từ đây có biết bao điều xảy ra trên cục diện thế giới và ảnh hưởng sâu xa đến đất nước Việt Nam. Giờ đây nhìn lại Kha tự nói thầm. Thầy Xuất chắc cũng đã nhận thấy con đường mà thầy theo đuổi đã có câu trả lời đúng hay sai. Kha chỉ tội nghiệp cho thằng Chơn nếu nó chân thành khuyến khích mình đi vượt biên thì trong thâm tâm nó hồi ấy nó có lóe lên một sự tuyệt vọng nào về cái chủ nghĩa mà nó đã theo đuổi và phục vụ? Khi nghe nó bị tử nạn không dính dáng gì nghề nghiệp của nó, Kha thật sự xúc động. Thằng Chơn phụ giúp một nhân viên trong khu đại học mắc lại đường dây điện, và chẳng may nó trượt chân ngã xuống lầu cao bị chấn thương sọ não. Nó chết trong khi vợ nó cô tiến sĩ Cúc đang vui vẻ hướng dẫn nông dân cách bảo vệ mùa màng trên hệ thống truyền hình miền Tây. Kha không phải là người thích nhìn thấy những người ngã ngựa nên âm thầm đốt cho nó nén hương với niềm an ủi rằng may mà nó chết đi trước khi thấy cái chủ nghĩa cộng sản đang trên đà suy sụp.

ĐÃ PHÁT HÀNH HAI TÁC PHẨM MỚI CỦA SONG THAO:

CHỐN CŨ

Tập Truyện - 228 trang
Tranh bìa: Đinh Cường

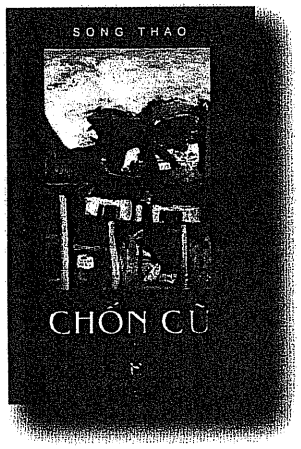

Canada: 18 Gia kim
Hoa Kỳ: 17 Mỹ kim
Các nước khác: 22 Mỹ kim

Một điều chắc chắn là tác giả sẽ không thể viết về chốn cũ nếu không có cơ hội về thăm chốn cũ. Chiến tranh kết thúc năm 1975 đối với miền Nam giống như một hòn đá lớn ném xuống một ao bèo, làm nước tung tóe, bao cánh bèo giạt ra tứ phía. Nhưng rồi sóng lặn dần, từng tí một các cánh bèo nhích về vị trí cũ. Song Thao là một trong những cánh bèo ấy, ông đã về thăm lại Việt Nam, không những chỉ miền Nam mà cả Hà Nội, cái nôi thời thơ ấu và niên thiếu của ông. Đó chính là "chốn cũ" quan trọng nhất của Song Thao, nơi tâm hồn và nhân cách của ông đã thành hình, nơi ông đã sống những ngày tháng huyền thoại mà sau khi rời bỏ năm 1954, và nhất là sau cơn biến động 1975 đã xô giạt ông ra nước ngoài, có lẽ ông không hề tưởng sẽ có ngày tái ngộ. Thế mà Song Thao đã về. Đã đi trên những con đường cũ. Đã tìm được và vào thăm ngôi nhà mình đã cùng gia đình cư ngụ thời xưa. Đã "nắm áo người xưa ngỡ trong giấc mơ." Đó là những thời khắc phải nói là lớn lao vào bậc nhất trong đời một người. Nhưng Song Thao không để xúc cảm tràn ngập, ông không khóc than trên giờ khắc tái ngộ, không triết lý về sự tàn phá của thời gian. Ông nói về chốn cũ vừa như một người con đầy xúc động tìm về ngôi nhà cũ của bố mẹ, nhưng cũng với sự tỉnh táo của một du khách của thời toàn cầu hóa. Ông đã tìm thấy Hà Nội huyền thoại của tuổi thơ với cơn dâng trào của biết bao đợt sóng kỷ niệm, nhưng ông cũng không quên Hà Nội hiện tại với bao phế hưng thay đổi không còn giống như ngày xưa.

PHẠM XUÂN ĐÀI

Phiếm 4

tranh bìa: **THÁI TUẤN**
40 chuyện phiếm, 402 trang
NHÂN ẢNH xuất bản

Canada: 25 Gia kim
Hoa Kỳ: 25 Mỹ kim

Sách có chữ ký của tác giả, xin liên lạc về:

7805 Claire Fauteux, #1
Montréal, P.Q., H1K 5B6
Điện thoại: **(514) 354-5338**
Email: **tatrungson@hotmail.com**

Ấn phí (bao gồm luôn cước phí bưu điện bằng máy bay):

Trọn bộ 4 cuốn, từ **PHIẾM1** đến **PHIẾM4**:
Canada: 90 Gia kim
Hoa Kỳ: 85 Mỹ kim
Chi phiếu và money order xin đề tên: TẠ TRUNG SƠN

Sách Mới Phát Hành

NGƯỜI VIỆT *xuất bản*

Sách dày 1,080 trang,
có chọn thêm những
bài mới gần đây nhất

- **Trình bày mỹ thuật**
- **Ấn loát công phu**
- **Bìa cứng, bọc plastic**

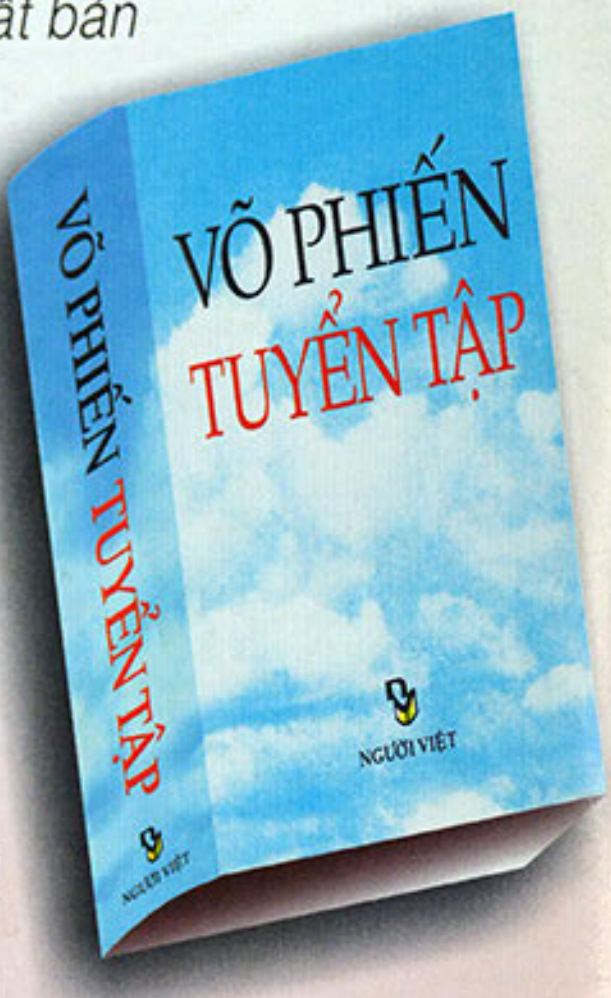

MÓN QUÀ VĂN HÓA
TRANG NHÃ NHẤT
TRONG MÙA LỄ LỚN
CUỐI NĂM

Võ Phiến là tác gia có tầm cỡ hàng đầu trong văn học Việt Nam
ĐẶNG TIẾN. Tạp chí *Diễn Đàn* (Pháp) số 73, tháng 4 - 1998

Nổi tiếng nhất là Võ Phiến một cây bút độc lập ai cũng nhận là có tài phân tích tâm lý, "chẻ sợi tóc làm tư", và tài tả cảnh vật. Nhưng tạp bút của ông được nhiều người thích hơn. Đông Hồ khen là nhất miền Nam. Về loại đó ông sâu sắc như Nguyễn Tuân mà tự nhiên hơn, dí dỏm hơn, đề tài phong phú hơn, đa dạng hơn...
NGUYỄN HIẾN LÊ. Hồi kí Nguyễn Hiến Lê, Nhà xuất bản *Văn Học* (Việt Nam), in năm 1993

Nếu cần phải tìm cho Võ Phiến một nhãn hiệu, chúng ta có thể gọi ông là nhà văn của thế kỷ, thế kỷ XX.
NGUYỄN HƯNG QUỐC. Võ Phiến, nhà xuất bản *Văn Nghệ* (California) 1996

Giá 30 MK ■ Có bán tại tòa soạn NGƯỜI VIỆT và tại các nhà sách